

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Phạm Thị Diệu Linh

**CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
TÀI LIỆU LƯU TRỮ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LƯU TRỮ HỌC

Hà Nội, 2019

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Phạm Thị Diệu Linh

**CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
TÀI LIỆU LƯU TRỮ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Lưu trữ học

Mã số: 62 32 03 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LƯU TRỮ HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. Dương Văn Khảm

XÁC NHẬN NCS ĐÃ CHỈNH SỬA THEO QUYẾT NGHỊ
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN

Người hướng dẫn khoa học

Chủ tịch hội đồng đánh giá

Luận án Tiến sĩ

PGS.TS. Dương Văn Khảm

PGS.TS. Vũ Thị Phụng

Hà Nội, 2019

LỜI CAM ĐOAN

Luận án “*Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam*” hoàn thành trên cơ sở tham khảo nhiều tài liệu và dữ liệu nghiên cứu, dữ liệu quản lý của các nhà nghiên cứu, cơ quan quản lý ngành lưu trữ và các cơ quan liên quan khác. Những thông tin được sử dụng trong luận án được trích dẫn và chú thích nguồn đầy đủ, không sử dụng thông tin khi tác giả hoặc người cung cấp tin chưa chấp thuận. Những thông tin có được do quá trình khảo sát, phát phiếu của chính nghiên cứu sinh đều được thu thập và xử lý nghiêm túc bằng phương pháp khoa học nhằm đảm bảo sự chính xác và khách quan của dữ liệu. Việc trình bày những dữ liệu nghiên cứu trong luận án đã xét tới yếu tố bảo mật thông tin của người cung cấp và uy tín của cơ quan, tổ chức liên quan. Tôi cam kết những vấn đề vừa nêu là đúng sự thật.

Nghiên cứu sinh

Phạm Thị Diệu Linh

LỜI CẢM ƠN

Những kết quả có được của luận án đều dựa vào sự định hướng, ủng hộ, chỉ dẫn tận tình không kể thời gian và công sức đồng hành cùng trần trở của PGS.TS. Dương Văn Khám, thầy hướng dẫn đáng kính của tôi. Những góp ý chân thành và liên tục động viên của các chuyên gia khác như PGS. Nguyễn Văn Hàm, GS.TSKH. Nguyễn Văn Thâm, TS. Nguyễn Liên Hương, PGS.TS. Vũ Thị Phụng, GS. Vũ Cao Đàm,... đã giúp tôi có thêm kiến thức và động lực để theo đuổi đến cùng đề tài học búa này. Tôi cũng vô cùng biết ơn sự hợp tác đáng tin cậy và chia sẻ của cán bộ tại Cục Văn thư - Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, các Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ Hà Giang đến Quảng Ngãi, Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam, một số bảo tàng chuyên ngành, Thư viện Quốc gia Việt Nam, một số gia đình cá nhân tiêu biểu như gia đình họa sĩ Bùi Xuân Phái, những nghệ sĩ, nhà khoa học mà luận án không tiện nêu tên. Tôi không bao giờ quên sự hỗ trợ không nhỏ của lãnh đạo và đồng nghiệp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội và Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng - nơi tôi công tác và học tập, tích lũy tri thức cho luận án. Đóng góp tích cực của sinh viên hai ngành Quản trị văn phòng và Lưu trữ học từ K55 đến K59 trong những năm tôi theo học nghiên cứu sinh không chỉ chia bớt sự vất vả của quá trình nghiên cứu mà còn truyền cho tôi cảm hứng để nỗ lực nhiều hơn. Hơn tất cả, tôi giành sự trân quý đặc biệt tới người thầy tư tưởng là PGS. Vương Đình Quyền, người không chỉ cùng tôi xây dựng ý tưởng cho chủ đề luận án mà còn là tấm gương mẫu mực về tinh thần làm việc khoa học và tấm lòng đóng góp thực tâm cho những điều lớn lao hơn. Với sự hạn chế của ngôn từ, tôi không thể diễn tả hết tình cảm, lòng biết ơn và tôn kính của tôi với Ba Mẹ, gia đình, người thân và bạn bè thân, những người đã giành cho tôi tình yêu và sự hi sinh to lớn để tôi được sống có mục đích và nỗ lực đóng góp vì mục đích đó. Sự giúp đỡ chân tình của rất nhiều người là tài sản quý giá nhất mà tôi trân trọng hơn chính sản phẩm nghiên cứu này.

Nghiên cứu sinh

Phạm Thị Diệu Linh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC BẢNG, HÌNH, BIỂU ĐỒ 3

MỞ ĐẦU 4

Chương 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU 9

1.1. Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân trong các nghiên cứu lưu trữ học Việt Nam và thế giới 9

1.1.1. Khái niệm tài liệu lưu trữ nhân dân trong các nghiên cứu lưu trữ học 9

1.1.2. Giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân trong các nghiên cứu lưu trữ học 14

1.1.3. Quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân trong các nghiên cứu lưu trữ học 21

1.2. Chính sách công trong các nghiên cứu về hành chính công, quản lý công, quản trị công và quản lý nhà nước 31

1.2.1. Sự thay đổi cách tiếp cận trong nghiên cứu xây dựng chính sách công 31

1.2.2. Chính sách công trong nghiên cứu về quản lý nhà nước xã hội chủ nghĩa 33

1.2.3. Khái niệm “chính sách công” 36

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI LIỆU

LƯU TRỮ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM 42

2.1. Khái niệm tài liệu lưu trữ nhân dân 42

2.1.1. Định nghĩa 42

2.1.2. Các thuộc tính của tài liệu lưu trữ nhân dân 50

2.1.3. Giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân 60

2.2. Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân 66

2.2.1. Chủ thể và đối tượng tác động của chính sách 66

2.2.2. Khái niệm và đặc điểm chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân 67

2.2.3. Sự cần thiết phải sử dụng chính sách công để quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân 68

2.2.4. Quy trình hoạch định chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân 69

Chương 3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN CỦA CHÍNH SÁCH

QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM 72

3.1. Chính sách và pháp luật hiện hành về tài liệu lưu trữ nhân dân 72

3.1.1. Quan điểm và biện pháp quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam 72

3.1.2. Pháp luật hiện hành về tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam 75

3.1.3. Luật pháp của một số quốc gia khác về quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân 97

3.2. Ý kiến của công dân và nhà quản lý về quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân.....	100
3.2.1. Ý kiến của nhà quản lý.....	100
3.2.2. Ý kiến của công dân.....	106
3.3. Quản lý tài liệu lưu trữ trong nhân dân và các cơ quan khác	120
3.3.1. Một số trường hợp của khu vực tư	120
3.3.2. Lưu giữ tài liệu tại các thư viện và bảo tàng công và tư.....	125
3.3.3. Lưu trữ tài liệu của các tổ chức tôn giáo và của đồng bào dân tộc thiểu số.....	128
Chương 4. CẤU TRÚC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM.....	133
4.1. Môi trường chính sách	133
4.1.1. Định hướng phát triển của Việt Nam về lĩnh vực văn hóa, giáo dục.....	133
4.1.2. Định hướng phát triển ngành lưu trữ.....	136
4.2. Paradigm của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam	138
4.3. Phương án chính sách thứ nhất: Lưu trữ Nhà nước và Lưu trữ cộng đồng	139
4.3.1. Mục tiêu của chính sách.....	140
4.3.2. Dự thảo giải pháp.....	140
4.3.3. Dự kiến tác động của chính sách	143
4.4. Phương án chính sách thứ hai: Lưu trữ cộng đồng và điều phối Nhà nước	144
4.4.1. Mục tiêu chính sách.....	145
4.4.2. Dự thảo giải pháp.....	145
4.4.3. Dự kiến tác động chính sách	151
KẾT LUẬN.....	155
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN	
ĐẾN LUẬN ÁN.....	157
TÀI LIỆU THAM KHẢO	158
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG, HÌNH, BIỂU ĐỒ

Hình 1.1. Cấu trúc chính sách	38
Bảng 2.1. Loại hình và nguồn gốc tài liệu	48
Bảng 2.2. Tài liệu lưu trữ hình thành từ việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của luật pháp.....	62
Hình 2.3. Quy trình xây dựng chính sách	70
Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ cán bộ theo vị trí công tác	100
Bảng 3.2. Ý kiến về nguyên nhân dẫn đến khó quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân....	101
Bảng 3.3. Ý kiến về hành động của cơ quan quản lý khi gặp khó khăn trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân	102
Bảng 3.4. Quan niệm về tài liệu lưu trữ nhân dân của cán bộ quản lý phân loại theo vị trí công tác	103
Biểu đồ 3.5. Ý kiến về tài liệu lưu trữ nhân dân của cán bộ quản lý văn thư - lưu trữ.....	103
Biểu đồ 3.6. Quan điểm về thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân	104
Bảng 3.7. Ý kiến về mục tiêu quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân.....	105
Bảng 3.8. Số lựa chọn về loại hình và nguồn gốc tài liệu	107
Bảng 3.9. Loại hình và nguồn gốc tài liệu phổ biến theo nghề nghiệp.....	107
Bảng 3.10. Loại hình và nguồn gốc tài liệu phổ biến theo trình độ	108
Bảng 3.11. Loại hình tài liệu quan trọng nhất.....	108
Bảng 3.12. Ý kiến đánh giá về mức độ quan trọng của từng loại hình tài liệu	109
Bảng 3.13. Ý kiến về nơi lưu giữ tài liệu và tài liệu được giữ hộ	109
Biểu đồ 3.14. Nhu cầu hỗ trợ, giúp đỡ bảo quản từ cơ quan lưu trữ.....	110
Bảng 3.15. Nhu cầu về hình thức hỗ trợ từ cơ quan lưu trữ.....	110
Bảng 3.16. Lý do có hoặc không ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu lưu trữ.....	110
Bảng 3.17. Các vấn đề quan tâm khi ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu	112
Bảng 3.18. Ý kiến người dân về biện pháp của cơ quan lưu trữ	112
Bảng 3.19. Ý kiến người dân về các vấn đề cần làm rõ trong văn bản thỏa thuận ..	113
Biểu đồ 3.20. Tỷ lệ đồng thuận về việc thiết lập cơ quan lưu trữ tư nhân.....	113
Bảng 3.21. Ý kiến của các nhóm trình độ về thành lập các lưu trữ tư nhân.....	114
Bảng 4.1. Phân hạng tài liệu theo nhu cầu sử dụng	147
Bảng 4.2. Vai trò của các cơ quan trong ban hành và thực thi chính sách	152

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm qua, nhất là trong thời gian vấn đề tranh chấp tại biển Đông trở nên căng thẳng, nhiều tài liệu lưu trữ nhân dân đã được giới thiệu, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Cùng với đó, nhiều tài liệu lưu trữ khác trong nhân dân đã chứng minh giá trị thực tiễn và tiềm ẩn nhiều giá trị khác. Vì thế, các cơ quan lưu trữ nhà nước, với sự đồng thuận của Chính phủ đã tiến hành nhiều biện pháp để sưu tầm những tài liệu này, nhằm mục đích bảo quản và sử dụng cho nhiều mục đích lớn lao hơn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đó, các cán bộ lưu trữ và những người hoạch định chính sách gặp phải nhiều lúng túng do tính phức tạp của thực tiễn so với khả năng đáp ứng về nguồn lực cũng như cơ chế pháp lý. Cùng lúc đó, không chỉ cơ quan lưu trữ, nhiều cơ quan khác như các bảo tàng, thư viện, nhà lưu niệm nhà nước và tư nhân đang cùng tham gia sưu tầm và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân. Thực tế này một mặt dẫn đến sự chông chéo, lãng phí, đồng thời gây ra nhiều bất cập khiến cho một số loại tài liệu lưu trữ được nhiều cơ quan cùng sưu tầm, một số loại khác lại chưa được quan tâm tới. Hai vấn đề trên dẫn đến nhu cầu về việc xây dựng và sử dụng công cụ chính sách hữu hiệu - điều mà các cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ vốn quen với công cụ truyền thống là hệ thống luật pháp chưa thực sự lưu ý, nhất là khi các nghiên cứu về quản lý nhà nước về lưu trữ ở Việt Nam chưa và hầu như không đề cập tới chính sách.

Sự tổng hợp các nghiên cứu chỉ ra rằng các nghiên cứu về chính sách công ở Việt Nam không nhiều, chủ yếu nghiên cứu từ góc độ quản lý nhà nước. Đến thời điểm viết tổng quan năm 2013, ở Việt Nam chưa có nghiên cứu nào lấy chính sách công về lưu trữ làm chủ đề. Kết quả tổng hợp này cũng cho thấy lý luận về tài liệu lưu trữ nhân dân của Việt Nam và một số nước sử dụng tiếng Anh thừa nhận giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân trên nhiều khía cạnh nhưng xu hướng và cách quản lý ở từng quốc gia khá khác nhau, trong đó công cụ chính sách tổng thể chưa được nghiên cứu đầy đủ. Do vậy, nghiên cứu về chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam sẽ kế thừa nhưng không trùng lặp với các nghiên cứu trước.

Vì những lý do trên, nghiên cứu "Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam" sẽ bồi đắp một phần vào khoảng trống về chính sách và về tài liệu lưu trữ nhân dân trong lý luận và thực tiễn của Việt Nam.

2. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Với chủ đề nghiên cứu này, câu hỏi nghiên cứu chính của luận án là: Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam như thế nào?

Những dữ liệu thu được từ giai đoạn tiền nghiên cứu để xác định giả thuyết nghiên cứu bao gồm: phân tích văn bản quản lý nhà nước về lưu trữ trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở có tên "*Quan điểm quản lý nhà nước công tác lưu trữ ở Việt Nam giai đoạn 1986 - 2012*"; những trao đổi sơ bộ với người làm lưu trữ tại cơ quan lưu trữ trung ương, địa phương; phỏng vấn sơ bộ một số chủ sở hữu; tham khảo từ các học giả có kinh nghiệm từng quan tâm đến chủ đề;... Các dữ liệu này cho phép xây dựng nhiều giả thuyết nghiên cứu liên quan đến các khía cạnh khác nhau của chủ đề nghiên cứu. Trong đó, tác giả lựa chọn một giả thuyết chính có tính khái quát là: *Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam hiện nay chưa đồng bộ và thiếu khả thi.*

4. Mục tiêu nghiên cứu

Với giả thuyết trên, mục tiêu của nghiên cứu của luận án là:

- Làm rõ khái niệm và thuộc tính của tài liệu lưu trữ nhân dân, nội dung của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân;
- Khẳng định được sự cần thiết của chính sách và xác định được vấn đề cần giải quyết trong chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân;
- Phân tích để xây dựng cấu trúc chính sách cơ bản về quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam

5. Phương pháp luận, khung lý thuyết và hướng tiếp cận

- Luận án sử dụng phương pháp luận Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử.
- Khung lý thuyết áp dụng chủ yếu của Lưu trữ học Việt Nam và tiếp thu có phê phán quan điểm của Lưu trữ học Anh ngữ trong một số vấn đề còn là khoảng trống; về chính sách công, luận án sử dụng kết hợp cấu trúc chính sách và nội dung phân tích chính sách do các học giả trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tiêu biểu là GS. Vũ Cao Đàm xây dựng và

quy trình xây dựng chính sách từ kết quả dự án nghiên cứu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân trong luận án được xây dựng theo quy trình xây dựng và ban hành chính sách công, trong đó *chú trọng phân tích dữ liệu khoa học để xác định vấn đề chính sách, xây dựng mục tiêu và biện pháp chính sách theo nhiều phương án khác nhau để cơ quan quản lý lựa chọn*, chưa triển khai các giai đoạn khác như đánh giá tác động chính sách trên thực tế, dự kiến văn bản quy phạm pháp luật sẽ ban hành. Chính sách công được phân tích và đề xuất xây dựng trong luận án được tiếp cận theo triết lý của quản lý công, trong đó tập trung vào vai trò điều phối vĩ mô và hỗ trợ của Nhà nước.

6. Phương pháp nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu:

- Chính sách và pháp luật hiện hành về tài liệu lưu trữ nhân dân
- Hiện trạng lưu giữ tài liệu trong nhân dân
- Môi quan tâm và lợi ích của những đối tượng chính sách khác nhau

- Khách thể nghiên cứu:

- Công dân từ 22 tuổi trở lên: luận án tập trung vào nhóm đối tượng này vì 22 là độ tuổi trung bình tốt nghiệp đại học của công dân tại Việt Nam, bắt đầu tham gia vào thị trường lao động và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ công dân. Việc lấy ý kiến của nhóm đối tượng này đảm bảo sự trả lời đầy đủ và chất lượng câu trả lời của người được hỏi;
- Cán bộ quản lý và làm công tác quản lý văn thư - lưu trữ ở Trung ương và địa phương
- Hoạt động lưu trữ tại một số cơ quan lưu trữ Nhà nước và tư nhân
- Văn bản chính sách gồm văn bản pháp luật, các chương trình, kế hoạch, báo cáo triển khai biện pháp quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân.

- Điều tra xã hội học và trao đổi cá nhân: điều tra xã hội học thực hiện với 500 phiếu khảo sát (thu về hơn 330 phiếu) cho công dân từ 22 tuổi trở lên đang học tập, sống và làm việc tại Hà Nội (công dân đã có tuổi đời đủ điều kiện thực hiện các trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật, có nguồn gốc xuất thân và nguyên

quán đa dạng); điều tra xã hội học 50 phiếu (thu về hơn 40 phiếu) cho cán bộ lưu trữ, cán bộ quản lý lưu trữ tại Cục Văn thư - Lưu trữ Nhà nước, một số Chi cục Văn thư - Lưu trữ các tỉnh miền Bắc và miền Trung; trao đổi trực tiếp với cán bộ quản lý Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm di sản các nhà khoa học Việt Nam và một số cá nhân khác.

Phạm vi khảo sát:

- Thời gian tiến hành khảo sát: Khảo sát một số trường hợp từ năm 2013 đến 2016; trao đổi với cán bộ lưu trữ, cán bộ quản lý lưu trữ và điều tra xã hội học với chủ sở hữu vào cuối năm 2015 và năm 2016
- Phạm vi đối tượng khảo sát: Tài liệu và việc lưu trữ tài liệu của cá nhân, gia đình, dòng họ đang được một số cơ quan lưu trữ nhà nước ở trung ương, địa phương và các cá nhân lưu giữ.

- Tổng hợp văn bản hiện hành: tóm tắt một số nội dung chính của các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý - điều hành liên quan tới đối tượng nghiên cứu; so sánh, phân tích nội dung văn bản;

- So sánh: giữa quy định của Nhà nước với thực tiễn, giữa ý kiến của nhân dân với cán bộ lưu trữ và cán bộ quản lý, giữa những quy định với nhau,... để tìm ra quan điểm thống nhất và chưa thống nhất.

- Nghiên cứu trường hợp với việc lưu giữ tài liệu của gia đình họa sĩ Bùi Xuân Phái, của Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam và các dòng họ tại tỉnh Thừa thiên - Huế. Những trường hợp này được lựa chọn dựa trên tính tiêu biểu của tài liệu đang lưu giữ và sự thành công của hoạt động lưu giữ, phát huy giá trị tài liệu. Việc nghiên cứu trường hợp được thực hiện với các phương pháp thu thập dữ liệu chính bao gồm: phỏng vấn (với thành viên gia đình hoặc làm việc trong tổ chức và người có kinh nghiệm tiếp cận với trường hợp), điền dã (quan sát và chụp ảnh), xử lý thông tin do gia đình, tổ chức chính thức công bố, xuất bản,...

7. Đóng góp mới của luận án

Về lý luận, luận án sẽ phân tích được các đặc điểm (thuộc tính) cơ bản của tài liệu lưu trữ nhân dân trên cơ sở kế thừa lý thuyết của những nghiên cứu trước và phân tích thực tiễn tại Việt Nam.

Về thực tiễn, luận án sẽ cung cấp khung chính sách bao gồm tinh thần, ý nghĩa bao quát của chính sách, mục tiêu chung và giải pháp chính cho quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam để các nhà quản lý cân nhắc áp dụng tùy theo tình hình cụ thể và ý chí chủ quan của nhà hoạch định chính sách.

8. Bố cục của luận án

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu

Tổng hợp những nghiên cứu về chính sách công và chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân trong các nghiên cứu ở Việt Nam và một số nước trên thế giới

Chương 2. Cơ sở lý luận để xây dựng chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam

Chương 2 trình bày những nền tảng lý luận, bao gồm phân tích và bổ sung các lý thuyết đã trình bày ở tổng quan, những khái niệm và nội dung lý thuyết cơ bản được sử dụng như cách tiếp cận chung trong toàn bộ các nội dung tiếp theo của luận án. Chương này cũng cung cấp cơ sở để chứng minh sự cần thiết phải xây dựng chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân. Căn cứ để xây dựng cơ sở lý luận là thực tiễn tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam và thành tựu của những nghiên cứu trước.

Chương 3: Cơ sở pháp lý và thực tiễn của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam

Nội dung chương 3 tập trung cung cấp dữ liệu khoa học chứng minh sự cần thiết phải ban hành chính sách mới về quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam do những bất cập trong chính sách và pháp luật hiện hành, những bất đồng ý kiến giữa người dân và cơ quan quản lý cũng như hiệu quả quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân của những cơ quan, tổ chức, cá nhân công và tư không thuộc thẩm quyền kiểm soát của các lưu trữ nhà nước.

Chương 4: Cấu trúc chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam

Kết quả cuối cùng của luận án tập trung ở chương này với các phương án chính sách khác nhau. Mỗi phương án gồm mục tiêu và dự thảo giải pháp chính sách cùng với dự kiến tác động chính sách nếu được đưa vào thực hiện.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

1.1. Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân trong các nghiên cứu lưu trữ học Việt Nam và thế giới

1.1.1. Khái niệm tài liệu lưu trữ nhân dân trong các nghiên cứu lưu trữ học

Trong lý thuyết lưu trữ học Anh ngữ¹ và Liên bang Nga không sử dụng thuật ngữ “tài liệu lưu trữ nhân dân” như các học giả Việt Nam. Song, cách sử dụng khái niệm của họ cũng đa dạng, không thống nhất, thậm chí trong cùng một bài viết, nhưng đều có cơ sở và nội hàm khái niệm khá rõ ràng với các cặp khái niệm tương phản, thể hiện cách tiếp cận đối xứng trong việc phân chia đối tượng nghiên cứu:

Tiêu chí	Khái niệm	
Dựa trên sự phân biệt chủ thể sở hữu giữa nhà nước và tư nhân	Tài liệu lưu trữ công (public archives)	Tài liệu lưu trữ tư (private archives)
Dựa trên nguồn gốc hình thành và chức năng phản ảnh của tài liệu	Tài liệu cơ quan (institutional archives)	Tài liệu phi cơ quan (non-institutional archives)
Dựa trên tính chất tổ chức của đối tượng hình thành tài liệu	Tài liệu doanh nghiệp tư nhân/nhà thờ/các tổ chức tư nhân	Tài liệu cá nhân, gia đình-dòng họ, cộng đồng

Tuy các nghiên cứu không sử dụng khái niệm nhân dân (people) để đặt tên cho một nhóm tài liệu lưu trữ nhưng “nhân dân” có mặt ở hầu hết các bài viết về quản lý tài liệu lưu trữ với hai ý nghĩa cơ bản: nhân dân là đối tượng phục vụ của các lưu trữ, và nhân dân chủ thể tạo thành tài liệu. Trên thực tế, khái niệm tài liệu lưu trữ nhân dân và lưu trữ nhân dân (people archives) được sử dụng khá phổ biến cho các lưu trữ của những tổ chức lao động như nghiệp đoàn, phong trào công nhân như thư viện - lưu trữ Kark Marx tại thành phố London [87], và các lưu trữ của cộng đồng như lưu trữ của người Mỹ gốc Phi ở Hoa Kỳ, lưu trữ của nhân dân vùng

¹ Cộng đồng lưu trữ học Anh ngữ gồm các chuyên gia và các nghiên cứu của các chuyên gia trong những nước sử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, chủ yếu gồm Hoa Kỳ, Liên hiệp Anh, Canada và Australia.

Jerusalem [88], và đáng lưu ý là lưu trữ nhân dân của Hội lưu trữ Phần Lan [89]. Vì lẽ đó, trong đời sống lưu trữ tại các quốc gia, khái niệm “tài liệu lưu trữ nhân dân” trở thành một thuật ngữ để chỉ những tài liệu của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Cách tiếp cận này gần gũi với định nghĩa về khái niệm “tài liệu lưu trữ phi cơ quan” (non-institution archives) của Canada, “tài liệu lưu trữ cá nhân” (personal archives) theo nghĩa rộng của Australia, hay “tài liệu lưu trữ nhân dân” của PGS.TSKH. Nguyễn Văn Thâm, PGS. Vương Đình Quyền, PGS.TS. Dương Văn Khâm. Cho nên, sự xuất hiện của khái niệm này trong lưu trữ học Việt Nam, với sự kế thừa từ công tác lưu trữ của Liên Xô, có thể coi là một biểu hiện cho ý chí, quan niệm, và định hướng xã hội chủ nghĩa, luôn hướng tới và phục vụ quần chúng, nhân dân lao động.

Khái niệm "Tài liệu lưu trữ nhân dân" ở Việt Nam đang gây nhiều tranh cãi trong các học giả. Có hai cách hiểu cơ bản về khái niệm này:

- Thứ nhất, tài liệu lưu trữ nhân dân (people archives) là tài liệu tư nhân (private archives), trong đó tất cả những tài liệu được hình thành từ những cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân ở khu vực tư đều là ngoại diên của khái niệm này. Với các hiểu đó, Hội thảo quốc tế “*Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân*” do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội thực hiện năm 2012 đã tập hợp hơn 30 bài viết về các tài liệu lưu trữ của nhiều chủ thể sáng tạo tài liệu khác nhau từ cá nhân tới cộng đồng, doanh nghiệp tư nhân hay tổ chức phi chính phủ, tổ chức tôn giáo. Cách hiểu như vậy sử dụng nguồn gốc hình thành tài liệu với sự nhấn mạnh về đặc tính tư hữu để xác định tài liệu lưu trữ nhân dân nhưng lại chưa giải thích thấu đáo về khái niệm "khu vực tư"². Cho nên, cách hiểu này rộng nhưng thiếu rõ ràng vì chưa thể hiện đúng bản chất của khái niệm "nhân dân".

² Khái niệm “khu vực tư” (private sector) trong luận án được hiểu là bộ phận của nền kinh tế được vận hành bởi các doanh nghiệp tư nhân. Khu vực này bao gồm các cá nhân tư (các chủ sở hữu tư), các tổ chức tư (doanh nghiệp tư) và có trách nhiệm chính trong động lực của nền kinh tế. Khác với khu vực tư, khu vực công bao gồm các cơ quan trong bộ máy nhà nước, thực hiện cung cấp các dịch vụ và hàng hóa mà khu vực không hoặc không thể cung cấp. Cả khu vực tư và khu vực công đều hướng đến lợi nhuận cho chủ sở hữu, sự khác biệt là lợi nhuận của khu vực tư được phục vụ và tái đầu tư cho cá nhân, tổ chức tư, còn của khu vực công để tái đầu tư phát triển cho xã hội và quốc gia. Vì thế, khái niệm “phi lợi nhuận” chỉ áp dụng cho những loại hình cung ứng dịch vụ công của khu vực công và các tổ chức từ thiện, các loại tổ chức phi lợi nhuận khác. Tổng hợp từ từ điển thuật ngữ kinh doanh <http://www.businessdictionary.com/definition/public-sector.html> (truy cập tháng 3. 2018) và các website về hành chính và kinh tế khác.

- Thứ hai, tài liệu lưu trữ nhân dân là tài liệu của các cá nhân, gia đình, dòng họ, các nhóm người trong xã hội. PGS. Vương Đình Quyền định nghĩa: "*Tài liệu lưu trữ nhân dân là tài liệu hình thành trong quá trình sống và hoạt động của cá nhân, gia đình, dòng họ, làng xã xưa có giá trị thực tiễn, giá trị lịch sử thuộc sở hữu hợp pháp của công dân, làng xã*" [25]. Cách hiểu này tập trung vào tài liệu của cá nhân, gia đình, dòng họ, làng xã xưa và cũng coi trọng yếu tố sở hữu nhưng không phân biệt được tính chất tài liệu trong trường hợp của những cá nhân hoạt động trong các cơ quan Đảng và Nhà nước, lại chưa đề cập tới những cộng đồng mới đang hình thành một cách tự nhiên và tự nguyện trong xã hội. Nói cách khác, định nghĩa của PGS. Vương Đình Quyền đã chú trọng đến khái niệm "nhân dân" với nghĩa là những công dân và tổ chức của công dân trong xã hội.

Hai cách hiểu trên, về cơ bản là thống nhất với nhau và giới hạn ngoại diên của khái niệm theo hướng loại bỏ tài liệu các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội phi nhà nước khỏi sự đề cập của khái niệm. Trong khi đó, quan niệm của cộng đồng lưu trữ Anh ngữ không định nghĩa rõ về tài liệu lưu trữ nhân dân, mà sử dụng các khái niệm đề cập trực tiếp như tài liệu lưu trữ doanh nghiệp³, tài liệu lưu trữ nhà thờ, tài liệu lưu trữ cá nhân và tài liệu lưu trữ cộng đồng với quan điểm chung về tính sở hữu tư nhân của cơ quan, tổ chức tạo ra tài liệu. Sử dụng khái niệm có tính bao quát hơn, các nhà lưu trữ Canada đặt tài liệu của cá nhân, gia đình, dòng họ và các nhóm người thuộc sự bao hàm của khái niệm "tài liệu lưu trữ phi cơ quan" (non-institutional archives) với nghĩa là tài liệu được hình thành từ những chủ thể và hoạt động của chủ thể mà bản thân họ và hoạt động của họ không được tổ chức một cách chính thức bởi các thủ tục pháp lý hay hành chính. Còn các quốc gia khác như Anh và Hoa Kỳ, khái niệm "tài liệu lưu trữ nhân dân" được dùng trong thực tiễn để chỉ những tài liệu của người lao động, bao gồm tài liệu của những cá nhân trong phong trào công nhân, những cuộc đấu tranh, các trào lưu, các chiến dịch của người lao động. Đồng hành với cách hiểu này là khái niệm "lưu trữ nhân dân" hay "lưu trữ lao động" với nghĩa là nơi lưu

³ Tài liệu của doanh nghiệp ở các quốc gia trong cộng đồng lưu trữ Anh ngữ phần lớn là tài liệu tư vì Nhà nước chỉ kiểm soát và điều hành trực tiếp các doanh nghiệp hoạt động công ích như cấp thoát nước, môi trường, ... Hiện nay, các nước Anh ngữ, đặc biệt là Mỹ và Tây Âu cũng chia sẻ các dịch vụ này cho doanh nghiệp tư nhân theo hướng Nhà nước thuê công ty tư nhân thực hiện các dịch vụ trên.

giữ và phục vụ khai thác tài liệu của người lao động, chủ yếu là công nhân. Quan niệm này cũng được tiếp thu bởi học giả Kim Ikhan của Hàn Quốc trong Hội thảo quốc tế về "Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân" với mô hình phân tầng tài liệu lưu trữ của xã hội và ý tưởng về hệ thống lưu trữ của người lao động để đối trọng, phản biện và làm bằng chứng cho "sự tha hóa" của xã hội tư bản[46]. Để phân biệt với tài liệu lưu trữ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, các học giả trong cộng đồng lưu trữ Anh ngữ dùng khái niệm "di cảo" (manuscript) để chỉ tài liệu lưu trữ của cá nhân, tổ chức tư nhân và các cộng đồng trong xã hội với nỗ lực phân biệt đối tượng và cách ứng xử với các nguồn tài liệu khác nhau giữa cơ quan lưu trữ, thư viện và bảo tàng. Tuy nhiên, sự phân biệt này đã bộc lộ nhiều vấn đề bất hợp lý đến mức chính các học giả là chủ thuyết của sự phân biệt này cũng dần dần thừa nhận sự tương đồng giữa tài liệu lưu trữ và di cảo.

So sánh với quan niệm của các học giả lưu trữ Anh ngữ, khái niệm "tài liệu lưu trữ" ở Việt Nam luôn có sự vận động. Phần lớn lý thuyết lưu trữ hiện đại thời kỳ đầu (cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX trên thế giới, và trước năm 2000 ở Việt Nam) đều coi tài liệu lưu trữ là tài liệu của cơ quan, đơn vị, cá nhân trong bộ máy nhà nước được bảo quản trong các phòng, kho lưu trữ [55, 75, 1]. Qua đó, những tài liệu của nhân dân, hoặc đã bị lãng quên, hoặc đã bị khu biệt hóa cho các lĩnh vực nghiên cứu và thực hành nghiệp vụ khác như bảo tàng, thư viện, ngôn ngữ, và thậm chí là phó mặc cho chính người dân. Không đề cập tới tài liệu lưu trữ nhân dân mà tập trung vào tài liệu lưu trữ cá nhân, ở thời kỳ này các học giả Việt Nam quan niệm tài liệu lưu trữ cá nhân "*là những tài liệu hình thành trong quá trình sống và hoạt động của một cá nhân*" [1, 9, 13, 17]. Định nghĩa này là tiền đề cho nhiều nghiên cứu tiếp theo về tài liệu của cá nhân và của nhân dân nhưng chưa phân biệt rõ giữa cá nhân tư và cá nhân công, hay tài liệu tư của cá nhân công, hoặc tài liệu công của cá nhân tư. Cụm từ "*quá trình sống và hoạt động của một cá nhân*" chỉ có ý nghĩa rõ ràng về khía cạnh thời gian nhưng mơ hồ về sự liên quan giữa tài liệu và người tạo ra nó. Cho nên, McKEMMISH đã khá thành công trong việc xác định mối liên hệ giữa tài liệu với chủ thể sáng tạo và quá trình hình thành nên chúng [60]. Nhu cầu bảo tồn ký ức và nghiên cứu, phục dựng quá khứ để phục vụ cho hiện tại và tương

lai đã làm thay đổi quan niệm trên Theo đó, thuật ngữ “tài liệu lưu trữ cá nhân” được định nghĩa lại theo nghĩa rộng nhất là: *“mọi dạng, thể loại và hình thức truyền thông của tài liệu liên quan tới một cá nhân, bất kể được [sở hữu] bởi cá nhân đó hay hệ thống lưu giữ tài liệu của cơ quan; được ghi nhớ, truyền miệng hoặc chuyển dạng; tạo thành trong các sưu tập tài liệu hay viện lưu trữ, văn hóa, lưu trữ cộng đồng hay nơi lưu giữ tài liệu khác hoặc chia sẻ trong môi trường điện tử”* [60]. Tham gia thảo luận với các học giả Việt Nam năm 2012, từ quan điểm cá nhân và tiếp cận theo hướng lưu trữ số, phó giáo sư **Yim Jin-Hee** định nghĩa và đồng thuận với McKEMMISH: *“Tài liệu lưu trữ cá nhân bao gồm các loại thông tin, tư liệu về cá nhân, giúp xã hội phân biệt và nhận dạng được một cá nhân cùng tiểu sử của người đó, và được đưa ra phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng của toàn xã hội”* [68]. Ở cấp độ cộng đồng, các học giả Việt Nam bàn luận chủ yếu về tài liệu của các làng cổ truyền, các dòng họ, gia tộc nhưng gọi chung là tài liệu lưu trữ nhân dân hoặc tài liệu lưu trữ gia đình, dòng họ. Trong khi đó, tuy còn những tranh luận và mối quan tâm trong hơn 1 thập kỷ gần đây nhưng các học giả Anh ngữ chú trọng tới tài liệu của những nhóm người *“ở cùng vị trí địa lý, cùng bản sắc hay mối quan tâm chung, cùng chia sẻ vai trò và trách nhiệm [được thể hiện trong tài liệu lưu trữ] và giữ vị trí quan trọng trong việc thiết lập, tiếp cận sử dụng những tài liệu này”* [69]. Trong đó, với vai trò là chủ sở hữu và quản lý, các thành viên cộng đồng tham gia tích cực vào việc tạo lập, lưu giữ và tìm kiếm các di sản của chính cộng đồng đó [74]. Đến nay, tất cả những tài liệu nào có giá trị hay ý nghĩa thực tiễn, khoa học và lịch sử đều có thể coi là tài liệu lưu trữ. Và, bất kỳ tài liệu nào là bằng chứng trực tiếp cho hoạt động hay sự tồn tại của sự vật, hiện tượng cũng có thể coi là tài liệu lưu trữ [62]. Khái niệm "tài liệu lưu trữ" đã ngày càng gần với sự bao quát của khái niệm "sử liệu". Do vậy, khái niệm “tài liệu lưu trữ nhân dân” sẽ được mở rộng theo hướng bao quát hơn.

Nhìn chung, khái niệm “tài liệu lưu trữ nhân dân” được gọi tên theo nhiều cách khác nhau trong các nghiên cứu ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Với khuynh hướng tập trung phân tích sâu sắc về đặc điểm, giá trị và cách quản lý đối với từng nhóm loại tài liệu lưu trữ, các nghiên cứu chú trọng nhiều hơn tới các

tài liệu cá nhân, cộng đồng và chỉ đề cập tới khái niệm bao quát tương đương với khái niệm “tài liệu lưu trữ nhân dân” khi bàn luận về những quan niệm cơ bản về tài liệu lưu trữ. Do đó, số lượng công trình nghiên cứu về “tài liệu lưu trữ nhân dân” không đáng kể.

1.1.2. Giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân trong các nghiên cứu lưu trữ học

1.1.2.1. Những khái niệm và nguyên tắc cơ bản: tiếp cận bằng chứng và tiếp cận ý nghĩa

Lý thuyết của Hilary Jenkinson và T. R. Schallenberg

Ra đời tại London năm 1922, cuốn Giáo trình quản lý lưu trữ (*Manual of Archive Administration*) của **Jenkinson** được coi là cuốn sách lý luận đầu tiên của nước Anh đề cập tới những quan điểm lưu trữ hiện đại (modern archives). Jenkinson viết cuốn sách này tập trung vào việc quản lý tài liệu lưu trữ của lịch sử chiến tranh với những đề xuất cho việc xây dựng lưu trữ trong tương lai để ứng dụng cho cộng đồng lưu trữ Anh ngữ trên cơ sở kế thừa những quy tắc quản lý lưu trữ thời kỳ đó và lý thuyết của nhóm tác giả người Đức gồm **Miller, Feith và Fruin** trong cuốn sách đã xuất bản năm 1890. Theo đó, Jenkinson định nghĩa tài liệu lưu trữ là “*thứ được tạo ra hoặc sử dụng cho các giao dịch quản lý hoặc điều hành (bất kể công hay tư), và sau đó được bảo quản trong các kho lưu trữ thuộc sở hữu của [cơ quan, để đảm bảo] thông tin cho [cơ quan], [được thực hiện] bởi cá nhân hoặc những cá nhân có trách nhiệm giao dịch hoặc người thừa kế hợp pháp*” [55].

Kế thừa lý thuyết của Jenkinson, **Schallenberg** - cha đẻ của xác định giá trị hiện đại cũng xây dựng quan điểm về tài liệu lưu trữ tư dựa trên tiếp cận bằng chứng. Trong tác phẩm “Lưu trữ hiện đại: Những nguyên tắc và kỹ thuật” (*Modern Archives: Principles and Techniques*) xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1956, Schallenberg định nghĩa về tài liệu lưu trữ như sau: “*Tất cả sách, giấy tờ, bản đồ, ảnh chụp hoặc các loại tư liệu khác, không phân biệt dạng vật lý hay đặc điểm, do các cơ quan công hay tư tạo thành hay nhận được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo pháp luật hoặc trong quá trình giao dịch kinh doanh, được các cơ quan này hay người thừa kế hợp pháp bảo quản hoặc sở hữu để sử dụng làm bằng chứng về chức năng, chính sách, những quyết sách, thủ tục, cơ cấu tổ chức hoặc cho các hoạt động khác,*

hay bởi giá trị thông tin mà nó chứa đựng” [75]. Định nghĩa này tiếp tục nhắc tới giá trị bằng chứng của tài liệu lưu trữ và bổ sung những giải thích về tính chất công của tài liệu cũng như giá trị thông tin của chúng. Mở rộng ý nghĩa của việc xác định giá trị, Schellenberg cho rằng “*đặc tính của tài liệu lưu trữ liên quan tới lý do tài liệu trở thành tài liệu lưu trữ và lý do chúng được bảo quản*” [75]. Theo đó, việc xác định lý do lựa chọn tài liệu để bảo quản quyết định chúng có trở thành tài liệu lưu trữ hay không.

Mặc dù định nghĩa về tài liệu lưu trữ của Schellenberg đề cập tới những tài liệu tư nhưng trong cuốn sách, Ông không dùng chung một thuật ngữ để gọi tên tài liệu lưu trữ. Schellenberg gọi tài liệu của chính quyền là “tài liệu lưu trữ” (archives), và gọi tài liệu của cá nhân hay các cơ quan, tổ chức tư nhân là di cảo (manuscripts), di cảo lịch sử (historical manuscripts) hay tư liệu lịch sử (historical documents). Ông giải thích rằng: “*trong khi các tài liệu lưu trữ hình thành từ những hoạt động có tính chức năng thì ngược lại, các di cảo lịch sử thường là sản phẩm thể hiện suy nghĩ hoặc cảm xúc tự phát. Chúng thường được tạo ra một cách ngẫu nhiên và không theo cách có tính hệ thống*” [75].

Tiếp cận giá trị đối với tài liệu lưu trữ của Jenkinson và Schellenberg có thể khái quát như sau:

- Jenkinson và Schellenberg đồng thuận về hai vấn đề: Giá trị của tài liệu lưu trữ phải được tiếp cận từ nguồn gốc và qua tính bằng chứng; các tài liệu tư như các di cảo lịch sử chỉ là những tài liệu có thông tin để tham khảo cho quá trình nghiên cứu

- Mặc dù không thừa nhận tài liệu cá nhân là tài liệu lưu trữ nhưng hai tác giả này vẫn thừa nhận vai trò của chúng đối với nghiên cứu lịch sử và trong những trường hợp cụ thể, như các ví dụ được phân tích trong cuốn sách, chúng có thể trở thành tài liệu lưu trữ

Tuy rằng những định nghĩa và nguyên tắc được Jenkinson và Schellenberg đề ra chủ yếu để áp dụng cho tài liệu công nhưng những phân tích trong mối liên hệ và sự so sánh với các thư viện đã khiến cho tính chất tư được đề cập khá thường xuyên. Do vậy, nhiều nhà nghiên cứu của lưu trữ học Anh ngữ đã kế thừa tiếp cận bằng chứng và phê phán những hạn chế của hai quan điểm này về sự phủ nhận tính

chất lưu trữ của tài liệu cá nhân - nhóm tài liệu cơ bản của tài liệu lưu trữ nhân dân. Điển hình cho những nghiên cứu kế thừa và phê phán đó là bài viết của Sue McKemmish, Catherin Hobbs và Rob Fisher sẽ được trình bày trong phần tiếp theo của tổng quan.

Quan niệm của các tác giả Liên bang Nga

Lưu trữ phát triển thành một ngành khoa học tại Liên bang Xô Viết cùng thời kỳ Schallenberg xuất bản những ấn phẩm có tính lý thuyết về lưu trữ. Tuy nhiên, sự tan rã của Liên bang Xô Viết và sự phát triển kinh tế - xã hội theo hình thái mới cùng với thể chế chính trị mới của Liên bang Nga khiến cho lý thuyết lưu trữ học phải thích ứng theo. Cuốn sách “*Lưu trữ học*” xuất bản năm 2002 do giáo sư **V. P. Kozlov** biên soạn cùng nhóm tác giả cũng tập trung vào tài liệu của chính quyền nhưng được bổ sung nhiều nội dung liên quan tới tài liệu tư, trong đó giành thời lượng phân tích nhất định cho tài liệu có xuất xứ cá nhân và không đề cập tới tài liệu lưu trữ nhân dân.

Tài liệu lưu trữ được các tác giả định nghĩa “*là vật mang thông tin có giá trị đang được bảo quản hoặc phải thuộc bảo quản vì ý nghĩa của tài liệu đó đối với xã hội hoặc đối với người sở hữu*” [18] . Tương tự như những quan điểm lưu trữ học đã trình bày ở phần trên của bài viết, định nghĩa này tiếp tục khẳng định tài liệu lưu trữ phải là tài liệu có giá trị nhưng giá trị đó lại được thể hiện thông qua ý nghĩa của thông tin trong tài liệu. Chúng tôi tạm gọi đó là tiếp cận ý nghĩa đối với giá trị của tài liệu.

Cũng khẳng định vai trò của xác định giá trị trong việc công nhận đặc tính lưu trữ để thu thập và bảo quản, các tác giả coi tài liệu có xuất xứ cá nhân là một trong những nguồn bổ sung tài liệu vào các lưu trữ. Cơ sở để bổ sung nguồn tài liệu này là: “*Ý nghĩa hoạt động sáng tạo và hoạt động xã hội của tác giả hình thành phong trong sự phát triển của đời sống khoa học, văn hóa, xã hội và các lĩnh vực khác; ... mức độ bảo quản phong cá nhân, có những sưu tập tài liệu giá trị của tác giả hình thành phong, có những đặc điểm ghi chép trong quá trình sáng tác của tác giả; mối liên hệ của phong với các tập hợp tài liệu khác (trong phong có nhiều tài liệu làm sáng tỏ cuộc đời và sự nghiệp của nhiều nhà hoạt động nổi tiếng)*” [18] .

Theo đó, một lần nữa, cách tiếp cận từ ý nghĩa lại được sử dụng để xây dựng căn cứ xác định nguồn bổ sung tài liệu từ cá nhân.

Quan điểm của các học giả của Lưu trữ học Việt Nam

Mặc dù các học giả thuộc thế hệ đầu tiên của Lưu trữ học Việt Nam khẳng định rằng quá trình hình thành ngành khoa học này đã xuất hiện từ những năm 60 của thế kỷ II và sự ra đời của tạp chí chuyên ngành với tên gọi Lưu trữ Việt Nam là bằng chứng của sự hình thành một ngành độc lập trong xã hội, nhưng những tác phẩm đầu tiên của Lưu trữ học Việt Nam ra đời muộn hơn thế. Xuất phát từ bối cảnh lịch sử đặc biệt, sự phân chia một quốc gia thành hai chế độ chính trị từ năm 1955 - 1975 đã làm xuất hiện những nghiên cứu có tính lý thuyết với cách tiếp cận tương đối khác biệt ở hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Trong đó, hai cuốn sách “*Cẩm - nang Văn - khố*” được xuất bản năm 1972 tại Sài Gòn và “*Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ*” xuất bản năm 1990 tại Hà Nội là đại diện cho hai cách tiếp cận đó.

Nha Văn khố Quốc gia của chính quyền Việt Nam Cộng hòa là cơ quan chủ trì việc thực hành và đào tạo lưu trữ viên cho cả miền Nam. Để đáp ứng yêu cầu đó, năm 1972, các chuyên gia lưu trữ của Nha Văn khố Quốc gia đã tiến hành biên soạn tài liệu phục vụ huấn luyện trên cơ sở biên dịch và lược dịch các tác phẩm của Tây Âu và Mỹ. Chịu ảnh hưởng của Schallenberg, **Nguyễn Ứng Long** và nhóm biên soạn cho rằng: “*Tài - liệu văn - khố là những giấy - tờ, sổ - bộ do một cá - nhân hay pháp - nhân, công hay tư, đã tạo ra hoặc nhận được mà cá - nhân hay pháp - nhân ấy cần lưu giữ lại để làm bằng chứng hay làm tài - liệu tham khảo, thường cũng gọi tắt là Văn - khố*” [22] . Các tác giả không phân tích giá trị của hồ sơ tư mà chỉ tập trung vào ý nghĩa của hồ sơ công đối với cá nhân và đối với nhà nước nên cụm từ “hồ sơ công” được lặp lại ở nhiều đoạn văn khác nhau.

Đúc kết kinh nghiệm thực tiễn và tham khảo lý thuyết lưu trữ học Xô Viết, các học giả Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) đã xuất bản cuốn sách “*Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ*” với mục đích tương tự. Nhóm tác giả **Đào Xuân Chúc, Nguyễn Văn Hàm, Vương Đình Quyền, Nguyễn Văn Thâm** quan niệm: “*Tài liệu*

lưu trữ là tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp và cá nhân, có ý nghĩa chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học lịch sử và các ý nghĩa khác, được bảo quản trong các phòng, kho lưu trữ” [1]. Theo đó, các tác giả thừa nhận tài liệu hình thành trong hoạt động của cá nhân là một loại tài liệu lưu trữ. Tuy vậy, các đặc điểm của tài liệu lưu trữ được phân tích trong cuốn sách chỉ phù hợp một phần với tài liệu của nhân dân.

Không đề cập tới khái niệm tài liệu tư hay tài liệu lưu trữ nhân dân, cũng như lý thuyết lưu trữ học của Liên bang Nga, lý thuyết lưu trữ học của các tác giả Đại học Tổng hợp Hà Nội chú ý tới tài liệu của cá nhân với định nghĩa: *“Phông lưu trữ cá nhân là toàn bộ tài liệu hình thành trong quá trình sống và hoạt động của một nhân vật riêng biệt được đưa vào bảo quản trong một kho lưu trữ nhất định”* [1]. Quan điểm về Phông lưu trữ cá nhân đã đặt nền tảng về khái niệm cho những nghiên cứu khác, trong đó tiếp cận tổng hợp đối với phông lưu trữ cá nhân đã tạo dựng một quan niệm tương đối rộng về phạm vi tài liệu thuộc phông lưu trữ này.

1.1.2.2. Giá trị thương mại và giá trị bằng chứng của tài liệu lưu trữ cá nhân

Từ truyền thống thu thập và lưu giữ tài liệu tư của các cá nhân, thư viện, bảo tàng và các lưu trữ tư khác, tiếp cận về giá trị thương mại của tài liệu lưu trữ cá nhân, tạp chí Archivaria số 6 năm 1978 đã đăng bài tranh luận của R.S.Gordon có tựa đề *“Xác định giá trị những sưu tập và tư liệu cá nhân”*. Bài viết thể hiện cuộc tranh luận giữa Bernard Amtmann và R.S. Gordon về thị trường cho những sưu tập và tài liệu cá nhân như những cuốn nhật ký, bảo thảo, thư từ, sách hiếm, bản đồ,... Theo đó, Amtmann cho rằng không thể có thị trường rộng giành cho những tài liệu cá nhân, còn Gordon có quan điểm ngược lại. Gordon đề xuất cách tiếp cận khác về xác định giá trị các sưu tập cá nhân dựa trên nhu cầu sử dụng. *“Người mua có thể là đại diện của các cơ quan lưu trữ, thư viện, viện bảo tàng và những cơ quan tương tự. Họ mua [tài liệu] để bảo quản phục vụ giá trị nghiên cứu... [Nhưng] giá trị thương mại của tài liệu cá nhân vẫn chưa được xây dựng”*[49].

Tiếp tục sử dụng cách tiếp cận bằng chứng đối với tài liệu lưu trữ cá nhân nhưng khẳng định giá trị của chúng đối với xã hội, **Sue McKEMMISH** có bài *“Bằng chứng về tôi...”* đăng trên tạp chí Archives and Manuscripts năm 1996. Theo

McKEMMISH, tài liệu lưu trữ cá nhân cũng là “một kiểu bằng chứng”. Thông qua các trường hợp nghiên cứu cụ thể, tác giả đã giải thích lý do và động lực dẫn đến hành vi lưu giữ tài liệu của các cá nhân.

Bài viết này được nhiều học giả đánh giá cao và trích dẫn thường xuyên khi đề cập tới tài liệu lưu trữ tư hay tài liệu lưu trữ cá nhân bởi cách tiếp cận từ nhiều phía, bao gồm cả động cơ tạo thành và lưu giữ tài liệu của các cá nhân, gia đình, đến ý nghĩa của tài liệu và vai trò của nhà lưu trữ. Tuy nhiên, xung quanh bài viết đã có một cuộc tranh luận, trong đó **Verne Harris** đã có ý kiến phản biện McKemmish trong bài “Cuối trên ung hồ: Những khả năng giải cấu trúc trong “Bằng chứng về tôi” trên tạp chí Archives and Manuscripts số 29 năm 2001. Theo Harris, mặc dù đã tham khảo nhiều tác phẩm phi hư cấu và hư cấu cùng với lối viết tao nhã, đầy tính văn học, McKemmish đã đề cập tới những vấn đề ngoài lề của việc lưu trữ cá nhân và chỉ đề xuất những vấn đề có tính nghiên cứu ở đoạn cuối cùng. “*Mặc dù không diễn đạt [trong bài viết], nhưng McKemmish đã thể hiện tầm nhìn từ một công thức hạn hẹp về tài liệu-là-bằng chứng*”[49].

Lấy tài liệu lưu trữ cá nhân làm chủ đề, tạp chí Archivaria số 52 năm 2001 đã đăng tải bài viết của một số học giả với những nội dung rất đáng lưu ý. Đáng kể trong số đó là phân tích của **Catherin Hobbs** trong “Đặc điểm tài liệu lưu trữ cá nhân: Những suy nghĩ về giá trị của tài liệu cá nhân”. Theo đó, Hobbs cho rằng phong lưu trữ cá nhân “*là nơi nhân cách và sự kiện trong đời ẩn chứa dưới dạng tư liệu*” [54].

Cũng trong Archivaria số 52, tạo ra một tổng quan khác về xác định giá trị tài liệu lưu trữ cá nhân, **Riva A. Pollard** viết bài “Xác định giá trị giấy tờ cá nhân: một tổng quan phê phán”. Khái quát vấn đề xác định giá trị giấy tờ cá nhân trong các nghiên cứu của lưu trữ học từ các tác phẩm cơ bản của Jenkinson và Schallenberg đến những bài viết nổi tiếng của Terry Cook, Sue McKemmish, Graeme Powell, Virginia Stewart, Judi Cumming... Theo Pollard, việc xác định giá trị tài liệu cá nhân dựa trên nhu cầu đáp ứng mục tiêu của chính sách và chiến lược thu thập đã khiến cho nhiều tài liệu thu thập được nhưng thông tin không quan trọng do “*các nhà lưu trữ không giành thời gian để giải thích một cách thỏa đáng tại sao phải lưu giữ những tài liệu đã được chọn để thu thập*” [73].

1.1.2.3. Ý nghĩa của tài liệu lưu trữ nhân dân

Trong những năm 1973, 1974, hai tác giả **Vũ Văn Tĩnh** và **Ngô Đăng Lợi** đã có những bàn luận về đặc tính lưu trữ của các loại tài liệu của thời kỳ phong kiến để lại như văn bia, gia phả, thần phả trên Tạp chí Lưu trữ. Đến những năm 2000, chủ đề này được tiếp tục bàn luận, trong đó **PGS. Vương Đình Quyền** đã bổ sung thêm bằng việc chứng minh giá trị lưu trữ của các tài liệu của thời kỳ phong kiến gồm các thần tích, thần sắc. Những thảo luận về nhóm tài liệu nhân dân đặc thù của thời kỳ phong kiến được thể hiện rõ trong các bài viết của tác giả **Nguyễn Hoài Phương** tại Hội thảo Khai thác và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn năm 2009, trong bài viết của PGS. Vương Đình Quyền, của nhóm tác giả **Lê Thị Nguyệt Lưu, Trần Thanh Tùng, Hoàng Hải Hậu** tại Hội thảo khoa học quốc tế Tổ chức và Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân năm 2012. Những bài viết này tập trung vào việc giới thiệu và chứng minh giá trị của các loại tài liệu kể trên về phương diện nghiên cứu văn hóa, lịch sử của các cộng đồng cổ truyền, các địa phương và lịch sử dân tộc.

Năm 2007, Hội thảo *Khai thác và Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn* đã công bố một số nghiên cứu của các học giả chuyên ngành Xã hội học, Khoa học quản lý, Cục Văn thư - Lưu trữ Nhà nước về tài liệu lưu trữ nhân dân. Từ góc nhìn của cơ quan quản lý nhà nước, **ThS. Nguyễn Thị Chinh** đã chứng minh “*Vai trò của tài liệu lưu trữ cá nhân qua các triển lãm tài liệu lưu trữ*” là bổ sung, làm phong phú thêm thông tin về chủ đề lịch sử của các triển lãm tài liệu lưu trữ. Liên quan tới việc quản lý các tài liệu cá nhân, tác giả Nguyễn Thị Chinh cho rằng “*Những tài liệu đó sẽ mãi là tài liệu của các cá nhân, gia đình, dòng họ nếu như Nhà nước không có những quy định pháp lý hoặc các hoạt động cụ thể về việc sưu tầm và bảo quản chúng*” [3].

Cùng trong Hội thảo này, từ tiếp cận Xã hội học, **PGS.TS. Hoàng Bá Thịnh** phân tích “*Giá trị và phương pháp khai thác tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu gia đình ở Việt Nam*”. Trong đó, tác giả khẳng định các tài liệu cá nhân như thư từ, nhật ký, ghi chép của cá nhân là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích để tìm hiểu lối sống, các đặc điểm xã hội của gia đình Việt Nam. “*Tuy nhiên, nguồn tài liệu này chỉ có thể tiếp*

cận được trên cơ sở mối quan hệ cá nhân, dựa trên sự thân tình và tin cậy. Việc công bố các tài liệu cá nhân thành sách (tự truyện, hồi ký, ghi chép, nhật ký) sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khác thác các loại hình tài liệu này” [29].

Cung cấp góc nhìn từ khoa học Sở hữu trí tuệ, **TS. Trần Văn Hải** và nhóm tác giả trình bày về “*Khai thác tài liệu gốc trong việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ*”. Từ cách tiếp cận của sở hữu trí tuệ, nhóm tác giả đã phân tích vai trò của tài liệu gốc trong quá trình thực hiện thủ tục bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam. “*Hồ sơ gốc trong lĩnh vực SHCN được hiểu là hồ sơ làm phát sinh quyền đối với một đối tượng SHCN cho một chủ thể*” [12].

Tập hợp các bài viết đã công bố tại Hội thảo Tổ chức và Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân năm 2012, cuốn sách có tiêu đề tương tự được xuất bản năm 2013 hội tụ nhiều quan điểm khác nhau của các học giả Việt Nam và nước ngoài. Về cơ bản, các tác giả đã đồng thuận về ý nghĩa, giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân và nhu cầu quản lý chúng để phục vụ nghiên cứu lịch sử. Các nghiên cứu này đều khẳng định ý nghĩa và tầm quan trọng của tài liệu lưu trữ nhân dân trong việc nghiên cứu, xây dựng tên tuổi cho các danh nhân, nghiên cứu và phục dựng lịch sử địa phương, phục vụ hoạt động quản lý, sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, phục vụ hoạt động của các hội, các tổ chức phi chính phủ, ...

1.1.3. Quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân trong các nghiên cứu lưu trữ học

1.1.3.1. Quản lý mọi nguồn tài liệu của Canada và Australia

Tổng kết lịch sử phát triển của quan niệm “lưu trữ tổng thể”, **Laura Millar** đã viết “*Dỡ bỏ gánh nặng: Sự tiến triển của khái niệm “lưu trữ tổng thể” trong cộng đồng Canada Anh ngữ*” đăng trên tạp chí Archivaria số 46 năm 1998. Bài viết này giải thích lịch sử của khái niệm “lưu trữ tổng thể” trong lý luận và thực tiễn lưu trữ của Canada. Những quan điểm từ việc tranh luận về giá trị bằng chứng và giá trị thông tin của tài liệu đã dẫn tới: “*Sự chuyển đổi từ thu thập và bảo quản tài liệu phi cơ quan - yếu tố trung tâm của triết lý lưu trữ tổng thể [thời kỳ này] không chỉ trên toàn quốc, các tỉnh, hay các cơ quan vùng mà còn gia tăng trong các lưu trữ ở thành phố, đô thị, các trường đại học đã trở thành xu hướng tiên phong trong việc quản lý lưu trữ tổng thể vài năm trở lại đây*” [62].

Gần 20 năm sau “Evidence of Me...”, **Sue McKemmish và Michael Piggott** công bố bài viết “Hướng tới đa nguyên lưu trữ: Thách thức đối lập với nhị nguyên của lưu trữ cá nhân và lưu trữ doanh nghiệp trong lý luận và thực tiễn [công tác lưu trữ]” trong số tạp chí chuyên đề về tài liệu lưu trữ cá nhân *Archivaria* 76 năm 2013. McKEMMISH và PIGGOTT đã chấp nhận định nghĩa của nhóm phát triển Chương trình đào tạo về Đa nguyên lưu trữ đã được giới thiệu trong Tạp chí *American Archivist* số 74, năm 2011: “*Đa nguyên lưu trữ bao gồm thuyết đa nguyên về những bản văn có tính bằng chứng, các viện, các cơ quan quản lý và thực tiễn lưu giữ ký ức, quan điểm và nhu cầu của cộng đồng, việc xây dựng văn hóa và pháp luật với nền tảng nghiên cứu hàn lâm và thực tiễn nghiệp vụ lưu trữ thông qua các chương trình đào tạo sau đại học*” [61]. Theo đó, tài liệu lưu trữ cá nhân rất đa dạng về thể loại và nội dung, được quản lý và phục vụ sử dụng bởi nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng hơn là của bản thân chủ sở hữu. Các cơ quan, tổ chức lưu trữ này cần hợp tác và chia sẻ để phục vụ cộng đồng, xã hội.

1.1.3.2. Bình đẳng, tự do lựa chọn và tự do thông tin trong quản lý tài liệu lưu trữ tư nhân và di cảo ở Hoa Kỳ và Australia

Trong 77 số xuất bản từ năm 1938-2014, tạp chí *American Archivists* đã công bố gần một trăm bài viết về tài liệu lưu trữ tư, hay còn gọi là di cảo (*manuscripts* theo cách gọi của Jenkinson và Schallenberg). Nhìn chung, tuy tiếp nối và phát triển tiếp cận bằng chứng của Schallenberg với việc phân định rõ tài liệu lưu trữ và di cảo, nhưng các nghiên cứu về sau, bao gồm của chính tác giả này có khuynh hướng thừa nhận sự tương đồng giữa hai loại trên và di cảo cũng là một kiểu tài liệu lưu trữ. Do vậy, không thảo luận tiếp về khái niệm về phân biệt chúng, các bài viết trên tạp chí *American Archivists* hướng đến xây dựng các giải pháp quản lý áp dụng chung cho cả hai loại tài liệu này, bất kể chúng được lưu giữ tại các lưu trữ, thư viện hay bảo tàng. Bên cạnh đó, một số học giả khác tại Canada, Australia, Hàn Quốc cũng ủng hộ sự tôn trọng quyền tự do lựa chọn, tự do lưu giữ và thiết lập hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ đa dạng, linh hoạt. Đồng thuận với cách tiếp cận này, các nghiên cứu của ICA chú ý hơn đến quyền của chủ sở hữu tài liệu

bao gồm cả vấn đề bản quyền, chính sách sưu tầm tài liệu cho đến đạo đức nghề nghiệp của nhà lưu trữ.

Cùng năm Schallenberg xuất bản cuốn sách được coi là tạo dựng nền tảng lý thuyết cơ bản của lưu trữ học hiện đại Anh ngữ, Lester J. Cappon, giám đốc Viện Lịch sử và Văn hóa Mỹ đã có bài viết phân tích khả năng ứng dụng những quan điểm lý thuyết của Jenkinson đối với di sản lịch sử với tiêu đề “Di sản lịch sử với tư cách là tài liệu lưu trữ: Những định nghĩa và ứng dụng”. Theo đó, lý thuyết về lưu trữ có thể ứng dụng trong các thư viện, và “*phân hạng di sản lịch sử vào một số nhóm trong định nghĩa về tài liệu lưu trữ với việc công nhận thích đáng sự phân biệt đương nhiên trong mọi nguyên tắc dẫn tới kết luận rằng số lượng không nhỏ các di sản lịch sử là tài liệu lưu trữ với một tên gọi khác*” [38].

Năm 1965, trong nỗ lực thể hiện sự thừa nhận giá trị của tài liệu lưu trữ tư, **Schallenberg** công bố bài “Hệ thống quản lý quốc gia các di sản lịch sử ở Hoa Kỳ” [76] trên tạp chí American Archivists số 28. Hệ thống này, được Schallenberg giới thiệu là Danh mục tổng hợp quốc gia những sưu tập di sản do Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ ấn hành với việc áp dụng một số quan điểm của Ông trong cuốn sách được xuất bản năm 1965 với tám nguyên tắc từ việc sắp xếp nội dung tới việc mã hóa bằng số.

Bàn lại về quan niệm phân biệt tài liệu lưu trữ với di sản và việc “để lại” quyền quản lý di sản cho các thư viện của Schallenberg, năm 1966, **Robert L.Brubaker** công bố bài “Nguyên tắc lưu trữ và [quản lý] di sản”. Theo Brubaker, mặc dù quan điểm của Schallenberg và các học giả Anh, Đức trước Schallenberg đã tổng kết thành lý thuyết các nguyên tắc lưu trữ nhưng trên thực tế hoạt động của lưu trữ và thư viện đã khiến “*vài nhà lưu trữ và giám tuyển di sản bắt đầu hình thành quan niệm thứ hai. Có thể tài liệu lưu trữ và di sản không khác nhau đến vậy*” [37].

Năm 1980, **Richard H.Lytle** giới thiệu hệ thống thông tin quốc gia với bài “Hệ thống thông tin quốc gia cho tài liệu lưu trữ và các sưu tập di sản”. Hệ thống thông tin được giới thiệu trong bài là “*một hệ thống đáng tin cậy và liên kết chặt chẽ, nhưng trên hết, nó có thể hoạt động với nhiều dạng tài liệu*” [59].

Năm 1981, **Lydia Lucas** mô tả hệ thống công cụ tra cứu và quản lý thông tin tài liệu lưu trữ công và tư trong bài “Công cụ tra cứu hiệu quả: Phát triển hệ thống kiểm soát tài liệu lưu trữ và di sản”[58]. Qua việc mô tả và phân tích sự thay đổi của hệ thống công cụ tra cứu theo sự thay đổi của công nghệ và nhu cầu của người dùng, tác giả cho thấy cách tiếp cận đồng thuận với những học giả Hoa Kỳ khác trong việc coi nhu cầu sử dụng của người dùng là yếu tố quyết định đến việc thiết kế hệ thống tra cứu.

Năm 1983, **Michael Crawford** có bài “Bản quyền, những tài liệu không xuất bản và nhà lưu trữ”. Trong đó, quan điểm xuyên suốt cần thống nhất là việc phục vụ sử dụng tài liệu phải công bằng về bản quyền với tài liệu được xuất bản và không được xuất bản, giữa chủ sở hữu tài liệu với người sử dụng. Để làm được điều đó, *“nhà lưu trữ phải là một nghệ sĩ trên dây, cân bằng giữa nghĩa vụ với luật pháp, với học giả, nhà nghiên cứu, với tác giả và sự thừa kế của họ một cách công bằng hết sức có thể”* [43].

Cố gắng xây dựng đề cương mẫu cho chính sách thu thập các sưu tập di sản, **Faye Phillips** tổng kết những ý kiến về chính sách sưu tầm trong bài “Phát triển chính sách sưu tầm các sưu tập di sản” trên tạp chí *American Archivist* số 47 năm 1984. Tương tự như phản ánh của các học giả Australia, Phillips cho rằng *“sự cạnh tranh trong việc thu thập có thể tạo ra những bất lợi”*, nhưng *“nó có thể giảm bớt thông qua sử dụng các định nghĩa rõ ràng và chính sách sưu tầm”* đã được soạn thảo hoặc công bố [71].

Nằm trong chuỗi các giáo trình cơ bản do Hội Lưu trữ Mỹ xuất bản nhằm hỗ trợ các nhà lưu trữ và nhà quản lý thực hiện nhiệm vụ, “Lưu trữ và di sản: Vấn đề pháp lý” do **Gary M. Peterson** và **Trudy Huskamp Peterson** biên soạn năm 1985 đã trình bày nhiều vấn đề khác nhau liên quan tới chính sách của Hoa Kỳ thời kỳ đó. Từ khía cạnh pháp lý, các tác giả cho rằng *“càng nhiều tài liệu lưu trữ được sử dụng, các vấn đề pháp lý càng phải rõ ràng. Các vấn đề pháp lý càng rõ ràng và đơn giản thì các giải pháp cũng rõ ràng và đơn giản”* [65].

Năm 1987, **Judith E. Endelman** giới thiệu nghiên cứu phân tích các bộ sưu tập trong bài “Xem lại kế hoạch cho tương lai: Phân tích sưu tập trong các kho di

cảo”. Để phát triển các chương trình hợp tác thu thập dựa trên kết quả của phân tích sưu tập, “*các nhà lưu trữ cần phát triển một danh sách các danh mục các chủ đề để sử dụng cho mọi nghiên cứu trong tương lai*” [45].

Từ thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, lưu trữ cộng đồng được chú ý nghiên cứu hơn tại Hoa Kỳ, đặc biệt là vấn đề nhân quyền trong việc quản lý và sử dụng tài liệu của các dân tộc thiểu số. Đáng chú ý trong các nghiên cứu đó là bài viết của **Cristine Ne.Paschild** có tựa đề “Lưu trữ cộng đồng và những hạn chế của bản sắc: Cân nhắc về tác động không rõ ràng lên tư liệu” [64]. Trong đó, tác giả phân tích phê phán các yếu tố bên trong và ngoài của lưu trữ cộng đồng để chứng minh những tác động tiêu cực của trào lưu hậu hiện đại lên nhu cầu và hoạt động của các lưu trữ này, đồng thời biện luận về khả năng các lưu trữ bị lạc hướng và gặp khó khăn để thực hiện nhiệm vụ. Các nghiên cứu trường hợp của **Tracy B. Grimm và Chon A. Noriega** trong bài “Lưu giữ văn hóa và nghệ thuật vùng Latino: Nghiên cứu trường hợp về tiếp cận hợp tác và hướng về cộng đồng” [48], nghiên cứu của nhóm tác giả **Diana K. Wakimoto, Debra L. Hansen, Christine Bruce** trong bài “Trường hợp LLACE: thách thức, thành tựu và bài học từ lưu trữ cộng đồng” [66] đều chú trọng phân tích những thách thức chủ yếu và thành tựu của các lưu trữ cộng đồng cụ thể, trong đó nhấn mạnh tới vai trò của các thành viên trong cộng đồng và trách nhiệm gìn giữ bản sắc cộng đồng qua bảo tồn tài liệu lưu trữ.

Quan tâm tới chính sách để thu thập tài liệu lưu trữ cá nhân, **Myron Momrik** có bài “Ý nghĩa quốc gia: Sự vận động và phát triển chiến lược thu thập của Phòng Di sản tại Lưu trữ Quốc gia Canada”. Thực tế tại Canada cho thấy, mặc dù chủ động nhưng khi Phòng Di sản tiến hành một cách độc lập thì việc sưu tầm vẫn diễn ra một cách ngẫu nhiên theo sự tự nguyện của chủ sở hữu tài liệu. Điều đó dẫn đến các chiến dịch sưu tầm linh hoạt nhưng kéo dài mãi và không có đối tượng hay mục tiêu rõ ràng. Những nỗ lực để định nghĩa “ý nghĩa quốc gia” nhằm định hướng cho chính sách thu thập càng làm vấn đề trầm trọng hơn khi các lưu trữ, nhất là lưu trữ trung ương chỉ thu được bản sao từ địa phương hoặc cơ quan văn hóa khác. Vì thế, tự do lựa chọn, tự do lưu giữ và chia sẻ thông tin về tài liệu là chính sách hữu hiệu hơn cả [63].

Thể hiện quan điểm ủng hộ dân chủ của các lưu trữ Hàn Quốc, giáo sư **Kim Ikhan** tại đại học Myongji có bài “Lưu trữ cộng đồng và phong trào lưu trữ đòi thường ở Hàn Quốc: Sự phát triển của ý thức lưu trữ và quá trình kiến tạo ký ức đại chúng”. Theo đó, bản thân sự hình thành hoặc đang trong quá trình xây dựng của các lưu trữ cộng đồng và địa phương “là một khía cạnh tích cực khác cho triển vọng tương lai rằng Hàn Quốc vẫn đang trong quá trình phát triển nền kinh tế và dân chủ của mình.... Các hồ sơ/tài liệu lưu trữ cộng đồng sẽ có thể định hướng cho sự tăng trưởng và phát triển của quốc gia” [56]. Cho nên, tác giả ủng hộ việc xây dựng hệ thống lưu trữ linh hoạt để mọi người dân đều có quyền và có thể kiến tạo ký ức, cân bằng lịch sử với lịch sử của giai cấp thống trị.

Đồng thuận với giáo sư Kim Ikhan, giáo sư *Chung Yeon-Kyoung* có bài “Hàn Quốc hiện đại thông qua lịch sử truyền miệng của người phụ nữ: Ý nghĩa và quá trình lưu trữ”. Bà cho rằng: “*Trải nghiệm lịch sử của các cá nhân trong suốt những giai đoạn đặc biệt hoặc những địa điểm cụ thể không thể đại diện cho trải nghiệm của toàn dân Hàn Quốc... Khi nhiều người khác nhau cùng là chủ thể của lịch sử thì lịch sử có thể trở nên khách quan hơn*” [41]. Đồng quan điểm với các học giả Hàn Quốc khác, Kwak cũng cho rằng sự thiếu hụt tài liệu tư do sự quản lý hạn chế của Lưu trữ Quốc gia Hàn Quốc là nguyên nhân chính để “*chúng ta nên mở rộng giá trị dân chủ trong việc quản lý tài liệu lưu trữ tới toàn xã hội và xây dựng [các lưu trữ] càng nhiều [về số lượng], càng nhỏ [về quy mô]*” [57]. Theo đó, thúc đẩy phát triển các hệ thống đa dạng và linh động để bảo tồn nguồn tư liệu phong phú từ nhân dân, hướng tới phục vụ nhu cầu nghiên cứu lịch sử nhân dân là một cách để thay đổi quan niệm có tính chính trị.

Như một phản ảnh khái quát có tính lịch sử, bài viết “Lưu trữ tư trong cộng đồng Nhật Bản: Quá khứ, hiện tại và thách thức tương lai” của **GS. Yuichi Aoki** đã thừa nhận sự tồn tại của các tài liệu trong cộng đồng là “*thành quả thầm lặng của họ*”. Cho nên, GS. Aoki cho rằng “*chính những cư dân này, với nhận thức về giá trị và sức mạnh của tài liệu họ có, được trang bị kỹ năng và sự hiểu biết cần thiết sẽ thuyết phục chính quyền địa phương và nhà cầm quyền nơi sinh sống về sự cần thiết bảo quản tài liệu lưu trữ cá nhân*” [35].

Thêm một thảo luận khác về tài liệu làng xã và sự quản lý của lưu trữ tư qua một nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu sinh **Yo Hashimoto** có bài “Bảo toàn qua binh lửa: Phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ làng xã thời chiến hiện đang được lưu giữ trong các kho lưu trữ tư nhân. Qua trường hợp này, hành động “ăn trộm” các hồ sơ lưu trữ của Văn phòng thị trấn Osato được xét lại, từ một hành vi phạm pháp trở thành công trạng vì đã giúp cứu được những tài liệu này qua thời gian chiến tranh. Điều đó cũng phản ánh *“ranh giới giữa tài liệu lưu trữ công và tư là không rõ ràng. Kéo theo đó, các công cụ tra tìm đối với khối tài liệu này phản ánh hai đặc điểm công và tư”* [50].

Năm 2013, sau khi thành công với các dự án nghiên cứu lịch sử của Viện nghiên cứu trung đại tại Bồ Đào Nha, cùng với sự hỗ trợ của Quỹ Khoa học và Công nghệ Quốc gia, hai học giả Marie de Lurdes Rosa và Randolph C. Head đã sưu tầm và biên tập những bài viết quan trọng về lưu trữ gia đình, dòng họ với tựa đề "Nhìn lại lưu trữ tiền hiện đại châu Âu: Tài liệu lưu trữ gia đình và sự thống kê [tài liệu] của các dòng họ từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 19". Nội dung chính của cuốn sách đề cập tới những nghiên cứu của nhiều học giả về quá trình hình thành, lưu giữ và thống kê tài liệu của các dòng họ trong thời kỳ cận đại dưới tác động của luật pháp và ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, xã hội. Theo đó, tài liệu của các dòng họ vẫn do họ tự lưu giữ và *"sự kết hợp giữa các yếu tố công và tư cả trong tài liệu cũng như các dòng họ được bảo tồn, và việc lựa chọn những cá nhân [để giao trách nhiệm] quản lý và tổ chức tài liệu đã cho thấy cách tiếp cận đầy quyền lực vào văn hóa chính trị Châu Âu và văn hóa tri thức Châu Âu như những gì họ thể hiện trong suốt những thế kỷ qua"* [70].

Năm 1984, Hội đồng Lưu trữ Quốc tế (ICA) và Ủy ban Liên hiệp quốc về khoa học, giáo dục và văn hóa (UNESCO) đã công bố kết quả nghiên cứu chung có tên gọi “Bảo tồn và quản lý tài liệu lưu trữ tư: Một nghiên cứu trong chương trình quản lý tài liệu lưu trữ”. Báo cáo tổng kết việc khảo sát qua phiếu hỏi tại 27 quốc gia, bao gồm cả các nước phát triển, đang phát triển, thuộc địa cũ ở các châu lục⁴. Rất nhiều số liệu trong báo cáo có ý nghĩa quan trọng. Theo đó, “62% đối tượng

⁴ Việt Nam không nằm trong danh sách các quốc gia được khảo sát.

được hỏi cho biết nguyện vọng của người trao tặng hoặc bản quyền của chủ sở hữu tài liệu được thực hiện. Trong nhiều trường hợp, những nguyện vọng tương tự được đặt trong điều kiện giới hạn của việc trao tặng hoặc ký gửi” [77]. Kinh nghiệm của nhiều nước như Pháp, Canada, Phần Lan, Tây Ban Nha, Anh,... cho phép chủ sở hữu tài liệu được khuyến khích giao nộp hoặc tạo điều kiện cho cơ quan lưu trữ tiếp cận tài liệu thông qua giảm thuế.

Hội nghị quốc tế lần thứ 15 do ICA tổ chức có chủ đề “Quan điểm quốc tế về bản quyền lưu trữ” tháng 8 năm 2004 tại Đức đã tập hợp những thảo luận của các chuyên gia bản quyền từ nhiều quốc gia trên thế giới. Tham gia trong Hội nghị này, **David Sutton** thể hiện quan điểm và tinh thần cơ bản của hội nghị là “*Tiếp cận so sánh theo chủ nghĩa quốc tế để hiểu rõ luật bản quyền vượt qua biên giới quốc gia có thể và nên là khu vực ưu tiên hàng đầu trong nhiệm vụ của ICA*” [66].

1.1.3.3. Quản lý tập trung, thống nhất của Việt Nam

Chịu ảnh hưởng từ những nguyên tắc quản lý tài liệu lưu trữ của Liên Xô trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa với tinh thần “*Nguyên tắc cơ bản của Lênin về công tác lưu trữ còn sống mãi*” [30], các học giả và nhà nước Việt Nam cũng coi tập trung, thống nhất là một trong những nguyên tắc ưu tiên hàng đầu khi thực hiện quản lý nhà nước về công tác lưu trữ. Những thảo luận đầu tiên về việc quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân tập trung vào tài liệu của các nghệ sĩ, thường gọi là tài liệu văn học, khoa học và tài liệu của các cộng đồng, dòng họ như văn bia, gia phả. Những thảo luận này thể hiện qua bài viết của các tác giả **Lê Văn Khảm, Vũ Dương Hoan** và nhiều mô tả thành tựu của cơ quan lưu trữ nhà nước của tác giả Minh Văn trong những năm 70 và 80 của thế kỷ XX. Khi việc lưu trữ tài liệu văn học, nghệ thuật bắt đầu có được những thành tựu, từ năm 2000, nhiều học giả khác bắt đầu tham gia bàn luận sôi nổi hơn với nhiều nội dung khác nhau, từ giá trị sử liệu của tài liệu cá nhân tới vấn đề bản quyền tác phẩm điện ảnh.

Chú ý tới tài liệu của những cá nhân, trong những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, các tác giả **Lê Văn Khảm, Vũ Dương Hoan** và đặc biệt là **Minh Văn** liên tiếp công bố các bài viết về giá trị của tài liệu văn học, nghệ thuật và nhu cầu quản lý chúng ở Việt Nam. Trong số tạp chí Lưu trữ tháng 1 năm 1989, tác giả Minh Văn với bài viết “*Kho Lưu trữ trung ương với công tác sưu tầm, thu thập tài*

liệu xuất xứ cá nhân” đã đặt ra vấn đề sở hữu và phương hướng giải quyết. Theo đó, *“tài liệu cá nhân (bao gồm tài liệu của các cá nhân, gia đình, dòng họ) hiện vẫn đang là tài sản riêng thuộc phạm vi sở hữu cá nhân”* [33] và để thu thập được chúng, kho lưu trữ trung ương phải tiến hành tiếp cận, thuyết phục để cá nhân hiến tặng, ký gửi hoặc nhượng bán lại cho nhà nước. Chủ đề này được tiếp tục được đề cập năm 2007 khi **ThS. Phạm Thị Bích Hải** đã tổng kết những thành tựu quản lý tài liệu cá nhân của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III trong bài viết *“Một số nét về công tác lưu trữ tài liệu xuất xứ cá nhân trong thời gian qua”* trên tạp chí Văn thư - Lưu trữ Việt Nam và công bố lại có chỉnh sửa với tên gọi *“Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III với công tác lưu trữ tài liệu xuất xứ cá nhân”* trong hội thảo *“Phát huy giá trị tài liệu phục vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”* năm 2008. Vấn đề lớn nhất được tác giả nhấn mạnh trong bài viết là sự hạn chế trong việc khai thác, sử dụng tài liệu này ở chỗ: *“tài liệu cá nhân chỉ có thể được tiếp cận hay công bố khi có sự cho phép của chủ nhân tài liệu”* [9].

Xuất phát từ những hạn chế của hệ thống lưu trữ Việt Nam trong những năm 90 của thế kỷ XX đến những năm đầu thế kỷ XXI, nhiều tác giả đã tập trung nghiên cứu về việc tổ chức lại hệ thống các trung tâm, các kho lưu trữ, chủ yếu đề xuất mô hình mẫu cho các cơ quan lưu trữ nhà nước theo sự tổ chức hệ thống hành chính, nhằm mục đích chính là quản lý tài liệu của nhà nước như đề tài cấp ngành do PGS. Vương Đình Quyền chủ trì, các luận văn thạc sĩ của Trần Thanh Tùng, Phạm Thị Diệu Linh. Bên cạnh đó là những nghiên cứu về đảm bảo nguồn lực cho ngành lưu trữ như luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Thanh Hương. Do những thay đổi về bối cảnh kinh tế - xã hội, **PGS.TS. Dương Văn Khảm** cùng nhóm tác giả đã công bố báo cáo tổng thuật đề tài cấp ngành có tên *“Cơ sở khoa học để tổ chức quản lý nhà nước về công tác lưu trữ”* năm 2001. Bên cạnh quan điểm quản lý thống nhất công tác lưu trữ và tài liệu lưu trữ, nhóm tác giả đã xác định một trong những cơ sở lý luận để quản lý nhà nước công tác lưu trữ là phải *“xây dựng hệ thống các trung tâm lưu trữ, các kho lưu trữ theo hệ thống chính trị trong xã hội”*, bao gồm cả *“hệ thống các trung tâm, kho lưu trữ Đảng cộng sản Việt Nam”, “hệ thống các trung tâm, kho lưu trữ nhà nước”,..., “các kho lưu trữ của tổ chức tôn giáo”, “các kho lưu trữ thuộc sở hữu tập thể”, “các kho lưu trữ tư nhân, gia đình, dòng họ”* [16].

Không đặt vấn đề quản lý tập trung như các tác giả trước đó, năm 2005, **GS. TSKH. Nguyễn Văn Thâm** giới thiệu bài viết “*Lưu trữ nhân dân - Tiềm năng vô tận*” trên tạp chí Dấu ấn thời gian. Theo tác giả, tài liệu lưu trữ nhân dân “*đòi hỏi phải được quản lý theo những định chế khác tương ứng với tính chất của nó*” [28]. Đến năm 2012, với bài viết cho Hội thảo quốc tế Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân, giáo sư đã cụ thể hóa những ý tưởng trên. Bài viết được công bố lại năm 2013 với tựa đề “*Luật Lưu trữ và vấn đề tổ chức tài liệu lưu trữ nhân dân*” trên tạp chí Văn thư - Lưu trữ Việt Nam số 6. Mặc dù đề xuất 3 giải pháp khác nhau, quan điểm chủ đạo của GS. TSKH. Nguyễn Văn Thâm vẫn là coi người dân là chủ thể sáng tạo và chủ thể lưu giữ tài liệu, nhưng nhà nước phải giữ vai trò cơ bản trong việc thúc đẩy vai trò chủ thể của nhân dân.

Cho đến nay, Hội thảo quốc tế về “Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân” năm 2013 là một trong những diễn đàn tập trung nhất để bàn luận về chủ đề này ở Việt Nam. Về cơ bản, các tác giả đã đồng thuận về ý nghĩa, giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân và nhu cầu quản lý chúng để phục vụ nghiên cứu lịch sử. Các thông tin và số liệu khảo sát trong bài viết của **PGS.TS. Vũ Thị Phụng, PGS. Nguyễn Văn Hàm, TS. Nguyễn Liên Hương**, các nghiên cứu trường hợp của **TS. Nguyễn Lệ Nhung, ThS. Nguyễn Thu Hoài, ...** đã góp phần vẽ nên bức tranh tương đối khái quát về hiện trạng hình thành và quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam. Các giải pháp được đưa ra đều hướng đến chính sách và những biện pháp cần thiết giải quyết hiện trạng thiếu quản lý đối với tài liệu lưu trữ nhân dân trong bối cảnh cụ thể của từng quốc gia về phương diện chính trị, văn hóa và luật pháp. Liên quan tới chính sách, các tác giả đều thể hiện những quan điểm cá nhân về những vấn đề: vai trò của chính phủ hay nhà nước đối với việc cung cấp nguồn lực để tìm kiếm và bảo tồn tài liệu lưu trữ nhân dân; vai trò chủ động của các cơ quan lưu trữ trong việc tiếp cận với dân chúng và tiếp cận với tài liệu để bảo tồn chúng; vai trò của các cơ quan nghiên cứu, đào tạo trong việc đề xuất và chủ động hợp tác với các bên để thực hiện các dự án nghiên cứu phục vụ thiết kế giải pháp chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân.

1.2. Chính sách công trong các nghiên cứu về hành chính công, quản lý công, quản trị công và quản lý nhà nước

1.2.1. Sự thay đổi cách tiếp cận trong nghiên cứu xây dựng chính sách công

Để làm rõ sự thay đổi quan niệm về chính sách công trong mối quan hệ với các khoa học liên quan, phần này tập trung vào những thay đổi về lý luận và thực tiễn hoạt động quản lý trên thế giới. Hành chính công (public administration) vừa là hoạt động thực tiễn của các nhà nước, vừa là thuật ngữ khoa học chỉ một lĩnh vực nghiên cứu. Theo đó, hành chính công là một lĩnh vực “*nghiên cứu hàn lâm về khu vực công*”. “*Lý thuyết cơ bản của hầu hết thế kỷ XX thường được gọi là mô hình hành chính công truyền thống với sự tương phản với hành chính công mới hay chủ nghĩa quản lý hoặc cải cách hành chính công*” [52]. Từ góc độ thực tiễn cũng như lý thuyết, chính sách công là kết quả của hành chính công. Trong hành chính công, các nguyên tắc chính trị chi phối mạnh mẽ quá trình hoạch định chính sách. Ở thời kỳ này, việc ban hành chính sách công tập trung vào vấn đề xây dựng pháp luật, thiết kế hệ thống, tổ chức và kiểm soát. Các kết quả và hệ quả của chính sách dựa trên các phân tích định tính.

Những thay đổi và khủng hoảng kinh tế - chính trị tại châu Âu ở nửa sau thế kỷ XX đã thách thức hoạt động của các nhà nước, theo đó nền hành chính công với nền tảng lý thuyết dựa trên các học thuyết quản lý cổ điển của Taylor và Weber trở nên lạc hậu, trở thành lực cản đối với sự tiến triển của các quốc gia. Đồng thời, hành chính công với những yếu tố phụ thuộc chặt chẽ vào chính trị dần trở nên mâu thuẫn, bởi lẽ các nguyên tắc chính trị tập trung vào việc bảo vệ sự lãnh đạo chính trị, trong khi hoạt động của nhà nước đòi hỏi những biện pháp có tính kỹ thuật để thúc đẩy và hỗ trợ xã hội phát triển. Điều đó khiến cho nhiều phương diện trong hoạt động quản lý của nhà nước, cả về lý thuyết lẫn thực tiễn, dần tách khỏi các nguyên tắc chính trị và ngày càng chú trọng về kỹ thuật quản lý đất nước, dẫn đến quá trình cải cách hành chính, hay hành chính công mới (new public administration), hoặc quản lý công (public management). Do vậy, “*chúng ta sử dụng [thuật ngữ] quản lý công để tiếp cận theo hướng sử dụng các kỹ thuật quản lý (thường bắt đầu từ khu vực tư) để làm tăng giá trị tài chính đạt được từ các dịch vụ công*” [36]. Cách tiếp cận này làm thay đổi nội dung của chính sách công. Theo đó,

“*hoạch định chính sách công [không phải từ ngẫu nhiên], mà chúng là [quá trình bắt buộc] của mọi tổ chức, các viện, các nhóm quan tâm và thậm chí là các thế lực văn hóa và xã hội*” [52]. “*Người ta gọi đây là các Nhóm lợi ích để minh họa cho thực tế - đây là các nhóm hưởng lợi ích từ một chính sách công nhất định*” [3]. Mô hình này đòi hỏi áp dụng nhiều phương pháp phân tích định lượng để thu thập và xử lý dữ liệu phục vụ ban hành và thực thi chính sách. Và ở thời kỳ này, chính sách không chỉ chú trọng giải quyết những vấn đề chung của quốc gia mà còn được xây dựng trên cơ sở đặc thù chính trị - xã hội - văn hóa của từng vùng, sự ảnh hưởng của xu hướng toàn cầu hóa và các trào lưu mang tính quốc tế. Kéo theo đó, nhà nước thay đổi vai trò từ kiểm soát và can thiệp sang thúc đẩy, hỗ trợ và điều hành tổng quát, chủ động xây dựng chiến lược phát triển thay cho chính sách giải quyết vấn đề trước mắt.

Quan điểm về quản trị công (governance) hình thành như là một xu hướng mới nổi trong khu vực công tại châu Âu và Hoa Kỳ cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Theo đó, quản trị (governance) với tư cách là một thuật ngữ trong khoa học và thực tiễn đã phát triển và thay đổi ý nghĩa từ nguyên gốc tiếng Pháp ở thế kỷ XIV thành một khái niệm với nội hàm chú trọng hơn vào bản chất của nhà nước trong việc đảm bảo dân chủ. “*Quản trị là cách thức mà các chủ sở hữu ảnh hưởng lẫn nhau để tác động tới kết quả của chính sách*” [36].

Sự thay đổi về cách tiếp cận chính sách công có thể khái quát như sau:

	Hành chính công	Quản lý công	Quản trị công
Phân tích dữ liệu xây dựng chính sách	Định tính	Kết hợp định tính và định lượng	Kết hợp định tính và định lượng
Nội dung chính sách	Hệ thống pháp luật và cơ cấu bộ máy	Các dịch vụ công	Hoạch định chiến lược và điều hành vĩ mô
Chủ thể xây dựng chính sách	Hệ thống cơ quan nhà nước	Nhà nước và các nhóm cá nhân, các tổ chức trong toàn xã hội	Nhà nước và các nhóm chủ sở hữu, các nhóm lợi ích

1.2.2. Chính sách công trong nghiên cứu về quản lý nhà nước xã hội chủ nghĩa

Không dùng thuật ngữ hành chính công như các học giả Tây Âu và Mỹ, các học giả Liên Xô gọi hoạt động quản lý xã hội của Nhà nước là quản lý nhà nước. Chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng quản lý nhà nước của Liên Xô, đến trước những năm 1990, các tài liệu học tập và nghiên cứu về quản lý nhà nước của Việt Nam vẫn được xây dựng trên cơ sở tổng hợp hoặc lược dịch từ tiếng Nga. Theo đó, "*Quản lý xã hội là khái niệm rộng nhất. Quản lý nhà nước là một bộ phận của quản lý xã hội, nó bao quát toàn bộ hoạt động của nhà nước, gồm hai phần: công tác tổ chức trong bộ máy nhà nước, và sự tác động về mặt tổ chức đến người công dân, đến các tổ chức xã hội ở trong nước, sự thực hiện các mối quan hệ với các nhà nước khác*" [Nguyễn Diệu Cơ, 1987, 13]. Đặc điểm đáng lưu ý của quản lý nhà nước xã hội chủ nghĩa là sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào mọi vấn đề của xã hội, đặc biệt là nền kinh tế, trong đó phủ nhận vai trò lãnh đạo nền kinh tế của các bộ phận kinh tế. Đặc điểm này trở thành đặc trưng của quản lý xã hội chủ nghĩa, và trở thành nguyên tắc cơ bản, chi phối mọi hoạt động của xã hội, dẫn đến sự hình thành các nguyên tắc chi phối trong quản lý các ngành, lĩnh vực, bao gồm cả nguyên tắc quản lý "tập trung, thống nhất" về lưu trữ.

Quản lý xã hội chủ nghĩa tập trung vào bản chất chính trị của nhà nước và vai trò của nhà nước trong việc vận hành đất nước theo định hướng chính trị. Không nhắc tới chính sách, những nhà nghiên cứu theo quan điểm của Liên Xô cũ cho rằng xây dựng hệ thống tổ chức và luật pháp là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của quản lý nhà nước xã hội chủ nghĩa. Bởi lẽ, "*pháp luật có vị trí quan trọng trong việc bảo đảm quá trình quản lý. Vấn đề không chỉ đơn thuần ở chỗ các giai đoạn của quá trình quản lý - như thông qua quyết định, thi hành quyết định,... được thực hiện dưới những hình thức pháp luật nào đấy, mà là ở chỗ những hình thức đó đưa vào quá trình một trật tự ổn định, sự rành rọt và nâng cao tính nội dung trong hành động của những người làm việc trong bộ máy quản lý, tạo điều kiện để áp dụng những kiến nghị có căn cứ khoa học*" [2]. Tuy nhiên, bên cạnh nhấn mạnh quá lớn tới vai trò lãnh đạo của đảng chính trị, các học giả này cũng chú ý tới đặc tính nhân đạo của quản lý nhà nước và của luật pháp với khẩu hiệu đem lại cuộc sống bình đẳng, hạnh phúc và quyền làm chủ của nhân dân.

Trong những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX ở Việt Nam, nền kinh tế và phương thức quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp bộc lộ nhiều yếu kém. Chủ trương đổi mới vừa có tính chính trị, vừa là bước đột phá của Đảng và Nhà nước Việt Nam để phát triển đất nước. Đến những năm 90, lý thuyết và quan điểm quản lý nhà nước của Liên Xô trước đây không còn phù hợp, trong khi bản thân Liên bang Xô Viết đã tan rã với một phần lý do từ sự yếu kém về quản lý. Tiếp thu quan điểm quản lý mới trên cơ sở lý thuyết quản lý nhà nước của Liên Xô cũ, các chuyên gia hành chính học dưới sự chỉ đạo, chủ biên của **GS. TS. Nguyễn Duy Gia** đã xây dựng những bộ giáo trình giới thiệu quan điểm được coi là đặc thù của Việt Nam. Quan điểm này sử dụng thuật ngữ "*hành chính công*" với nghĩa là "*hành chính nhà nước*", trong đó hành chính được hiểu theo nghĩa rộng là "*sự quản lý của Nhà nước*". "*Nó là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của công dân [,] do các cơ quan trong hệ thống hành pháp từ trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước, phát triển các mối quan hệ xã hội, duy trì trật tự an ninh, thỏa mãn những nhu cầu hàng ngày của nhân dân*" [8]. Tuy nhiên, các lý thuyết thời kỳ này chưa đề cập tới chính sách và vấn đề xây dựng, thực hiện chính sách như là một nhiệm vụ của nhà nước. Vì thế, trong số hơn 200 luận án tiến sĩ về chính sách tại Thư viện Quốc gia Việt Nam từ 1995 - 2005, các luận án lấy chính sách là đối tượng nghiên cứu chính đều tập trung phân tích, phản biện hệ thống văn bản pháp luật, chưa đề cập tới các hình thức văn bản chính sách chính sách khác như các chương trình, kế hoạch, các tài liệu và số liệu bằng chứng cho quá trình thực thi chính sách và phân tích tác động chính sách. Quan niệm về chính sách chưa được giải thích cụ thể.

Thế kỷ XXI đánh dấu sự xuất hiện công khai của nhiều quan điểm mới ở Việt Nam với việc coi chính sách là đối tượng nghiên cứu chính thức dưới sự ảnh hưởng của khoa học chính sách xuất hiện ở Tây Âu và Mỹ. Chính sách công đang trở thành một môn học và chủ đề nghiên cứu của khoa học hành chính. Để phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu vào đào tạo, những ấn phẩm và bài viết đề cập trực tiếp đến chính sách công bắt đầu xuất hiện. Vẫn tập trung vào các vấn đề kỹ thuật, quy trình và không từ bỏ những nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng

từ thời kỳ Liên Xô nhưng khách quan hơn, các học giả của Học viện Hành chính Quốc gia định nghĩa "*chính sách công là những hành động ứng xử của nhà nước với các vấn đề phát sinh trong đời sống cộng đồng, được thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm thúc đẩy xã hội phát triển*" [10,11]. Về cơ bản, các học giả của Học viện hành chính chú ý hơn tới tính đúng đắn của chính sách trong mối quan hệ với quan điểm chính trị của đảng cầm quyền và thực tiễn của Quốc gia. Các nghiên cứu này phát triển nhiều nội dung chuyên sâu về chính sách và vận dụng tiếp cận của hành chính học Việt Nam, trong đó "*định hướng của đảng cầm quyền*" vẫn là căn cứ đầu tiên để hoạch định chính sách.

Khác với quan điểm đó, tiếp thu những nghiên cứu lý thuyết về chính sách của các học giả Tây Âu và Mỹ, những bài viết của **GS.TS. Vũ Cao Đàm** hướng đến bản chất và triết lý của chính sách. Tập trung vào chính sách và chiến lược phát triển khoa học - công nghệ nhưng nhiều bài viết và bài giảng chuyên đề của GS.TS. Vũ Cao Đàm đã bao quát những vấn đề có tính lý thuyết. Theo đó, tác giả đã phân loại các quan niệm về chính sách theo 10 cách tiếp cận của các ngành khoa học khác nhau và mối quan hệ của nó với pháp luật, xã hội dân sự và các thiết chế quản lý khác. Ứng dụng lý thuyết của Kuhn vào nghiên cứu chính sách, GS.TS.Vũ Cao Đàm xây dựng một khung mẫu (paradigma) của chính sách. Khung mẫu này không mâu thuẫn với cấu trúc chính sách của các học giả của Học viện Hành chính Quốc gia nhưng khai thác sâu hơn ở nhiều tầng quan điểm theo hướng ngày càng tập trung vào bản chất và tinh thần chung của chính sách và của nhà nước tạo ra nó. Theo đó, "*triết lý của chính sách là tầm tư tưởng, tầm quan trọng nhất của chính sách*" [6]. Đặc tính liên ngành với dấu ấn xã hội học, khoa học quản lý, văn hóa học, triết học,... biểu hiện rõ trong các nghiên cứu của Ông.

Tìm kiếm nhiều hơn các bài học từ các quốc gia láng giềng ở châu Á, đồng thời cung cấp cách nhìn đa chiều từ các chuyên gia trong và ngoài nước, nhiều hội thảo về chính sách công đã được tổ chức dưới sự tài trợ của các quỹ tiền tệ quốc tế như ADB hay WB. Năm 2005, từ một hội thảo như vậy, các tác giả **Toru Hashimoto, Stefan Hell, Sang - Woo Nam** đã biên tập và xuất bản những bài viết về nghiên cứu và đào tạo chính sách công ở Việt Nam. Trong cuốn sách này, các tác giả đã mô tả môi trường chính sách nói chung, môi trường ở Châu Á và Việt Nam

nói riêng là môi trường “*nảy sinh các mối quan tâm khác nhau, các mong muốn khác nhau và khi điều này trở nên phức tạp hơn về cơ cấu và có tính toàn cầu hóa hơn, việc hoạch định chính sách trở thành một vấn đề mang tính liên ngành hơn, đòi hỏi các phân tích phức tạp hơn và các cách tiếp cận rộng hơn trước*” [51]. Ngoài ra, các bài viết trong cuốn sách cũng trình bày những tổng hợp của các học giả ở nhiều quốc gia về nội dung nghiên cứu chính sách, nhu cầu đối với nghiên cứu chính sách và các vấn đề liên quan khác.

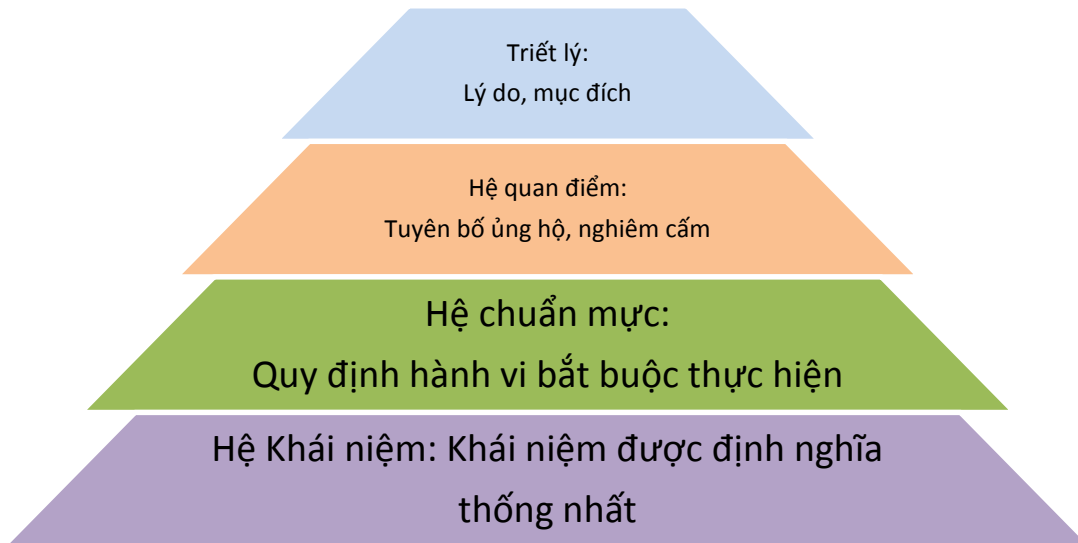
1.2.3. Khái niệm “chính sách công”

Như đã trình bày ở trên, khái niệm chính sách công được giải thích theo nhiều cách và tùy theo mối quan hệ hay tiến trình phát triển của chính sách công và khoa học quản lý, khoa học chính sách, quan niệm về chính sách công có nhiều thay đổi. Lịch sử nghiên cứu chính sách công dẫn đến nhiều cách tiếp cận, trong đó có những nhóm học giả coi chính sách công là sản phẩm có mục đích của nhà nước. Tiêu biểu của nhóm này là J. Anderson với quan niệm: “*chính sách là một quá trình hành động có mục đích được theo đuổi bởi một hoặc nhiều chủ thể trong việc giải quyết các vấn đề mà họ quan tâm*” [J. Anderson, 1990, tr.5, trích lại từ Bài giảng Khoa học Chính sách của Thạc sĩ Hồ Ngọc Minh, 2006]. Nhóm học giả khác coi chính sách là một tập hợp các bước để giải quyết vấn đề công cộng, như là: *cảm nhận tình huống có vấn đề, xác định vấn đề, hình thành các giải pháp, xem xét các khía cạnh của các giải pháp, chọn một giải pháp rồi thực hiện* [J. Dewey, tập VI, 1978, tr. 177-356, trích lại từ Bài giảng Khoa học Chính sách của Thạc sĩ Hồ Ngọc Minh, 2006]. Lại có quan điểm khác tin rằng chính sách công là một quá trình chính trị: “*chính sách công có thể xác định như sản phẩm đầu ra của quá trình khuếch tán do các cá nhân thực hiện. Những cá nhân này hợp thành những nhóm nhỏ tác động lẫn nhau trong một cơ cấu bị chi phối bởi các tổ chức chính thức. Những tổ chức này thực hiện chức năng trong hệ thống thể chế chính trị, luật lệ và thực tiễn, tất cả đều hướng đến những tác động có tính xã hội và văn hóa*” [52]. Theo cách tiếp cận này, chính sách công xuất phát từ ý tưởng và hoạt động của một cá nhân thuộc hệ thống chính trị và tuân thủ theo các quy trình, thủ tục và luật lệ của bản thân hệ thống đó. Ý tưởng này, khi được hệ thống chấp nhận và thực thi sẽ phải hướng đến những tác động lớn về phương diện xã hội và văn hóa. Một cách đơn giản hơn và

tiếp cận từ cả hệ thống chính quyền, các học giả Hoa Kỳ quan niệm rằng: "*chính sách công là những gì mà chính quyền thi hành đến dân*" [3]. Giải thích bản chất của chính sách công, **PGS.TS. Văn Tất Thu** tin rằng: "*Chính sách công là ý chí chính trị của đảng cầm quyền, được thể hiện cụ thể là các quyết sách, quyết định chính trị của nhà nước*"[31]. Đồng thời, không xác định phạm vi tác động rộng lớn đến từng người dân, TS. Văn Tất Thu coi "*chính sách công là chính sách của nhà nước đối với khu vực công cộng, phản ánh bản chất, tính chất của nhà nước và chế độ chính trị trong đó nhà nước tồn tại; đồng thời phản ánh ý chí, quan điểm, thái độ, cách xử sự của đảng chính trị phục vụ cho mục đích của đảng, lợi ích và nhu cầu của nhân dân. Nhà nước dựa trên nền tảng nhân dân, là chủ thể đại diện cho quyền lực của nhân dân ban hành chính sách công*"[31].

Đặt cách tiếp cận tổng hợp dựa trên nền tảng của nhiều ngành khoa học như xã hội học, chính trị học, khoa học quản lý,..., các tác giả trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn lại định nghĩa: "*chính sách là tập hợp những biện pháp được thể chế hóa, mà một chủ thể quyền lực hoặc chủ thể quản lý đưa ra, trong đó tạo ra sự ưu đãi một hoặc một số nhóm xã hội, kích thích vào động cơ hoạt động của họ, định hướng hoạt động của họ nhằm thực hiện một mục tiêu ưu tiên nào đó trong chiến lược phát triển của một hệ thống xã hội*" [5]. Cách tiếp cận này đưa đến một cấu trúc thiết chế bao gồm thiết chế công bố (là những thiết chế được thể hiện rõ ràng trong lời văn của văn bản chính sách, gây những tác động trực tiếp trong xã hội) và thiết chế ngầm định (là những thiết chế không được viết rõ ràng trong lời văn của chính sách, và gây tác động gián tiếp trong xã hội). Từ đó, cấu trúc chính sách là một khung mẫu (paradigma) gồm bốn tầng từ thấp đến cao là: Hệ khái niệm, Hệ chuẩn mực, Hệ quan điểm và Triết lý [5].

Mặc dù đề xuất cách tiếp cận theo khung mẫu của chính sách nhưng tác giả **Vũ Cao Đàm** không phủ nhận cấu trúc gồm mục tiêu và biện pháp do các tác giả khác trình bày. Do đó, paradigma của chính sách được sử dụng như là một phương tiện để phân tích mục tiêu và phân tích giải pháp chính sách. Tiếp thu cách tiếp cận này, đề tài khoa học "*Quan điểm quản lý nhà nước công tác lưu trữ giai đoạn 1986 - 2012*" cụ thể hóa các tầng của paradigma chính sách như sau [21]:



Hình 1.1. Cấu trúc chính sách

Các kiểu định nghĩa nêu trên không đồng nhất về quan niệm. Định nghĩa của các học giả hành chính học phù hợp hơn với môi trường chính sách ở Việt Nam và vì thế, có khả năng áp dụng cao hơn vào hoạt động quản lý nhà nước. Định nghĩa của học giả Khoa học quản lý ít đề cập tới đặc tính chính trị của chính sách mà chú ý hơn đến khả năng can thiệp và tác động của chính sách tới các nhóm xã hội. Song nhìn chung, chính sách công đều được xác định là:

- Sản phẩm hoạt động của nhà nước, được thể hiện qua các quyết định quản lý với nhiều hình thức khác nhau
- Nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh theo mục tiêu được định hướng
- Thúc đẩy sự phát triển của xã hội

Như thế, dù tiếp cận theo cách nào, các nhóm học giả đã đồng thuận ở những điểm cơ bản sau:

- Chính sách công chịu ảnh hưởng của thiết chế chính trị
- Chính sách công có cấu trúc gồm mục tiêu và biện pháp
- Chính sách công có tác nhân để hình thành và có môi trường để tồn tại
- Chính sách công ảnh hưởng khác nhau đến các nhóm xã hội khác nhau

Những điểm đồng thuận của các học giả hành chính học và khoa học quản lý như đã tổng hợp ở trên sẽ là cơ sở lý thuyết để thu thập thông tin về vấn đề chính sách phân tích cấu trúc chính sách ở các chương tiếp theo của luận án.

Tiểu kết chương 1

Trong các nghiên cứu, dù mang tính lý thuyết hay ứng dụng, đều cho thấy những mối quan tâm chính tập trung vào các đối tượng nghiên cứu khác nhau thuộc tài liệu lưu trữ nhân dân như liệt kê trong bảng sau:

Loại tài liệu Quốc gia	Cá nhân	Gia đình Đòng họ	Cộng đồng
Hoa Kỳ	x		X
Canada	x	X	X
Australia	x	X	X
Liên Bang Nga	x	X	
Việt Nam	x	X	X

Tuy nhiên, tùy theo đặc thù văn hóa - xã hội của từng nước, quan niệm về những cấp độ của chủ thể hình thành tài liệu như bảng trên cũng khác nhau. Trong đó, tài liệu của cá nhân và gia đình - dòng họ bị đồng nhất trong nhiều trường hợp vì về bản chất. Các cộng đồng, trong trường hợp của các nhà nước liên bang kể trên, thường liên quan đến nhóm xã hội như các dân tộc thiểu số, các nhóm giới tính như phụ nữ, người đồng tính, hoặc các phong trào của nhân dân như chủ nghĩa nữ quyền hay phong trào công nhân. Ở Việt Nam, khái niệm “tài liệu lưu trữ cộng đồng” chưa trở thành thuật ngữ chính thức trong giới nghiên cứu nhưng được đề cập thông qua các nhóm tài liệu cụ thể của làng xã như thần tích, thần sắc, văn bia,... Trong các nghiên cứu kể trên, ở cấp độ quốc gia hay quốc tế, sử dụng cách tiếp cận bằng chứng hay ý nghĩa, đều thể hiện sự công nhận đối với giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân và nhu cầu bảo tồn chúng vì mục tiêu văn hóa hay khoa học.

Liên quan tới chính sách, mặc dù kế thừa lý thuyết lưu trữ của nhau như Canada kế thừa của Anh - Mỹ và Pháp, Australia kế thừa của Mỹ, Việt Nam kế thừa của Pháp và Liên Xô nhưng tùy theo đặc điểm chính trị - xã hội của từng quốc gia, mỗi nước tuân thủ những quan niệm riêng của lưu trữ học mà qua đó, các mục tiêu và biện pháp của chính sách trong các nghiên cứu đều bị chi phối, cụ thể là: quan niệm “lưu trữ tổng thể” của Canada, quan niệm “lưu trữ đa thành phần” của

Australia, quan niệm “tự do thông tin” và “dân chủ” của Hoa Kỳ, quan điểm “tập trung, thống nhất” của Việt Nam.

Đánh giá những nghiên cứu ở Việt Nam về quản lý nhà nước đối với lưu trữ, trong đó có tài liệu lưu trữ nhân dân, ưu điểm chung dễ nhận thấy của những nghiên cứu này là theo sát với những biến động của thực tế và ứng dụng các lý thuyết lưu trữ học được xây dựng tương đối đồng bộ từ những năm 60 của thế kỷ XX, bắt đầu thích ứng với những quan điểm mới. Những nghiên cứu này cũng chú trọng phân tích chính sách thông qua phản biện các văn bản quản lý của cơ quan có thẩm quyền, từ đó chỉ ra được những bất cập và có đề xuất giải pháp phù hợp. Tuy nhiên, lấy quản lý nhà nước là nội dung nghiên cứu nhưng những nghiên cứu này thiếu cơ sở lý luận của các ngành khoa học liên quan như khoa học quản lý, hành chính học, khoa học chính sách,... nên không tránh khỏi thiếu hệ thống và có phần khó khăn trong việc tìm ra chủ đề nghiên cứu mới. Ưu điểm nổi trội của những nghiên cứu này là khá bao quát, bởi kết quả nghiên cứu thường là một hệ thống những kiến nghị về giải pháp từ vấn đề nâng cao nhận thức, pháp lý tới con người hay ứng dụng công nghệ thông tin nhưng sự bao quát này không đồng nghĩa với tính hiệu quả hay khả thi. Bởi lẽ, dù đề cập tới một nội dung vĩ mô như tổ chức hệ thống lưu trữ hay vi mô như phân tích giá trị của một số tài liệu tiêu biểu thì tính liên kết và khả thi giữa các giải pháp tương đối yếu, và những vấn đề thuộc về nguyên tắc lại bị bỏ qua hoặc chưa được giải quyết thấu đáo. Vì sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với các suy luận logic là chủ yếu nên tính đúng đắn của những đề xuất từ những nghiên cứu này thường ổn định cao nhưng thiếu chắc chắn và khó ứng dụng. Hạn chế này sẽ được khắc phục trong luận án qua các điều tra xã hội học.

Các nghiên cứu về quản lý nhà nước công tác lưu trữ đã thể hiện tính chuyên ngành rõ rệt của lưu trữ học nhưng vì thiếu cập nhật một cách hệ thống với các tư tưởng quản lý nên những quan điểm về chính sách chưa tạo ra được sự thay đổi đáng kể so với lý luận về quản lý công, lý luận về chính sách công. Các tư tưởng về cải cách hành chính không thể hiện rõ hoặc thể hiện manh mún trong nghiên cứu quản lý nhà nước công tác lưu trữ. Đồng thời, cách tiếp cận trong những nghiên cứu này còn nặng về vai trò của nhà nước, đặc biệt là cơ quan lưu trữ và cơ quan quản lý

nhà nước mà thiếu quan tâm tới vai trò cá nhân của cán bộ lưu trữ, vai trò chủ thể và hỗ trợ của những tổ chức khác trong xã hội. Luận án sẽ bổ khuyết bằng cách sử dụng tiếp cận của quản lý công để đánh giá hiện trạng đóng góp, vai trò của nhiều cá nhân, tổ chức công và tư ở Việt Nam, tìm kiếm giải pháp thúc đẩy sự tham gia hơn nữa của những thành phần này trong thực hiện mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân.

Do vậy, nghiên cứu chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam là một chủ đề rộng mở, có thể khai thác ở nhiều khía cạnh, sử dụng nhiều cách tiếp cận. Nghiên cứu này bắt buộc phải sử dụng tiếp cận liên ngành và các phương pháp đa dạng để khám phá trước khi triển khai các nghiên cứu chuyên sâu cùng chủ đề. Việc nghiên cứu chính sách, đặc biệt là cấu trúc của nó với nền tảng là sự ứng dụng khung lý thuyết của khoa học chính sách vào lưu trữ học đang còn là khoảng trống. Luận án sẽ tập trung vào chủ đề này. Ngoài ra, luận án cũng chú trọng tổng kết những đặc điểm và giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu ở trên với cả hai cách tiếp cận bằng chứng và ý nghĩa, đồng thời bổ sung những yếu tố phù hợp với thực tế tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

2.1. Khái niệm tài liệu lưu trữ nhân dân

2.1.1. Định nghĩa

2.1.1.1. Định nghĩa "nhân dân"

Trong bối cảnh của Việt Nam, để định nghĩa được khái niệm "tài liệu lưu trữ nhân dân" thì việc xác định rõ những ai được gọi là nhân dân có ý nghĩa quan trọng, bởi lẽ, nhân dân chính là chủ thể sáng tạo tài liệu. Những từ điển phổ thông khá thống nhất về định nghĩa này. Đại từ điển Tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên định nghĩa: "*Nhân dân là bộ phận đông đảo những người thuộc nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, chủ yếu là những người lao động, phân biệt với bộ phận khác là giai cấp, tầng lớp thống trị xã hội*" [34]. Từ điển Tiếng Việt do Hoàng Phê biên soạn cũng đưa ra ý nghĩa tương tự. Từ điển bách khoa Việt Nam giải thích: "*Theo nghĩa thông thường, nhân dân là toàn thể cư dân của một nước. Nhân dân luôn có tính lịch sử cụ thể. Trong cộng đồng nguyên thủy, nhân dân đồng nghĩa với cư dân. Trong xã hội có đối kháng giai cấp, thành phần của nhân dân thay đổi theo từng giai đoạn lịch sử. Nhân dân không bao hàm trong nó giai cấp thống trị thì hành chính sách chống nhân dân. Quan điểm lịch sử cụ thể về nhân dân có ý nghĩa trọng yếu đối với Đảng cộng sản trong việc xác định chủ trương, chính sách nhằm động viên tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp được trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*" [14]. Như thế, khái niệm "nhân dân" đều được dùng để chỉ những công dân, người lao động nói chung, những người dưới quyền của các nhà lãnh đạo và quản lý. Quan niệm này gần nhưng không đồng nhất với quan niệm về "tài liệu phi cơ quan" của Canada, càng không đồng nhất với nghĩa phi nhà nước của khái niệm "tư nhân".

Khái niệm "nhân dân" là một khái niệm có ý nghĩa nhân văn bởi đó là cách gọi chung cho đông đảo mọi người trong xã hội một cách tôn trọng, từ cấp độ cá nhân đến nhóm người. Cho nên, "nhân dân" là một khái niệm khá đặc trưng của những quốc gia có thể chế chính trị dân chủ hay coi dân chủ là mục tiêu hoặc tuyên ngôn chính trị của nhà nước, trong đó có Việt Nam. Các tuyên ngôn chính trị của

Đảng cộng sản Việt Nam và các bản Hiến pháp đều sử dụng chung khái niệm nhân dân với nghĩa rộng lớn là tất cả mọi công dân của Quốc gia Việt Nam và mọi người dân có nguồn gốc Việt Nam. Đáng lưu ý trong số đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã chỉ rõ nhân dân bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, các nhà doanh nghiệp, các dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài [78].

Mặc dù tuyên ngôn chính trị và quan niệm trong kiến thức phổ thông đã khá cụ thể nhưng chưa đầy đủ vì trên thực tế và trong các nghiên cứu xã hội học, những cấu trúc xã hội của nhân dân đa dạng hơn và sẽ quyết định tới sự hình thành tài liệu. Những nghiên cứu lịch sử - xã hội học Việt Nam đã coi làng cổ truyền là một cộng đồng người cơ bản trong xã hội truyền thống với các cấp độ tổ chức từ cá nhân đến các dòng họ, từ các dòng họ đến tổ chức làng. Song trong bản thân cơ cấu cộng đồng ấy cũng tồn tại những cộng đồng nghề nghiệp nhỏ hơn như các phường hội. Ví thế, "*trong làng có hương ước, có tộc ước, lại có thêm phường lệ*" [4]. Xem xét làng với cấu trúc mở, GS. Hà Văn Tấn, bên cạnh việc khẳng định cơ chế thích ứng với sản xuất tiểu nông, với gia đình - tông tộc gia trưởng của làng, lại đưa ra mô hình siêu làng với ý tưởng về một cộng đồng lớn hơn làng trong mối liên hệ với những thứ ở ngoài làng. "*Chẳng hạn, đối với nho sĩ ở làng, thì "làng nho" rộng hơn làng, và đạo nho lại tạo ra một thế giới tinh thần siêu làng*" [27]. Từ phương pháp tiếp cận đó, mỗi cá nhân lại là thành viên của một cộng đồng khác với đặc trưng là mối quan tâm, hệ tư tưởng hay yếu tố tinh thần chung của những người thuộc cộng đồng ấy. Cho nên, bản thân trong cơ cấu cộng đồng truyền thống Việt Nam cũng đã tồn tại nhiều cộng đồng đa dạng mà làng chỉ là một biểu hiện đại diện của một kiểu cộng đồng tự trị. Điều đó dẫn đến các cấp độ chủ thể tạo thành tài liệu khác nhau, từ cấp độ cá nhân đến cộng đồng.

Bên cạnh đó, sự phát triển của xã hội hiện đại Việt Nam với tốc độ đô thị hóa ngày càng mạnh [82] và tốc độ tăng trưởng đáng kinh ngạc của internet ở Việt Nam [86] cùng với những trào lưu vì con người dưới tác động của những tư tưởng hay nền văn hóa khác đã và đang phá vỡ cấu trúc xã hội làng xã truyền thống ở một

số nơi, dẫn đến sự hình thành những cộng đồng người mới chưa được đề cập hoặc chưa cụ thể trong những định nghĩa ở trên. Các tư tưởng dân chủ và nhân văn phương Tây tràn tới Việt Nam thông qua nhiều con đường, trong đó có hoạt động của các tổ chức từ thiện, tổ chức phi chính phủ với các dự án giáo dục đồng đẳng và hỗ trợ các nhóm xã hội yếu thế đã thúc đẩy sự hình thành của những cộng đồng mới như Mạng lưới những người sống chung với HIV/AIDS [85], Cộng đồng người tự kỷ ở Việt Nam [84], Mạng lưới nam quan hệ tình dục đồng giới và người chuyển giới (VNMSM-TG), Mạng lưới của những người lao động tình dục (VNSW),... [81]. Sự hình thành và hoạt động của những cộng đồng này, dù được hay chưa được Nhà nước công nhận, đã và đang trở thành một phần trong đời sống xã hội Việt Nam, thể hiện một xu hướng sinh hoạt văn hóa cộng đồng kiểu mới. Thậm chí, các dòng họ cũng đã vượt ra khỏi ranh giới dòng họ trong khu vực cư trú, và mở rộng quy mô để trở thành cộng đồng dòng họ như dòng họ Phạm Việt Nam, hay dòng họ Đỗ Việt Nam. Đồng thời, những nhóm nghề nghiệp, nhóm sở thích hay có đặc điểm chung về tư tưởng,... như quan niệm siêu làng của GS. Hà Văn Tấn đã xuất hiện nhiều hơn và có khả năng tập hợp, trao đổi thông tin mạnh hơn nhờ sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Việc Nhà nước công nhận hoạt động hợp pháp của các hội với tư cách là tổ chức tự nguyện của công dân, cùng sở thích, cùng nghề nghiệp, cùng giới cũng thúc đẩy sự hình thành các chủ thể sáng tạo là những tổ chức phi lợi nhuận của công dân. Cho nên, bản thân sự vận động của xã hội đã đưa đến sự xuất hiện những đối tượng đa dạng hơn cho khái niệm nhân dân mà bản thân họ đều là những chủ thể sáng tạo ra tài liệu.

Trong khi đó, một số nhóm nhân dân đã được Đảng cộng sản Việt Nam quan tâm như một thành phần quan trọng trong khối đại đoàn kết toàn dân như Nghị Quyết Trung ương VII đã chỉ rõ nhưng lại ít được nhắc tới trong các nghiên cứu và văn bản quản lý nhà nước về lưu trữ. Đó là nhóm "đồng bào các tôn giáo" và nhóm "đồng bào các dân tộc thiểu số". Những nhóm nhân dân này được đặc trưng bởi văn hóa và tín ngưỡng, đồng thời thường phân bố ở những khu vực địa lý nhất định nên tài liệu của họ có tiềm năng chứa đựng những giá trị văn hóa đặc trưng, tạo nên tính đa dạng trong chủ thể tạo thành và lưu giữ tài liệu.

Hai kiểu mô hình cấu trúc nhân dân như phân tích ở trên: kiểu xã hội truyền thống với dấu ấn của làng cổ truyền và kiểu xã hội hiện đại với nhiều cộng đồng mới hình thành đều đang tồn tại song song ở Việt Nam hiện nay tùy theo mức độ đô thị hóa và giải cấu trúc truyền thống của những cộng đồng. Ở cả hai mô hình, các thành tố có tính riêng biệt như các cá nhân luôn có số lượng đông đảo hơn các thành tố là tập hợp của các cá thể như dòng họ, các làng, các cộng đồng theo đúng nguyên tắc của cặp phạm trù "cái chung và cái riêng". Trong đó, chủ thể là cộng đồng làng cổ truyền có thể coi là "*một tổ chức tự nhiên thuộc phương diện sinh vật học*" [7] với sự kết hợp giữa mối liên hệ huyết thống và thiết chế tổ chức có tính máy móc và cứng rắn. Mô hình hiện đại cũng cho thấy sự gia tăng vai trò của gia đình và các nhóm, cộng đồng. Theo đó, cá nhân chủ động tập hợp hoặc tham gia các nhóm cộng đồng vì lợi ích chung như quan điểm của Maclver [7]. Khái niệm "cộng đồng" ở mô hình thứ 2 được hiểu là "*nhóm người cùng chia sẻ nghề nghiệp, tôn giáo, nòi giống, ...*" [80] hay "*toàn thể những người cùng sống, có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối trong sinh hoạt xã hội*" [26]. Theo đó, một tổ chức tôn giáo, một hội tự nguyện được sự công nhận của nhà nước hay một nhóm người tập hợp nhau để hưởng thụ sự giáo dục đồng đẳng,... đều có thể là một cộng đồng. Hai kiểu cấu trúc trên là cơ sở để xác định chủ thể sáng tạo tài liệu lưu trữ nhân dân, bao gồm: các cá nhân, gia đình hay dòng họ, các cộng đồng cổ truyền và cộng đồng kiểu mới, các cộng đồng của đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào các tôn giáo. Việc xác định chủ thể sáng tạo tài liệu như vậy sẽ là căn cứ cho vấn đề sở hữu, tính chất nội dung của tài liệu lưu trữ cũng như khả năng tác động của chính sách.

2.1.1.2. Định nghĩa "tài liệu lưu trữ" và "tài liệu lưu trữ nhân dân"

Tại Việt Nam, định nghĩa về "tài liệu lưu trữ" của các học giả trường Đại học Tổng hợp Hà Nội⁵ được áp dụng phổ biến nhưng đã bị đánh giá lại bởi chính các học giả này vì trong thực tiễn có rất nhiều loại tài liệu, đặc biệt là của khu vực tư chưa được đề cập trong đó. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào thật sự định nghĩa lại khái niệm này mà xu hướng chung đều thảo luận để bổ sung thêm những đặc điểm của tài liệu lưu trữ. Từ xu hướng đó, định nghĩa về tài liệu lưu trữ

⁵ Xem thêm mục 1.1. của Chương 1: Tổng quan nghiên cứu

của Luật Lưu trữ Việt Nam năm 2011 có nhiều điểm tiến bộ và tương đối phổ quát với nhiều loại tài liệu, nhưng trong nhiều trường hợp vẫn khó áp dụng với tài liệu lưu trữ nhân dân. Theo đó, "*tài liệu lưu trữ là vật mang tin được hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân, có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử, được lựa chọn để lưu trữ. Tài liệu lưu trữ là bản gốc, bản chính, trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính thì thay thế bằng bản sao hợp pháp*". Định nghĩa về tài liệu lưu trữ của Luật Lưu trữ Việt Nam năm 2011 vẫn sử dụng cách tiếp cận ý nghĩa để xác định giá trị của tài liệu lưu trữ, đồng thời vẫn tôn trọng tính nguyên gốc và tính pháp lý của tài liệu với việc nhấn mạnh vào bản gốc và bản chính hay bản sao hợp pháp. Cách hiểu này đã bao quát và ngắn gọn hơn so với lý thuyết lưu trữ hiện đại được định hình từ thế kỷ XX nhưng trong nhiều trường hợp của tài liệu lưu trữ nhân dân lại trở nên không phù hợp. Chẳng hạn, với tác phẩm của một tác giả viết sách, bản thảo của người đó được coi là bản gốc và được các học nhà lưu trữ coi trọng nhất, đặc biệt là khi chúng được tạo thành bằng chữ viết tay hoặc có chữ viết tay sửa chữa của tác giả (còn gọi là thủ bút). Tuy nhiên, trong không ít trường hợp, bản thân tác giả không giữ lại bản thảo viết tay vì bản in chính thức trùng hoàn toàn về nội dung với bản thảo và bản in chính thức đó đủ chứng minh cho hoạt động của tác giả như trường hợp tài liệu của Giáo sư Lê Mậu Hãn, Phó Giáo sư Hoàng Văn Khoán, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội .

Sự ảnh hưởng của phương tiện chế tác có thể xóa nhòa ranh giới phân biệt giữa bản gốc với bản chính [55], và bản thân kỹ thuật chế tác lại tạo nên giá trị của tài liệu. Tác phẩm "Nghiên cứu kỹ thuật của người An Nam" hay "Lục Vân Tiên" , Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang hay tài liệu ghi trên lá Buông của đồng bào Khmer tại hai tỉnh An Giang và Kiên Giang là những trường hợp như vậy. Hơn thế nữa, với nhiều trường hợp khác như các tác phẩm hội họa, tài liệu của cá nhân chỉ được phép có 1 bản, vừa là bản gốc, vừa là bản chính, các bản sao hoặc bản giả đều có giá trị thấp . Khi đó, người làm lưu trữ không thể áp dụng khái niệm "bản sao có giá trị tương đương". Cùng với đó, những tiến bộ của công nghệ đã tạo điều kiện cho nhân dân sáng tạo và chia sẻ hàng loạt tài liệu mà tính

pháp lý và tính xác thực của chúng còn phải được nghiên cứu tiếp. Cho nên, sự đa dạng và phong phú trong cách tạo ra tài liệu của nhân dân đã phá vỡ mọi giới hạn cho định nghĩa về tài liệu lưu trữ, từ nguồn gốc hình thành, thể loại, kỹ thuật chế tác tới nội dung. Tương tự như vậy, định nghĩa “*tài liệu lưu trữ là tài liệu có giá trị được lựa chọn trong toàn bộ khối tài liệu được hình thành qua hoạt động của các cơ quan, tổ chức và được bảo quản trong kho lưu trữ*” [17] lại bỏ ngỏ tài liệu của cá nhân, dòng họ và các cộng đồng. Hơn thế nữa, cụm từ “*hình thành trong quá trình hoạt động*” không thể hiện đúng mối quan hệ giữa chủ thể tạo ra và sở hữu tài liệu với sự hình thành tài liệu đó, bởi lẽ trong quá trình hoạt động của một cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể xuất hiện rất nhiều tài liệu lưu trữ nhưng không do cơ quan, tổ chức, cá nhân đó tạo ra, thậm chí không liên quan tới họ. Ví dụ trong những năm 80 của thế kỷ XX có rất nhiều người Việt Nam sống và hoạt động nhưng bộ ảnh rất có giá trị về Việt Nam trong triển lãm năm 2016 là do nhà báo Michel Blanchard - cựu phóng viên Hãng thông tấn Pháp AFP tại Hà Nội⁶ thực hiện nên những người khác không phải là tác giả của bộ ảnh đó.

Như đã trình bày ở tổng quan, các học giả trong cộng đồng lưu trữ học Anh ngữ đã mở rộng khái niệm “tài liệu lưu trữ” tiệm cận với khái niệm sử liệu nhưng không đồng nhất chúng. Trên cơ sở những nghiên cứu đó, Từ điển thuật ngữ lưu trữ coi “*tài liệu lưu trữ (archival records) là tất cả những tài liệu được tạo ra hay nhận được một bởi cá nhân, [dòng họ], tổ chức công hoặc tư trong [quá trình] thực hiện công việc, được bảo quản vì giá trị thông tin của tài liệu hoặc [vì vai trò là] chứng cứ cho chức năng và trách nhiệm của chủ thể tạo ra tài liệu*” [72]. Trong ấn phẩm này, Moses giải thích rằng mặc dù các sưu tập tài liệu lưu trữ có thể gồm cả đồ tạo tác và xuất bản phẩm nhưng đối tượng của khái niệm này chú trọng tới những bản ghi trên giấy hoặc ở dạng điện tử, ảnh chụp, hình ảnh động, phim hoặc băng ghi âm; trong nhiều trường hợp tài liệu lưu trữ cũng được mở rộng tới nhiều dạng hơn trong các chương trình thu thập. Cách định nghĩa này đã mở rộng phạm vi tác giả của tài liệu lưu trữ đến tất cả các đối tượng trong xã hội, bao gồm cả khu vực tư, đồng thời

⁶ Thông tin từ triển lãm ảnh “Việt Nam những năm 80” tại Trung tâm văn hóa Pháp Le’*space* tháng 4.016 và tại website <http://ape.gov.vn/nhung-buc-anh-ve-viet-nam-va-cam-giac-ngay-ngat-voi-michel-blanchard-d894.th>, truy cập tháng 3. 2018.

xác định rõ mối quan hệ giữa tác giả - chủ sở hữu với tài liệu thông qua việc tạo ra hoặc nhận được, cũng như khẳng định giá trị và tính được lựa chọn của tài liệu lưu trữ. Tuy nhiên, do tính chất mở của định nghĩa này đã khiến cho khái niệm tài liệu lưu trữ bao hàm cả nhiều nguồn tài liệu khác nên sự diễn giải ở trên mang tính định hướng hơn là định nghĩa.

Vậy là, cho đến nay những thảo luận về khái niệm tài liệu lưu trữ tương đối bế tắc ở cả Việt Nam và cộng đồng lưu trữ học Anh ngữ. Dù đã nỗ lực đến đâu, các học giả và nhà quản lý cũng không thể tránh khỏi việc bỏ sót những loại tài liệu quan trọng mang đặc điểm của tài liệu lưu trữ. Song việc thừa nhận một phạm vi quá rộng trong sự đề cập của khái niệm này lại dễ đẩy các nhà lưu trữ vào sự quá tải và bối rối vì theo đó, các nhà lưu trữ sẽ phải đảm nhận thêm những công việc vốn đã được phân công và chia sẻ có tính lịch sử với các thủ thư hay nhân viên bảo tàng. Khảo sát ý kiến người dân về các loại tài liệu đang do họ lưu giữ cho thấy sự đa dạng và cụ thể hơn so với các định nghĩa ở trên:

Bảng 2.1: Loại hình và nguồn gốc tài liệu⁷

Loại tài liệu	Nguồn gốc tài liệu
Tài liệu ngôn từ trên giấy	Do bản thân tạo ra
Tài liệu bản vẽ, hình ảnh trên giấy	Do được thừa kế
Tài liệu bản vẽ, ngôn từ, hình ảnh, âm thanh trên file điện tử	Do được biếu, tặng, cho
Xuất bản phẩm trên giấy	Do mua được
Xuất bản phẩm điện tử	Do người khác gửi, nhờ giữ hộ

Vì vậy, để bao quát hơn, khái niệm tài liệu lưu trữ nên được hiểu là: mọi tài liệu do chủ thể tạo ra hay nhận được, được lựa chọn để lưu trữ, chủ thể này bao gồm mọi người từ cá nhân đến tổ chức công cũng như tư hay công đồng trong xã hội. Mọi cố gắng phân biệt giữa tài liệu lưu trữ với các loại sử liệu khác chỉ nên là những chú giải hướng dẫn nghiệp vụ đặt trong bối cảnh cần có sự phân công và khu biệt hóa đối tượng tác nghiệp giữa các cơ quan tương đối gần gũi về chức năng là lưu trữ, thư viện và bảo tàng.

⁷ Số liệu khảo sát thu được từ 331 ý kiến trả lời của người dân. Thông tin khảo sát được trình bày chi tiết hơn ở Chương sau.

Khái niệm “*tài liệu lưu trữ nhân dân*”: Cho đến nay, ngoài các phát biểu tản mạn trong các hội thảo, hầu như các học giả Việt Nam chưa thống nhất được định nghĩa cho tài liệu lưu trữ nhân dân. Những tranh luận về ba khái niệm liên quan là “*tài liệu lưu trữ tư nhân*”, “*tài liệu lưu trữ nhân dân*” và “*tài liệu lưu trữ cá nhân*” vẫn đang tiếp tục với quan niệm về tài liệu “*hình thành trong hoạt động*” của cá nhân, tổ chức phi nhà nước hay làng xã. Trong khi đó, các học giả lưu trữ Anh ngữ thống nhất ba khái niệm “*tài liệu cá nhân*” (personal records), “*giấy tờ cá nhân*” (personal paper) và “*giấy tờ tư nhân*” (private paper) là một với nghĩa là: “*1. những tài liệu được tạo ra, thu thập và nhận được bởi một cá nhân trong quá trình thực hiện [công việc riêng] và được bảo quản ở dạng nguyên gốc (nếu có bản gốc); 2. những tài liệu không chính thức do cá nhân lưu giữ tại nơi làm việc*” [73]. Tuy định nghĩa tập trung vào tài liệu của cá nhân được tạo ra từ quá trình làm việc nhưng Moses cũng giải thích và cung cấp thêm định nghĩa của các tài liệu hướng dẫn và nhà nghiên cứu khác về các dạng tài liệu mới như tài liệu điện tử và giá trị mới của tài liệu về vai trò cứ liệu cho nghiên cứu lịch sử xã hội nói chung. Về tài liệu của khu vực tư, Từ điển này xác định các di cảo gồm ba loại là: “*1. các bản viết tay, 2. các tài liệu chưa xuất bản, 3. bản thảo của sách, bài báo khoa học hoặc các xuất bản phẩm khác*” [73]. Bổ sung cho định nghĩa đó, Moses giải thích rằng ngoài các bản chữ viết, các di cảo cũng bao gồm các bản ký hiệu âm nhạc hoặc hình vẽ kèm theo, và tuy rằng các bản thảo dạng đánh máy cũng được coi là di cảo nhưng không chính xác bằng các bản thảo viết tay. Mở rộng thêm định nghĩa này, Moses lưu ý về các bản chữ viết đánh máy hoặc viết tay như thư từ, nhật ký, hồi ký, bài phát biểu, các trang chứng cứ và các giấy tờ pháp lý khác cũng có thể thuộc thành phần của các sưu tập di cảo. Tập trung vào các cộng đồng nhưng không chú trọng giải nghĩa khái niệm tài liệu lưu trữ, các học giả Anh ngữ chỉ rõ thành phần của các sưu tập lưu trữ do lưu trữ cộng đồng tạo ra là “*mọi loại tài liệu được tạo ra và lưu giữ được, bao gồm cả hiện vật bảo tàng, sách, [hiện vật mong manh], trang phục cũng như các tài liệu truyền thống khác, ảnh chụp và tài liệu nghe - nhìn*” [48]. Như thế, các học giả lưu trữ học Anh ngữ vừa định nghĩa về tài liệu lưu trữ ở phạm vi rộng lại vừa giới hạn một cách gượng ép phạm vi hẹp của khái niệm “*di cảo*” và những khái niệm liên quan trong các tài liệu giấy có chữ viết, đồng thời thừa nhận phạm vi rất

rộng với hầu hết các loại sử liệu đều thuộc các “sưu tập lưu trữ cộng đồng”. Cho nên, với điều kiện cụ thể ở Việt Nam, khái niệm “tài liệu lưu trữ nhân dân” nên được định nghĩa theo hướng tham khảo cách tiếp cận bằng chứng của các học giả Anh ngữ về mối quan hệ chặt chẽ giữa tài liệu với tác giả tạo ra chúng nhưng nhất quán với mọi loại tài liệu của nhân dân. Để định nghĩa “tài liệu lưu trữ nhân dân” được chính xác, ngoài việc định nghĩa lại khái niệm “nhân dân” và khái niệm “tài liệu lưu trữ” như trên thì sự tách biệt rành mạch giữa việc cung cấp các khái niệm và định nghĩa có ý nghĩa khoa học với sự phân chia trách nhiệm quản lý những tài liệu thuộc sự đề cập của khái niệm là hết sức quan trọng. Bởi lẽ, việc công nhận đặc tính lưu trữ của tài liệu nào đó không đồng nghĩa và không bao hàm sự ám chỉ việc giao toàn bộ trách nhiệm quản lý tài liệu đó cho cơ quan lưu trữ và cán bộ lưu trữ.

Từ cách tiếp cận khái niệm “nhân dân” và “tài liệu lưu trữ” như trên, định nghĩa “tài liệu lưu trữ nhân dân” phải đủ bao quát với rất nhiều dạng tài liệu do nhân dân tạo ra hay nhận được, trong đó những thuộc tính của chúng với nhiều điểm tương đồng với tài liệu lưu trữ nói chung và các yếu tố đặc thù riêng cần được thể hiện đầy đủ. Vì vậy, “tài liệu lưu trữ nhân dân” là: *mọi tài liệu do nhân dân tạo ra hay nhận được, được lựa chọn để lưu trữ*. Hiểu theo cách này, khái niệm “tài liệu lưu trữ nhân dân” bao quát được nhiều loại hình tài liệu đa dạng đã và có thể sẽ hình thành trong tương lai ở nhiều dạng vật lý khác nhau, với nội dung khác nhau. Tài liệu lưu trữ nhân dân thuộc sự quan tâm của các lưu trữ hiện nay gồm các dạng ghi chép (texts), hình vẽ bằng bút trên giấy (drawings), các tài liệu viết tay dạng sách (books), các dạng tài liệu điện tử khác. Bên cạnh đó, các dạng ghi chép trên đất, đá, gỗ hay chất liệu tương tự, các hình vẽ bằng cọ hoặc bằng hành động (action paintings), bằng cách đổ cát,..., các xuất bản phẩm được tạo ra bằng công nghệ thời kỳ công nghiệp và hậu công nghiệp đang là đối tượng sưu tầm và bảo quản của các bảo tàng và thư viện. Tất cả loại hình tài liệu trên đều là tài liệu lưu trữ nhân dân.

2.1.2. Các thuộc tính của tài liệu lưu trữ nhân dân

Tài liệu lưu trữ nhân dân có những đặc điểm của tài liệu lưu trữ nói chung và yếu tố đặc thù. Mặc dù những đặc điểm của tài liệu lưu trữ nói chung đã được các học giả thảo luận lại nhưng những yếu tố cơ bản như chứa đựng thông tin quá khứ, là bản chính - bản gốc hoặc thậm chí là giá trị pháp lý [1,17] của tài liệu vẫn được

nhấn mạnh và chưa đề cập tới một số yếu tố khác về sở hữu hay thông tin. Kế thừa thành tựu của những học giả Việt Nam và nước ngoài, những phân tích dưới đây xem xét tài liệu lưu trữ nhân dân với những đặc tính vốn có của tài liệu và tài liệu lưu trữ nói chung cùng với đặc thù của tài liệu lưu trữ nhân dân trên các phương diện thông tin, lịch sử - văn hóa và sở hữu. Khái niệm “bằng chứng” trong luận án này không chỉ có ý nghĩa là những cứ liệu có tính pháp lý mà cần được hiểu rộng hơn với nghĩa là các bằng chứng lịch sử.

2.1.2.1. Những đặc điểm của tài liệu lưu trữ nói chung

** Tính phản ảnh*

Cũng như tài liệu lưu trữ của nhà nước, tài liệu lưu trữ nhân dân là dấu vết còn lại từ hoạt động của nhân dân và thể hiện ý nghĩa của hoạt động đó qua ý kiến chủ quan của khách thể tạo thành tài liệu. Tính phản ảnh gắn liền với tính thông tin của tài liệu. Yếu tố thông tin của tài liệu được thể hiện ở hai cấp độ:

- Cấp độ thứ nhất: Thông tin tự thân trong tài liệu. Đó là những thông tin mà tài liệu được tạo ra để phục vụ cho việc truyền tải nó. Ví dụ: một lá thư của cha gửi cho con sẽ chứa đựng thông tin qua những ngôn từ thăm hỏi, nhắc nhở hay biểu lộ của xúc của người viết.

- Cấp độ thứ hai: Ý nghĩa của tài liệu qua ý kiến của chủ quan của người sử dụng nó. Chẳng hạn: lá thư kể trên sẽ mang ý nghĩa tình cảm nếu người con đọc nó, nhưng nhà sử học có thể sử dụng nó để tìm hiểu những sự kiện liên quan đến hoàn cảnh ra đời của lá thư, còn nhà xã hội học sẽ sử dụng để nghiên cứu quan hệ gia đình trong một giai đoạn nhất định.

Cả hai cấp độ này đều phản ảnh mối liên hệ giữa tài liệu với người làm ra chúng, với bối cảnh và quá trình hình thành nên tài liệu nên tính phản ảnh của tài liệu lưu trữ nhân dân là một thuộc tính giao thoa với đặc điểm của những tài liệu lưu trữ khác. Tính phản ảnh này liên quan tới hai góc độ tiếp cận trong việc đánh giá giá trị và định đoạt số phận của tài liệu sẽ được trình bày trong phần tiếp theo của chuyên đề. Song, xét từ mối quan hệ giữa tài liệu với tác giả và người sử dụng, tính phản ảnh của tài liệu lưu trữ đem lại hai phương diện giá trị của tài liệu. Đó là:

- Giá trị tự thân của tài liệu liên quan tới giá trị thông tin cần được truyền tải mà vì thế tài liệu được tạo ra. Giá trị này do tài liệu đem lại cho chính người tạo ra đó, xuất phát từ mục đích sử dụng tài liệu của tác giả.

- Giá trị thứ phát của tài liệu liên quan tới giá trị của thông tin mà tài liệu đem lại cho người dùng. Theo đó, giá trị thứ phát của tài liệu càng lớn thì ranh giới giữa chủ thể và khách thể tạo thành tài liệu càng mờ nhạt. Bởi lẽ, trong không ít trường hợp, giá trị tự thân của tài liệu đối với người tạo ra nó không rộng lớn nhưng với người sử dụng, giá trị thứ phát lại quyết định đến việc tài liệu được tiếp tục lưu giữ và sử dụng trong thời gian dài. Chẳng hạn, những cuốn nhật ký cá nhân của các liệt sĩ như Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, đối với chính tác giả, chúng có thể chỉ là phương tiện bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc, là công cụ đối thoại với bản thân của họ. Nhưng đối với gia đình, chúng trở thành kỷ vật vô giá, và lớn hơn nữa, đối với cộng đồng, chúng là bằng chứng cho tâm tưởng của những người trẻ tuổi trong một thế hệ đã trải qua thời kỳ lịch sử bi tráng nên chúng đáng được lưu giữ lâu dài và được công bố rộng rãi. Trong trường hợp đó, giá trị và sức sống của tài liệu không hoàn toàn trong ý định của tác giả tài liệu, mà do người sử dụng nó tạo nên. Do đó, vai trò của người lưu giữ và sử dụng tài liệu trở nên cân bằng với chủ thể sáng tạo, và tính phản tư trở thành yếu tố quan trọng để tạo nên tính phản ánh. Vì vậy, tính phản ánh của tài liệu lưu trữ nhân dân là một đặc tính bắt buộc. Tính phản ánh càng mạnh càng có cơ sở để khẳng định giá trị của tài liệu.

** Tính hữu dụng (hay tính được lựa chọn)*

Mọi hoạt động của con người có ý thức đều có mục đích và có dự kiến về kết quả. Vì thế, bản thân hành vi tạo thành hay lưu giữ tài liệu của nhân dân có tính văn hóa. Tính chủ động của chủ thể sáng tạo được thể hiện ở chỗ họ biết rõ một tài liệu được tạo ra để phục vụ mục đích gì, và tương tự như vậy đối với việc giữ lại một tài liệu. Nhân dân giữ lại tài liệu nếu không phải để xác định quyền và lợi ích chính đáng của mình thì cũng để làm cứ liệu tham khảo cho công việc tiếp theo hoặc làm kỷ niệm, làm vật trang trí,... Do đó, tài liệu của nhân dân chỉ có thể là tài liệu lưu trữ nhân dân khi chúng có ích cho nhân dân và được nhân dân lựa chọn để giữ lại. Tuy nhiên, khác với sự lựa chọn có tiêu chuẩn và phương pháp khoa học như trong

các lưu trữ nhà nước, tính hữu dụng hay tính được lựa chọn của tài liệu lưu trữ nhân dân phụ thuộc nhiều vào quan điểm chủ quan của chủ sở hữu tài liệu. Và vì thế, sự thiếu nhất quán và thiếu toàn vẹn của tài liệu lưu trữ nhân dân rất cao.

2.1.2.2. Những thuộc tính đặc thù

* Tính chất tư

Tính chất tư của tài liệu lưu trữ nhân dân được thể hiện bởi hai yếu tố: sở hữu tư nhân và động cơ tư để tạo ra tài liệu. Tuy nhiên, tính sở hữu tư lại phụ thuộc chủ yếu vào động cơ và tính riêng tư của quá trình tạo ra tài liệu. Cho nên, xét về bản chất, tính chất tư của tài liệu lưu trữ nhân dân có nguồn gốc từ quá trình hình thành tài liệu.

Như đã trình bày ở trên, tất cả những tài liệu do nhân dân tạo ra hay nhận được đều là tài liệu lưu trữ nhân dân. Trong tài liệu của các cơ quan nhà nước, không ít những tài liệu là bằng chứng rõ rệt cho sự tồn tại của người dân, từ các văn bản và sổ sách về khai sinh, hôn thú, hộ khẩu đến tài liệu lưu giữ về việc cấp giấy phép lái xe, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... Tính chất công của những tài liệu này thể hiện ở việc Nhà nước là chủ thể tạo thành tài liệu, sử dụng và lưu giữ chúng nhằm mục đích công, tức là phục vụ hoạt động quản lý của Nhà nước. Trong số đó, một số loại giấy tờ được giao cho công dân lưu giữ vĩnh viễn như giấy khai sinh, giấy hôn thú,... và một số loại khác như giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, chứng chỉ hành nghề,... có thể bị thu hồi để cấp mới hoặc thực thi biện pháp cưỡng chế với công dân vi phạm pháp luật. Những giấy tờ đó tuy do người dân lưu giữ nhưng do nhà nước tạo ra và thực hiện chức năng thông tin quản lý của nhà nước. Điều đó khác biệt với những cuốn nhật ký, thư từ trao đổi tình cảm, chúc mừng hay chia buồn, ... Những tài liệu như vậy không thể hiện tính chất công vì chúng được tạo ra không phải bởi cơ quan Nhà nước, không có chức năng thông tin vì mục đích công. Khái niệm "công" là tính từ chỉ tính chất thuộc về mọi người, thuộc về số đông, thuộc về xã hội [80]. Ở góc độ này, tính chất tư của tài liệu được tạo thành bởi chủ thể tạo ra tài liệu là cá nhân, tổ chức tư. Nói cách khác, tài liệu lưu trữ có tính chất tư vì tác giả tạo ra tài liệu là nhân dân. Tác giả này có thể là một nhà văn với tác phẩm tiểu thuyết của mình, họa sĩ với bộ tranh ký họa, nhà khoa học với

đề tài nghiên cứu do họ tự thực hiện hay đơn giản người cha với lá thư viết cho con trai đang học xa nhà,... Trong những trường hợp như vậy, tôi gọi tính chất tư của tài liệu lưu trữ là tính chất tư hoàn toàn. Ở Việt Nam hiện nay, tính chất tư hoàn toàn phổ biến trong tài liệu cá nhân của những cá nhân thuộc khu vực tư và một phần tài liệu cá nhân của cá nhân thuộc khu vực công, tài liệu của các hội, các tổ chức phi chính phủ, các cộng đồng cổ truyền hay hiện đại được thành lập hay hoạt động theo mong muốn và nguyện vọng của người dân, không chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Nhà nước.

Tuy nhiên, một số loại tài liệu có hình thức tương tự nhưng khác biệt về bản chất. Một nhà khoa học được một cơ quan nhà nước ký hợp đồng để thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học liên quan tới lĩnh vực hoạt động của cơ quan đó. Trong trường hợp này, bất kể kinh phí đề tài do Nhà nước cấp hay do cơ quan tự huy động từ các nguồn tài chính khác thì việc thực hiện đề tài này xuất phát từ động cơ công để thực hiện chức năng công của cơ quan, và động cơ tư là hoạt động mang tính cá nhân của nhà khoa học. Do đó, sản phẩm khoa học được tạo ra không phải là tài liệu tư của cá nhân mà phải được chia sẻ giữa cơ quan nhà nước và nhà khoa học. Hoặc, một nhà văn viết một cuốn tiểu thuyết theo hợp đồng đặt hàng của nhà xuất bản thì cuốn tiểu thuyết đó không chỉ thể hiện hoạt động của nhà văn mà còn thể hiện chức năng của nhà xuất bản đó trong xã hội, cho nên cuốn tiểu thuyết bao hàm cả hai tính chất công và tư. Ở một trường hợp khác, với trào lưu lịch sử bằng lời (oral history) hiện nay, các lưu trữ có thể tiến hành phỏng vấn hàng loạt những nhân chứng lịch sử về một sự kiện cụ thể để làm dữ liệu tham khảo cho nghiên cứu lịch sử thì tài liệu đó không thể và không nên chỉ là tài liệu của cơ quan lưu trữ. Bởi lẽ, mặc dù cơ quan lưu trữ chủ động xây dựng dự án và thực hiện tạo lập, lưu giữ tài liệu để thực hiện chức năng công của họ trong xã hội, nhưng những lời kể của nhân chứng lịch sử lại do bản thân họ chủ động quyết định chấp nhận tham gia tạo lập tài liệu và thể hiện quá trình lao động của họ (việc kể lại) để tạo ra tài liệu. Khi đó, nhân chứng lịch sử có thể coi là đồng tác giả của tài liệu. Những trường hợp như vậy tiêu biểu cho tính chất tư một phần của tài liệu lưu trữ nhân dân.

Trong thực tế Việt Nam, không ít tài liệu công trở thành tài liệu tư, dẫn đến tính chất tư một phần của tài liệu. Điều đó xuất hiện với hai bối cảnh:

- Nhà nước giao cho nhân dân được quyền sở hữu một bản chính tương tự như của Nhà nước để phục vụ hoạt động của nhân dân. Đó là những loại văn bản, giấy tờ như giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... được Nhà nước cấp cho công dân để xác định mối quan hệ giữa các bên trong một lĩnh vực do Nhà nước quản lý. Các loại giấy tờ trên không nên chỉ được hiểu là công cụ quản lý của Nhà nước mà trước hết, chúng là bằng chứng về việc Nhà nước công nhận và thực hiện quyền hoặc lợi ích nào đó của công dân đã được Hiến Pháp thừa nhận như quyền sống, quyền được cư trú, quyền được sử dụng đất đai,... Cho nên, những tài liệu này, bên cạnh phục vụ chức năng công của Nhà nước, chúng còn phục vụ mục đích tư của công dân, đảm bảo quyền và lợi ích của công dân.

- Tài liệu do công dân được tiếp nhận hoặc mua lại: Việt Nam là đất nước phải trải qua nhiều cuộc chiến mà trong mỗi cuộc chiến ấy, ngoài những tổn thất về con người và những công trình văn hóa, sự thất tán của tài liệu lưu trữ cũng thường xuyên xảy ra. Lúc đó, tài liệu được tạo ra và có nội dung mang tính chất công nhưng lại được thu thập, bảo quản, lưu giữ và sử dụng bởi những cá nhân, tổ chức ở khu vực tư và vì mục đích tư. Việc sở hữu tài liệu Triều đình nhà Nguyễn của nhà nghiên cứu Phan Thuận An là một ví dụ. Tập châu bản có ngự phê của Cựu Hoàng Bảo Đại do Ông lưu giữ là sự kế thừa từ tài sản của Công chúa Ngọc Sơn - bà nội của vợ Ông [78]. Bởi những tài liệu này do nhà nước phong kiến Việt Nam tạo lập, nhằm phục vụ cho chức năng quản lý của Triều đình nhà Nguyễn nên chúng có tính chất công, nhưng đã bị đưa về lưu giữ tại tư gia, trở thành tài sản tư và sử dụng để nghiên cứu lịch sử từ động cơ tư của nhà nghiên cứu. Mặc dù vậy, việc các thế hệ trong gia đình ông Phan Thuận An đã tự nguyện bảo quản, lưu giữ tốt những tài liệu trên qua nhiều thời kỳ chiến tranh, đồng thời công bố và giao lại cho Bộ Ngoại giao để đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam là một hành động phục vụ mục đích công. Cho nên, Nhà nước đã ghi nhận đó là công trạng đối với Tổ quốc.

Vì thế, từ mối quan hệ giữa tài liệu với nhân dân và quá trình lao động của nhân dân dẫn đến sự xuất hiện của tài liệu đã xác định tính chất tư của tài liệu, bắt

kể là tư một phần hay tư hoàn toàn. Cơ sở để xác định tính chất tư của tài liệu lưu trữ nhân dân là: chủ thể sáng tạo và lưu giữ là nhân dân, động cơ và hoạt động để tạo thành tài liệu và động cơ sử dụng tài liệu xuất phát từ nhân dân, do nhân dân thực hiện. Vấn đề cần lưu ý ở đây là, tính chất tư của tài liệu lưu trữ nhân dân không đồng nhất và không phải là căn cứ đầy đủ để xác định vấn đề sở hữu. Tính chất tư của tài liệu lưu trữ nhân dân là cơ sở lý luận để đánh giá giá trị của tài liệu và xác định thái độ ứng xử với tài liệu cũng như với chủ sở hữu tài liệu. Vấn đề sở hữu tài liệu lưu trữ nhân dân phải được phân tích và giải quyết dựa trên nhưng nguyên tắc pháp lý và hiện trạng khách quan của từng trường hợp cụ thể⁸.

* *Tính biểu hiện và lan truyền văn hóa*

Tài liệu lưu trữ nhân dân biểu hiện văn hóa cá nhân, cộng đồng và dân tộc. Điều đó thể hiện ở hai phương diện:

Phương diện thứ nhất: Tài liệu lưu trữ nhân dân chứa đựng nội dung thông tin về đời sống văn hóa của cộng đồng và dân tộc. Ở cấp độ cá nhân, các nghiên cứu của những tác giả trước đã khẳng định tài liệu lưu trữ cho thấy quá trình sống và hoạt động của cá nhân. Nếu được tạo lập và lưu giữ đầy đủ, tài liệu lưu trữ cá nhân là bức tranh tổng thể về cuộc sống của một con người từ lúc được sinh ra tới lúc mất, mối quan hệ của người đó với những người khác, công việc và vị trí của họ trong xã hội, và thậm chí là quan niệm của họ về cuộc sống. Theo ngôn ngữ của McKEMMISH và Hobbs thì tài liệu lưu trữ cá nhân là bằng chứng về sự tồn tại của một cá nhân, là công cụ phản ánh nhân cách của người tạo ra chúng. Cho nên, chúng thể hiện một tiểu văn hóa của cá nhân. Ở cấp độ cộng đồng, sự xuất hiện của tài liệu là một bằng chứng về hoạt động chung của cộng đồng. Như cách nói của PGS.TS. Lê Minh Thông: "*Luật nước và lệ làng (huong ước) dường như luôn là những hành trang pháp lý cho sự tồn tại, phát triển của các thế hệ người Việt Nam*

⁸ Mục 3, từ Điều 221 đến Điều 244 Bộ Luật Dân sự 2015 đã xác định ba hình thức sở hữu là: sở hữu toàn dân, sở hữu chung và sở hữu riêng. Ba hình thức sở hữu này có thể tương ứng với tính chất của ba vùng tài liệu là tài liệu lưu trữ công của nhà nước, tài liệu lưu trữ của các gia đình/dòng họ/cộng đồng và tài liệu lưu trữ của cá nhân. Bộ Luật này cũng đã xác định những căn cứ để xác lập hoặc chấm dứt quyền sở hữu đối với tài sản, cách giải quyết với trường hợp trộm lẩn các loại hình sở hữu. Do vậy, vấn đề sở hữu đối với tài liệu lưu trữ nhân dân là vấn đề pháp lý về tài sản, đã được giải quyết tương đối ổn trong pháp luật hiện hành. Xem thêm phân tích ở chương sau.

trụ vững và phát triển trong mọi thăng trầm của lịch sử" [83]. Còn giáo sư Phan Đại Doãn lại cho rằng: "*Hương ước gắn liền với tổ chức làng xã, nghĩa là gắn liền với sự xuất hiện hiện tượng kết hợp cộng đồng dân sự với tổ chức hành chính*" [4]. Những nghiên cứu lịch sử của Việt Nam đã khẳng định tài liệu làng xã có giá trị như một bằng chứng hùng hồn cho sự hoạt động của một kiểu cộng đồng cổ truyền của Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc tạo dựng bản sắc văn hóa dân tộc. Trong khi đó, những cộng đồng mới hình thành, nhất là những cộng đồng tồn tại nhờ sự trợ giúp của công nghệ thông tin, không được tổ chức chặt chẽ bởi những thiết chế quản lý, và hoạt động dựa trên sự tự nguyện của các thành viên lại thể hiện những đặc trưng văn hóa khác, mang dấu ấn của thời đại và sự giao lưu văn hóa. Nói cách khác, bản thân nội dung và hình thức của tài liệu lưu trữ nhân dân có tính biểu hiện văn hóa.

Phương diện thứ hai: Hoạt động lưu giữ tài liệu của nhân dân có khả năng và thể hiện sự lan truyền văn hóa. Nếu các gia phả dòng họ được tiếp tục ghi chép và lưu truyền qua các đời để khẳng định mối liên hệ huyết thống và duy trì hay phát huy các giá trị của dòng họ, thì các bản thân tích, thần sắc lại là bằng chứng cho sự tồn tại của cộng đồng làng với một ý nghĩa tinh thần to lớn. Trong khi ý nghĩa của nội dung và hình thức của hai loại tài liệu kể trên đã khẳng định tính biểu hiện của văn hóa thì bản thân việc giữ lại và lưu truyền tài liệu qua thời gian cũng đem lại ý nghĩa nào đó. McKEMMISH gọi đó là tính văn hóa của hành vi lưu giữ tài liệu. Việc lưu giữ các tài liệu lưu trữ trong nhân dân, nhất là ở những cộng đồng cổ truyền Việt Nam, không chỉ được thực hiện dựa trên kinh nghiệm của người dân mà còn mang ý nghĩa tinh thần sâu sắc. Việc lưu giữ này gắn liền với một không gian văn hóa cộng đồng và góp phần vào đời sống tinh thần của cộng đồng ấy. Chẳng hạn, việc lưu giữ các thần tích, thần sắc phải do cộng đồng thống nhất nguyên tắc và giao phó cho một cá nhân được cộng đồng lựa chọn, thường gọi là Cụ Từ. Khi tuyên đọc các tài liệu này cũng phải thực hiện theo các nghi lễ của cộng đồng. Lễ hội đền Hùng, Phú Thọ là một trong những ví dụ về thủ tục này. Tương tự như vậy, các gia phả dòng họ cũng được ghi chép và lưu giữ theo nguyên tắc của dòng họ,

thường do tộc trưởng đảm nhiệm và chuyển giao cho những thế hệ kế cận. Do đó, bản thân hành vi tạo thành và lưu giữ tài liệu của nhân dân cũng thể hiện những đặc điểm có tính văn hóa của cộng đồng người. Xét ở cấp độ cá nhân, bản thân mỗi cá nhân cũng có nhận thức, quan điểm và đặc trưng riêng về lợi ích hay sở thích. Vì thế, việc họ tạo thành tài liệu nào, hay chọn lựa tài liệu nào đó để lưu giữ cũng thể hiện đặc điểm cá nhân của người đó. Có một số nhà báo hay nghệ sĩ không hề giữ lại các giấy tờ tùy thân như Giấy chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe, nhưng lại lưu giữ rất nhiều những bức thư tình của những người tình cũ. Một người đàn ông chẳng thể giữ lại giấy tờ gì để chứng minh quyền lợi của ông đối với tài sản của mình, nhưng lại giữ rất kỹ những tấm ảnh cũ với bạn bè trong quân đội, ở trường học, hay gia đình đã khuất trong chiến tranh. Việc lựa chọn những tài liệu để giữ lại như vậy không dựa trên bất kỳ nguyên tắc hay tiêu chuẩn khoa học nào, mà phụ thuộc vào ý thức chủ quan của chủ sở hữu. Cho nên, bản thân hành vi lưu giữ tài liệu cũng thể hiện và có khả năng lan truyền những tiểu văn hóa, dù ở cấp độ cá nhân, gia đình - dòng họ hay cộng đồng.

Tính lan truyền văn hóa của tài liệu lưu trữ được thể hiện rõ nhất qua tài liệu truyền khẩu. Trong đó, con người vừa là chủ thể sáng tạo tài liệu, vừa là phương tiện lưu giữ và truyền bá tài liệu cho cộng đồng và những thế hệ sau. Những truyện truyền thuyết của Việt Nam là một kiểu tài liệu điển hình cho sự lan truyền này. Cho đến trước khi chữ viết được sử dụng làm công cụ ghi chép lại các truyền thuyết thì sự tích Lạc Long Quân và Âu Cơ, hay sự tích về Tứ Bất Tử của người Việt đã sống qua nhiều thế hệ mà không dựa vào bất kỳ tài liệu ghi chép nào. Sự lan truyền của những truyền thuyết này, không những tạo nên kho tàng lịch sử dân gian ly kỳ của người Việt, mà còn góp phần tạo nên ý thức tôn giáo và đời sống tinh thần vô cùng phong phú của họ, trong đó có các hoạt động lễ hội để thờ cúng và tôn vinh thần thánh. McKEMMISH tiếp cận vấn đề này từ bản chất "sinh vật kể chuyện" của con người.

** Tính thiếu toàn vẹn*

Nhân dân, từ cấp độ cá nhân đến cộng đồng, đều chú trọng tới những giá trị nhất định. Để duy trì hoạt động và trật tự của một dòng họ, những người có vị thế

trong dòng họ không chỉ sử dụng gia phả hay tộc phả. Mặc dù trong nhiều trường hợp, các hoạt động của dòng họ được thực hiện dựa trên những cuộc thảo luận và thống nhất bằng lời, không có ghi chép rõ ràng bằng văn bản, nhưng họ cũng có sổ ghi chép tài chính đóng góp của các gia đình đối với những việc lớn của dòng họ, có giấy tờ về việc sở hữu đất đai, có các bản thảo tế lễ, có ảnh chụp hay băng hình ghi lại những sự kiện của dòng họ ,... Vậy tại sao cho tới nay, hầu hết các nghiên cứu về dòng họ đều chỉ đề cập tới gia phả, tộc phả mà chưa nhắc tới hệ thống những tài liệu khác? Những tranh chấp đất đai trong dòng họ và các bằng chứng liên quan như trường hợp của dòng họ Nguyễn tại Từ Sơn , Bắc Ninh là những ví dụ điển hình cho thấy tầm quan trọng của những tài liệu khác ngoài gia phả, tộc phả nhưng lại chưa được bản thân người trong gia đình, dòng họ và các nhà nghiên cứu lưu trữ học ở Việt Nam lưu ý. Tương tự như vậy, việc những cá nhân hay cộng đồng người chỉ coi trọng và giữ lại những tài liệu theo quan điểm chủ quan và kinh nghiệm, thậm chí là định kiến của họ sẽ dẫn tới hiện tượng nhiều tài liệu quan trọng với nhà nghiên cứu nhưng không được chủ sở hữu quan tâm và không được lựa chọn. Nói cách khác, tính chủ quan trong việc lựa chọn để lưu giữ hoặc loại bỏ tài liệu lưu trữ nhân dân dẫn đến sự không đầy đủ, thiếu toàn vẹn của chúng. Tính chủ quan này chỉ được hạn chế khi áp dụng các nguyên tắc và phương pháp khoa học đã được chứng minh. Song, vì số lượng người dân quá đông đảo với nhiều cấp độ nhận thức và nhiều quan niệm về giá trị rất khác nhau, cùng với nhiều hình thức tồn tại đa dạng của các kiểu cộng đồng nên việc thẩm thấu các nguyên tắc và lý thuyết khoa học của lưu trữ tới họ là điều vô cùng khó khăn. Cho nên, tính không toàn vẹn của tài liệu lưu trữ nhân dân trở thành một đặc thù có tính tất yếu khách quan.

** Tính không nhất quán về hình thức*

Tài liệu lưu trữ nhân dân là sản phẩm lao động, sáng tạo của nhân dân, cho nên bản thân sự đa dạng của chủ thể tạo thành tài liệu cũng tạo nên sự đa dạng về hình thức thể hiện của tài liệu. Với hơn 80 triệu dân số với trên 90% lao động từ 15 tuổi trở lên biết chữ và 54 cộng đồng dân tộc trên phạm vi cả nước, chưa kể những cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài đủ phản ánh mức độ đa dạng trong khả năng tạo thành tài liệu của nhân dân.

Nếu tài liệu lưu trữ cá nhân có tính vô tổ chức⁹ thì tài liệu của những dòng họ, cộng đồng tộc người, cộng đồng người Việt cổ truyền hay hiện đại, hoặc các tổ chức tôn giáo có tính tổ chức hơn bởi chúng xuất phát từ hoạt động với thiết chế tương đối chặt chẽ của nhóm người. Song, sự khác biệt về tính chất hoạt động, đặc trưng văn hóa, nhận thức sẽ đem đến sự đa dạng trong hình thức thể hiện của tài liệu. Chẳng hạn, cũng là tài liệu ghi lại Kinh Phật, nhưng Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà là công cụ in ấn, xuất bản sách Phật giáo, còn tài liệu trên lá Buông của đồng bào Khmer là một sản phẩm dạng sách khác phục vụ cho chính hoạt động của nhà chùa. Hoặc, ngay cả trong thời kỳ bao cấp ở Miền Bắc Việt Nam với những sản phẩm giấy đồng nhất cho mọi người thì họa sĩ Bùi Xuân Phái cũng tạo những tài liệu đa dạng khác nhau về hình thức với các bản ghi chép trên các cuốn lịch tay, mẫu giấy vụn, lễ bức tranh,... với những kiểu chữ viết khác nhau. Bản thân quá trình tạo ra tài liệu, vì phụ thuộc nhiều vào đặc điểm tâm lý của người tạo ra chúng tại thời điểm đó, trong khi không bị ràng buộc bởi các yếu tố hình thức, thể thức đã được quy chuẩn như tài liệu của Nhà nước nên sự thể hiện bên ngoài của thông tin trong tài liệu như cách sử dụng ngôn ngữ, kiểu chữ, cách chọn giấy cũng có thể khác nhau. Có thể nói, tính không nhất quán về hình thức là một đặc điểm nổi bật của tài liệu lưu trữ nhân dân. Tính chất này thể hiện rõ sự sáng tạo và những đặc trưng văn hóa, đặc trưng cá nhân, điều kiện kinh tế,... của những con người, những cộng đồng người, giúp tạo dựng ký ức phong phú về lịch sử dân tộc nếu được nghiên cứu và sử dụng hiệu quả.

2.1.3. Giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân

Giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân có ý nghĩa quyết định tới việc nhân dân và nhà nước lựa chọn để lưu giữ chúng. Từ cả hai cách tiếp cận bằng chứng và tiếp cận ý nghĩa, tài liệu lưu trữ nhân dân có giá trị để bảo quản cho các thế hệ sau.

2.1.3.1. Tiếp cận bằng chứng

Tiếp cận bằng chứng đòi hỏi sự phân tích từ giá trị tự thân và giá trị thứ phát của tài liệu để xác định giá trị của tài liệu. Theo đó, tài liệu lưu trữ nhân dân có giá trị bằng chứng cho những vấn đề sau đây:

⁹ Từ dùng của Schallenberg trong cuốn *Modern Archives*, xuất bản năm 1956. Theo đó, tài liệu của cá nhân thường xuất hiện tự phát theo nhu cầu trao đổi, cảm xúc cá nhân, không dựa trên hoạt động có tính chất công rõ ràng, không bị phụ thuộc vào những thiết chế tổ chức nên không có tính tổ chức.

- Tài liệu lưu trữ nhân dân là bằng chứng cho sự hiện diện của nhân dân đối với quốc gia và trong lịch sử:

Ở cấp độ cá nhân, các giấy tờ tùy thân của một người sẽ giúp nhận dạng và xác định danh tính, sự tồn tại của người đó với tư cách là công dân của một quốc gia. Những tài liệu của cá nhân là bằng chứng cho đặc điểm nhân cách của một con người, các mối quan hệ của họ với người khác, từ đó xác nhận vị trí của họ trong xã hội. Ở cấp độ dòng họ, tài liệu lưu trữ nhân dân như gia phả dòng họ, các sổ sách ghi chép của dòng họ không chỉ là bằng chứng cho sự xuất hiện của một cá nhân và vị trí của người đó trong dòng họ, mà còn là bằng chứng cho mối quan hệ của những cá thể trong dòng họ cũng như công trạng của dòng họ đối với xã hội. Ở cấp độ cộng đồng, nếu các thần tích, thần sắc là tài liệu chứng tỏ phần nào nguồn gốc và công trạng của người khai sinh ra cộng đồng cổ truyền thì sự chia sẻ tài liệu và thông tin giữa các cá nhân trong cộng đồng hiện đại lại xác lập sự tồn tại của cộng đồng ấy.

- Tài liệu lưu trữ nhân dân là bằng chứng cho mối quan hệ của nhân dân với nhà nước: Tính đến hết năm 2013, Việt Nam có tới 94,8% dân số trong độ tuổi lao động biết chữ [83]. Điều đó có nghĩa là khoảng 94,8% dân số có khả năng tạo ra các tài liệu chữ viết. Những tài liệu do họ tạo ra hoặc lưu giữ lại đều xuất phát từ sự coi trọng của họ với chúng. Trong số 10 trường hợp nhà giáo ưu tú tại tỉnh Bắc Giang và 10 giảng viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được khảo sát, 100% các nhà giáo này đều ưu tiên lưu giữ các giấy tờ về nhân thân, các tài liệu liên quan tới tài sản và quyền sở hữu. Đó không chỉ là bằng chứng về sự công nhận của Nhà nước đối với các quyền của họ, mà còn là cơ sở để họ bảo vệ những quyền đó trước công dân khác và trước Nhà nước. Kết quả khảo sát sơ bộ về các thủ tục hành chính và các quyền của người dân trong Hiến pháp và được cụ thể hóa trong Bộ luật Dân sự cho thấy rằng, hầu hết các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được Hiến pháp thừa nhận đều phát sinh các thủ tục và văn bản, giấy tờ tương ứng.

Bảng 2.2. Tài liệu lưu trữ hình thành từ việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của luật pháp¹⁰

TT	Quyền hoặc nghĩa vụ của công dân	Tài liệu lưu trữ
1	Quyền có quốc tịch Việt Nam	Giấy khai sinh, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu
2	Quyền có chỗ ở hợp pháp	Hộ khẩu, giấy chứng nhận nhà ở
3	Quyền tự do đi lại, cư trú	Giấy đăng ký tạm trú, tạm vắng
5	Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo	Các tài liệu cá nhân về tôn giáo
6	Quyền bầu cử	Thẻ cử tri
7	Quyền khiếu nại, tố cáo	Bản sao đơn thư khiếu nại, tố cáo, văn bản tiếp nhận, trả lời của cơ quan có thẩm quyền
8	Quyền sở hữu tài sản	giấy tờ mua - bán, chuyển nhượng sở hữu,...
9	Quyền kinh doanh hợp pháp	Giấy phép kinh doanh, giấy tờ nộp thuế
10	Quyền được đảm bảo an sinh xã hội	Sổ hưu trí, thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,...
11	Quyền kết hôn, ly hôn	Giấy đăng ký kết hôn, Quyết định của Tòa án nhân dân về việc ly hôn
12	Quyền được chăm sóc sức khỏe	Thẻ bảo hiểm y tế, sổ khám chữa bệnh, hồ sơ bệnh án,...
13	Quyền và nghĩa vụ học tập	Hồ sơ học sinh, sinh viên
14	Quyền nghiên cứu khoa học - công nghệ	Báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu, sản phẩm nghiên cứu, ứng dụng,...
15	Quyền sáng tạo văn học, nghệ thuật	Tác phẩm văn học, nghệ thuật
16	Quyền được sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp	Thư tín, điện tín cá nhân bằng nhiều ngôn ngữ
17	Nghĩa vụ nộp thuế	Bảng kê khai thuế, hóa đơn, chứng từ về việc nộp thuế, giấy ủy quyền tính thuế,...
18	Nghĩa vụ quân sự	Giấy tuyển quân, giấy báo tạm hoãn nghĩa vụ quân sự,...

¹⁰ Kết quả khảo sát của nhóm sinh viên Bùi Thị Thủy, Nguyễn Thị Kim Ngọc, Jiengkham Fangangkham thực hiện tháng 3,4.2015 do Phạm Thị Diệu Linh hướng dẫn.

Không ít trong số những tài liệu kể trên do cơ quan Nhà nước ban hành nhưng lại do công dân lưu giữ để thực hiện các quyền của họ. Một số loại tài liệu khác như bản thảo tác phẩm văn học, báo cáo kết quả nghiên cứu, nhật ký nghiên cứu là tài liệu của cá nhân, do cá nhân tạo nên nhưng có thể được sử dụng để làm bằng chứng để chứng minh trước Nhà nước về quyền của công dân như trong quy định về quyền sở hữu trí tuệ. Do vậy, các tài liệu này là bằng chứng rõ nét về việc đảm bảo của nhà nước đối với các quyền và nghĩa vụ của công dân, thể hiện việc thực thi các quyền và nghĩa vụ của công dân với nhà nước. Cho nên, có thể đánh giá tổng quát rằng tài liệu lưu trữ nhân dân là bằng chứng cho mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân.

Về phương diện lịch sử, tài liệu lưu trữ nhân dân là bằng chứng rõ rệt cho sự xuất hiện, quá trình hoạt động và suy vong của các trào lưu, xu hướng văn hóa, chính trị trong nhân dân, của những thành quả lao động, sáng tạo, kiến tạo của nhân dân qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau với các thể chế chính trị khác nhau. Việc lưu giữ tài liệu trong các dòng họ, cộng đồng cổ truyền hay việc tập hợp, chia sẻ tài liệu trong các cộng đồng mới là dấu vết còn lại rất quý giá cho những kiểu cấu trúc và vận động xã hội ở từng thời kỳ. Chính yếu tố này khiến cho tài liệu lưu trữ nhân dân có giá trị hơn nhiều so với vai trò là bằng chứng pháp lý trong đời sống hằng ngày của công dân. Chúng góp phần quan trọng vào việc khẳng định một cá nhân, một nhóm người hay một phong trào trong xã hội đã từng có mặt trong lịch sử và có đóng góp nhất định vào tiến trình lịch sử của dân tộc.

2.1.3.2. Tiếp cận ý nghĩa

Khi được sử dụng, tài liệu lưu trữ nhân dân có thể đem lại nhiều ý nghĩa:

Trước hết, tài liệu lưu trữ nhân dân là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích của công dân. Các giấy tờ nhân thân vừa chứng minh quyền công dân và quyền được bảo hộ của công dân đối với Nhà nước Việt Nam, vừa là cơ sở thực hiện các thủ tục hành chính khác liên quan tới quá trình sống, làm việc trong suốt cuộc đời của công dân. Trong đó, giấy chứng minh nhân dân được coi là một trong những giấy tờ quan trọng nhất, là cơ sở để xác định chính xác danh tính của một cá nhân trong mọi quan hệ dân sự và pháp lý. Các giấy tờ khác như giấy chứng sinh, chứng tử, giấy đăng ký

kết hôn không những là căn cứ để xác định mối quan hệ giữa các cá nhân cùng huyết thống, giữa vợ và chồng, mà còn là chứng nhận hợp pháp xác định trách nhiệm của cha mẹ với con, và của con với cha mẹ già. Tương tự như vậy, các tài liệu lưu trữ công do nhân dân lưu giữ hợp pháp như vậy có ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ quyền sở hữu của công dân với tài sản của chính họ, bảo vệ danh dự, uy tín của cá nhân, dòng họ, cũng như xác lập việc thực hiện các nghĩa vụ cần thiết với cộng đồng.

Thứ hai, tài liệu lưu trữ nhân dân phục vụ quản lý của nhà nước. Không chỉ là cơ sở để đảm bảo quyền lợi cho người dân. Tài liệu lưu trữ nhân dân là công cụ quan trọng để nhà nước thực hiện quyền quản lý đối với công dân của mình. Các giấy tờ về nhân thân là cơ sở dữ liệu quan trọng để quản lý nhân khẩu, hộ tịch, việc cư trú, an ninh trật tự,... Thông qua những tài liệu này, Nhà nước có thể xác định quốc tịch, từ đó thực hiện mức độ trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân của Quốc gia. Các tài liệu đó cũng là căn cứ để Nhà nước bảo vệ lợi ích chính đáng của công dân, giải quyết các tranh chấp tài sản, phân xử các vụ án dân sự và nhiều hoạt động điều hành, kiểm soát khác.

Thứ ba, tài liệu lưu trữ nhân dân phản ánh các đặc điểm về văn hóa, lịch sử, các đặc tính xã hội của nhân dân. Những tài liệu của cá nhân, từ giấy tờ tùy thân, các loại thư tín, những cuốn nhật ký, ghi chép cá nhân không những phản ánh đặc điểm cá nhân của người đó, mà còn có giá trị trong việc nghiên cứu mối quan hệ của họ, từ đó nghiên cứu những đặc điểm về gia đình. Chẳng hạn, hiện tượng thanh thiếu niên Việt Nam viết những dòng có ý nghĩa xúc phạm tới cha, mẹ, thầy, cô giáo, bạn bè như viết nhật ký một cách công khai trên các trang mạng cá nhân trong thời gian gần đây có thể được sử dụng để nghiên cứu tâm lý lứa tuổi, phân tích mối quan hệ và quan niệm của các em về những vấn đề liên quan đến cuộc sống. Những tài liệu của dòng họ, của cộng đồng vừa cung cấp cho người nghiên cứu lịch sử thêm thông tin từ người dân để so sánh với những thông tin trong tài liệu của nhà nước, vừa có thể bổ sung các chi tiết thân thuộc và nhiều màu sắc cuộc sống [75] với các đặc điểm về hình thức trình bày, ngôn ngữ diễn đạt,... mà tài liệu quản lý của nhà nước không thể hiện hết. Từ lời kể của nhân dân, cũng là những nhân

chúng, những sự kiện lịch sử và di tích lịch sử đã được khôi phục, làm sống lại quá khứ anh hùng hoặc bi thương của dân tộc qua những giai đoạn khác nhau như trường hợp gia đình cụ Nguyễn Hải Hào ở Giáp Nhất, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội¹¹. Những ví dụ đó cho thấy tài liệu lưu trữ nhân dân là cứ liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử, văn hóa của nhân dân.

Thứ tư, tài liệu lưu trữ nhân dân thể hiện các giá trị dân chủ. Vì tài liệu lưu trữ nhân dân thể hiện rõ mức độ thực hiện quyền và nghĩa vụ của cả hai bên Nhà nước và công dân, đồng thời phản ánh đặc trưng văn hóa, lịch sử, xã hội của nhân dân nên chúng cũng phản ánh nhiều giá trị của nền dân chủ. Từ điển oxford định nghĩa: "*dân chủ là quyền được đối xử công bằng, bình đẳng giữa mọi người và quyền được quyết định của họ*" (Oxford University 2015). Nguồn gốc của từ "dân chủ" (democracy) xuất phát từ tiếng Hi Lạp là "demokratia" với gốc gồm hai thành phần: demos (nhân dân) và kratos (cai trị). "Dân chủ" là hình thức cai trị do nhân dân nắm quyền¹². Biểu hiện cơ bản đầu tiên của nền dân chủ là chế độ bầu cử qua phổ thông đầu phiếu, sự tham gia của nhân dân vào hoạt động quản lý của nhà nước, cùng với đó là việc đảm bảo quyền con người trong luật pháp và thực tiễn hoạt động của Nhà nước. Cho nên, mức độ thực hiện quyền con người và chế độ phổ thông đầu phiếu của Nhà nước đến người dân sẽ cho thấy các giá trị dân chủ được bảo vệ như thế nào. Điều đó được phản ánh trong tài liệu lưu trữ nhân dân, từ các giấy tờ chứng minh quyền công dân, các tài liệu về quyền sở hữu, quyền được hưởng thụ các dịch vụ công,... Bản thân các bài viết, tác phẩm, thông tin diễn đàn ngôn luận đều có thể cho thấy quan điểm và đánh giá của người dân về mức độ hài lòng và đồng thuận với Nhà nước. Nói cách khác, tài liệu lưu trữ nhân dân tạo ra sự "cân bằng ký ức" [62] đồng thời với việc tạo dựng cân bằng sự thật khi cung cấp thông tin cho quá trình nghiên cứu từ quan điểm và cách tiếp cận của người dân

¹¹ Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, gia đình cụ Nguyễn Hải Hào là cơ sở in báo Hồn nước của đội Thanh niên cứu quốc Hà Nội, đồng thời thu mua và vận chuyển vũ khí để đội Thanh niên thành Hoàng Diệu chống Pháp. Không còn cứ liệu lịch sử nhưng lời kể của những nhân chứng như cụ Nguyễn Thanh Vân, đội viên đội Thanh niên thành Hoàng Diệu đã giúp làm rõ sự kiện lịch sử này và là cơ sở để nhà nước ghi nhận ngôi nhà gia đình cụ Nguyễn Hải Hào đang ở tại Cụm Giáp Nhất, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội là di tích lịch sử cách mạng. Thông tin từ điện đã ngày 22.6.2015.

¹² Diễn giải trong bản dịch tiếng Việt năm 2013 tác phẩm "Các mô hình quản lý nhà nước" của David Held, phiên bản tiếng Anh năm 2006. Trong tác phẩm này, dân chủ được thể hiện ở nhiều mức độ với nhiều dạng thức khác nhau trong các mô hình quản lý nhà nước khác nhau.

2.2. Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

2.2.1. Chủ thể và đối tượng tác động của chính sách

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 ghi rõ căn cứ để xây dựng Luật là "đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước" (Điều 32). Khoản 1 Điều 2 Nghị định 34/2016/NĐ-CP giải thích: "*Chính sách là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định*". Theo đó, chủ thể ban hành chính sách là Nhà nước. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng thông qua chủ trương, đường lối và đội ngũ đảng viên trong các cơ quan Nhà nước cùng những nguyên tắc làm việc chặt chẽ giữa tổ chức đảng với đảng viên đã tạo ra một "thiết chế ngầm định" về sự phụ thuộc của Nhà nước vào định hướng chung của Đảng trong việc ban hành chính sách. Hơn thế nữa, đến nay chưa tìm thấy văn kiện nào của Đảng phân định rõ vai trò chủ thể trong hoạch định chính sách công giữa Đảng và Nhà nước nên về cơ bản, Đảng cầm quyền vẫn có vai trò quan trọng trong định hướng chính sách vĩ mô song song với Nhà nước.

Sử dụng cơ sở lý thuyết xã hội học và nhân học xã hội, tác giả Vũ Cao Đàm xác định đối tượng tác động của chính sách công là một hoặc một số nhóm xã hội để hướng hoạt động của các nhóm này theo đúng mục tiêu mà chủ thể quyền lực hoặc chủ thể quản lý đặt ra [5]. Sự tác động này có thể là những tác động dương tính, âm tính hoặc ngoại biên lên các cá nhân, các cộng đồng hoặc toàn xã hội. Việc hoạch định chính sách cần xác định đối tượng và dự đoán mức độ tác động của chính sách để xây dựng mục tiêu và biện pháp phù hợp.

Như thế, dù tiếp cận theo cách nào, chính sách công vẫn có những đặc điểm cơ bản sau:

- Chính sách công chịu ảnh hưởng của thiết chế chính trị
- Chính sách công có cấu trúc gồm mục tiêu và biện pháp
- Chính sách công có tác nhân để hình thành và có môi trường để tồn tại
- Chính sách công ảnh hưởng khác nhau đến các nhóm xã hội khác nhau

Những điểm đồng thuận của các học giả hành chính học và khoa học quản lý như đã tổng hợp ở trên sẽ là cơ sở lý thuyết để thu thập thông tin về vấn đề chính sách ở các chương ba, đồng thời phân tích cấu trúc chính sách ở những chương bốn của luận án.

2.2.2. Khái niệm và đặc điểm chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

Từ những điểm đồng thuận như trên, có thể coi chính sách công là quyết định quản lý của nhà nước, với nhiều hình thức khác nhau nhằm giải quyết những vấn đề công để thúc đẩy xã hội phát triển theo định hướng cụ thể. Chính sách công được ban hành để nhà nước thực hiện chức năng quản lý xã hội đối với những đối tượng và vấn đề chính sách cụ thể và trong những bối cảnh nhất định. Chính sách công tác động tới các nhóm công dân nhất định để định hướng hành vi của họ theo mục tiêu và giải pháp của nhà nước cho vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân trong luận án tập trung vào vai trò quản lý của nhà nước và việc điều phối tổng thể của những cơ quan có thẩm quyền ở trung ương đối với những tài liệu lưu trữ này nên những nội dung được trình bày và phân tích sẽ tiếp cận theo khung lý thuyết về chính sách công đang được áp dụng ở Việt Nam. Về cơ bản, *chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân là quyết định của nhà nước nhằm quản lý và phát huy giá trị có hiệu quả đối với tài liệu lưu trữ nhân dân, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa quốc gia - dân tộc, nhà nước và công dân trong quá trình lưu giữ và sử dụng những tài liệu lưu trữ đó*. Chính sách này có thể được xây dựng tại các cơ quan quản lý nhà nước như là những quyết định chính sách công hoặc là những chính sách cụ thể của mỗi cơ quan lưu trữ để thực hiện các hoạt động lưu trữ như chính sách sưu tầm, chính sách bảo quản,... Vì thế, trong phạm vi luận án này, chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân là chính sách công về tài liệu lưu trữ nhân dân. Đó là tập hợp các biện pháp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở nhiều hình thức khác nhau nhằm quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân theo mục tiêu nhất định để bảo tồn và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân. Hơn thế nữa, chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân sẽ được xây dựng theo tiếp cận của quản lý công¹³, tức là hướng đến triết lý quản lý chú trọng hỗ trợ, thúc đẩy sự tham gia của nhiều thành phần nhất là khu vực tư vào hoạt động lưu trữ với sự hợp tác và chia sẻ lợi ích song hành với phát triển dịch vụ công của nhà nước.

Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân có những đặc điểm cụ thể sau:

- Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân chịu ảnh hưởng của thể chế chính trị. Thể chế chính trị là một phần quan trọng trong môi trường chính sách, có

¹³ Xem thêm phần trình bày ở Tổng quan nghiên cứu.

ý nghĩa quyết định đến sự định hướng mục tiêu và giải pháp của chính sách. Cách thức giải quyết vấn đề lợi ích và mức độ can thiệp tới các nhóm xã hội liên quan đến chính sách như chủ sở hữu tài liệu, cán bộ lưu trữ, các lưu trữ lịch sử cũng chịu ảnh hưởng của yếu tố này. Do vậy, khi phân tích chính sách, thể chế chính trị là yếu tố đầu tiên cần được xem xét kỹ.

- Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân có cấu trúc. Cấu trúc này bao gồm mục tiêu và giải pháp để giải quyết vấn đề chính sách. Vấn đề chính sách chính là vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý của nhà nước đến mức cần thiết phải ban hành chính sách.

- Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân cần có môi trường để tồn tại. Môi trường này không chỉ là thể chế chính trị mà còn là hiện trạng quản lý nhà nước công tác lưu trữ, nền tảng văn hóa - xã hội, mục tiêu phát triển của quốc gia,... Nếu chính sách không phù hợp với các yếu tố trong môi trường này thì sẽ không có tính khả thi và không thể triển khai trong thực tiễn.

- Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ảnh hưởng khác nhau đến các nhóm xã hội khác nhau. Các nhóm xã hội này chính là các nhóm chủ sở hữu và các nhóm cán bộ lưu trữ. Việc xác định rõ các nhóm xã hội và khả năng ảnh hưởng của chính sách đến họ sẽ giúp chính sách tiếp cận tốt hơn với thực tiễn.

2.2.3. Sự cần thiết phải sử dụng chính sách công để quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

Việc người dân đang lưu giữ những tài liệu có giá trị đối với Quốc gia - Dân tộc là thực tế đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu của các học giả và nhiều ví dụ về châu bản, bản đồ, ... chứng tỏ chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông. Đó là động lực chính để các cơ quan quản lý nhà nước ban hành và thực thi chính sách để sưu tầm, quản lý tài liệu trong nhân dân. Trong khi đó, Luật Lưu trữ 2011 đã công nhận quyền sở hữu về tài liệu lưu trữ và cho phép thực hiện các dịch vụ lưu trữ chứng tỏ sự công nhận của Nhà nước đối với năng lực của nhân dân khi tham gia các hoạt động lưu trữ nhưng ngoài quy định trong Luật, các điều kiện khác để tạo khung pháp lý cho nhân dân được phát huy năng lực này đều chưa rõ ràng. Đồng thời, việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền định đoạt với tài liệu lưu trữ thuộc sở hữu của mình đã được công nhận. Cho nên, với những quy định này, cơ quan lưu trữ nhà

nước không còn là chủ thể duy nhất sở hữu tài liệu lưu trữ và thực hiện các hoạt động lưu trữ phục vụ xã hội. Vì thế, từ tính chất áp đặt, quyền lực - phục tùng, các quan hệ dân sự bắt đầu được thành lập giữa cơ quan lưu trữ, chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước, người sử dụng tài liệu,... mà các bên trong mối quan hệ đó được pháp luật bảo vệ nhiều hơn về quyền và lợi ích. Từ đó, nhiều vấn đề mới phức tạp nảy sinh và cơ quan lưu trữ, từ vị thế của đơn vị thực hiện các hoạt động nghiệp vụ bắt đầu phải đối mặt với nhiều hoạt động khác rộng hơn, tương tác mạnh hơn với người dân và tổ chức. Những yếu tố phát sinh này sẽ dẫn tới những khả năng sau:

- Sự bức xúc hoặc đòi hỏi của người dân nếu cơ quan lưu trữ không đáp ứng được những vấn đề đặt ra khi cùng làm việc để quản lý, sử dụng tài liệu
- Hệ thống pháp luật hiện hành chưa phù hợp và không đầy đủ để điều chỉnh hoặc làm hành lang pháp lý tốt để xử lý các mối quan hệ phát sinh, từ đó dẫn đến nhiều bất cập trong việc bảo vệ, phát huy giá trị tài liệu

Nhu cầu quản lý và sử dụng tài liệu lưu trữ nhân dân, những yêu cầu của người dân đối với cơ quan lưu trữ và sự bất hợp lý trong chính sách hiện hành là cơ sở để xác định vấn đề chính sách cần giải quyết để quản lý tốt tài liệu lưu trữ nhân dân. Các yếu tố này sẽ được phân tích cụ thể tại Chương 3.

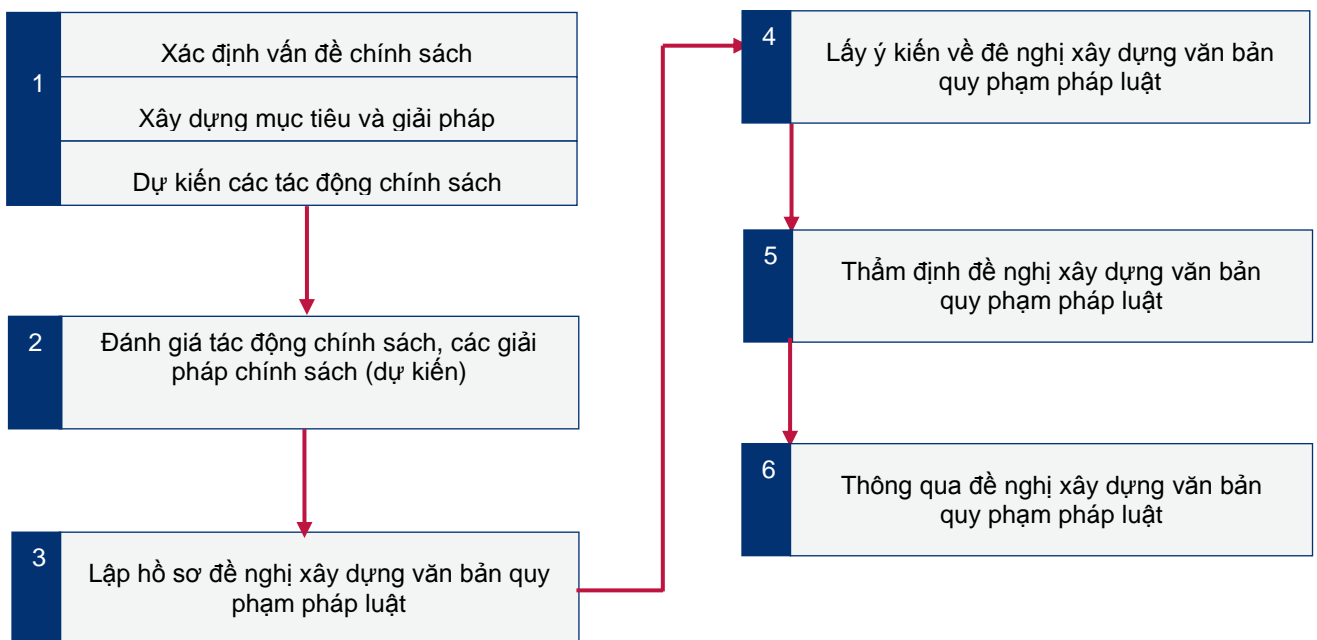
2.2.4. Quy trình hoạch định chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

Quy trình hoạch định chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân được thực hiện theo quy trình hoạch định chính sách công do Nhà nước Việt Nam xác định¹⁴. Trong đó, toàn bộ quá trình hoạch định chính sách công gồm 6 bước cơ bản. Phân tích dữ liệu để xác định sự cần thiết và vấn đề chính sách, các mục tiêu chính sách cần hướng tới và các giải pháp cần thực hiện thuộc bước đầu tiên trong toàn bộ quy trình này. Việc dự kiến các văn bản pháp luật cần ban hành chỉ được thực hiện sau khi đã tiến hành đánh giá đầy đủ các tác động của giải pháp chính sách đưa ra. Xác định vấn đề chính sách phải dựa trên sự đánh giá hiện trạng về chính sách, pháp luật hiện hành và thực tiễn xã hội của sự kiện khách quan mà nội dung chính sách cần đề

¹⁴ Về lý thuyết, khoa học chính sách đã có nhiều mô hình khác nhau để xây dựng chính sách. Luận án kế thừa Quy trình xây dựng chính sách dựa trên tài liệu hướng dẫn của Bộ Tư pháp về đánh giá tác động chính sách vì quy trình này phù hợp với bối cảnh và cách tiếp cận của Việt Nam. Tài liệu hướng dẫn của Bộ Tư pháp được nghiên cứu, xây dựng với sự tư vấn của USAID và được ban hành năm 2018. Thông tin chi tiết về tài liệu và Dự án Quản trị Nhà nước nhằm Tăng trưởng Toàn diện có tại website <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=2639>

cập để đảm bảo rằng *cần thiết phải xây dựng chính sách mới* cho thực tiễn này. Các mục tiêu và giải pháp chính sách cũng phải được xác định từ việc phân tích tương tự để *đảm bảo tính khả thi và hiệu quả* của chính sách dự kiến ban hành. Vì thế, tuy chỉ là một bước trong quy trình xây dựng chính sách nhưng xác định vấn đề để dự kiến giải pháp chính sách là một trong những giai đoạn quan trọng nhất của toàn bộ quy trình này. Thực hiện tốt bước 1 của quy trình sẽ góp phần tích cực trong việc đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và chất lượng của chính sách.

Quy trình xây dựng chính sách không đồng nhất nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Chính sách được hình thành trước khi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành. Chính sách được các cơ quan và cá nhân có thẩm quyền xác định và là định hướng để dự thảo luật pháp. Nói cách khác, các văn bản quy phạm pháp luật là một hình thức thể hiện của chính sách và là phương tiện để chính sách từng bước phát huy tác dụng trong đời sống xã hội. Vì vậy, một chính sách được hình thành có thể dẫn tới sự ra đời của một hoặc nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Điều đó phụ thuộc vào mức độ phức tạp của vấn đề chính sách và năng lực, kỹ thuật lập pháp của cơ quan quản lý nhà nước. Trong phạm vi chủ đề của luận án, những nội dung trình bày ở các chương tiếp theo sẽ vận dụng quan điểm trên vào xác định vấn đề chính sách.



Hình 2.3: Quy trình xây dựng chính sách

Nhìn chung, chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân tập trung vào việc quản lý để bảo đảm an toàn và phát huy giá trị những tài liệu do nhân dân tạo ra và nhân được, có giá trị để lưu giữ. Chính sách này sẽ hướng đến vai trò điều phối, hỗ trợ của các cơ quan nhà nước và vai trò chủ động, tích cực của công dân trong lưu giữ, bảo tồn và phát huy giá trị tài liệu. Để làm được điều này, vấn đề chính sách cần được phân tích rõ để xác định hướng tác động của các giải pháp chính sách.

Tiểu kết chương 2

Như vậy, tài liệu lưu trữ nhân dân là mọi tài liệu do nhân dân tạo ra hay nhận được, được lựa chọn để lưu trữ. Nhân dân - chủ thể tạo ra và lưu giữ tài liệu bao gồm các cá nhân, gia đình - dòng họ, các cộng đồng kiểu cũ và kiểu mới của các tộc người Việt Nam đã và đang định cư trong và ngoài nước. Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân là chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân là quyết định của nhà nước nhằm quản lý và phát huy giá trị có hiệu quả đối với tài liệu lưu trữ nhân dân, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa quốc gia - dân tộc, nhà nước và công dân trong quá trình lưu giữ và sử dụng những tài liệu lưu trữ đó. Việc sử dụng công cụ chính sách để quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân là cần thiết do cả Nhà nước và công dân đều có nhu cầu sử dụng tài liệu lưu trữ nhân dân nhưng quyền sở hữu của công dân đối với tài liệu lưu trữ đã được pháp luật công nhận, các biện pháp quản lý tài liệu này như đã từng áp dụng với tài liệu của nhà nước không còn phù hợp với đặc thù của tài liệu và của chủ sở hữu. Do đó, việc phân tích chính sách hiện hành của Nhà nước và thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan về vấn đề này là hết sức cần thiết để xác định vấn đề chính sách.

CHƯƠNG 3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN CỦA CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

Chương này của luận án sẽ cung cấp các luận chứng và luận cứ để khẳng định sự cần thiết phải xây dựng và thực thi chính sách mới về quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân cũng như vấn đề trọng tâm cần giải quyết của chính sách đó. Sự cần thiết của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân dựa trên những yếu tố cơ bản là: nhu cầu bảo quản, lưu giữ tài liệu lưu trữ nhân dân của công dân và nhà nước; những nguy cơ có thể xảy ra do những bất cập trong chính sách và pháp luật hiện hành đối với tài liệu này; những thuận lợi và thách thức trong tiếp cận với chủ sở hữu để quản lý và phát huy giá trị tài liệu; thực tiễn hiệu quả quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân của những cơ quan khác và khu vực tư ở Việt Nam. Giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân như đã trình bày ở Chương 1 là động lực cơ bản dẫn đến nhu cầu bảo tồn, quản lý chúng nhưng việc lựa chọn đối tượng và phương hướng tác động chính sách cùng giải pháp quản lý lại phụ thuộc vào vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Những nội dung dưới đây phản ánh điều đó.

3.1. Chính sách và pháp luật hiện hành về tài liệu lưu trữ nhân dân

3.1.1. Quan điểm và biện pháp quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam

Đến nay chưa có khảo sát chính thức và đầy đủ nào về nhu cầu sử dụng, bảo tồn tài liệu lưu trữ trong nhân dân của Nhà nước và của nhân dân nhưng vai trò của những tài liệu lưu trữ nhân dân như những bằng chứng lịch sử đối với quá trình bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam thời gian qua đã thúc đẩy nhiều hoạt động của các cơ quan lưu trữ Nhà nước để tìm kiếm, sưu tầm tài liệu về Việt Nam. Cùng với đó, những công bố nghiên cứu về tài liệu lưu trữ nhân dân của các học giả Việt Nam như trong Hội thảo quốc tế “Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân” năm 2012, Hội thảo quốc tế “Các nguồn tài liệu lưu trữ về Việt Nam giai đoạn cận, hiện đại - Giá trị và khả năng tiếp cận” năm 2016 do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức đã cung cấp một phần cơ sở khoa học và thực tiễn về giá trị và vai trò của nhiều loại tài liệu lưu trữ có giá trị trong nhân dân cùng với nhu cầu bảo tồn chúng. Những phân tích dưới đây sẽ cung cấp thêm một phần bằng chứng về Chính sách và quy định của pháp luật Việt Nam cho thấy nhu cầu và biện

pháp của Nhà nước đối với tài liệu lưu trữ nhân dân và những bất cập của chúng dẫn đến các nguy cơ tiềm ẩn khiến cho chính sách khó triển khai trong thực tiễn.

Đến năm 2016, Nhà nước Việt Nam đã thể hiện chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân thông qua việc công nhận quyền sở hữu đối với tài liệu, khuyến khích đăng ký, ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu cho các lưu trữ lịch sử¹⁵, nghiêm cấm các hành vi phá hủy tài liệu. Đồng thời, Chính phủ cũng phê duyệt các đề án, kế hoạch sưu tầm tài liệu quý hiếm của Việt Nam và về Việt Nam nhằm phát hiện, chuyển giao những tài liệu thuộc nhóm quý hiếm về sự quản lý của các cơ quan lưu trữ lịch sử. Nhìn chung, quan điểm của Nhà nước Việt Nam là tôn trọng quyền của công dân đối với tài liệu lưu trữ nhân dân và các cơ quan lưu trữ chỉ tiến hành can thiệp thông qua sưu tầm với những tài liệu được coi là quý hiếm.

Không sử dụng khái niệm tài liệu lưu trữ nhân dân, Luật Lưu trữ sử dụng khái niệm "tài liệu của cá nhân, gia đình, dòng họ" và xác định các loại tài liệu cá nhân được đăng ký với cơ quan lưu trữ lịch sử gồm (Điều 5):

- a) Gia phả, tộc phả, bằng, sắc phong, tài liệu về tiểu sử;
- b) Bản thảo viết tay, bản in có bút tích, công trình nghiên cứu khoa học, sáng tác, thư từ trao đổi;
- c) Phim, ảnh; băng, đĩa ghi âm, ghi hình; tài liệu điện tử;
- d) Công trình, bài viết về cá nhân;
- đ) Ấn phẩm, tài liệu do cá nhân sưu tầm được.

Ngày 31.5.2012, Chính phủ ban hành Quyết định 644/QĐ-TTg phê duyệt nội dung Đề án "Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam" (gọi tắt là Đề án 644). Trong Đề án này, khái niệm "tài liệu lưu trữ quý, hiếm" xuất hiện và được tiếp cận theo nội dung tài liệu thay vì loại hình như trong Luật Lưu trữ. Theo đó, nội dung tài liệu thuộc phạm vi sưu tầm của Đề án là:

- a) Tài liệu trực tiếp hoặc gián tiếp về chủ quyền lãnh thổ Việt Nam;
- b) Tài liệu về hoạt động của bộ máy Nhà nước qua các thời kỳ lịch sử Việt Nam; các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao ... tiêu biểu trong

¹⁵ Các lưu trữ lịch sử Việt Nam đến thời điểm này gồm các trung tâm lưu trữ Quốc gia và các trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Các lưu trữ này đều là đơn vị sự nghiệp công của Nhà nước.

lịch sử Việt Nam mà tài liệu trong các Trung tâm Lưu trữ quốc gia không có hoặc có không đầy đủ;

c) Tài liệu về nguồn gốc, quá trình phát triển phản ánh sinh động và chân thực đời sống vật chất, tinh thần, phong tục, tập quán của người Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử;

d) Tài liệu về cá nhân, gia đình, dòng họ có nhiều dấu ấn trong lịch sử Việt Nam.

Với phạm vi như trên, những tài liệu có nội dung thuộc phạm vi sưu tầm của Đề án đã bao quát được những chủ đề chính của tài liệu cần được sưu tầm và quản lý trong nhân dân (ở Việt Nam và nước ngoài), không phụ thuộc vào nguồn gốc hình thành hay chủ sở hữu và khá gần với quan niệm về "tài liệu lưu trữ nhân dân" đã trình bày ở chương Cơ sở lý luận. Điều đáng lưu ý là mục tiêu tổng quát của Đề án này nhằm bổ sung tài liệu để bảo quản trong các Trung tâm lưu trữ Quốc gia và trợ giúp các cá nhân, gia đình, dòng họ bảo quản an toàn tài liệu thuộc nội dung trên, chưa đề cập tới việc sưu tầm tài liệu của các địa phương hay vai trò của các địa phương trong Đề án này. Đến ngày 13.8.2013, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 922/QĐ-BNV ngày 21 tháng 09 năm 2010 phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện đề án "Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2020 (gọi tắt là Kế hoạch 922). Trong Kế hoạch này, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc bắt đầu được giao nhiệm vụ phối hợp với Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước trong việc tuyên truyền, thống kê tài liệu và tham mưu đề xuất khen thưởng. Như thế, trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân được giao phó phần lớn cho các lưu trữ lịch sử, chủ yếu ở cấp Trung ương với mục tiêu tương đối hẹp, chưa hướng tới việc bảo tồn di sản tư liệu ở quy mô rộng trên toàn lãnh thổ. 1 năm sau khi Kế hoạch 922 được ban hành, Cục Văn thư - Lưu trữ Nhà nước đã tổ chức Hội nghị tập huấn về sưu tầm tài liệu quý hiếm và Hội thảo xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của các tổ chức lưu trữ nhà nước vào tháng 11/2014 tại Lâm Đồng¹⁶. Từ Hội

¹⁶ Thông tin chính thức từ website Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, <http://www.archives.gov.vn/Pages/Tin%20chi%20ti%E1%BA%Bft.aspx?itemid=746&listId=adb718e8-0694-4a3d-a497-3496b36f2159&ws=content>

ngộ này và với động lực đáng kể từ giải pháp kinh phí do Thông tư liên tịch 120/2014/TTLT-BTC-BNV giữa Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ đem lại, hàng loạt đề án và kế hoạch sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm giai đoạn 2015-2020 đã được các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, triển khai tại Hà Nội, Huế, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định... và đem lại những kết quả cụ thể.

Ngoài những nội dung trên, lần đầu tiên trong lịch sử pháp luật của nhà nước Việt Nam sau cách mạng tháng Tám, quyền sở hữu đối với tài liệu lưu trữ đã được pháp luật thừa nhận tại Điều 4 của Luật Lưu trữ. Điều 4 của Luật này cũng khẳng định chính sách của nhà nước là “khuyến khích tổ chức, cá nhân hiến tặng, ký gửi, bán tài liệu lưu trữ của mình cho Nhà nước, đóng góp, tài trợ cho hoạt động lưu trữ và thực hiện hoạt động dịch vụ lưu trữ”. Những cá nhân, gia đình, dòng họ có tài liệu lưu trữ như quy định tại Điều 5 được đăng ký thuộc Phong lưu trữ Quốc gia Việt Nam và nhận sự hỗ trợ về bảo quản, tạo điều kiện để phát huy giá trị tài liệu. Nhà nước cũng công nhận quyền của chủ sở hữu với việc tự quyết định thỏa thuận việc bán tài liệu, ký gửi, hiến tặng hoặc cho phép sử dụng tài liệu ký gửi hoặc được ưu tiên sử dụng tài liệu đã hiến tặng, được khen thưởng theo quy định. Nói cách khác, những nội dung cơ bản có tính nguyên tắc về chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân đã được trình bày tương đối đầy đủ trong Luật Lưu trữ. Trong đó, quan điểm chủ đạo của Nhà nước là tôn trọng vai trò của nhân dân đối với việc sở hữu, lưu giữ tài liệu lưu trữ nhân dân và các Nhà nước quan tâm trước hết tới những tài liệu được coi là quý, hiếm.

3.1.2. Pháp luật hiện hành về tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam

Mặc dù đã quan tâm của Nhà nước Việt Nam đối với tài liệu lưu trữ nhân dân tập trung nhiều vào tài liệu lưu trữ quý, hiếm nhưng những quy định pháp lý hiện hành bộc lộ những mâu thuẫn và khoảng trống mà các văn bản liên quan của những ngành khác vẫn chưa thể bổ sung. Đồng thời, khái niệm tài liệu lưu trữ trong luận án đề cập tới rất nhiều loại tài liệu khác nhau được hình thành từ các cấp độ tổ chức nhân dân khác nhau với hình thức lưu giữ và sở hữu đa dạng nên việc quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân phải được xem xét trên mối quan hệ giữa nhà nước - công dân và công dân - công dân. Theo đó, nhiều vấn đề mới phát sinh ngoài phạm vi của

pháp luật lưu trữ. Hơn thế nữa, do nội dung và hình thức của tài liệu lưu trữ nhân dân cũng rất đa dạng, đề cập tới nhiều vấn đề của cá nhân, cộng đồng, tổ chức công và tư nên việc chia sẻ, phát huy giá trị tài liệu cũng phải chịu sự ràng buộc của nhiều yếu tố pháp lý liên quan đến cá nhân và tổ chức. Do vậy, phần trình bày dưới đây hướng đến việc mô tả khái quát về những vấn đề pháp lý của chính sách hiện hành cho thấy những tiến bộ và cả những bất cập.

3.1.2.1. Quy định pháp lý về di sản văn hóa

Khác với Luật Lưu trữ, Luật Di sản văn hóa đã sửa đổi, bổ sung năm 2012 định nghĩa cụ thể cho từng loại di sản. Trong đó, khái niệm gần với tài liệu lưu trữ nhất là "di sản vật thể" theo nghĩa là "*sản phẩm vật chất có ý nghĩa lịch sử, văn hóa, khoa học bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia*"(Khoản 2 Điều 4). "*Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hóa, khoa học*" (Khoản 7 Điều 4). Tiêu chí để xác định bảo vật quốc gia gồm: hiện vật gốc độc bản, hình thức độc đáo, có giá trị đặc biệt (Điều 41a). Trong khi đó, Khoản 1 Điều 26 Luật Lưu trữ xác định tài liệu lưu trữ quý, hiếm có 1 trong 3 điều kiện: có giá trị đặc biệt, được hình thành trong bối cảnh lịch sử đặc biệt, được thể hiện trên vật mang tin độc đáo. Ba tiêu chuẩn này trùng 2/3 tiêu chí xác định bảo vật quốc gia nên về cơ bản, trên thực tế sẽ tồn tại những tài liệu lưu trữ quý, hiếm đồng thời là bảo vật quốc gia. "Sưu tập là một tập hợp các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, được thu thập, gìn giữ, sắp xếp có hệ thống theo những dấu hiệu chung về hình thức, nội dung và chất liệu để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu lịch sử tự nhiên và xã hội" (Khoản 9 Điều 4). Những định nghĩa này, một mặt nhấn mạnh đến giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của di sản mà tài liệu lưu trữ là một phần trong đó, mặt khác coi trọng đến tính "lưu truyền lại" của chúng. Đặc điểm này gần với tính "được lựa chọn" để lưu trữ của tài liệu lưu trữ. Cho nên, về cơ bản những định nghĩa của hai văn bản Luật kể trên cùng đề cập tới một đối tượng, nhưng phạm vi của đối tượng trong Luật Di sản văn hóa rộng hơn vì bao gồm cả các di sản là cảnh quan, công trình kiến trúc, ... Nói cách khác, tài liệu lưu trữ nói chung và tài liệu lưu trữ nhân dân nói riêng là một phần của di sản văn hóa.

Về phương diện tổ chức, các cơ quan lưu trữ lịch sử được tổ chức thành hệ thống theo cấp hành chính từ trung ương tới địa phương và trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân thuộc về các lưu trữ lịch sử như quy định ở Khoản 5 Điều 2 của Luật Lưu trữ nhưng các văn bản dưới Luật vẫn chưa kịp điều chỉnh và tiếp tục quy định trách nhiệm của các lưu trữ lịch sử địa phương đối với những nguồn nộp lưu là các cơ quan nhà nước. Trong khi đó, như đã trình bày ở trên, Đề án 644 và Kế hoạch 922 chưa xác định trách nhiệm cụ thể cho tất cả lưu trữ lịch sử địa phương mà phụ thuộc vào sự quan tâm của lãnh đạo địa phương đó hoặc theo sự lựa chọn của cơ quan chuyên môn của Cục Văn thư - Lưu trữ Nhà nước khi xác định địa phương để thí điểm Đề án 644. Vấn đề này được khắc phục đối với cơ quan văn hóa với sự xác lập hệ thống các bảo tàng. Hệ thống các bảo tàng theo quy định ở Mục 3 Chương 2 Luật Di sản văn hóa cũng được tổ chức gắn liền với cấp hành chính từ trung ương đến địa phương, bao gồm cả bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng của các tổ chức, bảo tàng công lập và ngoài công lập. Hệ thống bảo tàng cũng có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, bao gồm cả tổ chức phát huy giá trị di sản văn hóa. Vì thế, các bảo tàng không quá khác biệt về chức năng nhưng có quy mô đa dạng và linh hoạt hơn các cơ quan lưu trữ, trách nhiệm đối với di sản cũng được xác định rõ ràng hơn.

* Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bảo vệ tài liệu lưu trữ và di sản văn hóa

Mặc dù trách nhiệm chính trong quản lý tài liệu lưu trữ quý, hiếm (hay tài liệu lưu trữ cá nhân) và các di sản, bảo vật quốc gia được phân công cho các cơ quan lưu trữ và bảo tàng, nhưng Luật Lưu trữ và Luật Di sản văn hóa cũng ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu đối với di sản, tài liệu lưu trữ phải có trách nhiệm bảo vệ chúng. Việc bảo vệ tài liệu lưu trữ trong Luật Lưu trữ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là chủ sở hữu tài liệu bao gồm các vấn đề sau đây:

- Được quyền đăng ký tài liệu thuộc Phong Lưu trữ Quốc gia tại các lưu trữ lịch sử và được hướng dẫn, giúp đỡ về kỹ thuật bảo quản và tạo điều kiện để phát huy giá trị tài liệu đã đăng ký (Mục a, Khoản 3, Điều 5)

- Có nghĩa vụ hiến tặng hoặc bán cho lưu trữ lịch sử những tài liệu về an ninh quốc gia (Mục a, Khoản 4, Điều 5)

- Có nghĩa vụ trong sử dụng tài liệu lưu trữ (Điều 29 khoản 2): chỉ rõ độ gốc của tài liệu; nộp phí sử dụng, ...

- Cơ quan, tổ chức có tài liệu lưu trữ còn có trách nhiệm: chủ động giới thiệu tài liệu; rà soát, thông báo tài liệu thuộc Danh mục mật đã được giải mật;....

Những quy định trên tập trung vào nghĩa vụ bảo vệ và bảo đảm an ninh chính trị, lợi ích quốc gia trong việc sử dụng tài liệu lưu trữ. Trách nhiệm phát huy giá trị của tài liệu được giao cho các cơ quan, tổ chức nhưng không đề cập tới trách nhiệm của chủ sở hữu trong việc tự bảo vệ tài liệu.

Tương tự như vậy nhưng bổ sung cho Luật Lưu trữ, Luật Di sản văn hóa xác định trách nhiệm của chủ sở hữu, cơ quan, tổ chức, cá nhân là:

- Chủ sở hữu, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đơn vị kinh tế, lực lượng vũ trang có trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Các cơ quan văn hóa, thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nước và nước ngoài các giá trị di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong nhân dân; (Điều 9 và 10)

Đồng thời, tại các Điều 14, 15, 16 của Luật Di sản văn hóa cũng quy định cụ thể về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, bao gồm cả chủ thể có và không quản lý trực tiếp di sản trong việc thông tin cho cơ quan văn hóa về di sản, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ di sản. Luật này tuyên bố rõ: "*Mọi di sản văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, thuộc các hình thức sở hữu đều được bảo vệ và phát huy giá trị*" (Điều 8 Khoản 1). Tuyên bố này tuy không đề cập trực tiếp tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhưng đã khẳng định trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị của di sản của mọi thành viên xã hội của quốc gia Việt Nam. Tùy theo từng loại di sản, Luật Di sản văn hóa lại quy định trách nhiệm của các bên liên quan từ Thủ tướng, các bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp,... đến chủ sở hữu trong việc quản lý di sản.

Để cụ thể hóa những quy định trên, Nghị định số 98/2012/NĐ-CP ngày 21.9.2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (gọi tắt là Nghị định 198) giao trách nhiệm cho các Sở Văn hóa, Thể Thao, Du lịch cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức việc tiếp nhận và đăng ký các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia để tạm nhập vào kho bảo quản của bảo tàng cấp tỉnh nơi phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Điều 18, 19). Tùy theo việc xếp hạng di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, việc quản lý chúng được phân cấp từ trung ương đến địa phương liên quan đến việc đưa ra nước ngoài và làm bản sao.

* Các biện pháp quản lý tài liệu lưu trữ, di sản văn hóa

Từ việc quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân, di sản văn hóa, Luật Lưu trữ và Luật Di sản văn hóa còn chỉ ra những biện pháp tương đối cụ thể để thực hiện quản lý đối tượng phức tạp này. Với tài liệu lưu trữ nhân dân, Luật Lưu trữ thể hiện rõ chính sách của Nhà nước trong việc quản lý chúng thông qua những quy định sau:

- Chấp nhận việc tự quản lý tài liệu của công dân thông qua việc thừa nhận quyền sở hữu tài liệu lưu trữ tại Khoản 3 Điều 4 của Luật;

- Khuyến khích chủ sở hữu đăng ký, hiến tặng, ký gửi hoặc bán tài liệu cho nhà nước với những tuyên bố rõ ràng về lợi ích của họ như: Được hỗ trợ phương tiện và kỹ thuật bảo quản, được khen thưởng, được quyền quyết định việc cho phép sử dụng tài liệu, được ưu tiên sử dụng tài liệu, thỏa thuận việc mua bán,...

- Khuyến khích công dân đóng góp cho hoạt động lưu trữ để gia tăng nguồn lực và thực hiện các dịch vụ lưu trữ để tham gia cùng Nhà nước quản lý tài liệu lưu trữ theo yêu cầu.

- Xác định rõ quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong sử dụng tài liệu lưu trữ (Chương IV)

Bên cạnh đó, hoạt động sưu tầm tài liệu lưu trữ đã được tiến hành thường xuyên tại các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia. Năm 2010, Quy chế số 278/QC - VTLTNN ngày 16.4.2010 của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước về sưu tầm tài liệu lưu trữ đã được ban hành chỉ rõ trách nhiệm của các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia với hoạt động này. Đến năm 2013, Quyết định 644 và Quyết định 922 đã thể hiện rõ quyết tâm của Nhà nước và Bộ Nội vụ trong việc sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm

của Việt Nam và về Việt Nam. Để thực thi quyết tâm đó, Quyết định 922 trình bày rõ những nhiệm vụ cần thực hiện từ năm 2012 đến năm 2020 là:

- Thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức đến người dân về mục đích của việc sưu tầm tài liệu, các hình thức sưu tầm, những tài liệu đã sưu tầm được, những hình thức khen thưởng, vinh danh, ...

- Xây dựng, ban hành văn bản về cơ chế, chính sách liên quan đến Hội đồng Xác định tài liệu lưu trữ quý, hiếm; tiêu chuẩn tài liệu lưu trữ quý, hiếm; cơ chế tài chính; thẩm quyền sưu tầm; ...

- Điều tra, thống kê và lập danh mục tài liệu lưu trữ quý, hiếm ở trong nước và nước ngoài, bao gồm cả tài liệu chưa được phát hiện và đã được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng

- Thẩm định danh mục và tiến hành sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm với tất cả tài liệu là bản chính, bản gốc, bản sao hợp pháp của tài liệu và xây dựng lịch sử khâu vấn

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đi sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm về chủ trương, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ sưu tầm, ngoại ngữ và công nghệ để thực hiện việc sưu tầm, tổ chức khoa học tài liệu lưu trữ quý, hiếm,...

- Xử lý, tổ chức khoa học tài liệu lưu trữ quý, hiếm sau khi sưu tầm với việc tổ chức khoa học tài liệu tại lưu trữ lịch sử và trợ giúp gia đình bảo quản tài liệu, ...

Đồng thuận với một số điểm của Luật Lưu trữ, Luật Di sản văn hóa cũng thừa nhận quyền sở hữu và quyền tác giả đối với di sản văn hóa. Tuy nhiên, Luật Di sản văn hóa quy định rõ hơn về sở hữu của Nhà nước đối với những di sản không xác định được chủ sở hữu hoặc do khai quật khảo cổ, thăm dò thu được cũng như việc quản lý đối với di sản của Việt Nam ở nước ngoài. Bên cạnh đó, các biện pháp chính được đề cập trong Luật Di sản văn hóa để bảo vệ di sản là:

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, tài trợ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản (Điều 8)

- Nhà nước đầu tư vào đào tạo đội ngũ cán bộ, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ để bảo vệ và phát huy di sản (Điều 9)

- Tuyên truyền, phổ biến về giá trị của di sản, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng trong bảo vệ và phát huy di sản (Điều 10)

- Bắt buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thông tin kịp thời cho chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền về việc mất di sản, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản (Khoản 4,5 Điều 14 và Khoản 3 Điều 16)

- Bắt buộc chủ sở hữu gửi di sản vào bảo tàng nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu không đủ điều kiện bảo vệ và phát huy giá trị (Khoản 3 Điều 15)

- Tùy theo từng loại di sản, Luật Di sản văn hóa chỉ rõ các biện pháp khác nhau để quản lý, bao gồm: ban hành văn bản quản lý, công nhận, xếp hạng di sản, sưu tầm, nghiên cứu, thống kê, phân loại và lưu giữ (Điều 23); quy định rõ tiêu chí xác định bảo vật quốc gia (Điều 41a), khuyến khích chủ sở hữu đăng ký, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; ... Điều đáng lưu ý là, Luật Di sản Văn hóa cho phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong các điều kiện cụ thể dưới sự quản lý của Nhà nước (Điều 46);...

- Cho phép mua bán công khai di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia nhưng quản lý bằng các thủ tục hành chính liên quan đến giấy phép hành nghề, giấy phép kinh doanh và các quy định khác về cửa hàng, chứng minh nguồn gốc (Điều 24, 25, 26, 27 Nghị định 98)

Bên cạnh đó, cả hai Luật đều quy định những hành vi bị cấm để bảo vệ tài liệu lưu trữ và di sản văn hóa:

Luật Lưu trữ (Điều 8)	Luật Di sản văn hóa (Điều 13)
<ul style="list-style-type: none"> - <u>Chiếm đoạt</u>, làm hỏng, làm mất tài liệu lưu trữ. - Làm giả, sửa chữa, <u>làm sai lệch</u> nội dung tài liệu lưu trữ. - <u>Mua bán</u>, chuyển giao, hủy <u>trái phép</u> tài liệu lưu trữ - Mang tài liệu lưu trữ <u>ra nước ngoài trái phép</u>. - Sử dụng tài liệu lưu trữ vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chiếm đoạt, <u>làm sai lệch</u> di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; - Hủy hoại hoặc gây nguy cơ hủy hoại di sản văn hóa; - <u>Mua bán</u>, <u>trao đổi</u>, <u>vận chuyển trái phép</u> di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia <u>ra nước ngoài</u>; - Lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan và các hành vi trái pháp luật khác;

* Chế tài xử phạt đối với các hành vi gây hại với tài liệu lưu trữ, di sản văn hóa

Chế tài xử phạt đối với hành vi gây hại với tài liệu lưu trữ và di sản văn hóa có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thực thi các biện pháp và quy định trong luật. Cho đến nay, Luật Lưu trữ và các văn bản dưới Luật chưa xác định các chế tài xử phạt đối với các hành vi này. Theo thông tin đáng tin cậy do cán bộ Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước cho biết, trong quý 3 năm 2015, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước đã thảo luận về việc ban hành chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn thư - lưu trữ nhưng chưa có kết quả ban hành thành văn bản. Còn trong lĩnh vực văn hóa, Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo (gọi tắt là Nghị định 158) xác định mức phạt tiền ở mức tối đa là 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, đối với tổ chức vi phạm sẽ chịu mức phạt gấp 2 lần mức phạt của cá nhân. Tuy nhiên, những hành vi bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa tập trung chính vào việc phổ biến, sao lưu phim, các tác phẩm nghệ thuật không được phép phổ biến. Riêng với hiện vật, cổ vật, di vật, bảo vật quốc gia, Điều 23 Nghị định 158 quy định:

- Phạt tiền 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: làm hư hại hiện vật trong bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị dưới 50.000.000 đồng; không đăng ký bảo vật quốc gia với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi thay đổi chủ sở hữu bảo vật quốc gia mà không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu đưa trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài

- Tịch thu tang vật đối với một trong các hành vi: Làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia để kinh doanh mà không có giấy phép; mua, bán, trao đổi, vận chuyển trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh, và di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc bất hợp pháp

- Biện pháp khắc phục hậu quả gồm phục hồi nguyên trạng di sản và giao nộp số lợi ích có được bất hợp pháp

Điều 25 Nghị định 158 quy định xử phạt đối với vi phạm quy định về khai báo, giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được phát hiện là: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và tịch thu tang vật. Ngoài ra, Nghị định 158 còn có những quy định có tính nhân văn về những hành vi vi phạm đối với người khuyết tật trong lĩnh vực văn hóa như phạt tiền đối với việc từ chối cung cấp dịch hoặc không thực hiện giảm giá vé cho người khuyết tật, người cao tuổi,...

3.1.2.2. Quy định pháp lý về tài sản

Theo Luật Dân sự năm 2015, công dân được bảo hộ về quyền nhân thân và quyền tài sản, trong đó có những quyền nhân thân gắn với tài sản. Các quyền dân sự này được thiết lập cho các cá nhân và pháp nhân (Điều 1). Trong đó, pháp nhân là tổ chức đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 74. Như trên đã trình bày, Luật Lưu trữ và Luật Di sản văn hóa đều công nhận quyền sở hữu đối với tài liệu lưu trữ là di sản. Do đó, các biện pháp quản lý thông qua đăng ký, ký gửi, hiến tặng, mua và bán phải được thực hiện trên nguyên tắc thỏa thuận với sự điều chỉnh của những văn bản luật khác, đặc biệt là Luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, khi xem xét tới quyền sở hữu và các quyền liên quan đối với tài liệu lưu trữ thì phải sử dụng thuật ngữ cá nhân và pháp nhân.

Về định nghĩa tài sản, Điều 105 Bộ Luật Dân sự năm 2015 định nghĩa: "Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản", còn Luật Lưu trữ coi tài liệu lưu trữ "là tài liệu có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử được lựa chọn để lưu trữ" (Khoản 3 Điều 2) và "tài liệu là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân"(Khoản 2 Điều 2). Do vậy, về cơ bản, *tài liệu lưu trữ là tài sản*. Cụ thể hóa các đặc điểm tài sản là vật để bảo hộ và giải quyết tranh chấp về quyền tài sản, Luật Dân sự 2015 cung cấp các định nghĩa cụ thể liên quan đến vật. Vật lại có vật chính và vật phụ (Điều 110), vật chia được và vật không chia được (Điều 111), vật tiêu hao và vật không tiêu hao (Điều 112), vật cùng loại và vật đặc định (Điều 113), vật đồng bộ (114). Theo cách tiếp cận về tài liệu lưu trữ như vậy, các cơ quan quản lý tài liệu cần lưu ý rằng trong mỗi trường hợp cụ thể, việc thiết lập giao dịch dân sự để hiến tặng, ký gửi, mua và bán tài liệu lưu trữ giữa chủ sở hữu với lưu trữ lịch sử, bảo tàng hay tổ chức tư nhân nào

đó đều phải lưu ý tới đặc điểm của tài liệu là vật tiêu hao hay không tiêu hao, là vật chính hay phải kèm cả vật phụ,...

Cũng trong Điều 105 Bộ Luật Dân sự 2015, Tài sản được xác định "bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai". Theo Điều 107, "động sản là những tài sản không phải là bất động sản", và bất động sản lại bao gồm đất đai, nhà và công trình xây dựng gắn liền với đất đai, các tài sản khác gắn liền với đất đai, nhà, công trình xây dựng,..., cho nên tài liệu lưu trữ (bao gồm tài liệu lưu trữ nhân dân) được coi là động sản.

Về quyền tài sản, Điều 106 chỉ rõ "quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản là động sản không phải đăng ký, trừ trường hợp pháp luật về đăng ký tài sản có quy định khác". Theo đó, trừ trường hợp đặc biệt hoặc quyền liên quan tới sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu đối với tài liệu lưu trữ của nhân dân được công nhận và bảo hộ mà không phải đăng ký quyền này với nhà nước. Luật Dân sự 2015 định nghĩa về quyền tài sản như sau: "Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác" (Điều 115). Các cá nhân, pháp nhân đều có quyền tài sản đối với tài sản của mình và quyền tài sản này có thể được mua bán. Việc mua bán quyền tài sản chính là việc chuyển quyền sở hữu và được thực hiện theo các nguyên tắc được quy định ở Điều 450. Cách định nghĩa này thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa quyền sở hữu của chủ sở hữu với những tài sản là tài liệu lưu trữ có nội dung phản ánh kết quả lao động, sáng tạo hoặc thừa kế của cá nhân, pháp nhân tư. Điều này sẽ ảnh hưởng tới việc xác định các quyền của nhà nước và công dân đối với từng loại tài liệu có tính chất tư hoàn toàn hay tư một phần như Chương 1 đã phân tích. Đồng thời, việc phân biệt quyền sở hữu với quyền tài sản trong Luật cũng đặt ra những cơ sở cho việc xác định chủ sở hữu của tài liệu và chủ sở hữu với quyền tài sản mà tài sản đó là tài liệu để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao tài liệu lưu trữ được hợp pháp và đầy đủ hơn.

Liên quan trực tiếp đến quyền tài sản với những tài sản là tài liệu lưu trữ, quyền sở hữu trí tuệ có vai trò quan trọng. Trong khi định nghĩa về quyền tài sản

của Luật Dân sự 2015 gắn liền với quyền sở hữu trí tuệ thì Luật Lưu trữ cũng xác định khái niệm tài liệu lưu trữ qua khái niệm tài liệu theo nghĩa là: "Tài liệu bao gồm văn bản, dự án, bản vẽ thiết kế, bản đồ, công trình nghiên cứu, sổ sách, biểu thống kê; âm bản, dương bản phim, ảnh, vi phim; băng, đĩa ghi âm, ghi hình; tài liệu điện tử; bản thảo tác phẩm văn học, nghệ thuật; sổ công tác, nhật ký, hồi ký, bút tích, tài liệu viết tay; tranh vẽ hoặc in; ấn phẩm và vật mang tin khác"(Điều 2). Đồng thời, theo khảo sát tại mục 3. 2, một trong những tài liệu lưu trữ nhân dân được người dân coi trọng nhất chính là các sản phẩm, bằng chứng về kết quả lao động, sáng tạo của họ. Từ đó, họ cũng giành sự quan tâm tương đối về quyền của mình đối với những tài liệu như vậy. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 xác định quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học là quyền tác giả; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá. Như thế, trừ các công trình khoa học, tác phẩm văn học và nghệ thuật đều bị điều chỉnh bởi Luật Lưu trữ và Luật Sở hữu trí tuệ. Cũng theo Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, "quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu" (Điều 4). Quyền tác giả phát sinh "kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký" (Điều 6). Tuy nhiên, để đảm bảo các mục tiêu chung, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 cũng chỉ rõ: "Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật này, Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp; việc giới hạn quyền đối với sáng chế thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của Chính phủ" (Điều 7). Do vậy, khi xây dựng chính sách và thực hiện quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân, quyền sở hữu trí tuệ đối với tác giả và chủ sở hữu, các cơ quan có thẩm quyền không thể bỏ qua vấn đề này.

Về quyền sở hữu, Luật Dân sự 2015 xác định quyền sở hữu gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt (Chương XIII). "Quyền chiếm hữu là việc chủ thể nắm giữ, chi phối tài sản một cách trực tiếp hoặc gián tiếp như chủ thể có quyền đối với tài sản" (Điều 197). Việc suy đoán về tình trạng và quyền của người chiếm hữu được quy định ở Điều 184 của Luật này với nguyên tắc công nhận sự ngay tình của việc chiếm hữu, và nếu có người cho rằng không ngay tình thì phải chứng minh. Điều đó thống nhất với nguyên tắc không cần đăng ký quyền tài sản đối với động sản ở trên vì người có tài sản không cần phải chứng minh sự ngay tình của mình trong việc chiếm hữu, chỉ khi có sự nghi ngờ của người khác thì người khác phải chứng minh. Theo nguyên tắc này, việc chiếm hữu tài liệu lưu trữ nhân dân của mọi cá nhân, pháp nhân hiện nay đều là ngay tình và không phải chứng minh điều đó với nhà nước hay cơ quan lưu trữ nên sự tôn trọng quyền sở hữu của Luật lưu trữ là hết sức có lý. "Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản" (Điều 189). "Quyền định đoạt là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản" (Điều 192). Như thế, quyền chiếm hữu bao hàm cả quyền sử dụng và quyền định đoạt. Ngoài ba quyền trên, Luật này cũng quy định về Quyền hưởng dụng. Đó là quyền của chủ thể được khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác trong một thời gian nhất định (Điều 257). Sự phân tách này có ý nghĩa trong việc xác định vai trò của các bên là chủ thể sở hữu tài sản với cơ quan lưu trữ, bảo tàng hoặc tổ chức tư nhân khác trong thỏa thuận để xác lập các quyền đối với tài liệu lưu trữ nhân dân.

Xác lập các hình thức sở hữu, Luật dân sự 2015 quy định có ba hình thức sở hữu: sở hữu toàn dân, sở hữu chung và sở hữu riêng (Mục 2 Chương XIII). Trong đó, Nhà nước chỉ nắm giữ sở hữu toàn dân đối với đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi từ vùng trời, vùng biển, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý (Điều 197). Sở hữu riêng là sở hữu của một cá nhân hoặc pháp nhân (Điều 205). Sở hữu chung là sở hữu của nhiều chủ thể đối với tài sản, bao gồm sở hữu chung theo phần và sở hữu chung hợp nhất (Điều 207). Sở hữu chung theo phần là sở hữu chung mà trong đó phần quyền sở hữu của

mỗi chủ sở hữu được xác định đối với tài sản chung (Điều 209). Sở hữu chung hợp nhất là sở hữu chung mà trong đó, phần quyền sở hữu của mỗi chủ sở hữu không được xác định đối với tài sản chung (Điều 210). Ngoài ra, Luật này cũng định nghĩa về sở hữu chung của cộng đồng, của các thành viên trong gia đình đối với tài sản chung. Việc cụ thể hóa các hình thức sở hữu như trên là một bước tiến quan trọng của Luật Dân sự 2015 so với Luật Dân sự 2005 để các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý và cơ quan lưu trữ xây dựng quy định để quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân. Trong đó, căn cứ vào tính chất tư hoàn toàn hay tư một phần của tài liệu lưu trữ, các hình thức sở hữu có thể được xác định là sở hữu riêng, sở hữu toàn dân, sở hữu chung hay trộn lẫn về sở hữu.

Nhìn chung, trong gần 100 điều quy định về các quyền sở hữu và quyền tài sản, Luật Dân sự năm 2015 đã đặt ra những quy định tiệm cận với Luật Lưu trữ năm 2011 trong việc xác nhận quyền sở hữu của cá nhân, pháp nhân đối với tài liệu và các nguyên tắc để tiếp cận với những quyền này. Những điều khoản chi tiết cho các quyền về sở hữu và các hình thức sở hữu đã cụ thể hóa và đặt khung pháp lý cho những quy định về căn cứ xác nhận quyền sở hữu tài liệu lưu trữ tư nhân. Đây cũng là điều kiện pháp lý cơ bản để giải quyết các vấn đề xung quanh nhu cầu và mục tiêu giữa các bên, chủ sở hữu và nhà nước trong quản lý tài liệu lưu trữ.

3.1.2.3. Quy định pháp lý về bí mật nhà nước

Mặc dù tài liệu lưu trữ nhân dân là di sản văn hóa và là tài sản thuộc sở hữu của cá nhân và pháp nhân nhưng chúng cũng có thể là bí mật nhà nước vì do nhiều bối cảnh lịch sử khác nhau, nhân dân có thể đang lưu giữ những tài liệu của nhà nước và về nhà nước. Và bí mật nhà nước phải được quản lý theo những nguyên tắc và phương pháp của Nhà nước. Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 định nghĩa: "*Bí mật Nhà nước là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Hình thức chứa bí mật nhà nước bao gồm tài liệu, vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc các dạng khác*". Có nghĩa là, định nghĩa trên dựa vào nội dung và mức độ gây hại của thông tin trong tài liệu để xác định bí mật Nhà nước, không dựa trên

chủ thể tạo thành và mục đích sử dụng tài liệu. Theo đó, tất cả những tài liệu bất kể do ai tạo ra hoặc vì mục đích gì nhưng có nội dung có thể khả năng gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc nếu công bố đều là bí mật nhà nước. Cho nên, tài liệu lưu trữ nhân dân, dù do nhân dân tạo ra hoặc sưu tầm được với nhiều mục đích khác nhau nhưng nếu có thông tin bị xét thuộc nguy cơ trên đều sẽ bị chi phối bởi quy định của Luật này. Cũng vì thế, trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước được quy định cho mọi cơ quan, tổ chức và công dân (Khoản 2 Điều 3).

Phạm vi tài liệu thuộc bí mật theo định nghĩa ở trên rất rộng, bao phủ hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội của Quốc gia, cụ thể là:

1. Bí mật nhà nước độ Tuyệt mật là bí mật nhà nước liên quan đến chính trị, quốc phòng, an ninh, cơ yếu, đối ngoại, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đặc biệt nghiêm trọng đến lợi ích quốc gia, dân tộc;

- Bí mật nhà nước độ Tối mật là bí mật nhà nước liên quan đến chính trị, quốc phòng, an ninh, cơ yếu, lập hiến, lập pháp, tư pháp, đối ngoại, kinh tế, tài nguyên và môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông, y tế, dân số, lao động, xã hội, tổ chức, cán bộ, thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, kiểm toán nhà nước, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại rất nghiêm trọng đến lợi ích quốc gia, dân tộc;

- Bí mật nhà nước độ Mật là bí mật nhà nước liên quan đến chính trị, quốc phòng, an ninh, cơ yếu, lập hiến, lập pháp, tư pháp, đối ngoại, kinh tế, tài nguyên và môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông, y tế, dân số, lao động, xã hội, tổ chức, cán bộ, thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, kiểm toán nhà nước, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại nghiêm trọng đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

Thẩm quyền lập danh mục và cho phép sao chụp, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước đều là các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. Cho nên, vấn đề đặt ra là nếu nhân dân đang sở hữu tài liệu về những vấn đề nêu trên nhưng muốn công bố hoặc sử dụng vào mục đích nào đó thì sẽ xuất hiện nhu cầu thẩm

định tính “bí mật nhà nước” của tài liệu và giải mật tài liệu. Hơn thế nữa, với những sản phẩm thuộc bí mật nhà nước thì nhà nước có quyền can thiệp vào quyền sở hữu trí tuệ, điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền của tác giả và chủ sở hữu. Vấn đề này chưa được quy định trong Luật và cần được hướng dẫn cụ thể trong các văn bản khác. Vì Luật Bảo vệ bí mật nhà nước đã được thông qua nhưng đến 01.7.2020 mới có hiệu lực thi hành nên vẫn còn thời gian để chờ đợi những quy định chi tiết và thực tiễn hơn của các cơ quan có thẩm quyền.

3.1.2.4. Quy định pháp lý về quản lý thông tin cá nhân

Nhìn chung, pháp luật Việt Nam coi trọng và bảo vệ quyền công dân về sự an toàn đối với bí mật đời tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Điều 21 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (gọi tắt là Hiến pháp 2013) quy định: “Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn”. Đồng thời, Điều 25 Hiến pháp 2013 cũng chỉ rõ: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình”. Mặc dù được ban hành trước khi Hiến pháp 2013 được thông qua, Luật Lưu trữ và các văn bản hướng dẫn kèm theo đã tiếp cận gần với quan điểm này của Hiến pháp. Khoản 5 Điều 30 Luật Lưu trữ cho phép sử dụng tài liệu lưu trữ liên quan đến cá nhân sau 40 năm kể từ khi cá nhân đó qua đời trừ trường hợp đặc biệt được quy định riêng. Nghị định số 01/2013/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 03.01.2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ bảo đảm quyền của cá nhân trong việc cho phép hoặc từ chối việc sử dụng tài liệu liên quan đến cá nhân (Điều 16, 17).

Để bảo vệ quyền của cá nhân trước sự đe dọa của việc công bố thông tin không chính xác trên internet, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 đã giành 5 điều để quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng. Theo đó, trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân trước hết thuộc về chính cá nhân đó và cơ quan, tổ chức, xử lý thông tin cá nhân. Mọi việc thu thập, sử dụng thông tin cá nhân đều phải có sự đồng ý của cá nhân; đồng thời sau khi sử dụng theo mục đích hoặc hết thời hạn lưu trữ, thông tin cá nhân phải được hủy bỏ và việc hủy bỏ này phải được thông báo cho chủ thể. Thống nhất với quan điểm này, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 xác định

thông tin về cá nhân, gia đình thuộc nhóm thông tin được tiếp cận có điều kiện, bao gồm: “thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp các thành viên trong gia đình đồng ý”(Khoản 3 Điều 7). Ngoài ra, các văn bản luật chuyên ngành như Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009, Luật Giám định tư pháp năm 2012 cũng có nội dung hạn chế việc công bố thông tin thuộc bí mật đời tư của cá nhân.

Tóm lại, những dẫn chứng ở trên cho thấy Nhà nước Việt Nam đã có chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân bằng nhiều biện pháp nhưng mới chỉ tập trung thực thi việc sưu tầm tài liệu lưu trữ quý hiếm, dẫn đến khoảng trống về quản lý hoặc để ngỏ việc quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân cho nhiều ngành liên quan khác. Sự đa dạng và phức tạp về nội dung và hình thức của tài liệu cũng như nguồn gốc hình thành của chúng khiến cùng lúc, tài liệu lưu trữ nhân dân có thể trở thành đối tượng quản lý của các cơ quan có thẩm quyền trong nhiều lĩnh vực khác nhau: lưu trữ, văn hóa, dân sự, thông tin, bí mật nhà nước. Tính đa chiều và liên ngành để quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở các quy định hiện hành vừa chứng tỏ tầm quan trọng của những tài liệu này, vừa cho thấy những thách thức mà các nhà hoạch định chính sách phải đối mặt. Trước hết, những phân tích ở trên đã chứng tỏ rằng các quy định hiện hành đã thống nhất và bổ sung cho nhau ở những điểm chủ yếu sau:

- Tài liệu lưu trữ nhân dân có giá trị và cần phải được bảo vệ, phát huy giá trị: Dù tiếp cận với tên gọi nào, tài liệu lưu trữ quý, hiếm hay bảo vật quốc gia, những tài liệu lưu trữ có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học đều được các cơ quan có thẩm quyền quan tâm và xác định trách nhiệm của nhà nước để quản lý, bảo tồn, giới thiệu, phát huy giá trị tới công chúng.

- Nhà nước có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân thể hiện ở việc quy định trách nhiệm của các cơ quan lưu trữ, cơ quan văn hóa, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác. Trong trường hợp được công nhận là di sản văn hóa, chủ sở hữu tài liệu lưu trữ cá nhân cũng có trách nhiệm bảo vệ, phát huy giá trị tài liệu.

- Để thực hiện trách nhiệm quản lý, Nhà nước đã tiến hành nhiều biện pháp, bao gồm việc kêu gọi, tuyên truyền, khuyến khích chủ sở hữu công bố, ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu lưu trữ cho các cơ quan lưu trữ hoặc bảo tàng, cơ quan có thẩm quyền khác; đồng thời đảm bảo các quyền của chủ sở hữu trong việc thỏa thuận giá bán, cho phép sử dụng tài liệu, tuyên dương, khen thưởng,...

- Tài liệu lưu trữ nhân dân thuộc quyền sở hữu của nhân dân và pháp luật bảo hộ quyền sở hữu này như việc công nhận sự ngay tình của quyền sở hữu, công nhận quyền sở hữu tài liệu lưu trữ hoặc di sản văn hóa. Trong những trường hợp cần thiết, quyền sở hữu và một số quyền liên quan như quyền sở hữu trí tuệ sẽ bị hạn chế để đảm bảo lợi ích chung của quốc gia hoặc của nhà nước.

Tuy nhiên, bản thân sự đồng thuận này cũng dẫn tới những nguy cơ. *Nguy cơ đầu tiên* là sự lãng phí và kẽ hở trong quản lý do chòng chẹo về thẩm quyền và trách nhiệm quản lý và quy định pháp lý thiếu chặt chẽ. Bởi lẽ, với những tài liệu lưu trữ được coi là di sản văn hóa thì việc lựa chọn cơ sở pháp lý để làm căn cứ quản lý sẽ khó khăn nếu cơ quan lưu trữ và cơ quan văn hóa không có cơ chế phối hợp thích đáng. Chẳng hạn, Luật Lưu trữ có quy định về các dịch vụ lưu trữ nhưng không quy định về tổ chức lưu trữ tư. Cho nên, một số tổ chức có tính chất hoạt động của một lưu trữ nhưng không bị điều chỉnh bởi Luật Lưu trữ và được phép hoạt động ở phạm vi rộng hơn thông qua việc xác định tính chất loại hình cơ quan văn hóa. Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam (CHS) là một ví dụ. Cho đến nay, dù hầu hết các hội thảo, tọa đàm về lưu trữ tài liệu của nhân dân hoặc khu vực tư đều có sự tham gia của đại diện của CHS nhưng tuyên bố mục tiêu chiến lược của CHS là một "trung tâm hoạt động đa chức năng như một bảo tàng, một thư viện kết hợp với dịch vụ khoa học, văn hóa và du lịch". Điều này cho phép CHS tránh được sự kiểm soát về việc bảo quản tài liệu của các cơ quan chức năng thuộc ngành lưu trữ, đồng thời có nền tảng pháp lý của ngành văn hóa để hoạt động. Ngược lại, thực tế có thể xuất hiện những tài liệu lưu trữ đáng quý nhưng chưa được coi là di sản văn hóa thì sẽ thiếu cơ sở pháp lý để xác định trách nhiệm gìn giữ những tài liệu này của chủ sở hữu. Bên cạnh đó, việc xếp loại quý, hiếm hoặc di sản văn hóa, bảo vật quốc gia một mặt tạo sự đa dạng trong phương cách quản lý, nhưng mặt khác

gây khó khăn cho các cơ quan, cá nhân triển khai thực hiện vì khó xác định được biện pháp ứng xử với tài liệu theo cách tiếp cận nào. Trong trường hợp đó, sự lãng phí và cạnh tranh không cần thiết là khá lớn khi các cơ quan khác nhau cùng lúc quan tâm và đầu tư cho những tài liệu giống nhau nếu không có sự hợp tác, phân công. Vấn đề này đang là hiện trạng thực thi chính sách sưu tầm tài liệu quý, hiếm tại các địa phương với việc sao chụp tài liệu từ các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia và địa phương khác, các bảo tàng, thư viện và cơ quan nghiên cứu khác để bảo quản tại cơ quan lưu trữ lịch sử tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương¹⁷. Đó là chưa kể tới việc ưu tiên sưu tầm tài liệu có ý nghĩa chính trị hoặc tự giới hạn phạm vi sưu tầm trong "tài liệu lưu trữ cá nhân, gia đình, dòng họ" mà chưa có cơ chế cho những tài liệu khác đã vô tình tạo ra sự bất bình đẳng trong cách ứng xử của cơ quan quản lý, hoạch định chính sách với các nhóm tài liệu khác nhau.

Nguy cơ thứ hai là chính sách thiếu khả thi do không chặt chẽ và thống nhất.. Trước hết, sự thiếu thống nhất trong việc sử dụng và giải thích các thuật ngữ "tài liệu lưu trữ", "tài liệu lưu trữ cá nhân, gia đình, dòng họ", "tài liệu liên quan đến cá nhân", "tài liệu lưu trữ quý hiếm" bộc lộ rõ sự thiếu nhất quán trong chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân. Cách dùng từ và định nghĩa như vậy vừa công nhận phạm vi rất rộng những tài liệu lưu trữ cần quản lý, vừa tự giới hạn trong phạm vi hẹp gây khó khăn cho việc áp dụng vào thực tiễn. Thứ hai, việc duy trì những khái niệm rộng như "Phông Lưu trữ Quốc gia Việt Nam" và các vấn đề liên quan tới Phông này làm nảy sinh mâu thuẫn. Chẳng hạn, chủ sở hữu của Phông Lưu trữ Quốc gia Việt Nam là cơ quan, tổ chức, cá nhân nào? Nếu chủ sở hữu là Nhà nước thì những tài liệu cá nhân, gia đình, dòng họ có giá trị thuộc sở hữu của cá nhân, gia đình, dòng họ ấy được đăng ký thuộc Phông Lưu trữ Quốc gia Việt Nam có phải chuyển đổi sở hữu không? Và nếu chuyển đổi sở hữu thì việc chuyển đổi này xảy ra đồng thời với việc đăng ký hay phải thông qua thỏa thuận và giao dịch khác? Hoặc, Luật Lưu trữ quy định rõ Phông Lưu trữ Quốc gia Việt Nam gồm Phông Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam và Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam đồng thời với việc công nhận quyền sở hữu tài liệu. Vậy

¹⁷ Căn cứ trên nội dung các đề án, kế hoạch của các địa phương và thông tin đã công bố trên các website địa phương về kết quả sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm.

tài liệu lưu trữ nhân dân, do nhân dân đang tự quản lý sẽ thuộc phong lưu trữ nào? Quy định về thời hạn bảo quản cũng không xác định thời hạn hoặc giá trị bảo quản vĩnh viễn cho những tài liệu là công trình khoa học, tác phẩm nghệ thuật, ... do nhân dân tạo ra. Điều đó mâu thuẫn với việc xác định tài liệu lưu trữ quý, hiếm để sưu tầm, bảo quản tại các trung tâm lưu trữ quốc gia. Đây là một bằng chứng khác về sự thiếu thống nhất trong chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nói chung, bao gồm cả tài liệu lưu trữ nhân dân.

Nguy cơ thứ ba là khả năng mất kiểm soát và kém hiệu quả do thiếu mục tiêu tổng quát và giải pháp đa dạng. Ngoài việc công nhận quyền sở hữu của công dân và xã hội hóa công tác lưu trữ theo hướng cho phép thực hiện các dịch vụ lưu trữ liên quan tới bảo quản, những quy định của luật pháp lưu trữ và các văn bản dưới luật chưa thể hiện rõ mục tiêu tổng quát hay quan điểm có tính định hướng tổng thể cho phép người dân được tham gia thực hiện những dịch vụ về phát huy giá trị tài liệu, cũng thiếu những văn bản cho thấy giải pháp cụ thể để tạo điều kiện cho người dân đóng góp, tài trợ cho hoạt động lưu trữ. Tại Điều 4 của Luật Lưu trữ tuyên bố chính sách của Nhà nước về lưu trữ không có nội dung nào yêu cầu hoặc khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tài liệu lưu trữ, chưa có cam kết của nhà nước đối với việc phát huy giá trị tài liệu để đáp ứng nhu cầu sử dụng đa dạng của người dân. Cho đến nay, ngoài Luật Lưu trữ - văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của ngành với những định hướng có tính nguyên tắc, văn bản quy định các vấn đề chiến lược nhất của ngành là Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 27.6.2012 của Bộ Nội vụ phê duyệt Quy hoạch ngành Văn thư - Lưu trữ đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (gọi tắt là Quyết định 579). Điều 1 Quyết định 579 xác định mục tiêu tổng quát thứ nhất của Quy hoạch vẫn là: "Quản lý thống nhất công tác văn thư - lưu trữ trên phạm vi cả nước; bảo vệ, bảo quản an toàn và phát huy giá trị tài liệu phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc". Mục tiêu này là hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ của công tác lưu trữ (Đào Xuân Chúc 1990) về cả phương diện lý luận và thực tiễn. Nhưng, trong các mục tiêu cụ thể không có chỉ tiêu nào liên quan đến việc sưu tầm hay hỗ trợ người dân bảo vệ tài liệu lưu trữ. Mục tiêu tổng quát thứ 3 của Quy hoạch xác định: "tạo cơ sở pháp lý hoàn chỉnh, đầy đủ để

quản lý nhà nước về công tác văn thư, lưu trữ; làm căn cứ cho các cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước xây dựng kế hoạch hàng năm, xây dựng và phê duyệt các dự án đầu tư phát triển về lĩnh vực văn thư, lưu trữ, đồng thời chủ động trong việc huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực". Mục tiêu này cho thấy thái độ và hành động của các cơ quan hoạch định chính sách đối với việc hoàn thiện hệ thống thể chế của ngành, trong đó có cho phép huy động nhiều nguồn lực đa dạng. Song, theo mục tiêu này, tâm điểm của hoạt động lưu trữ vẫn là các cơ quan, tổ chức trong bộ máy nhà nước, chưa xét tới cơ chế pháp lý để vai trò chủ thể của các cơ quan, tổ chức tư nhân được phát huy hiệu quả. Điều này càng được thể hiện rõ trong Danh mục các văn bản trình ban hành kèm theo Quyết định 579. Trong Danh mục này chỉ có ba văn bản liên quan đến tài liệu lưu trữ nhân dân là: Thông tư liên tịch của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ mua, bồi dưỡng cho người bán, hiến tặng tài liệu lưu trữ quý, hiếm cho lưu trữ lịch sử; Thông tư của Bộ Nội vụ về Hội đồng thẩm định giá trị và Hội đồng định giá tài liệu lưu trữ quý hiếm; Thông tư của Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn tài liệu lưu trữ quý, hiếm. Các văn bản này đều hướng đến những nguyên tắc, tiêu chuẩn định hướng cho các cơ quan, cá nhân của nhà nước theo mục tiêu của Đề án 644. Điều đó dẫn đến sự phân biệt đối xử đối với tài liệu lưu trữ, khiến cho tài liệu lưu trữ có giá trị nhưng chưa được coi là quý, hiếm nhưng vẫn có giá trị đối với những cách tiếp cận lịch sử khác nhau vẫn chưa được xem trọng đúng mức.

Trong khi các cơ quan văn hóa và lưu trữ tập trung lớn vào những tài liệu có giá trị về nhiều phương diện với các tiêu chuẩn lựa chọn nghiêm túc thì những tài liệu chưa thuộc nhóm được Nhà nước quan tâm nhưng lại rất có giá trị với người dân như các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, vật kỷ niệm cá nhân, hồ sơ y khoa,... do nhân dân tự lưu giữ chưa có phương án để hỗ trợ người dân quản lý. Theo những quy định ở trên, các tài liệu được thẩm định là có giá trị mới được tiếp nhận hiến tặng hoặc mua; và lưu trữ lịch sử được phép hỗ trợ chủ sở hữu về phương tiện bảo quản với tài liệu được đăng ký nhưng tiêu chuẩn và thủ tục đăng ký tài liệu chưa được quy định rõ. Từ phía người dân, như kết quả khảo sát sẽ thể hiện ở mục sau và trao đổi với một số Chi cục trưởng, một số chủ sở hữu không chỉ có nguyện vọng

được ký gửi tài liệu cho cơ quan lưu trữ bảo quản giúp mà còn muốn cơ quan lưu trữ có thể thực hiện giúp một số nhiệm vụ liên quan tới phục vụ sử dụng tài liệu như sao, in, chứng thực, thậm chí liên hệ xuất bản với các tác phẩm nghệ thuật nhưng Luật Lưu trữ chỉ quy định về ký gửi tài liệu, chưa có quy định về chứng thực tài liệu ký gửi, có quy định về dịch vụ lưu trữ nhưng tập trung vào các dịch vụ bảo quản, tổ chức khoa học tài liệu, chưa có quy định về dịch vụ khai thác, sử dụng tài liệu đối với tài liệu ký gửi. Cho nên, ở mức độ khái quát, các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ lưu trữ không có cơ sở pháp lý để thực hiện dịch vụ thông tin tài liệu lưu trữ dù để đáp ứng nhu cầu chính chủ sở hữu. Điều này không những mâu thuẫn với Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, mà còn dẫn đến việc tài liệu lưu trữ ở những có giá trị khác so với ý nghĩa quốc gia đang bị bỏ ngỏ. Xét từ góc nhìn chính sách, những khoảng trống trong quy định của pháp luật lưu trữ phản ánh mục tiêu hạn hẹp của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân, bởi lẽ, thay vì nên tạo điều kiện và khuyến khích hơn nữa sự tham gia chủ động của người dân vào việc bảo quản và phát huy giá trị tài liệu thì chính sách hiện nay vẫn chú trọng quá mức vào hoạt động của các cơ quan lưu trữ nhà nước ở trung ương với những tiêu chuẩn khắt khe và thủ tục chưa minh bạch. Cho nên, chưa có thủ tục hiến tặng, ký gửi, bán tài liệu được công bố rõ ràng, chưa có đại diện pháp lý để quản lý và tiếp nhận, vận động các nguồn tài trợ, chưa có các chương trình, dự án hỗ trợ cộng đồng, chưa có khung pháp lý cho các hoạt động lưu trữ đa dạng hơn,... là những thiếu hụt khá lớn trong chính sách hiện hành. Vì thế, thiếu giải pháp khả thi hoặc giải pháp chỉ dừng lại ở ý tưởng, mục tiêu tổng quát không rõ ràng, thiếu minh bạch về trách nhiệm của cả cơ quan lưu trữ và chủ sở hữu là những hạn chế lớn của chính sách và pháp luật hiện hành về quản lý tài liệu lưu trữ.

Nguy cơ thứ tư là thách thức trong giải quyết vấn đề sở hữu. Mâu thuẫn giữa các những quy định của Nhà nước sẽ xảy ra ở nhiều trường hợp cụ thể. Lý do trước hết liên quan tới quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước. Trong trường hợp tài liệu lưu trữ, đồng thời là di sản văn hóa thuộc sở hữu của công dân và nhưng bị coi là bí mật nhà nước thì việc quản lý chúng sẽ phải hoàn toàn tuân thủ sự áp đặt của Nhà nước, không phải của chủ sở hữu. Khi đó, mục tiêu quản lý di sản văn hóa là thúc đẩy việc

quảng bá, giới thiệu, phát huy giá trị của di sản nhưng mục tiêu bảo vệ bí mật Nhà nước là đảm bảo cho tài liệu và thông tin trong tài liệu không được công bố mà chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Sự xung đột giữa các mục tiêu này đòi hỏi phải có nghiên cứu và quy định chi tiết để phân biệt giữa những nhóm tài liệu nên được giới thiệu rộng rãi và những tài liệu phải được giữ bí mật. Sự phân biệt này đã được thực hiện một phần ở Đề án 644 và Kế hoạch 922 với sự tập trung cao vào những tài liệu liên quan tới chủ quyền quốc gia, hay ở Tiêu chuẩn tài liệu lưu trữ quý, hiếm. Song, sự tập trung này đang hướng đến tài liệu có ý nghĩa Quốc gia và để trống những tài liệu có ý nghĩa địa phương, ý nghĩa cộng đồng, ý nghĩa của ngành, lĩnh vực. Thứ hai, quyền sở hữu và các quyền liên quan đến sở hữu đã được quy định chi tiết nhưng cơ sở để chứng minh hoặc xác lập quyền sở hữu về tài liệu lưu trữ chưa được quy định và nghiên cứu cụ thể. Đó là chưa kể tới sự phức tạp liên quan tới bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của cá nhân và của tổ chức, bao gồm cả cơ quan nhà nước tham gia hình thành tài liệu.

Nguy cơ thứ năm là khoảng trống về trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân và các chế tài xử phạt với hành vi vi phạm. Mặc dù Luật Lưu trữ đã thể hiện sự thích ứng kịp thời của các cơ quan ban hành pháp luật về các vấn đề liên quan đến tiếp cận xã hội của ngành lưu trữ theo hướng xã hội hóa, nhưng việc chú trọng vào trách nhiệm của cơ quan lưu trữ và bỏ ngỏ trách nhiệm của mọi công dân trong bảo vệ tài liệu lưu trữ là một khe hở cần được bồi đắp. Và tuy rằng Luật Di sản Văn hóa đã bổ sung được khoảng trống này so với Luật Lưu trữ và cả hai văn bản đều đưa ra nhiều biện pháp khuyến khích chủ sở hữu công bố, chia sẻ tài liệu nhưng không có văn bản nào quy định trách nhiệm của cơ quan lưu trữ, bảo tàng, cơ quan văn hóa, và đặc biệt là cán bộ lưu trữ đối với chủ sở hữu tài liệu. Trong khi đó, kết quả khảo sát ý kiến người dân ở chương 3 cho thấy rằng những yếu tố như vinh danh, khen thưởng, thậm chí là giá bán tài liệu không phải là vấn đề quan trọng nhất được người dân quan tâm. Ngược lại, họ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phải tuyên bố rõ ràng về trách nhiệm của cơ quan đó đối với tài liệu mà họ sẽ ký gửi, hiến tặng, hoặc bán, đặc biệt là trong vấn đề bảo quản và công bố tài liệu. Những chế tài xử phạt trong Nghị định 158 đã bỏ khuyết cho cả hai văn bản Luật để thực thi nghiêm

túc các nguyên tắc quản lý nhưng lại không có điều khoản nào giành cho các cơ quan văn hóa nếu tài liệu bị hư hại do bảo quản không cẩn thận.

Nhìn chung, các nguy cơ nói trên đều cho thấy khả năng có kết quả nhưng hiệu quả chưa cao của chính sách hiện hành về tài liệu lưu trữ nhân dân. Điều đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó sự xung đột giữa tính chất phức tạp của đối tượng bị quản lý là tài liệu lưu trữ nhân dân và hành vi của chủ sở hữu với những định hướng chưa bao quát và thiếu rõ ràng của nhà nước. Tiềm năng của tài liệu lưu trữ nhân dân rất lớn, tiềm năng của khu vực tư cũng rất lớn trong khi nguồn lực của nhà nước lại có hạn. Tập trung chính sách vào những tài liệu quý, hiếm là hợp lý trong điều kiện của nhà nước ta hiện nay nhưng phương thức thực hiện cũng phải đảm bảo phù hợp với điều kiện đó. Hơn nữa, vừa thừa nhận một đối tượng quản lý quá rộng vừa bỏ ngỏ, không thực hiện các giải pháp kèm theo sẽ tạo ra nhiều tác động tiêu cực, dễ khiến cho các hành vi gây hại cho di sản có điều kiện phát triển như hạn chế trong hoạt động bảo quản, né tránh sự kiểm tra của cơ quan lưu trữ, ... Thừa nhận các nội dung có tính nguyên tắc trong Luật Lưu trữ và từng bước xây dựng mục tiêu, biện pháp cho từng giai đoạn cũng là việc làm đúng đắn nhưng thiếu một tầm nhìn và một quy hoạch tổng thể cũng là nguyên nhân dẫn đến mất kiểm soát và lãng phí. Đó là vấn đề chính sách cần giải quyết hiện nay.

3.1.3. Luật pháp của một số quốc gia khác về quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

3.1.3.1. Quản lý thông qua xếp hạng tài liệu và "quyền ưu tiên mua" trong Luật Lưu trữ Cộng hòa Pháp

Luật lưu trữ hiện hành của Cộng hòa Pháp ủng hộ việc quản lý nhà nước đối với tài liệu lưu trữ tư nhân thông qua việc bảo hộ đối với tài liệu xếp hạng và quyền ưu tiên mua. Song, ngay cả việc xếp hạng tài liệu lưu trữ cũng phải được sự đồng ý của chủ sở hữu. Trong thời hạn 6 tháng kể từ khi có Nghị định về việc xếp hạng và thông báo việc xếp hạng tới chủ sở hữu, cơ quan lưu trữ có thẩm quyền và chủ sở hữu sẽ tiến hành những thỏa thuận về việc bồi thường tương trưng cho những thiệt hại đối với chủ sở hữu do việc xếp hạng gây ra. Nếu không đạt được thỏa thuận trong vòng 6 tháng, hiệu lực của việc xếp hạng có thể bị hủy bỏ. Việc xếp hạng tài liệu không đồng nghĩa với chuyển quyền sở hữu (Mục L212, Điều 15, 16, 17, 18).

Tài liệu được xếp hạng có giá trị vĩnh viễn. Chủ sở hữu của tài liệu được xếp hạng muốn chuyển nhượng hoặc di chuyển tài liệu đến nơi khác đều phải thông báo trước cho cơ quan lưu trữ có thẩm quyền theo thời hạn được quy định bởi Nghị định xếp hạng. Khi tiến hành chuyển nhượng tài liệu dưới bất kỳ hình thức nào như thừa kế, hiến tặng cũng phải thông báo cho cơ quan lưu trữ về việc chuyển nhượng, thông tin về chủ sở hữu mới trong vòng 15 ngày kể từ ngày chuyển nhượng. Chủ sở hữu tiếp theo phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ với tài liệu xếp hạng (Mục L212, Điều 23). Với bất kỳ tài liệu tư nhân nào, nếu được bán phù hợp với quy định của Bộ Thương mại, Nhà nước được ưu tiên mua (Mục L212, Điều 32).

Việc thực hiện nghiệp vụ đối với tài liệu được xếp hạng phải được sự đồng ý của cơ quan lưu trữ có thẩm quyền. Việc phá hủy, chuyển ra nước ngoài hay làm thay đổi tài liệu điều bị cấm (Mục L212, Điều 25, 27).

3.1.3.2. Quản lý tập trung tài liệu lưu trữ của cơ quan lưu trữ, thư viện, bảo tàng và sự can thiệp của cơ quan quản lý trong Luật Lưu trữ Cộng hòa Dân chủ nhân dân Trung Hoa

Luật Lưu trữ Trung Quốc được ban hành năm 1987, sửa đổi, bổ sung năm 1996 vẫn duy trì chế độ quản lý tập trung về tài liệu lưu trữ. Theo đó, không ai được sở hữu tài liệu lưu trữ làm tài sản riêng (Điều 10). Các tài liệu văn hóa, sách và tài liệu tham khảo khác đồng thời cũng là tài liệu lưu trữ được lưu giữ trong các thư viện, viện bảo tàng, nhà tưởng niệm có thể do cơ quan cấp cao hơn quản lý theo quy định của pháp luật. Các cơ quan lưu trữ sẽ hợp tác với cơ quan quản lý cấp cao này trong việc sử dụng những tài liệu lưu trữ đó. (Điều 12)

Về tài liệu do cá nhân sở hữu (tạo ra hoặc sưu tầm được) nhưng có giá trị đối với nhà nước và xã hội hoặc những tài liệu không nên được lưu giữ độc lập với nhà nước sẽ do chủ sở hữu quản lý. Nếu tài liệu lưu trữ có nguy cơ bị hủy hoại nghiêm trọng hoặc không an toàn do điều kiện bảo quản hay vì bất kỳ lý do nào khác dưới sự quản lý của chủ sở hữu, cục quản lý lưu trữ sẽ có quyền can thiệp để đảm bảo sự nguyên vẹn và an toàn của tài liệu thông qua việc lưu giữ thay mặt chủ sở hữu, và nếu cần thiết sẽ mua lại, thậm chí trưng thu. Nghiêm cấm việc bán tài liệu cho người nước ngoài hoặc bán tài liệu vì lợi nhuận. (Điều 16)

Ai hiến tặng tài liệu cho Nhà nước đều được khen thưởng (Điều 16). Tổ chức và cá nhân có quyền hiến tặng, chuyển giao tài liệu cho lưu trữ nhà nước và được đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp đối với tài liệu. Lưu trữ nhà nước tiếp nhận tài liệu có quyền phục vụ sử dụng hoặc hạn chế sử dụng những phần của tài liệu không phù hợp để công chúng tiếp cận. Chủ sở hữu có quyền công bố tài liệu theo quy định của pháp luật và không được gây hại tới lợi ích và an ninh của nhà nước hay xâm phạm lợi ích và quyền hợp pháp của người khác. (Điều 22)

3.1.3.3. Quản lý thông tin trong tài liệu lưu trữ theo Luật Lưu trữ Cộng hòa liên bang Đức, Luật Lưu trữ và Thư viện Canada

Khác với nỗ lực kiểm soát của Trung Quốc và Pháp, Luật Lưu trữ của Đức và Canada tập trung vào vai trò của cơ quan lưu trữ quốc gia trong việc quản lý tài liệu lưu trữ của nhà nước liên bang, các đảng chính trị từng hoạt động trong lịch sử và của các cơ quan giúp việc cho nữ hoàng, tài liệu của các gia đình hoàng tộc. Luật Lưu trữ Cộng hòa Liên bang Đức hầu như không đề cập tới việc quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân hay tư nhân ở dạng vật lý, mà chú trọng tới những quy định về việc tiếp cận thông tin cá nhân được đề cập trong tài liệu như việc sử dụng tài liệu của thế hệ thứ 3 sau 30 năm kể từ khi cá nhân được đề cập trong tài liệu qua đời (Khoản 2 Điều 5). Luật Lưu trữ và Thư viện Canada sử dụng khái niệm "di sản tư liệu" (document heritage) để chỉ tất cả tài liệu (records) và xuất bản phẩm (publications) thuộc lợi ích của Canada, trong đó thư viện và lưu trữ Canada có trách nhiệm thu thập (acquire) và bảo quản di sản tư liệu này; đồng thời, các thủ thư và nhà lưu trữ được quyền tiếp cận với mọi tài liệu do bất kỳ ai bảo quản (Điều 2, 12). Đặc điểm chung đáng lưu ý trong cách quản lý của hai quốc gia này là đều ban hành đạo luật riêng về tiếp cận thông tin (Freedom Information Law của Đức và Act of Information Access của Canada), trong đó quy định riêng về việc sử dụng thông tin cá nhân, thông tin liên quan tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân, thông tin về an ninh quốc gia,... Ngoài ra, về cơ bản, luật lưu trữ của Đức và Canada rất ngắn gọn vì phần lớn những quy định về thư giữ hay quản lý tài liệu lưu trữ của khu vực tư được dẫn chiếu sang các quy định của luật về tài sản hoặc luật chuyên ngành tùy theo loại hình tài liệu như Luật Ngân hàng Liên bang, Luật Tài chính, Luật Hình sự, ...

Như thế, so với pháp luật của các quốc gia khác, pháp luật hiện hành của Việt Nam về tài liệu lưu trữ nhân dân có khuynh hướng nửa vời, không thể hiện vai trò quản lý mạnh của các cơ quan lưu trữ nhà nước, cũng không ngắn gọn, thiếu liên kết đồng bộ và cụ thể với các văn bản pháp luật của ngành khác. Do vậy, những quy định trong văn bản pháp luật của ngành lưu trữ chưa thể hiện mục tiêu rõ ràng, nhất quán và hoàn toàn không đầy đủ.

3.2. Ý kiến của công dân và nhà quản lý về quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

3.2.1. Ý kiến của nhà quản lý

45/50 nhà quản lý bao gồm lãnh đạo Chi cục Văn thư - Lưu trữ, lãnh đạo một số đơn vị thuộc Cục Văn thư - Lưu trữ nhà nước và các chuyên viên phòng quản lý văn thư - lưu trữ, chuyên viên Cục Văn thư - Lưu trữ nhà nước đã trả lời phiếu khảo sát. Trong đó, tỷ lệ giữa lãnh đạo và nhân viên là:



* Về tình hình quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân tại cơ quan:

Cuộc khảo sát được thực hiện trong 3 tháng cuối năm 2015, tức là sau khi các văn bản chính sách và hội nghị tập huấn về sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm được tổ chức cho các lãnh đạo và chuyên viên các cơ quan lưu trữ nhà nước từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, câu trả lời của các cán bộ vẫn còn khác biệt, thậm chí mâu thuẫn về cùng một vấn đề trong cùng một cơ quan, cụ thể như sau:

Khó khăn chính trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân được các cán bộ quản lý chia sẻ là yêu cầu tôn trọng quyền sở hữu của tư nhân đối với tài liệu, ý kiến khác cho rằng các địa phương không đủ phương tiện, cơ sở vật chất để bảo quản, thiếu cơ chế, chính sách từ trung ương để thực hiện hoặc thiếu sự phối hợp giữa cơ quan lưu trữ và cơ quan văn hóa. Thuận lợi chủ yếu được nhắc đến là sự quan tâm từng bước đến những tài liệu này của các cơ quan nhà nước cũng như xã hội.

Xác định nguyên nhân của những khó khăn trên, những cán bộ làm công tác quản lý văn thư - lưu trữ cho biết như sau:

Bảng 3.2: Ý kiến về nguyên nhân dẫn đến khó quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

Nguyên nhân	Số lựa chọn		
	Chung	Chuyên viên	Quản lý
Vì đó là tài sản thuộc sở hữu của người dân	27/42	75 %	70.6%
Vì người dân chưa hiểu rõ giá trị của tài liệu	35/42	75 %	64.7%
Vì người dân chưa hiểu rõ về cơ quan lưu trữ	39/42	75 %	100 %
Vì hệ thống văn bản pháp lý và hướng dẫn chưa đầy đủ nên không có cơ sở để thực hiện	28/42	25 %	58.8%
Vì cán bộ lưu trữ chưa đủ năng lực xác định giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân	14/42	25 %	50 %
Vì cơ quan lưu trữ chưa đủ tài chính, cơ sở vật chất để thực hiện	33/42	83.3 %	82.4 %

Thống kê trên cho thấy các ý kiến đều tập trung vào những nguyên nhân khách quan dẫn đến khó quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân như quyền sở hữu của nhân dân, nhận thức của nhân dân và điều kiện tài chính, vật chất. Những nguyên nhân chủ quan về năng lực của cán bộ lưu trữ hay cơ chế pháp lý của nhà nước không được lựa chọn nhiều. Những quan sát trong quá trình trao đổi trực tiếp và gửi phiếu khảo sát của nghiên cứu sinh với cán bộ quản lý các cơ quan từ trung ương đến địa phương cho thấy tâm lý né tránh việc thừa nhận hạn chế chủ quan cũng như ngại bàn thảo về các vấn đề của cơ quan nhà nước khá phổ biến. Đó là lý do chính để giải thích cho tỷ lệ lựa chọn thấp đối với các nguyên nhân chủ quan, cho việc thiếu thông tin về thâm niên quản lý và vị trí công tác trên phiếu trả lời, thậm chí là một trong những nguyên nhân cơ bản khiến một số cán bộ quản lý không những từ chối trả lời mà còn phản ứng gay gắt.

Qua trao đổi trực tiếp, vẫn có những cán bộ tại Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Thừa Thiên - Huế, Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Quảng Ngãi, và Phòng Nghiệp vụ Trung ương, Trung tâm Khoa học - Công nghệ thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Phòng Thu thập - Sưu tầm Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III khẳng định ngoài những yếu tố trên, sự thiếu hụt về năng lực của cán bộ lưu trữ cũng là một trong những yếu tố dẫn đến khó quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân. Ngoài ra, một số ý kiến trong phiếu khảo sát cũng bổ sung rằng cơ chế, chính sách còn quá thiếu trong khi việc quản lý tài liệu lưu trữ của nhân dân đang bị chòng chéo giữa các cơ quan văn hóa và lưu trữ. Điều này một lần nữa được xác nhận bởi Chi cục Trường Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Thừa thiên - Huế trong cuộc trao đổi ngày 08.01.2016 về tình hình quản lý tài liệu cá nhân, gia đình, dòng họ tại tỉnh này. Thông tin phỏng vấn chỉ rõ: *"Trước khi có Luật Lưu trữ, không có đơn vị nào của tỉnh thực sự quan tâm để bảo tồn tài liệu của nhân dân. Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch tỉnh được giao chức năng quản lý nhưng không phân công cho bảo tàng, mà giao cho Thư viện tỉnh để phối hợp với Thư viện Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh tiến hành số hóa tài liệu. Mục tiêu chính của họ là thu thập dữ liệu đã số hóa để tiến hành dịch vụ cung cấp thông tin, không phải để bảo tồn, giữ gìn tài liệu nên công tác này bị bỏ không. Trong khi đó, cơ quan lưu trữ lại không được tham gia và không có cơ chế để tham gia"*.

Được hỏi về hành động của cán bộ làm công tác quản lý khi gặp khó khăn trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân, chỉ có 30/45 phiếu trả lời. Kết quả như sau:

Bảng 3.3: Ý kiến về hành động của cơ quan quản lý khi gặp khó khăn trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

Hành động của cơ quan quản lý	Số lựa chọn
Đợi ý kiến chỉ đạo của cấp trên	9/30
Mời chuyên gia Lưu trữ học tư vấn	12/30
Mời chuyên gia chuyên ngành khác như Sử học, Xã hội học,... tư vấn	13/30
Liên hệ và phối hợp làm việc với các cơ quan quản lý chuyên môn như Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch, Sở Khoa học - Công nghệ,...	19/30
Tổ chức hội nghị để lắng nghe ý kiến người dân	17/30
Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền đến người dân	7/30
Không làm gì cả	1/30

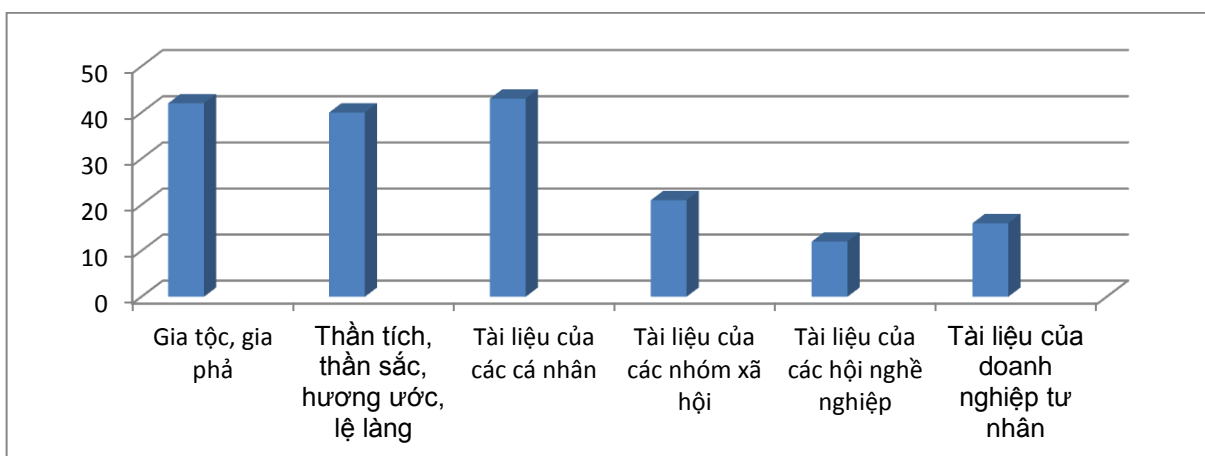
Số liệu trên phản ánh thái độ chủ động của nhà quản lý trước những khó khăn trong quá trình thực hiện công việc. Tuy nhiên, mặc dù lựa chọn các phương án chủ động như vậy nhưng không có phiếu khảo sát nào cung cấp thông tin về những thành tựu hoặc kết quả đạt được trong việc quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân, và thông tin về tài liệu lưu trữ nhân dân đang được bảo quản tại cơ quan có độ tin cậy thấp như đã phân tích ở trên nên những câu trả lời trên đây không nhất quán.

* Quan điểm cá nhân về quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

Chuyên viên và lãnh đạo quản lý công tác lưu trữ vẫn có cách hiểu khác nhau về thành phần tài liệu lưu trữ nhân dân:

Bảng 3.4: Quan niệm về tài liệu lưu trữ nhân dân của cán bộ quản lý phân loại theo vị trí công tác

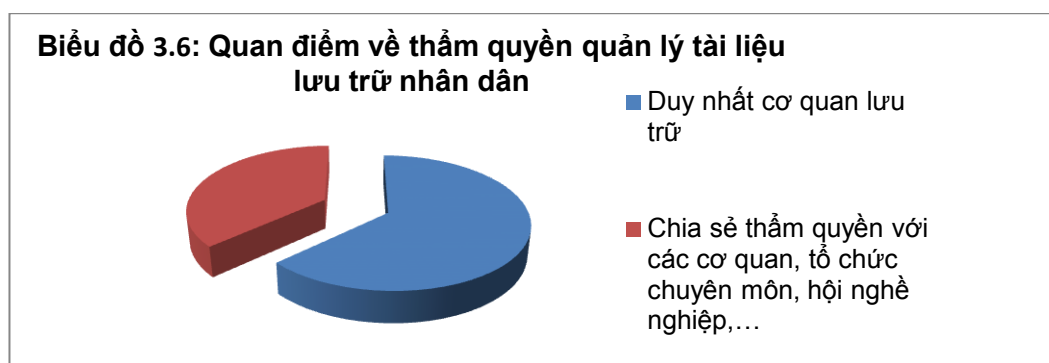
Loại tài liệu	Chức vụ	
	Chuyên viên	Quản lý
Gia tộc, gia phả	100%	82.4 %
Thần tích, thần sắc, hương ước, lệ làng	100%	70.6 %
Tài liệu của các cá nhân	100%	88.2%
Tài liệu của các nhóm xã hội	83.3%	58.8%
Tài liệu của các hội nghề nghiệp	58.3 %	29.4%
Tài liệu của doanh nghiệp tư nhân	58.3 %	47.1%
Tài liệu của các tổ chức phi chính phủ	83.3%	29.4%
Tài liệu của các cộng đồng dân tộc thiểu số	66.7%	47.1%



Biểu đồ 3.5: Ý kiến về tài liệu lưu trữ nhân dân của cán bộ quản lý văn thư - lưu trữ

Các số liệu trên cho thấy trong quan niệm của cán bộ làm công tác quản lý văn thư - lưu trữ, tài liệu lưu trữ nhân dân gồm các loại cơ bản là: gia tộc, gia phả, thần tích, thần sắc, hương ước, lệ làng và tài liệu của các cá nhân. Đối với những tài liệu của các nhóm xã hội, hội nghề nghiệp, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân tộc thiểu số, các cán bộ quản lý có quan tâm nhưng chưa tập trung nhiều. Tuy nhiên, có sự phân hóa rõ rệt về sự lựa chọn đối với những tài liệu này giữa cán bộ là chuyên viên và cán bộ là quản lý. Trong đó, số lượng cán bộ là chuyên viên giành sự quan tâm tới tài liệu của các nhóm xã hội, hội nghề nghiệp, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân tộc thiểu số có tỷ lệ lớn hơn cán bộ quản lý. Trao đổi với lãnh đạo Trung tâm Khoa học - Công nghệ thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước (đơn vị chủ trì đề án sưu tầm tài liệu quý, hiếm) trong tháng 10.2015, cán bộ tại đây cho biết thêm: *"Việc cán bộ quản lý giành sự quan tâm và đồng thuận lớn đối với tài liệu của cá nhân, gia đình, dòng họ có thể do sự định hướng của Cục đối với nhóm tài liệu này. Vì trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của cán bộ quản lý tại địa phương khá đa dạng nên họ sẽ trả lời thống nhất theo quy định của cấp trên."* Đồng thời, theo quan sát và ghi nhận của nghiên cứu sinh thì những cán bộ quản lý càng ở vị trí cao càng trả lời thận trọng, chính xác với quy định hoặc định hướng của cấp trên và ít bày tỏ quan điểm cá nhân. Ngoài những loại tài liệu kể trên, một số cán bộ quản lý còn gợi ý rằng nên coi tài liệu của các tổ chức tôn giáo cũng là tài liệu lưu trữ nhân dân.

Đề cập tới quan điểm của nhà quản lý về thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân, phiếu khảo sát đưa ra hai đáp án lựa chọn và kết quả trả lời như sau:



Hầu hết các phiếu đều không đưa ra lý do cho lựa chọn này, song một số phiếu đã cung cấp câu trả lời rằng pháp luật quy định cơ quan lưu trữ quản lý tài liệu lưu trữ. Về cơ bản, hầu hết các ý kiến đều đồng thuận về vai trò quản lý tập trung tài liệu lưu trữ của cơ quan lưu trữ.

Để xác định mục tiêu của quản lý tổng quát của tài liệu lưu trữ nhân dân, phiếu khảo sát cung cấp 4 câu trả lời và cho phép lựa chọn tối đa 2 phương án. Kết quả là:

Bảng 3.7: Ý kiến về mục tiêu quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

Mục tiêu	Số lựa chọn
Nhân dân hiến tặng càng nhiều tài liệu cho lưu trữ lịch sử càng tốt	15/45
Nhân dân giữ được càng nhiều tài liệu có giá trị càng tốt	11/45
Nhân dân lưu giữ và công bố được càng nhiều tài liệu có giá trị càng tốt	11/45
Nhân dân chủ động lưu giữ được nhiều tài liệu có giá trị và tin tưởng phối hợp với cơ quan lưu trữ để bảo quản, phát huy giá trị tài liệu	37/45

Như thế, những cán bộ làm quản lý công tác văn thư - lưu trữ khá đồng thuận trong việc hướng tới mục tiêu nâng cao nhận thức, năng lực tự lưu giữ của người dân và niềm tin của họ vào cơ quan lưu trữ để thực hiện tốt chức năng của ngành.

Nhìn chung, những câu trả lời của cán bộ quản lý có nhiều mâu thuẫn, đặc biệt ở những nội dung liên quan tới việc đánh giá lại chính sách hiện hành hoặc năng lực nội bộ của cơ quan. Những ý kiến thống nhất thể hiện tập trung ở những vấn đề đã được định hướng bởi luật pháp hoặc chỉ đạo của cấp trên. Về cơ bản, dù nhiều ý kiến của cán bộ quản lý khẳng định vai trò chủ động của họ trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân song những mâu thuẫn trong các câu trả lời lại cho thấy sự phụ thuộc hoặc thiếu quan tâm, thậm chí chưa có hành động gì như trả lời qua điện thoại của cán bộ Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Thái Bình. Đối với các cơ quan quản lý ở Trung ương, câu trả lời trên phiếu và trao đổi trực tiếp cho thấy cán bộ quản lý có mong muốn thực hiện và nhận thức rõ những thách thức trong vấn đề này nhưng còn lúng túng, nhất là khi những khái niệm, quan điểm cơ bản về tài liệu và hoạt động lưu trữ nhân dân chưa được định hình. Nếu ở cấp trung

ương, các nhà quản lý tập trung trước hết vào hoạt động của các Trung tâm lưu trữ Quốc gia thì tại địa phương, tùy theo mức độ quan tâm của nhà quản lý và nguồn lực trong nhân dân để có những hành động cụ thể. Trong khi cán bộ quản lý của cơ quan trung ương đang bối rối với việc xác định rõ trách nhiệm giữa cơ quan lưu trữ và cơ quan văn hóa thì ở địa phương cũng diễn ra tình trạng tương tự. Với những Chi cục Trưởng được đánh giá là có năng lực và tâm huyết như tại Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Thừa Thiên - Huế, tỉnh Quảng Ngãi, nhu cầu giành quyền chủ trì trong việc phối hợp giữa các cơ quan liên ngành để quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân rất rõ ràng. Còn với những Chi cục chưa giành được vị trí cao trong bảng đánh giá của ngành như Nam Định, Thái Bình thì việc quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân chưa được chú ý.

3.2.2. Ý kiến của công dân

Trong số 332/500 phiếu thu về, có 236 phiếu có khai báo nghề nghiệp và 303 người trả lời về trình độ học vấn. Những thống kê dưới đây chỉ biểu thị số liệu về những người có trả lời. Các nhóm ngành nghề được xác định trên cơ sở phân loại thực tế từ thông tin trên phiếu, trong đó đặc thù sử dụng thông tin của ngành nghề được coi là đặc trưng chính để xác định các nhóm. Các nhóm trình độ được phân chia có chủ đích trước khi tiến hành khảo sát, bao gồm ba nhóm chính: trình độ phổ thông, cao đẳng - đại học và sau đại học. Ngoài ra, có 320/332 phiếu khai báo năm sinh của người trả lời. Người cao tuổi nhất sinh năm 1940 (75 tuổi) và người trẻ nhất sinh năm 1993 (22 tuổi).

* Tình hình lưu giữ tài liệu:

Về các loại tài liệu được tạo ra hoặc lưu giữ và nguồn gốc của tài liệu, đa phần tài liệu do các công dân được hỏi lưu giữ đều là tài liệu bằng ngôn từ, hình ảnh, bản vẽ trên giấy, file điện tử do bản thân tạo ra, được biếu tặng hoặc mua về:

Bảng 3.8: Số lựa chọn về loại hình và nguồn gốc tài liệu

Loại tài liệu	Số lựa chọn	Nguồn gốc tài liệu	Số lựa chọn
Tài liệu ngôn từ trên giấy	242/332	Do bản thân tạo ra	261/332
Tài liệu bản vẽ, hình ảnh trên giấy	129/332	Do được thừa kế	92/332
Tài liệu bản vẽ, ngôn từ, hình ảnh, âm thanh trên file điện tử	200/332	Do được biếu, tặng, cho	126/332
Xuất bản phẩm trên giấy	72/332	Do mua được	133/332
Xuất bản phẩm điện tử	63/332	Do người khác gửi, nhờ giữ hộ	66/332

Giữa các nhóm người trả lời về nghề nghiệp và trình độ không có sự khác biệt lớn về loại hình và nguồn gốc tài liệu đang được lưu giữ. Tuy nhiên, nhóm trình độ phổ thông có khai báo về việc được thừa kế tài liệu, còn nhóm trình độ sau đại học đề cập nhiều hơn tới tài liệu do họ mua về.

Bảng 3.9: Loại hình và nguồn gốc tài liệu phổ biến theo nghề nghiệp

Nhóm nghề nghiệp	Loại tài liệu	Nguồn gốc tài liệu
Kinh doanh	TL ngôn từ trên giấy; trên file điện tử; bản vẽ, hình ảnh trên giấy	Bản thân tạo ra; mua
Văn phòng, quản lý	TL trên file điện tử; TL ngôn từ trên giấy; bản vẽ, hình ảnh trên giấy	Bản thân tạo ra; được biếu, tặng, cho; mua
Bộ đội, công an	TL ngôn từ trên giấy; bản vẽ, hình ảnh trên giấy; xuất bản phẩm điện tử	Bản thân tạo ra; mua; giữ hộ người khác
Giáo viên, nghệ sĩ, kỹ sư	TL ngôn từ trên giấy; TL ngôn từ trên giấy; bản vẽ, hình ảnh trên giấy	Bản thân tạo ra; mua; được biếu, tặng, cho

Bảng 3.10: Loại hình và nguồn gốc tài liệu phổ biến theo trình độ

Nhóm trình độ	Loại tài liệu	Nguồn gốc tài liệu
Phổ thông	TL ngôn từ trên giấy; TL trên file điện tử; bản vẽ, hình ảnh trên giấy	Bản thân tạo ra; Thừa kế
Cao đẳng - Đại học	TL ngôn từ trên giấy; TL trên file điện tử; bản vẽ, hình ảnh trên giấy	Bản thân tạo ra; được biếu, tặng, cho; mua
Sau đại học	TL ngôn từ trên giấy; TL trên file điện tử; bản vẽ, hình ảnh trên giấy	Mua; bản thân tạo ra; được biếu, tặng, cho

Trong số các loại tài liệu kể trên, có ba loại được nhiều người trả lời coi là quan trọng nhất, đó là:

Bảng 3.11: Loại hình tài liệu quan trọng nhất

Loại tài liệu	Điểm TB
Tài liệu là vật kỷ niệm như nhật ký của bản thân, ảnh chụp gia đình, video sự kiện gia đình, cá nhân,...	4.20
Tài liệu của gia đình, dòng họ trao lại như gia phả, tộc phả, nhật ký, hồi ký của người thân,...	3.36
Tài liệu là kết quả lao động, sáng tạo như bản thảo tác phẩm, báo cáo công trình nghiên cứu, bản vẽ thiết kế, bằng khen, giấy khen, cơ sở dữ liệu phục vụ công việc,...	3.18

Tuy nhiên, người trả lời đánh giá khác nhau về mức độ quan trọng của từng loại tài liệu theo nội dung của chúng. Theo đó, những tài liệu quan trọng nhất là tài liệu về nhân thân, về sở hữu và về kết quả lao động, sáng tạo:

Bảng 3.12: Ý kiến đánh giá về mức độ quan trọng của từng loại hình tài liệu¹⁸

Loại tài liệu theo nội dung	Mức độ quan trọng					
	1	2	3	4	5	6
Tài liệu về nhân thân như chứng minh thư, hộ chiếu,...	155	70	47	15	12	6
Tài liệu về sở hữu tài sản như sổ đỏ, sổ tiết kiệm,...	85	136	42	21	13	0
Tài liệu là kết quả lao động, sáng tạo như bản thảo tác phẩm, báo cáo công trình nghiên cứu, bản vẽ thiết kế, bằng khen, giấy khen, cơ sở dữ liệu phục vụ công việc,...	20	41	120	81	34	0
Tài liệu của gia đình, dòng họ trao lại như gia phả, tộc phả, nhật ký, hồi ký của người thân,...	34	24	81	99	54	0
Tài liệu là vật kỷ niệm như nhật ký của bản thân, ảnh chụp gia đình, video sự kiện gia đình, cá nhân,...	5	15	38	66	170	0

Nơi lưu giữ tài liệu phổ biến và tài liệu được giữ hộ phổ biến là:

Bảng 3.13: Ý kiến về nơi lưu giữ tài liệu và tài liệu được giữ hộ

Nơi giữ tài liệu	Điểm TB ¹⁹	Người có tài liệu được giữ hộ	Điểm TB
Tự lưu giữ tại nhà	0.88	Tài liệu của cha, mẹ, chồng, vợ hoặc con	0.77
Tự lưu giữ tại cơ quan/công ty	0.43	Tài liệu của anh, chị, em ruột	0.48
Nhờ người thân sống cùng giữ hộ	0.29	Tài liệu của dòng họ	0.17

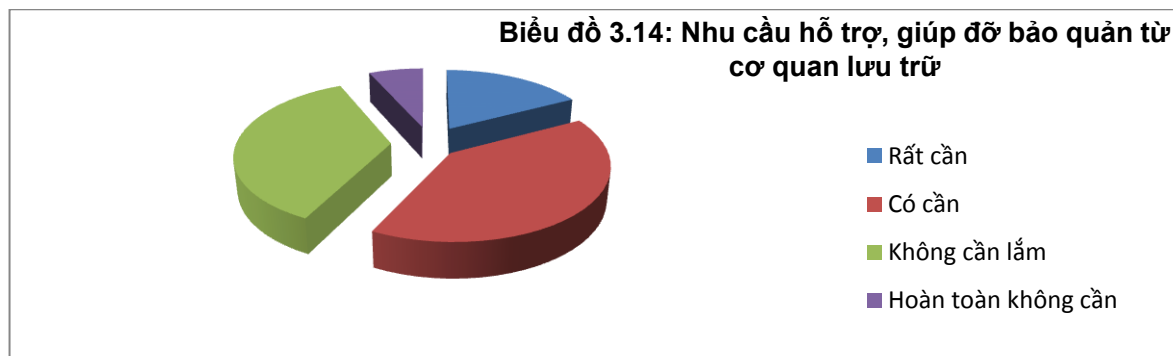
* Quan điểm cá nhân về quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân

Thông qua kết quả khảo sát, người dân khẳng định rằng họ cần được trợ giúp để bảo quản tài liệu từ cơ quan lưu trữ. Mong muốn này thống nhất với định hướng chính sách của Nhà nước về việc hỗ trợ người dân bảo quản tài liệu. Nhưng, khác

¹⁸ Mức độ quan trọng giảm dần từ 1 đến 6

¹⁹ Số người chọn đáp án nào càng nhiều thì điểm trung bình ở đáp án đó càng cao.

với một số phát biểu của các chuyên gia, nhà quản lý trong các hội nghị, hội thảo, những người được hỏi mong muốn được giúp đỡ bảo quản thông qua các tài liệu hướng dẫn hơn là can thiệp trực tiếp vào hoạt động lưu giữ tài liệu của họ.



Bảng 3.15: Nhu cầu về hình thức hỗ trợ từ cơ quan lưu trữ

Hình thức hỗ trợ từ cơ quan lưu trữ	Số lựa chọn
Cung cấp tài liệu hướng dẫn để đọc hoặc cung cấp video hướng dẫn	181
Được hướng dẫn trực tiếp tại gia đình	82
Được hướng dẫn trực tiếp và hỗ trợ phương tiện bảo quản tại gia đình	91
Được hướng dẫn qua hoạt động tham quan ngoại khóa	60

Về mong muốn và nguyên nhân ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu cho cơ quan lưu trữ nhà nước, ý kiến của công dân khá đa dạng:

Bảng 3.16: Lý do có hoặc không ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu lưu trữ

CÓ		KHÔNG	
Lý do	Số lựa chọn	Lý do	Số lựa chọn
Nhà hoặc cơ quan, công ty chật chội, thiếu chỗ để	28	Bảo mật thông tin cá nhân, gia đình	134
Muốn chia sẻ tài liệu để mọi người cùng sử dụng	67	Bảo vệ gia đình, người thân khỏi liên lụy khi công bố tài liệu nội dung nhạy cảm	62
Để lưu danh gia đình, dòng họ	34	Giữ bản quyền đối với tài liệu	56

Thông qua cơ quan lưu trữ để công bố tài liệu có nội dung nhạy cảm	17	Chưa hiểu rõ cơ sở pháp lý bảo vệ quyền lợi của người có tài liệu	61
Nếu cần thêm tài chính thì bán	12	Không tin tưởng vào cơ quan, cán bộ lưu trữ	20
Nếu Nhà nước hỗ trợ phát triển sự nghiệp thì tặng hoặc bán với giá ưu đãi	20		
Cơ quan lưu trữ có đủ thiết bị, kho tàng và kỹ thuật để bảo quản và phục vụ sử dụng tài liệu	47		

Thống kê trên phản ánh hai vấn đề chính:

- Lý do chính để người dân quyết định ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu cho cơ quan lưu trữ là mong muốn được chia sẻ tài liệu để nhiều người cùng sử dụng, lưu danh gia đình, dòng họ và tin tưởng vào điều kiện bảo quản của cơ quan lưu trữ. Những vấn đề về vai trò của cơ quan lưu trữ trong việc thay mặt người dân công bố tài liệu có nội dung nhạy cảm, yếu tố tài chính và hỗ trợ phát triển sự nghiệp cá nhân tuy không có nhiều lựa chọn nhưng cũng được số lượng nhất định người trả lời quan tâm, và có thể trở nên quan trọng hơn nếu khảo sát sâu theo từng nhóm đối tượng.

- Nguyên nhân khiến người dân không muốn ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu cho cơ quan lưu trữ là nhu cầu bảo mật thông tin và bảo vệ cá nhân, gia đình cũng như chưa hiểu rõ cơ sở pháp lý của hoạt động này. Tuy không phải là yếu tố được nhiều người chọn nhất nhưng vấn đề bản quyền cũng đã được đặt ra để tham khảo và xem xét. Sự lựa chọn thấp đối với đáp án "không tin tưởng vào cơ quan, cán bộ lưu trữ" là thông tin tích cực cho ngành, nhưng cần xem xét thêm về bối cảnh và sự hiểu biết cùng những mức độ trải nghiệm của cá nhân người được hỏi với cơ quan lưu trữ vì chúng có thể ảnh hưởng đến lựa chọn của họ. Cho nên, những yếu tố có số lựa chọn thấp vẫn có thể thay đổi nếu bối cảnh thay đổi.

Khi quyết định ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu cho cơ quan lưu trữ Nhà nước, công dân quan tâm tới nhiều vấn đề đa dạng:

Bảng 3.17: Các vấn đề quan tâm khi ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu

TT	Thông tin quan tâm	Số lựa chọn
1	Việc bảo mật thông tin của người có tài liệu	218
2	Sự an toàn của người thân, gia đình	155
3	Cách thức bảo quản, lưu giữ tài liệu của cơ quan và cán bộ lưu trữ	126
4	Sự công khai, minh bạch của cơ quan nhà nước về những vấn đề trên	135
5	Bản quyền của tài liệu	119
6	Sự ghi nhận của Nhà nước đối với hành động ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu	89
7	Chi phí ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu	54
8	Giá trị bằng tiền của tài liệu	32

Để người dân dễ dàng, thuận tiện và chủ động, tin tưởng hơn khi ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu lưu trữ cho Nhà nước, những người tham gia trả lời phiếu khảo sát cho rằng các cơ quan Nhà nước cần thực hiện nhiều biện pháp, bao gồm:

Bảng 3.18: Ý kiến người dân về biện pháp của cơ quan lưu trữ

Biện pháp	Mức độ quan trọng ²⁰			
	1	2	3	4
Tăng cường thông tin về giá trị của tài liệu và lợi ích của công dân khi ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu	135	65	56	39
Công khai, minh bạch về thủ tục, chi phí, các điều kiện để người dân ký gửi, hiến tặng hoặc bán	77	105	64	32
Tuyên bố rõ ràng về trách nhiệm của cơ quan lưu trữ đối với tài liệu và chủ sở hữu tài liệu	50	112	75	34
Thiết lập các giao dịch dân sự dạng hợp đồng để tiếp nhận tài liệu hiến tặng, ký gửi hoặc bán	27	32	56	114

Theo đó, việc tăng cường thông tin cho người dân là hết sức quan trọng. Các biện pháp về công khai, minh bạch thủ tục, kinh phí hay trách nhiệm của cơ quan lưu trữ có mức độ quan trọng tương đương nhau và cần được làm rõ trong các giao dịch dân sự dưới dạng hợp đồng. Nói cách khác, công dân đòi hỏi các cơ quan lưu trữ phải công khai, minh bạch và có thỏa thuận rõ ràng với họ bằng văn bản, trong đó xác định rõ nhiều vấn đề liên quan, bao gồm:

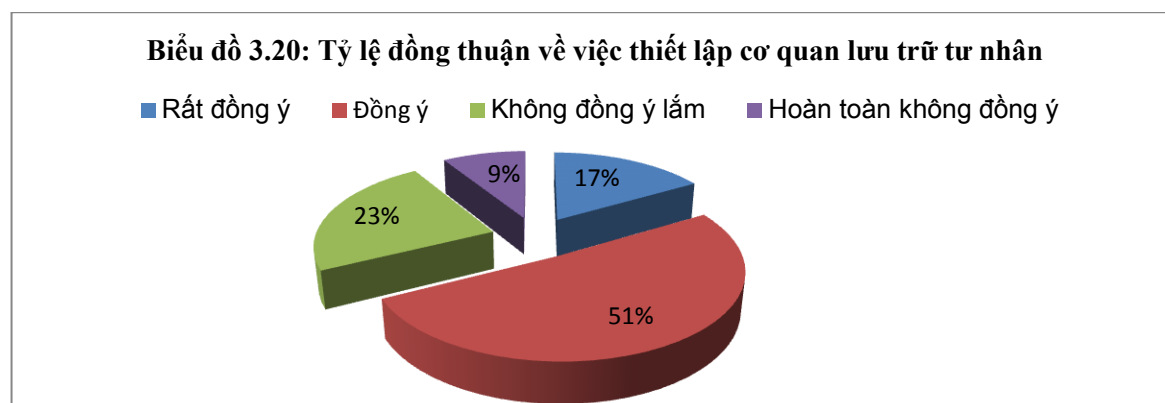
²⁰ Mức độ quan trọng giảm dần từ 1 đến 4.

Bảng 3.19: Ý kiến người dân về các vấn đề cần làm rõ trong văn bản thỏa thuận

Vấn đề	Số lựa chọn
Trách nhiệm bảo quản tài liệu và bảo mật thông tin của cơ quan lưu trữ	250
Trách nhiệm trả phí của công dân (nếu ký gửi)	123
Thỏa thuận về thủ tục, thời điểm công bố hoặc cho phép sử dụng tài liệu	122
Thỏa thuận về sử dụng phí khai thác tài liệu giữa cơ quan lưu trữ và chủ sở hữu	102
Thỏa thuận về bản quyền đối với tài liệu	135
Thỏa thuận về giá bán tài liệu (nếu tài liệu được bán cho cơ quan lưu trữ)	74
Thỏa thuận về hình thức giải quyết khi có tranh chấp xảy ra giữa chủ sở hữu và cơ quan lưu trữ	151

Liên quan tới vấn đề này, kết quả phỏng vấn trực tiếp với chuyên viên sưu tầm thuộc Phòng Thu thập - Sưu tầm, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III cho thấy đến nay, tuy cơ quan này đã tiến hành sưu tầm tài liệu của các cá nhân trong nhiều năm nhưng chỉ sử dụng Biên bản bàn giao tài liệu trong đó ghi rõ quyền ưu tiên sử dụng tài liệu của chủ sở hữu và trách nhiệm bảo quản an toàn cũng như quyền cho phép sử dụng công khai tài liệu của bên nhận²¹. Các vấn đề khác chưa được đề cập đến. Đây là một bằng chứng nữa ngoài kết quả khảo sát ở trên cho thấy khi quyết định giao tài liệu cho cơ quan lưu trữ, các chủ sở hữu không quan tâm nhiều tới các lợi ích vật chất và các yêu cầu với cơ quan lưu trữ khá đơn giản.

Do những băn khoăn về trách nhiệm của cơ quan lưu trữ nhà nước như trên, các công dân được hỏi thể hiện sự đồng thuận lớn đối với ý tưởng thành lập cơ quan lưu trữ tư nhân với 17% rất đồng ý và 51% đồng ý:



²¹ Xem mẫu Biên bản ở Phụ lục.

Trong đó, nhóm trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên với các ngành nghề chủ yếu là nhà quản lý, nhân viên văn phòng, kỹ sư, giáo viên, nghệ sĩ,... có tỷ lệ đồng thuận cao nhất, cụ thể là:

Bảng 3.21: Ý kiến của các nhóm trình độ về thành lập các lưu trữ tư nhân

TT	Trình độ	Ý kiến (%)			
		Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý lắm	Hoàn toàn không đồng ý
1	Phổ thông	7.8	43.1	29.4	19.6
2	Cao đẳng - Đại học	16.9	53.2	22.4	7.6
3	Sau đại học	33.3	46.7	20	0

Giải thích lý do ủng hộ hoặc không ủng hộ thành lập lưu trữ tư nhân, người trả lời cung cấp nhiều thông tin làm rõ và bổ sung thêm những ý kiến trước đó:

LÝ DO ỦNG HỘ	LÝ DO KHÔNG ỦNG HỘ
<ul style="list-style-type: none"> - Tạo nhiều cơ hội tự do lựa chọn cho người dân; - Huy động được nguồn lực từ xã hội, không phụ thuộc vào sự đầu tư của Nhà nước; - Việc Nhà nước đầu tư xây dựng nhiều bảo tàng thời gian qua quá lãng phí và kém hiệu quả, không nên thực hiện như vậy với lưu trữ; - Tính minh bạch và rõ ràng của tư nhân tốt hơn; thủ tục hiến tặng, ký gửi, bán thuận tiện hơn; đáng tin cậy hơn; - Cho phép thành lập lưu trữ tư nhân góp phần làm giảm độc quyền Nhà nước; - Tạo sự đa dạng, có thể nâng cao vốn tài liệu; - Tài liệu lưu trữ nhân dân có phạm vi rất rộng, cơ quan Nhà nước không thể quản lý hết; - Thuận tiện khi muốn chia sẻ tài liệu cho người khác sử dụng; - Thuận tiện cho việc đi lại, sử dụng tài liệu; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tin tưởng vào uy tín của cơ quan lưu trữ nhà nước; - Lưu trữ là lĩnh vực phục vụ cộng đồng cần sự tham gia của nhà nước, người dân chưa hiểu về lưu trữ nên việc đầu tư khó thu hồi vốn hoặc sinh lời nên khả năng tham gia của tư nhân không cao; - Không tin tưởng về tính minh bạch và bảo vệ bản quyền của cơ quan tư nhân; - Sự quản lý của nhà nước với cơ quan tư nhân còn chưa tốt, nhà nước Việt Nam thiếu kinh nghiệm trong quản lý khu vực tư; - Chỉ cơ quan nhà nước có đủ khả năng bảo vệ bí mật quốc gia; - Cơ quan tư nhân khó đủ điều kiện cơ sở vật chất để bảo quản;

Kết quả khảo sát trên cho thấy giữa hiện trạng lưu giữ tài liệu và ý kiến của người dân với ý kiến của nhà quản lý đã gặp nhau ở một số điểm nhưng vẫn còn những bất đồng. Người dân và nhà quản lý đang đồng thuận về cơ bản đối với quyền sở hữu và nơi lưu giữ tài liệu tại tư gia. Trong đó người dân còn băn khoăn về khả năng hiến tặng, ký gửi, bán tài liệu thì nhà quản lý cũng nghi ngại về khả năng có thể bảo quản và tổ chức sử dụng hiệu quả vùng tài liệu rộng lớn như tài liệu của nhân dân. Cho nên, quan điểm hợp lý và được nhất trí chung ở cả hai phía là nên tạo điều kiện để người dân tự lưu giữ với sự hỗ trợ của cơ quan lưu trữ. Cả người dân và cán bộ quản lý đều cho rằng nhân dân thiếu thông tin, thiếu sự hiểu biết về giá trị của tài liệu. Nhưng người dân còn phàn nàn rằng họ thiếu cả thông tin về cơ chế, chính sách, pháp luật trong vấn đề này nhưng cán bộ quản lý lại không thừa nhận hoặc né tránh đề cập đến yếu tố trên. Người dân có rất nhiều yêu cầu khác nhau về lợi ích, về nhu cầu an toàn, về cam kết trách nhiệm của cơ quan lưu trữ cần được các các cơ quan có thẩm quyền lắng nghe. Và các cán bộ quản lý cũng nhận thức rõ ràng về điều này nên đã coi việc tổ chức hội nghị nghe ý kiến nhân dân là hành động cần thiết song thực tế triển khai đến mức nào vẫn là vấn đề chưa thể kiểm chứng.

Nếu người dân coi trọng nhất những tài liệu liên quan mật thiết đến lợi ích và cuộc sống hàng ngày như giấy tờ về nhân thân, giấy tờ về tài sản và thành quả lao động thì các cơ quan quản lý lại chú trọng tới những tài liệu có giá trị lịch sử, văn hóa, chính trị của quốc gia, dân tộc. *Điều này làm phát sinh mâu thuẫn về mục tiêu của nhân dân và của Nhà nước.* Song, mỗi phía đều có lý do chính đáng bởi người dân cần đảm bảo cuộc sống hàng ngày còn Nhà nước lại có chức năng quản lý xã hội với trách nhiệm lớn lao hơn trong bảo tồn văn hóa dân tộc. Từ mâu thuẫn này, người dân hướng tới ủng hộ mạnh mẽ cho các lưu trữ tư nhân để giúp quản lý tài liệu cho họ và vì họ nhưng nhà quản lý lại chưa ủng hộ hoàn toàn. Mâu thuẫn về mục tiêu và lợi ích giữa công dân và nhà nước đặt ra hàng loạt vấn đề cần giải quyết. Từ góc độ quản lý xã hội và vì lợi ích chung, nhà nước có quyền đòi hỏi công dân tôn trọng lợi ích dân tộc - quốc gia để chia sẻ quyền quản lý tài liệu với nhà nước. Ngược lại, được pháp luật bảo hộ các quyền và lợi ích chính đáng, người

dân cũng có quyền yêu cầu nhà nước thực thi các quyền của họ. Vì thế, một cơ chế thỏa thuận dựa trên các giao dịch dân sự song song với các biện pháp cưỡng chế có tính hành chính đối với những loại tài liệu đặc biệt sẽ phải được nghiên cứu và thiết lập nghiêm túc trong pháp luật và thực tiễn. Trong đó, những số liệu cho thấy nhu cầu về tiền bạc và danh vọng không được lựa chọn nhiều như nhu cầu chia sẻ của công dân cho thấy rằng họ sẵn sàng hợp tác với nhà nước nếu các cam kết trách nhiệm được đảm bảo.

Xét về phương diện phân tích chính sách, *Nhà nước đã đón nhận và có phản hồi tích cực với những nguyện vọng của nhân dân*. Kết quả khảo sát cho thấy một tổng quan về ý kiến của các đối tượng khác nhau trong việc xây dựng và thực thi chính sách. Tùy thuộc vào nghề nghiệp và trình độ, mỗi nhóm đối tượng lại phản ánh các nhu cầu về lợi ích khác nhau, song thống nhất chung ở một số lợi ích về sự tôn trọng, chia sẻ, bản quyền và an toàn. Trong đó những người trả lời thuộc nhóm trí thức như kỹ sư, giáo viên, nghệ sĩ, nhà quản lý có sự quan tâm nhiều hơn tới các vấn đề an toàn thông tin và bản quyền. Điều đó là mâu thuẫn hay thống nhất với mục tiêu và lợi ích của nhà nước trong việc quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân? Và lợi ích của nhà nước có nhất quán với lợi ích của quốc gia, dân tộc trong vấn đề này hay không? Những văn bản pháp lý về an toàn thông tin và sở hữu trí tuệ trong thời gian gần đây đã chứng tỏ được sự đối ứng của Nhà nước với các nhu cầu chính đáng của công dân. Văn bản hướng dẫn dưới luật của ngành lưu trữ về quản lý tài liệu lưu trữ cá nhân cũng thỏa mãn một phần nhu cầu đó. Song từ yếu tố này, với những trường hợp cụ thể, việc thỏa mãn giữa lợi ích quốc gia, dân tộc và lợi ích cá nhân của chủ sở hữu là vấn đề khá phức tạp. Các cơ quan xây dựng và thực thi chính sách sẽ phải tự lựa chọn, nhưng nguyên tắc "đôi bên cùng có lợi" nên được áp dụng khéo léo nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các bên.

Trong lúc người dân đang thiếu thiện cảm với các cơ quan văn hóa và chưa có thông tin đầy đủ về cơ quan lưu trữ thì khuynh hướng chông chéo, tranh chấp và bỏ ngỏ giữa các cơ quan văn hóa và cơ quan lưu trữ vẫn đang diễn ra trên thực tế và trong luật pháp. Những trao đổi trực tiếp với Lãnh đạo phòng Nghiệp vụ Trung ương thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước và một số lãnh đạo Chi cục địa

phương cho thấy họ vẫn đang mong chờ một cơ chế rành mạch giữa các cơ quan trong vấn đề này. Ý kiến đồng thuận của nhiều cán bộ làm công tác quản lý văn thư - lưu trữ từ trung ương tới địa phương trong việc xác định vị trí độc quyền của cơ quan lưu trữ trong sưu tầm, quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân khẳng định thái độ nhấn mạnh vào sự khu biệt hóa và thiếu hợp tác. Thái độ này là tích cực nếu các cơ quan lưu trữ và cán bộ lưu trữ đủ năng lực để quản lý vùng tài liệu đồ sộ của nhân dân Việt Nam cả trong nước và có thể từ nước ngoài. Song, dường như các nhà quản lý lại bỏ sót một chi tiết quan trọng là: bản thân chủ sở hữu tài liệu mới là người lựa chọn cơ quan và quyết định ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu cho cơ quan đó. Sự so sánh giữa lưu trữ với bảo tàng trong các câu trả lời của công dân cho thấy ấn tượng của họ đối với các cơ quan văn hóa rõ rệt hơn cơ quan lưu trữ. Điều này có nghĩa rằng: *nếu các cơ quan nhà nước ra sức nghiên cứu và ban hành các giải pháp để phân công, phân cấp rõ ràng về thẩm quyền quản lý tài liệu nhưng kết quả phân công, phân cấp đó không phù hợp với sự tín nhiệm của người dân thì nỗ lực này sẽ trở nên vô nghĩa*²². Những lựa chọn và câu trả lời bổ sung của người dân về việc thành lập lưu trữ tư nhân đã cung cấp thông tin về nhận định này. Bên cạnh sự ủng hộ nhiệt thành cho lưu trữ tư nhân, người dân cũng phần nào thể hiện mong muốn có nhiều cơ quan lưu trữ đa dạng để họ thuận tiện ký gửi, hiến tặng hoặc bán, tránh phiền hà về việc di chuyển và thủ tục. Trong khi đó, năng lực của các cơ quan lưu trữ trong việc đánh giá và quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân chưa được khẳng định rõ ràng. Điều đó dẫn đến một suy luận rằng, nếu chưa thể chấp nhận thành lập lưu trữ tư nhân thì việc đa dạng hóa các cơ quan nhà nước được phép tiếp nhận tài liệu từ nhân dân là một giải pháp có thể cân nhắc. Trong trường hợp đó, thay vì tìm cách để phân chia thẩm quyền, các cơ quan từ bảo tàng đến lưu trữ phải không ngừng tìm kiếm và thực hiện các biện pháp để khẳng định uy tín, đồng thời truyền thông đến người dân về những ưu thế đó nhằm sưu tầm được tài liệu có giá trị. Sự cạnh tranh này sẽ là một động lực để các cơ quan nâng cao chất lượng hoạt động và

²² Chia sẻ của một cán bộ thuộc Trung tâm Khoa học - Công nghệ Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước cho biết: đã có những trường hợp công dân đang sinh sống tại phía Nam muốn hiến tặng tài liệu cho cơ quan lưu trữ quốc gia có trụ sở ở phía Bắc nhưng do sự phân công về thẩm quyền thu thập, sưu tầm tài liệu nên nhiệm vụ tiếp nhận tài liệu lại thuộc về cơ quan lưu trữ phía Nam. Điều đó trái với nguyện vọng của chủ sở hữu nên tại thời điểm khảo sát, tình huống trên vẫn chưa được giải quyết.

góp phần thúc đẩy nhu cầu hợp tác để chia sẻ thông tin về tài liệu và huy động thêm nguồn lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đó là xu hướng nhiều quốc gia không thuộc nhóm phát triển hàng đầu như Canada và Australia đã và đang thực hiện trong những tình huống tương tự như Việt Nam. Trái với thái độ tranh chấp này, một số ý kiến của cán bộ quản lý ở những cơ quan lưu trữ địa phương khác lại chứng tỏ sự thờ ơ, bỏ mặc nhiệm vụ quản lý, sưu tầm tài liệu lưu trữ nhân dân cho các cơ quan văn hóa và hầu như không thực hiện giải pháp gì trong vấn đề này, đồng thời ủng hộ việc tự lưu giữ tài liệu của nhân dân. Bằng cách đó, họ đã phần nào thể hiện sự đồng thuận với khả năng tự thiết lập và quản lý tài liệu của thực tiễn, trong đó không loại trừ việc chấp nhận vai trò của các cơ quan khác tương tự về chức năng, bao gồm cả khu vực tư.

Cũng liên quan tới sự phân công và hợp tác làm việc, tham khảo ý kiến của một số cán bộ Trung tâm Khoa học - Công nghệ thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước và cán bộ Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III cho thấy chưa nhận được sự hợp tác cần thiết trong việc xây dựng tiêu chí lựa chọn tài liệu quý, hiếm. Cán bộ sưu tầm Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III thổ lộ rằng cơ quan đã tổ chức hội nghị, gặp mặt trao đổi ý kiến với các Hội nghề nghiệp về việc sưu tầm tài liệu cá nhân của các nhà văn, nhà khoa học,... nhưng các hội không thể hiện sự quan tâm. Lãnh đạo một Chi cục Văn thư - Lưu trữ tại một địa phương ở miền Trung lại chia sẻ về những khó khăn trong hợp tác với các cơ quan khác khi cơ chế phân công đơn vị chủ trì còn chưa rõ ràng. Nhưng kết quả khảo sát hiện trạng và lập danh mục tài liệu thân tích, thân sắc thuộc nhóm đồ gia bảo do các gia đình lưu giữ tại tỉnh Thừa Thiên - Huế trong khuôn khổ Đề án sưu tầm tài liệu quý, hiếm lại cho thấy một cách làm tiên tiến và tiệm cận với thế giới. Trả lời phỏng vấn ngày 08.01.2016, Chi cục Trưởng Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Thừa Thiên - Huế thổ lộ rằng anh phải thuê một đội ngũ chuyên gia mà Anh gọi là "cò lịch sử" để truy tìm và lập danh mục giúp. Theo cán bộ này, những người này làm công việc săn tìm tài liệu một cách chuyên nghiệp và chỉ họ có khả năng biết và tiếp cận được các gia đình có tài liệu, cán bộ lưu trữ phải thông qua và đi theo họ để được tiếp cận. Ngoài ra, thông tin không chính thức cũng cho biết Bảo tàng Văn học Việt Nam cũng thông qua đội ngũ này để sưu tầm

tài liệu giống như các nhà buôn thuê người săn cổ vật. Thực tế này là một bằng chứng cụ thể cho việc nhà quản lý và cơ quan quản lý tài liệu đã hợp tác và sử dụng hiệu quả đội ngũ các "giám tuyển" (curators) để tiếp cận chủ sở hữu và tiếp cận tài liệu. Vậy là, những phân hóa về câu trả lời giữa cán bộ quản lý, chuyên viên lưu trữ cùng những chi tiết cụ thể trên thể hiện sự lúng túng của các cơ quan lưu trữ. Bởi lẽ, *mặc dù có ý kiến đồng thuận cao về vai trò tự lưu giữ tài liệu của công dân và vai trò hỗ trợ của cơ quan lưu trữ nhưng hành động thực tế của những cơ quan này vẫn tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ sưu tầm hơn là hỗ trợ.*

Nhìn chung, tuy chưa cụ thể và chi tiết nhưng giữa công dân và các nhà quản lý lưu trữ đã cơ bản thống nhất những vấn đề về sở hữu, giá trị và thành phần của tài liệu lưu trữ nhân dân, quyền được bảo hộ sở hữu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân của công dân. Những nội dung còn chưa thống nhất là:

Nội dung	Cán bộ quản lý lưu trữ	Công dân
Lợi ích của việc sử dụng TLLT nhân dân	Quốc gia, dân tộc	Chủ sở hữu
Vai trò của cơ quan lưu trữ nhà nước	Quản lý tập trung TLLT, hỗ trợ công dân bảo quản TLLT	Hỗ trợ công dân bảo quản TLLT
Thẩm quyền quản lý TLLT nhân dân	Duy nhất cơ quan lưu trữ nhà nước và chủ sở hữu	Chủ sở hữu, cơ quan lưu trữ công và tư, các cơ quan có chức năng tương tự khác
Những TLLT cần quan tâm quản lý	TLLT có ý nghĩa với Quốc gia, Dân tộc Việt Nam	TLLT có ý nghĩa với cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng người
Nguyên nhân nhân dân chưa chia sẻ TLLT với cơ quan lưu trữ nhà nước	- Người dân chưa hiểu hết giá trị của tài liệu; - TLLT là sở hữu của công dân	- Người dân chưa hiểu hết giá trị của tài liệu; - Chưa hiểu rõ về trách nhiệm, thủ tục và việc thực thi cam kết, trách nhiệm của cơ quan lưu trữ nhà nước

Với những đồng thuận và khác biệt như vậy, vấn đề của những nhà hoạch định chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam cần xác định là *có cần thiết phải thực hiện các giải pháp để đáp ứng nguyện vọng của nhân dân nhằm quản lý được những tài liệu theo nhu cầu của Quốc gia - Dân tộc hay không, và nếu có thì sẽ phải đáp ứng đến mức độ nào và như thế nào.*

3.3. Quản lý tài liệu lưu trữ trong nhân dân và các cơ quan khác

3.3.1. Một số trường hợp của khu vực tư

3.3.1.1. Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam

Ngày 18. 6. 2008, Trung tâm Nghiên cứu, bảo tồn di sản tiền sử Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 25.04.000134 của UBND tỉnh Hòa Bình. Ngày 12.01.2011, Trung tâm Nghiên cứu, bảo tồn di sản tiền sử Việt Nam đổi tên thành Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam (CPD) theo Giấy phép của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. CPD là một doanh nghiệp tư nhân thuộc Công ty Công nghệ và Xét nghiệm y học MEDLATEC. Trung tâm tuyên bố chức năng là nghiên cứu, bảo tồn và lưu giữ những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể thông qua tư liệu, hiện vật cá nhân, hồi ức của các nhà khoa học Việt Nam; giới thiệu, trưng bày để tôn vinh đóng góp của các nhà khoa học Việt Nam; xây dựng cơ sở dữ liệu ký ức về các nhà khoa học Việt Nam. Hoạt động như một bảo tàng, một thư viện, kết hợp với các dịch vụ khoa học, văn hóa và du lịch, CPD có một Công viên Di sản các nhà khoa học Việt Nam rộng 20ha tại Hòa Bình và hệ thống kho lưu trữ, phòng trưng bày gần 700m². Hiện tại, CPD đang hoạt động phi lợi nhuận, còn Công viên Di sản vẫn đang được triển khai xây dựng song song với cung ứng dịch vụ về giống cây trồng, thiết kế và chăm sóc sân vườn, tiểu cảnh,... do MEDLATEC làm chủ đầu tư. Tính đến hết năm 2015, CPD đã sưu tầm được khoảng 300.000 tài liệu, hiện vật của gần 1000 nhà khoa học²³ với sản phẩm trưng bày chính là tài liệu của 30 bác sĩ, nhà khoa học đầu tiên tặng tài liệu cho CPD. Với tham vọng về một khu du lịch sinh thái kết hợp với mục đích giáo dục - văn hóa, về cơ bản, CPD có kế hoạch phát triển phù hợp với chiến lược phát triển bền vững Việt Nam, liên kết chặt chẽ giữa yếu tố thương mại với bảo vệ môi trường, giáo dục và phát triển văn hóa.

²³ Tính đến giữa năm 2016, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III mới chỉ sưu tầm được tài liệu của trên 100 cá nhân tiêu biểu gồm cả chính trị gia, nhà khoa học, văn nghệ sĩ.

Do đó, hoạt động của CPD sẽ dễ dàng nhận được thái độ đồng thuận, ủng hộ của dư luận, giới truyền thông cũng như cộng đồng các nhà khoa học trong và ngoài nước.

Nguồn lực tài chính, đội ngũ cộng tác viên đông đảo và hoạt động quảng bá thường xuyên là thế mạnh của CPD so với các lưu trữ nhà nước. Hiện nay, CPD có 12 nhân viên sưu tầm, 15 nhân viên kiểm kê có trình độ đại học trở lên và hàng chục cộng tác viên, sinh viên thực tập thường xuyên²⁴ chỉ thực hiện sưu tầm, lưu giữ tài liệu lưu trữ từ các cá nhân, gia đình. Qua trao đổi, tuy không chia sẻ cụ thể về kinh phí, lãnh đạo CPD cho biết ngoài quà tặng bằng tiền đối với chủ sở hữu hiến tặng tài liệu, CPD duy trì nhiều hình thức chăm sóc nhà khoa học thông qua những thẻ khám bệnh giảm giá hoặc miễn phí tại MEDLATEC, thăm hỏi thường xuyên nhân dịp cuối năm, ngày Tết, ngày 20.11, ngày sinh nhật, mừng thọ... Sự xuất hiện và phát biểu của lãnh đạo CPD tại các diễn đàn khác nhau như bài thuyết trình có tiêu đề "*Di sản văn hóa và thiên nhiên Việt Nam - nguồn tri thức vô tận để học tập suốt đời*" của PGS.TS. Nguyễn Văn Huy tại "Diễn đàn Việt Nam: Học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập" do Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, việc duy trì và cập nhật thông tin thường xuyên trên website của CPD hay những Lễ tiếp nhận tài liệu được tổ chức long trọng với sự tham gia của các cơ quan truyền thông,... là những hành động cụ thể để tuyên truyền và giới thiệu về uy tín CPD thay vì chỉ chú trọng tuyên truyền giá trị tài liệu như các cơ quan lưu trữ nhà nước khiến cho CPD tạo dựng được vị thế nhất định trong xã hội.

Một thế mạnh khác của CPD là việc phát triển tổ hợp lưu trữ - thư viện - bảo tàng - công viên cho phép sử dụng và hỗ trợ đa dạng các loại hình dịch vụ phục vụ cộng đồng, thúc đẩy nhu cầu và khả năng khai thác các giá trị của tài liệu lưu trữ. CPD không đưa ra các tiêu chuẩn lựa chọn tài liệu phức tạp và khắt khe như các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, không yêu cầu nghiêm ngặt về bản chính, bản gốc nên thuận tiện hơn cho việc tiếp cận và tiếp nhận tài liệu. Tính mở trong sưu tầm tài liệu như vậy vừa giúp CPD chuẩn bị được nguồn tư liệu phong phú bao gồm cả tài liệu và hiện vật cho nhiều hình thức phát huy giá trị tài liệu, vừa tránh "làm khó"

²⁴ Trong khi đội ngũ cán bộ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III chỉ có 2 người/5 viên chức thuộc Phòng Thu thập - Sưu tầm làm nhiệm vụ sưu tầm tài liệu.

cho người sưu tầm và chủ sở hữu khi tiến hành chuyển giao tài liệu²⁵. Kết quả vượt trội về sưu tầm tài liệu lưu trữ cá nhân của các nhà khoa học tại CPD là không thể phủ nhận, song dự án Công viên Di sản các nhà khoa học còn chưa hoàn thiện trong khi việc tiếp cận để xem xét quá trình bảo quản tài liệu ở CPD khá khó khăn nên thành tựu và đóng góp thực sự của CPD về phương diện bảo tồn và phát huy giá trị tài liệu sẽ còn phải khảo sát và đánh giá tiếp²⁶.

3.3.1.2. *Thế giới Phái và Nhà tưởng niệm Bùi Xuân Phái*

"Thế Giới Phái" tại Hà Nội và "Nhà tưởng niệm Bùi Xuân Phái" tại thành phố Hồ Chí Minh là một ví dụ khác về những ưu thế của cá nhân trong việc bảo tồn di sản của họa sĩ Bùi Xuân Phái. "Thế Giới Phái" là không gian trưng bày các tác phẩm của họa sĩ Bùi Xuân Phái tại số nhà 87 Phố Thuốc Bắc - nơi cố họa sĩ từng sống và làm việc đến lúc qua đời. "Thế Giới Phái" do con trai thứ và cũng là người quản lý nghệ thuật của họa sĩ Bùi Xuân Phái là họa sĩ Bùi Thanh Phương thiết lập từ năm 2008. Nhà tưởng niệm Bùi Xuân Phái do võ sư Trần Hậu Tuấn xây dựng tại tư gia để giới thiệu bộ sưu tập của võ sư đối với các tác phẩm, tài liệu, di vật của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Đây được coi là hai địa điểm lưu giữ và trưng bày tài liệu của Bùi Xuân Phái lớn nhất và đầy đủ nhất Việt Nam. Cùng với việc trưng bày, sự tham gia của Bùi Thanh Phương và Trần Hậu Tuấn trong việc đưa tranh của Bùi Xuân Phái đi triển lãm ở nhiều nơi, xuất bản những ghi chép của Bùi Xuân Phái, xây dựng cơ sở dữ liệu về Bùi Xuân Phái,... đã đem lại giá trị không nhỏ về phương diện phát huy giá trị tài liệu. Mặc dù không chính thức thừa nhận, nhưng trong cuộc trò chuyện với tác giả luận án tháng 10 năm 2012 tại Thế Giới Phái ở 87 Phố Thuốc Bắc - Hà Nội cũng như trong hồi ký "Bùi Xuân Phái trong mắt con trai", họa sĩ Bùi Thanh Phương đề lộ mục tiêu nâng giá bán tranh của Bùi Xuân Phái lên gấp 20 lần

²⁵ Điều này ngược lại với Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, kết quả trao đổi với viên chức sưu tầm chuyên trách của Trung tâm cho thấy việc quy định quá khắt khe về tài liệu bản chính, bản gốc khiến cho chủ sở hữu phải mất công chọn lựa trước khi bàn giao hoặc người sưu tầm gặp khó khăn nếu phải từ chối tài liệu là xuất bản phẩm hoặc không xác định được bản chính, bản gốc. Thực tế này ảnh hưởng đến năng suất sưu tầm. Đồng thời, yêu cầu sưu tầm tài liệu của cá nhân tiêu biểu trong khi chưa có tiêu chuẩn về cá nhân được sưu tầm tài liệu khiến cho yêu cầu trên chỉ tồn tại về danh nghĩa nhưng vẫn làm khó cho người thực hiện.

²⁶ Hiện nay, CPD là thành viên của Hội Di sản Việt Nam và có mối quan hệ tốt với nhiều cơ quan nghiên cứu, sưu tầm, phát huy giá trị di sản nên khả năng tiếp thu, sử dụng những mô hình hoạt động cộng đồng gắn với di sản như các chương trình tham quan, trải nghiệm cho những đối tượng khác nhau có thể được triển khai. Vì thế, tiềm năng đóng góp tích cực vào hoạt động phát huy giá trị di sản của CPD là tương lai có thể hi vọng.

so với thời điểm Bùi Xuân Phái mất. Và việc thực hiện trưng bày để giao dịch tranh tại Thế Giới Phái là một dấu hiệu khác thể hiện tính thương mại trong hoạt động bảo tồn di sản của gia đình cố họa sĩ. Tuy nhiên, sự thật cần phải thừa nhận rằng dù có tồn tại mục đích thương mại, nhưng những công trình tổ hợp gallery - nhà tưởng niệm như trên đã góp phần không nhỏ trong việc tôn vinh thành tựu của cá nhân nghệ sĩ thông qua việc sưu tầm, biên tập, bảo quản và trưng bày không chỉ tranh mà còn khoảng 30 tài liệu ghi chép bằng tay khác²⁷. Điều đáng đề cập ở trường hợp này là: Bùi Thanh Phương và Trần Hậu Tuấn đã thực hiện trọn vẹn hai nhiệm vụ chính của công tác lưu trữ bao gồm: bảo quản và tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả²⁸ không dựa vào bất kỳ sự trợ giúp của cơ quan lưu trữ hay bảo tồn di sản nào. Thành tựu đáng kể hơn so với các cơ quan nhà nước mà Bùi Thanh Phương đã chia sẻ là việc cập nhật được thông tin về hành trình và chủ sở hữu hiện thời của những bức tranh Bùi Xuân Phái ở nước ngoài.

3.3.1.3. Lưu giữ tài liệu gia bảo tại các gia đình tỉnh Thừa Thiên - Huế

Năm 2014 và 2015, trong khuôn khổ Đề án Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam, Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Thừa thiên - Huế được Cục Văn thư - Lưu trữ Việt Nam lựa chọn là một trong những địa phương thí điểm được nhà nước đầu tư kinh phí để tiến hành thống kê tài liệu lưu trữ quý, hiếm do các cá nhân, gia đình, dòng họ bảo quản, tập trung vào những tài liệu Hán - Nôm. Kết quả thống kê được 435 tài liệu được bảo quản tại các làng, phủ, tư gia, gồm các chiếu, đạo sắc phong, sổ địa bạ, văn tế, gia phả và thủy tổ tích sự, các văn bản về việc cấp bằng, đơn từ xin triều đình hoặc cấp trên ban hoặc cấp, khế văn, ... Trong đó có 5 chiếu của vua Tự Đức và vua Minh Mạng, 1 Hình bộ tiểu sách của Bộ Hình thời Nguyễn (chưa xác định rõ niên đại) đang bảo quản tại Bảo tàng Văn hóa Thừa Thiên - Huế, còn lại đều được lưu giữ tại tư gia trong tình trạng tương đối tốt (tình trạng vật lý trên 60%). Qua trao đổi, lãnh đạo Chi cục Văn thư - Lưu trữ

²⁷ Từ năm 1958 đến 1974, họa sĩ Bùi Xuân Phái ghi lại những suy nghĩ về nghệ thuật trên 5 cuốn sổ tay và 14 cuốn lịch tay. Từ năm 1974 đến khi mất (1988), Ông tiếp tục ghi trên 13 cuốn lịch tay và nhiều mẫu giấy, lẻ bức tranh, vỏ bao thuốc,... [19].

²⁸ Chúng tôi đánh giá tài liệu được khai thác, sử dụng có hiệu quả vì việc sưu tầm và công bố đó đã góp phần không nhỏ trong việc đạt được mục tiêu nâng giá tranh của Bùi Xuân Phái lên 20 lần, từ vài trăm USD/bức đến vài chục nghìn USD/bức ở thời điểm khảo sát.

tỉnh Thừa Thiên - Huế cho biết tuy đều được lưu giữ tại gia đình và do một cá nhân làm chủ sở hữu và quản lý, nhưng những tài liệu này đều được coi là đồ gia bảo của gia đình hoặc dòng họ, muốn được xem phải xin phép và có đồ lễ tới làm lễ, việc xem tài liệu cũng phải tiến hành nhanh chóng, không có thời gian để xem xét kỹ. Theo thống kê này, phần lớn tài liệu ở đây có tuổi đời trên dưới 100 năm nhưng vẫn được gia đình gìn giữ qua nhiều giai đoạn khốc liệt của lịch sử. Do đó, đây là một bằng chứng cho thấy rằng nhận thức về giá trị của tài liệu và ý thức lưu giữ tài liệu của nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế là rất tốt. Cùng với những công bố liên tục của các Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Bình Định, Anh Giang, Kiên Giang,... về tình hình lưu giữ tài liệu của các cộng đồng, gia đình, dòng họ tại địa phương, thực trạng lưu giữ tài liệu lưu trữ quý, hiếm tại Thừa Thiên - Huế là bằng chứng phản bác nhận định về ý kiến của một số cán bộ quản lý cho rằng khó khăn trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân là do nhận thức hạn chế của người dân về giá trị tài liệu²⁹. Hơn thế nữa, việc lưu giữ và sử dụng tài liệu là một phần trong truyền thống của gia đình, gia tộc và phải được thực hiện theo nghi lễ tâm linh cụ thể. Nói cách khác, tài liệu lưu trữ nhân dân tại đây gắn bó chặt chẽ với những hoạt động văn hóa cộng đồng và thiếu nó, một phần ý nghĩa tinh thần của tài liệu sẽ bị mất đi, kéo theo những ảnh hưởng tiêu cực về phương diện văn hóa có thể xuất hiện như việc giáo dục truyền thống gia đình, ý thức cộng đồng, dòng tộc sẽ bị thay đổi. Vì thế, muốn quản lý được tài liệu của những cộng đồng này, có lẽ các cơ quan lưu trữ cũng phải thực sự tham gia vào sinh hoạt văn hóa của cộng đồng.

Ba trường hợp tiêu biểu trên đây đại diện cho ba kiểu lưu trữ trong nhân dân gồm: cơ quan lưu trữ tư nhân, lưu trữ cá nhân và lưu trữ dòng họ. Khác với nhiều ví dụ do các nhà nghiên cứu trước đã công bố, ba trường hợp này phản ánh rõ vai trò tích cực và tính đặc thù của nhân dân trong việc lưu giữ tài liệu, đó là: hiểu biết sâu sắc về tài liệu và ý nghĩa của nó, nguồn lực đa dạng, hoạt động lưu trữ gắn với các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng và tiềm năng về giá trị thương mại trong tài liệu. Điều này đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách một cách tiếp cận

²⁹ Xem thêm kết quả lấy ý kiến ở mục 3.2.

khác về vai trò thực sự của nhân dân. Rõ ràng là, với ba trường hợp này thì yếu tố lịch sử - văn hóa và thương mại trong tài liệu lưu trữ đã được chú ý, dẫn tới hành vi lưu giữ và sử dụng tài liệu một cách có ý thức và chủ động của người dân với những hiệu quả đem lại rõ rệt cho cả chủ sở hữu và người sử dụng. Cho nên, *vấn đề cần cân nhắc là có nên thực hiện chia sẻ quyền quản lý và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân một cách hợp lý và nên xác định vai trò như thế nào của các cơ quan lưu trữ nhà nước trong những trường hợp này.*

3.3.2. Lưu giữ tài liệu tại các thư viện và bảo tàng công và tư

Từ nhu cầu sử dụng tài liệu lưu trữ cho chính cán bộ nghiên cứu, các thư viện của một số viện nghiên cứu đã kế thừa kho tư liệu Hán - Nôm được thu thập từ thời kỳ Pháp thuộc và tiếp tục mở rộng việc sưu tầm, bảo quản những tài liệu đó. Thư viện Quốc gia Việt Nam và một số thư viện địa phương, một số bảo tàng cũng bảo quản và phục vụ sử dụng những kho sách cổ và nhiều tài liệu của làng xã xưa, của một số dòng họ đã hình thành trước thế kỷ XX. Các thư viện này, chủ yếu là thư viện Viện Hán Nôm đã bảo tồn khá nguyên vẹn bản gốc và các bản sao tương đương khác những tài liệu của một số cơ quan chính quyền phong kiến như Quốc sử quán hay Nội các và các làng xã xưa. Riêng thần tích của các làng ở Hà Nội, Viện Hán Nôm đang lưu giữ 57 tập sách chép lại có đầy đủ chứng thực “sao y bản chính” của chính quyền địa phương thời kỳ văn bản được sao chép³⁰. Thư viện Quốc gia Việt Nam cũng bảo quản và đã số hóa 5200 bản sách chữ Nôm được tạo ra hoàn toàn thủ công bằng ghi chép trên giấy dó. Có thể coi các thư viện này là những kho lưu trữ được nhiều tài liệu cổ xưa nhất của Việt Nam bên cạnh Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. Các cơ quan đang bảo quản tài liệu Hán - Nôm hoặc bản sao, bản dịch từ Hán - Nôm có thể nêu ví dụ³¹ là:

³⁰ Về tài liệu đang lưu giữ tại Viện Hán - Nôm, bài viết của Viện trưởng Nguyễn Tuấn Cường trong hội thảo quốc tế “Các nguồn tài liệu về Việt Nam giai đoạn cận - hiện đại: Giá trị và khả năng tiếp cận” cung cấp thông tin đầy đủ và chi tiết hơn nhưng chưa được công bố thành ấn phẩm. Cho nên, để tiện cho việc trích dẫn, luận án sử dụng thông tin từ bài viết của PGS. TS. Nguyễn Thị Oanh đã công bố tại website của Viện <http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=2297&Catid=33>, truy cập ngày 17.5. 2018.

³¹ Tổng hợp thông tin từ các website giới thiệu tư liệu của các bảo tàng, thư viện và bài viết tham gia Hội thảo khoa học “Các nguồn tư liệu về Việt Nam: giá trị và khả năng tiếp cận” tổ chức năm 2016 tại Hà Nội.

Cơ quan	Tài liệu
Thư viện Viện nghiên cứu Hán - Nôm	Sách cổ, văn bản khắc, thác bản văn khắc, bản sao các bằng, sắc phong, thần tích, thần sắc
Trung tâm thông tin Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	Hương ước, thần tích, thần sắc
Thư viện Quốc gia Việt Nam	Sách cổ
Các bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thừa thiên - Huế, ...	Sách cổ, văn bia, thần tích, thần sắc
Thư viện Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Hà Nội, ...	Sách cổ
Thư viện Khoa học Tổng hợp tp. Hồ Chí Minh	Sách và các loại tài liệu khác đã được số hóa như thần tích, thần sắc, văn bia, câu đối, ...

Bên cạnh các thư viện này, thư viện của các viện nghiên cứu, trường đào tạo về văn hóa - nghệ thuật, tiêu biểu là thư viện Viện Văn hóa - Nghệ thuật Việt Nam đã xây dựng được cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam bao gồm: Đơn ca tài tử Nam bộ, Hát xoan Phú Thọ, Cồng chiêng Tây Nguyên, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Múa Mối của dân tộc Mường Yên Bái, Lễ Ma khô của dân tộc Hmông, ... Kho sách đàn nhạc của Thư viện Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam lưu giữ hầu hết các tổng phổ và phân phổ của đàn nhạc, các sáng tác của hầu hết các tác giả và các thời kỳ âm nhạc. Kho đĩa nhạc gồm hàng nghìn băng đĩa nhạc và đĩa hình được phân loại theo tác giả, thể loại, thời kỳ, hình thức biểu diễn, nhạc cụ, nghệ sĩ biểu diễn. Các chương trình biểu diễn tại Học viện cũng được ghi hình và lưu trữ làm tư liệu phục vụ giảng dạy học tập tại Học viện. Viện Âm nhạc có chức năng như một đơn vị lưu trữ thuộc Học viện Âm nhạc đã thu thanh và ghi hình được hơn 18.026 bài hát dân ca, 7.918 bài dân nhạc với sự góp mặt của hơn 2.000 nghệ nhân, trưng bày 150 loại nhạc cụ dân tộc, số hóa và khai trương Ngân hàng dữ liệu Âm nhạc dân gian và nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam năm 2004 để phục vụ độc giả.

Ngoài các thư viện và bảo tàng tỉnh - thành phố trực thuộc trung ương nói trên, Việt Nam còn gần 100 bảo tàng lớn nhỏ khác, trong đó có nhiều bảo tàng chuyên ngành mới thành lập như bảo tàng Báo chí, bảo tàng Văn học đã và đang xúc tiến sưu tầm, kêu gọi hiến tặng tài liệu để trưng bày, tập trung vào tiểu sử và hoạt động của các nhà khoa học và các nghệ sĩ. Hiện trạng “vỗ khùng, ruột rỗng”³² của nhiều bảo tàng mới xây dựng càng thúc đẩy nhu cầu sưu tầm của họ và gia tăng sự cạnh tranh với các cơ quan lưu trữ. Tuy mới thành lập từ năm 2011 nhưng quá trình thu thập tài liệu của Bảo tàng Văn học đã được thực hiện từ nhiều năm trước đó. Tính đến thời điểm khảo sát năm 2015, Bảo tàng Văn học đã sưu tầm và bảo quản được gần 40.000 tài liệu và hiện vật, gần 500 phim tư liệu ghi lại hình ảnh và lời nói của các nhà văn, nhà thơ Việt Nam. Tài liệu được bảo quản tại Bảo tàng Văn học gồm các phiên bản ấn phẩm văn học, một số tài liệu cá nhân như tập thư viết tay cho vợ của nhà văn Nguyễn Minh Châu và hiện vật cá nhân khác của giới văn sĩ Việt Nam. Trong đó có những tài liệu quý như bộ sách lá của người Thái, các phiên bản ấn phẩm Truyện Kiều, “Úc trai thi tập” của đại thi hào Nguyễn Du, các bản thảo viết tay của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Huy Cận, Xuân Diệu, Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu, Nguyễn Hồng, Tấn Đà, Hoài Thanh ... Những tài liệu, hiện vật này được sưu tầm bằng nhiều hình thức đa dạng như mua lại, vận động hiến tặng thông qua mối quan hệ của các cá nhân trong Hội Nhà văn và những cá nhân khác, thông qua việc tịch thu cổ vật định đưa ra nước ngoài của Hải quan Việt Nam³³. Mặc dù lãnh đạo Bảo tàng Văn học cho rằng số lượng nhân lực làm công tác sưu tầm của bảo tàng chỉ có 10 người là rất hạn hẹp và khó khăn nhưng số lượng này vẫn nhiều hơn 8 người so với bộ phận sưu tầm của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Đối với Bảo tàng Báo chí, sau sáu đợt phát động hiến tặng tài liệu, hiện vật, ngày 16.8. 2017, Bảo tàng này mới chính thức thành lập và ra mắt công chúng với nhiều tài liệu chữ viết của các nhà báo, một số bộ sưu tập báo thời kỳ 1945 - 1975 của cá nhân như hàng chục tờ báo Trường Sơn của cố nhà báo Lục Văn Thao, các tập lưu báo giấy xuất bản trước và trong thời kỳ đổi mới.

³² Từ dùng của các báo điện tử để mô tả những dự án xây dựng bảo tàng quy mô và tốn kém nhưng lại thiếu hiện vật, tài liệu để trưng bày và thiếu hoạt động hiệu quả. <http://vietnamnet.vn/vn/bat-dong-san/nglich-ly-bao-tang-o-viet-nam-boi-thuc-bao-tang-nhung-van-doi-hien-vat-253615.html>, truy cập tháng 4.2018.

³³ Thông tin khảo sát do nhóm sinh viên Bùi Thị Thu Thủy và Nguyễn Thị Kim Ngọc thực hiện tháng 2, 3 năm 2016 dưới sự hướng dẫn của Phạm Thị Diệu Linh.

Ngoài những thư viện và bảo tàng, ở Việt Nam còn xuất hiện hàng loạt các nhà tưởng niệm văn sĩ, nghệ sĩ, nhà khoa học có chức năng như một bảo tàng với việc lưu giữ nhiều tài liệu gốc và hiện vật gắn liền với cuộc sống và quá trình lao động, sáng tạo của chủ nhân. Ngoài Thế giới Phái như đã kể đến ở trên, các nhà tưởng niệm như Nhà tưởng niệm nhà văn Kim Lân trên phố Trần Khát Chân (Hà Nội), Nhà tưởng niệm nhà văn Tô Hoài, các nhà tưởng niệm nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ở thành phố Hồ Chí Minh, Nhà tưởng niệm nhà thơ Xuân Diệu ở Bình Định, Nhà tưởng niệm nhà sử học Nguyễn Văn Huyền ở Hà Nội, Nhà tưởng niệm nhà khoa học Lương Định Của tại Sóc Trăng, đặc biệt nhất là khu tưởng niệm soạn giả Cao Văn Lầu tại thành phố Bạc Liêu - tác giả của Dạ Cổ Hoài Lang đã được công nhận là di tích cấp quốc gia vào tháng 4.2014 để ghi nhận sự đóng góp của soạn giả với nghệ thuật cải lương và bảo tồn, phát huy giá trị của nghệ thuật cải lương tại Nam bộ.

3.3.3. Lưu trữ tài liệu của các tổ chức tôn giáo và của đồng bào dân tộc thiểu số

Đối với các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam, các thư viện tôn giáo lớn nhất là Thư viện Phật giáo và Thư viện Công giáo. Thư viện Phật giáo Việt Nam đặt tại Quận Phú Nhuận (thành phố Hồ Chí Minh) là một trong những thư viện Phật học lớn nhất Việt Nam. Ngoài thư viện này còn có các thư viện Phật giáo khác tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành cung cấp các xuất bản phẩm về Phật giáo và Phật học cho Phật tử, chúng sinh và các nhà nghiên cứu. Điều đáng nói là trong các thiền viện và một số địa chỉ Phật giáo lớn trên cả nước đều lưu giữ và bảo quản các ấn phẩm cổ là những kinh sách được in hoặc chép lại theo phương thức thủ công như tài liệu tại chùa Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà, tại các cơ sở Phật giáo Nam tông của đồng bào Khmer. Trong số đó, một số loại tài liệu vẫn tiếp tục được hình thành như kinh Phật trên lá buông vẫn được các đại sư tiếp tục ghi chép khiến cho hoạt động này trở thành một hành vi văn hóa cần được tiếp tục duy trì³⁴. Các tài liệu khác của tổ chức Phật giáo như sổ sách kế toán, tài liệu về tổ chức và nhân sự cũng như các hoạt động Giáo hội và Ban trị sự giáo hội qua các thời kỳ, Quy chế, Nội quy và các tài liệu khác về việc thực hiện Giáo luật,... chỉ lưu hành nội bộ và không được tiếp cận rộng rãi. Khác với Phật giáo, các nhà thờ Công giáo có vẻ thận trọng hơn trong việc truyền bá tài liệu về tôn giáo này. Khảo sát sơ bộ tại một số nhà thờ

³⁴ Xem thêm phân tích về đặc điểm lan truyền văn hóa của tài liệu lưu trữ nhân dân ở Chương 2.

thuộc địa phận Hải Phòng và Hà Nội cho thấy những học liệu nghiên cứu Công giáo được chia sẻ trực tuyến, trong đó địa chỉ của đơn vị quản lý thư viện thường không được công khai song nhiều tài liệu cổ đã được số hóa và cung cấp cho người dùng với các điều kiện về đăng ký tài khoản. Tương tự như tổ chức Phật giáo, tài liệu quan trọng của các tổ chức Thiên chúa giáo là các sổ sách và giấy chứng nhận để quản lý giáo dân của họ như Sổ Rửa Tội, Sổ Thêm Sức, Giấy chứng nhận đã qua lớp “Giáo lý Sống Đạo”, Chứng chỉ tốt nghiệp giáo lý Hôn Nhân và Dự Tòng, Sổ Hôn phối,... các tài liệu về tài sản của nhà thờ như bản đồ và giấy tờ về đất đai, sổ sách kế toán, tài liệu về công nhận và bổ nhiệm Cha xứ,... đều được quản lý nghiêm ngặt và hạn chế tiếp cận³⁵.

Đến nay tác giả luận án chưa tìm được báo cáo hay thông tin cụ thể nào về tình hình lưu giữ tài liệu của đồng bào các dân tộc thiểu số. Song như đã kể trên, các viện hoặc tổ chức nghiên cứu, bảo tàng, thư viện về văn hóa, dân tộc học, nhân học, thậm chí cả những cơ quan truyền thông như các đài truyền hình trung ương và địa phương đã chủ động tiến hành thu thập tài liệu, hiện vật thông qua nhiều hình thức phong phú gồm video, ghi chép, ghi hình, thậm chí mua lại những tài liệu cổ của các dân tộc này để phục vụ và chia sẻ với cộng đồng. Điều khác biệt của những tài liệu này là không quá chú trọng vào tài liệu giấy với yêu cầu cao về tính nguyên gốc mà thiên về hiệu quả thị giác thông qua các bộ phim tài liệu và bộ sưu tập ảnh. Đáng lưu ý trong số này là những phim tài liệu của Trung tâm Nghiên cứu Kiến thức bản địa và phát triển - CIRD³⁶, phim của Viện Văn hóa - Nghệ thuật, phim của Đài truyền hình Việt Nam,...

Nếu các thư viện có truyền thống lưu giữ được các bộ sưu tập sách cổ và thế mạnh trong ứng dụng tin học để phục vụ đa dạng nhu cầu người dùng thì các bảo tàng lại có ưu điểm trội hơn các cơ quan lưu trữ nhà nước về năng lực trưng bày, triển lãm, đội ngũ sưu tầm có chuyên môn sâu và mối quan hệ khăng khít theo từng ngành, chuyên ngành với các cá nhân tiêu biểu. Đó là chưa kể tới tính hướng đích của các thư viện, bảo tàng, nhà lưu niệm này khi họ hướng tới những nhóm đối

³⁵ Thông tin về tài liệu của các tổ chức tôn giáo được thu thập dưới sự giúp đỡ nhiệt tình của sinh viên Đỗ Thị Hà, Nguyễn Minh Hiếu, Nguyễn Thị Ngọc Trâm qua quá trình triển khai báo cáo khoa học sinh viên do Phạm Thị Diệu Linh hướng dẫn.

³⁶ Tham khảo thêm thông tin về CIRD qua website: <http://cird.org.vn/category/quan-tam/xa-hoi/>

tượng sử dụng khá cụ thể thông qua việc sưu tầm và phát huy giá trị theo các ngành, chuyên ngành sâu, tương tác trực tiếp và thường xuyên với những độc giả chính là nhà nghiên cứu và học viên, sinh viên. Với những lợi thế đó, những cơ quan này đã và đang tiếp tục là cơ quan có lợi thế trong việc sưu tầm và phát huy giá trị đối với những tài liệu mà Đề án sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm chú trọng giai đoạn 2012 - 2015. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả của Đề án ở giai đoạn này không được như mục tiêu ban đầu. Bên cạnh đó, các cá nhân, gia đình, tổ chức tư vẫn tiếp tục gìn giữ và sử dụng tốt những tài liệu mà họ cho là quý giá theo nhu cầu và kinh nghiệm mà chưa cần và chưa từng có sự tham gia hay hỗ trợ của các lưu trữ nhà nước hay cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ. Xét từ góc độ lưu trữ học, thực tế trên phản ánh sự hình thành và hoạt động tích cực của các lưu trữ cộng đồng³⁷ tại Việt Nam phù hợp với xu thế tất yếu chung của nhiều quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Canada, Australia. Trước xu thế đó, sự can thiệp thiếu cân nhắc bằng công cụ chính sách, pháp luật và cả những hành động thực tiễn của các cơ quan lưu trữ nhà nước đã khiến các cơ quan lưu trữ này từng bước đi lại vết xe đổ³⁸ của những quốc gia trên khi nỗ lực dùng khái niệm “ý nghĩa quốc gia” để sưu tầm tài liệu lưu trữ từ khu vực tư. Hậu quả của sự can thiệp này là những tài liệu được thu thập không có giá trị cao và ít có khả năng làm giàu thêm kho tư liệu vốn có của các lưu trữ nhà nước, tốn kém chi phí khảo sát, sao chụp, mua lại hoặc chăm sóc cho các chủ sở hữu, gây ra những tranh luận và tranh chấp không cần thiết với các cơ quan tương đồng chức năng khác³⁹.

Tuy nhiên, quá trình khảo sát điền dã và tham khảo kinh nghiệm nước ngoài cũng cho thấy nguy cơ của việc giao phó hoàn toàn nhiệm vụ bảo tồn tài liệu lưu trữ nhân dân cho khu vực tư có thể dẫn đến nhiều hệ lụy lâu dài. Mặc dù nguồn lực xã hội hóa chung của toàn dân có thể lớn hơn nhiều lần so với nguồn lực do nhà nước đầu tư, nhưng nguồn lực của mỗi cá nhân, tổ chức tư lại có hạn. Vì thế, trong trường hợp cá nhân, tổ chức tư gặp khó khăn về nguồn lực thì việc đầu tư cho bảo tồn di sản cũng sẽ hạn chế, thậm chí nguy cơ thất tán tài liệu càng cao hơn. Chẳng hạn, khi

³⁷ Xem giải thích về “lưu trữ cộng đồng” tại mục 1.1 của Tổng quan nghiên cứu.

³⁸ Xem lại phần giới thiệu của Myron Momrik và các học giả Australia ở Tổng quan nghiên cứu.

³⁹ Những hạn chế này của Đề án sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm đã được các cán bộ phụ trách Đề án tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước xác nhận.

các doanh nghiệp bảo trợ cho Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam cắt giảm ngân sách thì việc bảo tồn tài liệu của các nhà khoa học có nguy cơ bị hạn chế lớn. Cùng với đó, việc lưu giữ tài liệu tại gia đình, dòng họ có thể được thực hiện tốt trong một số thể hệ nhưng khả năng duy trì và phát huy giá trị tài liệu trong các thế hệ tiếp sau đó có thể bị mai một do những thay đổi về nhận thức và nhu cầu của chủ sở hữu. Trường hợp di sản của họa sĩ Bùi Xuân Phái là một ví dụ. Mặc dù gia đình của Bùi Xuân Phái đã có đóng góp lớn trong việc giới thiệu, gìn giữ nhiều tác phẩm và di sản của cố họa sĩ nhưng nhiều tác phẩm đang do gia đình quản lý là được ký gửi và đã bị chuyển đổi sở hữu từ lâu. Tình trạng tương tự cũng xảy ra với nhiều tài liệu của các nghệ sĩ khác khi tài liệu bị thất tán ngay khi được giao lại cho thế hệ kế tiếp. Với đồng bào dân tộc thiểu số, sự mai một về văn hóa truyền thống trong đó có ngôn ngữ và các yếu tố bản sắc khác [31] đã dẫn tới sự hủy hoại tài liệu lưu trữ truyền thống. Các bộ sách lá của đồng bào Thái ở Nghệ An do gia đình ông Vi Thanh Tuấn đã bị chuyển đổi sở hữu và chỉ còn lại một bộ trong gia đình do những thế hệ kế cận không đọc được chữ Thái cổ nên không hiểu hết giá trị của tài liệu. Sự thật đáng tiếc là với những trường hợp này, tài liệu có giá trị càng lớn thì khả năng bị thất tán càng cao.

Tiểu kết Chương 3

Chương 3 đã chỉ ra những nguy cơ dẫn đến quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân kém hiệu quả do những bất cập về chính sách và pháp luật hiện hành đối với tài liệu này, những bất đồng và khác biệt giữa mong muốn của chủ sở hữu tài liệu với mục tiêu của cơ quan lưu trữ nhà nước cùng với xu thế tất yếu của lưu trữ cộng đồng đã và đang tiếp tục hình thành ở Việt Nam. Ý kiến của các chuyên gia trong các hội thảo, diễn đàn khoa học, của công dân và của nhà quản lý khẳng định việc quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân là cần thiết nhưng do tính chất phức tạp của tài liệu và sự tham gia đa dạng của các cơ quan khác nhau vào quá trình sưu tầm, lưu giữ, phát huy giá trị tài liệu cùng với vai trò quyết định quan trọng của chủ sở hữu đã được pháp luật thừa nhận đòi hỏi phải sử dụng công cụ chính sách hiệu quả để giải quyết vấn đề này. Nhưng *quản lý như thế nào và vai trò của Nhà nước và các bên liên quan khác, bao gồm cả cơ quan tham mưu, hoạch định chính sách, cơ quan lưu trữ,*

cơ quan văn hóa và công dân sẽ ra sao là vấn đề chính sách cần giải quyết. Việc nhà nước cùng lúc công bố nhiều chính sách đa dạng về tài liệu lưu trữ nhân dân và tập trung vào những tài liệu có ý nghĩa đối với Quốc gia - Dân tộc đang là một định hướng hợp lý vì bản thân người dân cũng thừa nhận sự thiếu kinh nghiệm trong quản lý khu vực tư ở Việt Nam có thể dẫn tới nhiều hệ lụy tiêu cực và Nhà nước nên thực hiện trách nhiệm gìn giữ và phát huy giá trị với những di sản của Quốc gia. Song, khi thực hiện trách nhiệm này, những xung đột lợi ích giữa Nhà nước và chủ sở hữu, giữa các cơ quan quản lý khác nhau nhưng cùng mối quan tâm về một loại di sản, giữa định hướng và mục tiêu của chính sách lưu trữ với các mục tiêu phát triển khác của Quốc gia trong bối cảnh nguồn lực còn hạn hẹp là những thách thức lớn nhất đối với các nhà hoạch định và thực thi chính sách để quyết định nên duy trì hay thay đổi. *Duy trì hay thay đổi thể hiện hai thái độ khác nhau của các cơ quan quản lý.* Nếu duy trì chính sách hiện thời tức là chấp nhận vai trò của tất cả cơ quan lưu trữ và văn hóa cũng như người dân trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân nhưng tăng cường hoạt động của các cơ quan lưu trữ Nhà nước trong việc sưu tầm, bảo quản tài liệu lưu trữ có ý nghĩa Quốc gia - Dân tộc, hạn chế được sự đầu tư dàn trải mà vẫn đảm bảo thực hiện chức năng cơ bản của các lưu trữ nhà nước. Điều đó cũng có nghĩa các cơ quan lưu trữ nhà nước chấp nhận những rủi ro đem lại khi bỏ ngỏ vai trò điều phối quốc gia đối với toàn bộ tài liệu lưu trữ và dữ liệu về tài liệu lưu trữ, không thể hiện được vai trò chuyên môn trong tham gia quản lý, hỗ trợ cho hoạt động của cơ quan văn hóa và công dân khi họ lưu giữ và sử dụng tài liệu lưu trữ, chấp nhận kìm hãm chính sách xã hội hóa hoạt động lưu trữ trong các dịch vụ chính lý, bảo quản tài liệu thay vì phát huy tối đa nguồn lực và sức sáng tạo của cả nhân dân và các lưu trữ nhà nước trong việc tạo ra các sản phẩm, dịch vụ đa dạng hơn. Thay đổi chính sách hiện thời thì các nhà quản lý phải hoạch định lại mục tiêu và giải pháp tổng thể, xác định lại vị trí, vai trò của các bên liên quan bao gồm cả cơ quan lưu trữ, cơ quan văn hóa và công dân, xây dựng nhiều hơn các giải pháp cụ thể và khả thi thay vì chú trọng quá nhiều vào ban hành văn bản pháp luật và xây dựng cơ cấu bộ máy. Hai thái độ ứng xử như trên là cơ sở để xây dựng các phương án chính sách ở chương sau.

CHƯƠNG 4. CẤU TRÚC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

4.1. Môi trường chính sách

4.1.1. Định hướng phát triển của Việt Nam về lĩnh vực văn hóa, giáo dục

Vì mục tiêu phát triển bền vững, chủ trương chung của Đảng và Nhà nước đều hướng đến một môi trường bình đẳng, minh bạch, đa dạng, đầy đủ trong đó có chú trọng tới văn hóa - giáo dục, cụ thể là:

Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ XI đã tuyên bố chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Lấy quan điểm phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt, chiến lược do Đại hội XI xây dựng xác định: "*tăng trưởng kinh tế phải kết hợp với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân*" [79]. Nhằm phát triển lực lượng sản xuất, chiến lược do Đảng cộng sản Việt Nam xây dựng cho rằng: cần "*tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và minh bạch. Phát triển đồng bộ, hoàn chỉnh và ngày càng hiện đại các loại thị trường. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý và phân phối, đảm bảo công bằng lợi ích, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội*" [79]. Và, "*phát triển mạnh dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm và an sinh xã hội*" [79]. Quan điểm chỉ đạo này có thể coi là định hướng mở đường cho việc đa dạng hóa các loại hình dịch vụ lưu trữ, bao gồm cả dịch vụ thông tin, dịch vụ giáo dục và đào tạo, dịch vụ văn hóa, đa dạng hóa các loại hình cơ quan lưu trữ để phù hợp với thị trường và tạo ra sự cạnh tranh với các cơ quan lưu trữ hiện có ở Việt Nam. Định hướng này phù hợp với đòi hỏi khách quan về chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân, trong đó tăng cường khả năng đa dạng hóa, tăng tính minh bạch và bình đẳng là yếu tố then chốt.

Từ chủ trương của Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 12.4.2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 432/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (gọi tắt là Quyết định 432). Trong số những quan điểm, mục tiêu và định hướng ưu tiên, Quyết định 432 chỉ rõ: "*Tạo lập điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để*

phát triển, được tiếp cận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau". Một lần nữa, quan điểm bình đẳng được nhấn mạnh là phương châm để phát triển bền vững, trong đó cần huy động nguồn lực và sự tham gia của nhiều phía để cùng đóng góp và cùng hưởng lợi. Tài liệu lưu trữ nói chung, tài liệu lưu trữ nói riêng là một nguồn lực thông tin có giá trị và tiềm năng to lớn, là một nguồn quan trọng góp phần kiến tạo tri thức dân tộc và nhân loại. Cho nên, việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội tham gia vào hoạt động lưu trữ và phát huy giá trị tài liệu là một hình thức để "tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho thế hệ mai sau".

Báo cáo tổng quan Việt Nam 2035 do các chuyên gia và nhóm nghiên cứu thực hiện dưới sự bảo trợ của Ngân hàng thế giới và Bộ Kế hoạch - Đầu tư chỉ ra rằng dân số Việt Nam sẽ có nhiều biến động. Với tốc độ đô thị hóa và tốc độ già hóa dân số cao, đến năm 2035, hơn nửa dân số Việt Nam sẽ thuộc nhóm trung lưu (Ngân hàng Thế Giới 2016, XXX). Báo cáo phát triển Việt Nam 2014 do Ngân hàng thế giới thực hiện cũng cung cấp những số liệu cho thấy rõ những thay đổi đáng kể trong cơ cấu lao động của Việt Nam, dẫn đến nhu cầu thúc đẩy chính sách giáo dục với việc tăng cường đào tạo ba loại kỹ năng cơ bản: kỹ năng nhận thức, hành vi và kỹ thuật [82]. Điều đó dẫn đến các chương trình nghị sự cụ thể của chính phủ hướng đến đáp ứng nhu cầu giáo dục hiện đại hơn, việc làm và an sinh xã hội. Sự thay đổi cơ cấu dân số này sẽ đồng nghĩa với những thay đổi về dân trí, nhận thức của người dân về quyền và lợi ích cũng như nhu cầu của họ xung quanh đời sống cá nhân, gia đình, dòng họ. Trong bối cảnh như vậy, việc xác định rõ đóng góp của ngành lưu trữ đối với chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam có ý nghĩa quan trọng, và khu vực tư hay công có trách nhiệm hay khả năng đáp ứng các yêu cầu này thông qua các dịch vụ lưu trữ là vấn đề cần xác định rõ trong chính sách lâu dài. Trong khi đó, *"tình trạng thương mại hóa xảy ra do Nhà nước tham gia quá nhiều vào hoạt động kinh tế trực tiếp"...* "và gián tiếp thông qua sự gắn kết chặt chẽ với một nhóm đặc quyền trong khu vực tư nhân trong nước" đã dẫn đến sự bế tắc trong hoạch định và thực thi chính sách [82]. Vì vậy, áp dụng nguyên tắc thị trường trong

hoạch định chính sách là cần thiết. Theo đặc trưng của nguyên tắc thị trường, các cơ quan và cá nhân tham gia hoạch định chính sách sẽ không được tham gia vào bất kỳ loại hình dịch vụ lưu trữ nào để tránh xung đột lợi ích. Vai trò của cơ quan quản lý nhà nước là xây dựng khung pháp lý, tạo sân chơi bình đẳng và công bằng, đảm bảo an toàn và minh bạch về sở hữu tài sản, trong đó có sở hữu tài liệu lưu trữ...

Hội nhập và hợp tác đa dạng, vượt qua khỏi phạm vi các nước láng giềng là khuynh hướng tất yếu của Việt Nam do sự trỗi dậy của nhiều nền kinh tế và những bất ổn về chính trị của khu vực và thế giới [82]. Trong khi đó, xu thế lớn về công nghệ và các mô hình kinh doanh mới, internet đã phá bỏ phương thức sản xuất tập trung và chia sẻ chi phí vừa tạo ra cơ hội tốt nhưng cũng đặt ra thách thức cho quản lý. Điều đó khiến cho việc hoạch định chính sách không chỉ dựa vào thực tiễn trong nước và việc học hỏi từ những quốc gia đã từng có ảnh hưởng tới Việt Nam trên nhiều phương diện trong thời gian dài, cả về lý luận, thực tiễn lưu trữ và quản lý nhà nước, mà phải mở rộng tìm kiếm kinh nghiệm từ các quốc gia có truyền thống quản lý tài liệu của khu vực tư và sử dụng hiệu quả phương tiện công nghệ để chia sẻ thông tin và chia sẻ nguồn lực.

** Những ưu đãi về chính sách thuế đối với văn hóa, giáo dục:*

Để khuyến khích khu vực tư tham gia tích cực và thúc đẩy phát triển trong các lĩnh vực mũi nhọn hoặc phục vụ lợi ích cộng đồng, thực hiện bình đẳng xã hội mà trước đây thường chỉ thực hiện dưới sự đầu tư và kiểm soát của nhà nước, bao gồm cả lĩnh vực văn hóa, Nhà nước Việt Nam đã và đang sử dụng công cụ hữu hiệu là chính sách thuế ưu đãi đối với các doanh nghiệp. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2015 quy định cụ thể như sau:

Nhà nước miễn thuế với thu nhập từ các khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho các hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và các hoạt động xã hội khác tại Việt Nam (Điều 4 Khoản 7); phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác để lại đầu tư phát triển cho cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành về giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác (Điều 4 Khoản 10). Điều 13 Khoản 2 Điểm a cho phép doanh nghiệp hưởng ưu đãi thuế

suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường. Điều 14 Khoản 1 quy định cho các doanh nghiệp ở Điều 13 Khoản 2 Điểm a được miễn thuế tối đa không quá 5 năm và giảm 50% số thuế phải nộp không quá 9 năm tiếp theo. Ngoài ra, những doanh nghiệp sử dụng lao động nữ, lao động là người khuyết tật hoặc là đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng tiếp các ưu đãi thuế khác.

Những ưu đãi thuế của Nhà nước như trên đã tạo môi trường có thêm thuận lợi cho các doanh nghiệp và các hình thức xã hội hóa hoạt động lưu trữ. Đây là một điều kiện để xem xét việc tạo cơ chế cho phép khu vực tư tham gia hoạt động lưu trữ và khu vực công thực hiện dịch vụ lưu trữ cho nhân dân, giúp tăng nguồn lực và giảm chi phí cho Nhà nước.

4.1.2. Định hướng phát triển ngành lưu trữ

Ban hành sau Quyết định 432 của Thủ tướng Chính phủ 2 tháng, Quyết định 579/QĐ-BNV phê duyệt quy hoạch ngành Văn thư - Lưu trữ đến năm 2020, tầm nhìn 2030 vẫn căn cứ trên quy hoạch tổng thể của Chính phủ đã lập từ năm 2006. Mục tiêu tổng quát của chiến lược là:

- Quản lý thống nhất công tác văn thư, lưu trữ trên phạm vi cả nước; bảo vệ, bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Định hướng phát triển là góp phần cung cấp thông tin làm căn cứ để các cơ quan nhà nước xây dựng kế hoạch, cân đối, phân bổ các nguồn lực cho quá trình đầu tư phát triển đất nước;

- Tạo cơ sở pháp lý hoàn chỉnh, đầy đủ làm cơ sở cho quản lý nhà nước về công tác văn thư - lưu trữ

Với những ba mục tiêu tổng quát và năm mục tiêu cụ thể, Quyết định 432 đã định hướng rõ kết quả hoạt động của ngành lưu trữ đến 2020, tầm nhìn 2030 là hệ thống văn bản pháp luật của ngành và chất lượng phục vụ thông tin cho xây dựng các chương trình, mục tiêu phát triển của nhà nước. Mục tiêu xuyên suốt của công tác lưu trữ vẫn tiếp tục được đề xuất trong chiến lược nhưng thay thế nguyên tắc “quản lý tập trung, thống nhất” thành “quản lý thống nhất”. Đó là một tín hiệu cho

thấy các cơ quan hoạch định chiến lược ngành đã chuyển vai trò độc quyền⁴⁰ trong bảo quản tài liệu lưu trữ sang định hướng về nguyên tắc, tiêu chuẩn, chế độ nghiệp vụ và chia sẻ vai trò bảo quản tài liệu cho các chủ thể khác. Tuy nhiên, do hai mục tiêu còn lại vẫn tập trung vào vai trò phục vụ nhà nước và tự hoàn thiện của ngành lưu trữ nên các vấn đề khác liên quan đến tài liệu lưu trữ nhân dân như các chỉ tiêu chưa được xây dựng. Trong các nội dung công việc cần thực hiện, Quyết định 432 đã chú ý tới việc tìm kiếm và phân bổ nguồn lực cho nhiệm vụ sưu tầm tài liệu lưu trữ quý hiếm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tạo điều kiện sưu tầm tài liệu lưu trữ về Việt Nam và liên quan đến Việt Nam đang bảo quản ở nước ngoài; tạo khung pháp lý cơ bản để thúc đẩy phát triển các dịch vụ lưu trữ đa dạng.

Trên cơ sở mục tiêu và nội dung công tác nói trên, Quyết định 432 dự kiến xây dựng và ban hành khung pháp lý liên quan đến quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân gồm:

- Thông tư của Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn tài liệu lưu trữ quý hiếm, đặc biệt quý hiếm; về Hội đồng thẩm định giá trị tài liệu và Hội đồng thẩm định giá tài liệu lưu trữ quý hiếm;

- Thông tư của Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn và thủ tục đăng ký bảo hội đối với tài liệu lưu trữ cá nhân;

- Các thông tư liên tịch với các cơ quan liên quan về đăng ký tài liệu lưu trữ là di sản tư liệu quốc gia, thế giới.

Nói cách khác, chiến lược ngành Lưu trữ đến 2020, tầm nhìn 2030 vẫn tập trung vào tài liệu lưu trữ quý hiếm nhưng đã xem xét tiếp cận quản lý tài liệu lưu trữ theo hướng di sản và bắt đầu chuyển từ sự can thiệp của nhà nước đến quyền sở hữu tài liệu lưu trữ của công dân sang thực hiện cơ chế chuyển đổi sở hữu đa dạng song song với thừa nhận sự phong phú về cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý tài liệu. Định hướng này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của cả cơ quan lưu trữ nhà nước và công dân đối với tài liệu lưu trữ nhân dân.

⁴⁰ Từ dùng trong đề tài nghiên cứu cấp cơ sở “Quan điểm quản lý nhà nước công tác lưu trữ giai đoạn 1986 - 2012” do Phạm Thị Diệu Linh là chủ trì đề tài. Trong đề tài này, các phân tích diễn ngôn trên văn bản quản lý nhà nước về công tác lưu trữ trong giai đoạn trên phản ánh tính chất độc quyền, muốn bảo quản mọi nguồn và mọi loại tài liệu lưu trữ thông qua nguyên tắc “tập trung, thống nhất” trong thời kỳ trước khi Luật Lưu trữ được ban hành. Luật Lưu trữ với sự công nhận quyền sở hữu đối với tài liệu lưu trữ đã phá vỡ nguyên tắc trên.

4.2. Paradigm của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam

Như đã trình bày ở Chương 1, các học giả Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn quan tâm đến tính tư tưởng của chính sách như là lý do tồn tại và ý nghĩa của chính sách ấy đối với quốc gia, dân tộc, những nguyên tắc cơ bản của chính sách hơn là chỉ chú trọng tới giải quyết trực tiếp vấn đề chính sách. Paradigm của chính sách do GS. Vũ Cao Đàm đưa ra gồm 4 nội dung chính có tính khái quát cao song có khả năng áp dụng linh hoạt trong các trường hợp cụ thể. Với chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam, việc giải nghĩa các tầng của paradigm sẽ tiếp cận theo cách sau:

a) Triết lý của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân:

Triết lý này là mục tiêu tối thượng và là lý do tồn tại của chính sách. Đó là: tài liệu lưu trữ nhân dân cần được quản lý nhằm bảo quản an toàn và phát huy giá trị có hiệu quả ở mức độ cao nhất, trong đó đảm bảo hài hòa lợi ích của Quốc gia - Dân tộc và lợi ích của công dân, các cộng đồng người. Triết lý này kế thừa mục đích chung của công tác lưu trữ Việt Nam đã được các học giả và nhà quản lý đồng thuận hơn 50 năm⁴¹ qua, đồng thời tiếp thu và phát triển các giá trị mới của thời đại, bao gồm tinh thần tự tôn dân tộc và dân chủ, các vấn đề về an ninh - chủ quyền quốc gia, vấn đề bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

b) Hệ quan điểm của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân:

Chính sách cần thể hiện rõ thái độ ủng hộ hoặc không ủng hộ của Nhà nước về những vấn đề cơ bản trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân theo mục tiêu khái quát ở trên, cụ thể là:

- Nhà nước công nhận sự đa dạng về sở hữu của tài liệu lưu trữ nhân dân. Việc giải quyết những vấn đề về quyền sở hữu phải được thực hiện theo pháp luật hiện hành về tài sản và các quyền liên quan đến tài sản.

- Nhà nước ủng hộ sự tham gia tích cực của nhân dân vào sự nghiệp gìn giữ, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân, trong đó chính sách lưu trữ cần thể hiện rõ

⁴¹ 50 năm là thời gian nghiên cứu và đào tạo lưu trữ học ở Việt Nam, cũng là thời gian hoạt động thực tiễn của công tác lưu trữ có sự hỗ trợ của khoa học lưu trữ. Lịch sử ngành lưu trữ Việt Nam với tư cách là một ngành thực tiễn dài hơn thời gian này.

sự liên quan và hợp tác chặt chẽ với các loại hình cơ quan lưu trữ khác ngoài lưu trữ nhà nước.

- Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi hủy hoại tài liệu lưu trữ, nghiêm cấm những hành vi sử dụng tài liệu và thông tin trong tài liệu để gây hại đến Quốc gia - Dân tộc Việt Nam và những công dân Việt Nam. Những hành vi gây hại cần được xác định rõ phải được xử lý bằng các chế tài phù hợp.

c) Hệ chuẩn mực của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân:

Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam cần xác định những nguyên tắc ứng xử cơ bản sau đây đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức:

- Mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan đều có nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ an toàn và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân. Sự phân công trách nhiệm này sẽ được trình bày rõ hơn trong các phương án chính sách.

- Các cơ quan lưu trữ nhà nước, các cơ quan có chức năng tương đương khác công cũng như tư và các chủ sở hữu tài liệu bình đẳng trước pháp luật về quyền sở hữu và các quyền liên quan đối với tài liệu lưu trữ nhân dân. Trong những trường hợp cần thiết và với những tài liệu cụ thể, việc áp đặt biện pháp quản lý của cơ quan quản lý nhà nước đối với chủ sở hữu để bảo vệ tài liệu lưu trữ nhân dân, an ninh quốc gia và an toàn thông tin cá nhân phải được tuyên bố rõ ràng thành nguyên tắc ứng xử chung, tiêu chuẩn xác định giá trị, cách thức can thiệp, quyền, lợi ích và trách nhiệm của chủ sở hữu trước khi áp dụng biện pháp đó,...

d) Hệ khái niệm của chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân: Hệ khái niệm bao gồm những thuật ngữ, khái niệm cơ bản cần được đề cập và giải thích trong các văn bản chính sách sẽ được giải thích cụ thể theo phương án chính sách.

4.3. Phương án chính sách thứ nhất: Lưu trữ Nhà nước và Lưu trữ cộng đồng

Phương án này xác định vai trò bình đẳng giữa các cơ quan lưu trữ nhà nước, các cơ quan văn hóa gồm thư viện và bảo tàng nhà nước, các lưu trữ hoặc thư viện, bảo tàng tư nhân trong sưu tầm, quản lý và phục vụ sử dụng tài liệu lưu trữ. Để tránh sự chồng chéo và bất hợp tác không cần thiết giữa các cơ quan này, chuyên môn hóa chức năng, đối tượng quản lý và đồng bộ hóa văn bản chính sách là giải pháp căn bản.

4.3.1. Mục tiêu của chính sách

Mục tiêu của phương án chính sách này là xác định lại vai trò của các cơ quan khác nhau và vai trò của cả chủ sở hữu trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân. Trong đó, quyền sưu tầm và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân thuộc về chính nhân dân, các cơ quan, tổ chức do họ lựa chọn bao gồm cả cơ quan văn hóa, cơ quan lưu trữ và thuộc về các cơ quan, tổ chức khác cùng chức năng với cơ quan lưu trữ cả công và tư. Các lưu trữ nhà nước tập trung trở lại với chức năng và đối tượng truyền thống là tài liệu lưu trữ công của bộ máy nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, những cá nhân tiêu biểu của bộ máy đó như mô hình của Mỹ, Australia. Việc công nhận quyền sở hữu và khuyến khích chủ sở hữu biếu tặng, ký gửi, bán tài liệu cho lưu trữ nhà nước vẫn được duy trì nhưng sưu tầm tài liệu không phải là hoạt động chính và thường xuyên của các lưu trữ này. Nói cách khác, tinh thần trọng tâm của phương án này là công nhận vai trò của chủ sở hữu và các cơ quan, tổ chức khác trong quản lý và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân nhưng hạn chế can thiệp bằng phương pháp thu thập, bổ sung, sưu tầm.

4.3.2. Dự thảo giải pháp

4.3.2.1. Đánh giá lại mục tiêu và hiệu quả của Đề án Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm

Như đã phân tích ở Chương 3, Đề án Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm tập trung quá mức vào việc quản lý dạng vật lý của tài liệu lưu trữ nhân dân với nhiều tham vọng nhưng triển khai thiếu cân nhắc tới vai trò của các bên liên quan. Việc khảo sát, thăm dò thử nghiệm về tài liệu lưu trữ đang được bảo quản trong nhân dân là cần thiết nhưng cần đánh giá và tham vấn về nguồn tài liệu tương tự đang được bảo quản trong các thư viện, bảo tàng, nhà lưu niệm,... trước khi triển khai tại các địa phương để xem xét sự cần thiết phải thực hiện mục tiêu đã định để tránh trùng thừa và lãng phí.

Các cơ quan trực tiếp phụ trách lập và triển khai Đề án Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm cần xác định tính hướng đích của tài liệu cần sưu tầm, nghĩa là: cần xác định xem tài liệu nào đó cần được sưu tầm để giúp làm sáng tỏ hơn hoặc thay đổi vấn đề gì trong nghiên cứu lịch sử. Nói cách khác, đáng lẽ mục tiêu của Đề án sưu tầm cần chú trọng vào những thứ mà nghiên cứu lịch sử đang thiếu hơn là bổ sung vào kho tài liệu một cách cơ học nhưng vô ích với cả nhà sử học và nhà quản

lý. Để làm được điều này, các nhà hoạch định chính sách, mà cụ thể là đơn vị chủ trì Đề án phải có ý kiến tham vấn của Hội sử học, Viện Sử học, các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành và các nhà nghiên cứu lịch sử có uy tín khác.

Sau khi có được các ý kiến của những cơ quan, tổ chức, cá nhân như trên, Đề án Sơ tư tài liệu lưu trữ quý, hiếm cần điều chỉnh mục tiêu và biện pháp, thậm chí hủy bỏ Đề án nếu xét thấy việc tiếp tục thực hiện sẽ gây tốn kém, lãng phí và hiệu quả không cao.

4.3.2.2. Sửa đổi, bổ sung Luật lưu trữ và các văn bản dưới luật theo hướng xác định lại đối tượng quản lý của các lưu trữ nhà nước

Luật Lưu trữ sửa đổi vẫn thừa nhận quyền sở hữu tài liệu lưu trữ, nhưng thay đổi cách định nghĩa tài liệu lưu trữ để thừa nhận đặc tính lưu trữ của nhiều loại tài liệu lưu trữ đa dạng, chấp nhận thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ công và tư ở nhiều cơ quan khác nhau song song với dẫn chiếu các văn bản luật khác về những vấn đề liên quan đến quản lý tài liệu lưu trữ. Theo phương án này Luật Lưu trữ sửa đổi nên xác định rõ phạm vi tài liệu thuộc quyền quản lý của các lưu trữ lịch sử là tài liệu lưu trữ nhà nước hoặc tài liệu được hiến tặng, bán cho lưu trữ nhà nước. Luật Lưu trữ và các văn bản dưới Luật, các văn bản điều hành khác của ngành không nên triển khai tiếp những nhiệm vụ hoặc vấn đề đang thuộc phạm vi quản lý và thực hiện nghiệp vụ của ngành văn hóa. Những quy định cho tài liệu lưu trữ nhân dân nên đề cập thêm những nguyên tắc trách nhiệm của các cơ quan khác ngoài lưu trữ nhà nước và của chủ sở hữu trong việc bảo quản an toàn và sử dụng, phục vụ sử dụng không gây hại cho Quốc gia.

Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước nên xây dựng, ban hành, công bố công khai quy trình, thủ tục hiến tặng, ký gửi, bán tài liệu lưu trữ của công dân cho các lưu trữ nhà nước, bao gồm cả thành phần hồ sơ mẫu chuyển quyền sở hữu tài liệu đi kèm để các chủ sở hữu và lưu trữ lịch sử địa phương chủ động, thuận tiện theo dõi, thực hiện. Song song với nhiệm vụ đó, cơ quan lưu trữ lịch sử nên xây dựng tài liệu hướng dẫn bảo quản gồm cả sổ tay và video hướng dẫn để cung cấp rộng rãi sao cho người dân, các cơ quan, tổ chức khác có thể tiếp cận dễ dàng. Với cách tiếp cận này, những khái niệm cần bổ sung trong luật và văn bản, sổ tay hướng dẫn có thể là: di cảo, sách và các tài liệu xuất bản dạng sách, những ghi chép và hình vẽ thủ công, ...

Những vấn đề cần xác định nguyên tắc ứng xử bổ sung là: trách nhiệm bảo vệ tài liệu lưu trữ của chủ sở hữu, trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước và bí mật cá nhân, trách nhiệm phát huy giá trị tài liệu lưu trữ của chủ sở hữu và các cơ quan, tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền, tôn trọng quyền sở hữu và quyền liên quan, cơ sở giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu,...

4.3.2.3. Tạo cơ chế cho phép các lưu trữ lịch sử thực hiện xã hội hóa hoạt động lưu trữ sâu và rộng hơn

Xã hội hóa công tác lưu trữ là một hình thức để các lưu trữ phục vụ tốt hơn và tham gia tích cực hơn với cộng đồng để bảo quản và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân thay vì phải sưu tầm để bảo quản. Xã hội hóa hoạt động lưu trữ nên được hiểu theo cách định hướng của Quốc hội và Chính phủ từ năm 1997 đến nay đối với các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa. Theo đó, xã hội hóa hoạt động lưu trữ không chỉ đồng nghĩa với tư nhân hóa, tức là cho phép các doanh nghiệp tư nhân được thực hiện các dịch vụ lưu trữ mà còn có nghĩa là chấp thuận để các lưu trữ nhà nước thực hiện dịch vụ lưu trữ cho xã hội để làm tăng nguồn lực nâng cao chất lượng hoạt động lưu trữ. Với cách hiểu này, ngoài quy định về dịch vụ lưu trữ như hiện nay, các cơ quan xây dựng và thực hiện chính sách nên bổ sung những quy định cho phép các lưu trữ lịch sử được hợp tác với các văn phòng công chứng tư nhân để thực hiện tiếp nhận ký gửi và công chứng, chứng thực tài liệu cho công dân. Phí dịch vụ và các vấn đề liên quan khác cần công khai, minh bạch để đảm bảo nguồn lực do nhà nước đầu tư và nguồn vốn thu về được sử dụng đúng mục đích. Tùy theo điều kiện cụ thể, các lưu trữ lịch sử cũng có thể triển khai dịch vụ về phát huy giá trị tài liệu khác với mức phí hợp lý, chủ yếu để hỗ trợ chủ sở hữu giới thiệu tài liệu đến cộng đồng như tổ chức triển lãm, biên tập xuất bản sách, các hoạt động tương tác mang tính giáo dục cho nhiều lứa tuổi khác nhau có nội dung giới thiệu tài liệu, ... Bằng cách đó, người dân được tiếp cận dễ dàng hơn với các hoạt động chuyên môn sâu của cơ quan lưu trữ nhà nước để bảo tồn⁴² tài liệu do họ sở hữu.

⁴² Khái niệm bảo tồn (preservation) trong luận án được hiểu rộng hơn khái niệm bảo quản (conservation). Trong đó, bảo quản tập trung kéo dài tuổi thọ và hiện trạng vật lý của tài liệu, còn bảo tồn chú trọng cả bảo quản và phát huy giá trị tài liệu trong đời sống xã hội.

4.3.3. Dự kiến tác động của chính sách

Mục tiêu và giải pháp chính sách như trên sẽ tác động trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý ngành lưu trữ và cơ quan lưu trữ lịch sử, đồng thời tác động đến lợi ích của chủ sở hữu và các cơ quan văn hóa cùng chức năng. Những tác động này có thể là:

** Tác động xã hội lên cơ quan quản lý và cơ quan lưu trữ nhà nước:*

Khi tuyên bố ngừng triển khai tiếp Đề án sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam cùng với việc trở lại với đối tượng quản lý quen thuộc là những tài liệu lưu trữ nhà nước, chính sách đã thực hiện chuyên môn hóa trở lại trong quản lý di sản tư liệu ở Việt Nam giữa các cơ quan lưu trữ và cơ quan văn hóa, tăng tính độc đáo về sản phẩm nghiệp vụ của mỗi loại hình cơ quan lưu trữ, thư viện hoặc bảo tàng, từ đó giảm cạnh tranh không cần thiết, giảm nguy cơ lãng phí, thất thoát do triển khai sưu tầm, bảo quản tài liệu chưa hiệu quả. Nói cách khác, thay vì phải đầu tư nguồn lực cho các nhiệm vụ trải dài bất tận khi chú tâm vào tài liệu lưu trữ nhân dân có phạm vi rộng và khó bao quát, các lưu trữ nhà nước trở về với giá trị cốt lõi đã được xác định từ khi thành lập là bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ phục vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Điều này giúp tạo điều kiện ổn định về tổ chức và nhân sự, làm cơ sở thúc đẩy xã hội hóa công tác lưu trữ theo hướng các lưu trữ nhà nước mở rộng dịch vụ phục vụ cộng đồng xã hội để huy động nguồn lực tái đầu tư và cải thiện chất lượng hoạt động lưu trữ trong nội bộ lưu trữ nhà nước. Qua đó, công dân có thêm lựa chọn để ký gửi tài liệu thay vì phải chuyển đổi sở hữu mà nhà nước vẫn có thể vừa hỗ trợ, vừa tiếp cận được với tài liệu của công dân. Tuy nhiên, việc ngừng triển khai Đề án 644 và kế hoạch 922 có thể làm giảm uy tín của cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị trực tiếp triển khai, lãng phí một số kết quả đã đạt được và ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ sưu tầm trong các lưu trữ lịch sử.

** Tác động xã hội lên chủ sở hữu:*

Thực hiện phương án này, chủ sở hữu vẫn được công nhận đầy đủ các quyền đối với tài liệu lưu trữ, vẫn được tự do lựa chọn nơi ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu, được hỗ trợ về kiến thức để tự bảo quản tài liệu, được sử dụng dịch vụ bảo

quản, phát huy giá trị tài liệu với giá hợp lý. Cùng với đó, các chủ sở hữu cũng được yêu cầu có trách nhiệm hơn đối với việc bảo vệ tài liệu lưu trữ tương tự như trách nhiệm đối với di sản văn hóa, một số hoạt động của chủ sở hữu như đem tài liệu ra nước ngoài hoặc các hành vi gây hại cho tài liệu sẽ bị điều chỉnh cụ thể hơn.

** Tác động xã hội lên các cơ quan văn hóa tương đồng chức năng:*

Thực hiện chính sách này, các cơ quan văn hóa như thư viện, bảo tàng không những không bị thay ảnh hưởng tiêu cực mà còn được hưởng lợi từ những hướng dẫn bảo quản được cung cấp rộng rãi từ cơ quan lưu trữ, giảm tranh chấp không cần thiết khi thực hiện sưu tầm tài liệu lưu trữ nhân dân.

** Tác động lên hệ thống pháp luật về lưu trữ:*

Về cơ bản, toàn bộ hệ thống văn bản quan trọng của ngành lưu trữ không thay đổi nhiều nhưng những văn bản về Đề án sưu tầm tài liệu lưu trữ quý hiếm sẽ bị tuyên bố hết hiệu lực hoặc dừng thi hành. Một số điều khoản của Luật Lưu trữ sẽ cần sửa đổi bằng cách bổ sung các khái niệm và nguyên tắc ứng xử mới như đề cập ở mục 4.4.2.2. Hơn nữa, nếu cho phép các lưu trữ lịch sử thực hiện xã hội hóa sâu hơn để phục vụ nhân dân trong khai thác, sử dụng tài liệu, các cơ quan quản lý cũng phải nghiên cứu và ban hành hệ thống văn bản pháp lý tạo cơ chế và xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát để làm giảm hoặc ngăn ngừa nguy cơ sử dụng nguồn lực và tài liệu lưu trữ công cho mục đích thương mại thay vì phục vụ cộng đồng, làm sai lệch chức năng và sứ mệnh vốn có của các lưu trữ nhà nước. Đây là một thách thức trong bối cảnh các công ty dịch vụ lưu trữ tư nhân phát triển mạnh nhưng chưa có đánh giá chính thức và đầy đủ từ cơ quan quản lý nhà nước.

4.4. Phương án chính sách thứ hai: Lưu trữ cộng đồng và điều phối Nhà nước

Phương án chính sách thứ hai vẫn công nhận thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân của chủ sở hữu, cơ quan lưu trữ nhà nước, cơ quan văn hóa công và tư nhưng có sự phân công và chia sẻ trách nhiệm giữa những cá nhân, cơ quan này. Đồng thời, cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ sẽ giữ vai trò điều phối, tham gia cùng cơ quan quản lý văn hóa và các đơn vị liên quan khác để tiến hành đánh giá, phân hạng tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài liệu lưu trữ nhân dân để áp dụng biện pháp quản lý phù hợp.

4.4.1. Mục tiêu chính sách

Mục tiêu của phương án chính sách thứ hai là: 1/đảm bảo tôn trọng vai trò của chủ sở hữu cũng như vai trò của các cơ quan khác nhau nhưng tương đồng về chức năng trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân; 2/đảm bảo bảo quản an toàn và đa dạng hóa tài liệu lưu trữ nhân dân để phục vụ sử dụng cho nhiều thế hệ tương lai của đất nước và cho nghiên cứu lịch sử; 3/phục vụ hài hòa lợi ích Quốc gia - Dân tộc và lợi ích của chủ sở hữu. Trong đó, mục tiêu thứ nhất xuất phát từ thực tế lưu giữ tài liệu lưu trữ nhân dân hiện nay và những quy định đa chiều của pháp luật trên nhiều khía cạnh liên quan dẫn đến nguyên tắc tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. Mục tiêu thứ hai được đề xuất để khắc phục những nguy cơ thất tán tài liệu sau nhiều thế hệ của chủ sở hữu và tình trạng vừa chồng chéo vừa thiếu hụt khi triển khai sưu tầm tài liệu lưu trữ ở nhiều cơ quan khác nhau. Mục tiêu thứ ba cho phép chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân được xác định những nguyên tắc ứng xử phù hợp để bảo vệ lợi ích chung của toàn dân nếu cần.

4.4.2. Dự thảo giải pháp

4.4.2.1. Thay đổi cách phân hạng tài liệu lưu trữ nhân dân và tiến hành phân loại lưu trữ nhân dân

* Tiêu chí của Đề án Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm và các tiêu chuẩn xác định giá trị tài liệu lưu trữ trong lý thuyết lưu trữ học Việt Nam đã phân hạng tài liệu lưu trữ dựa trên ý nghĩa của tài liệu. Với cách phân hạng này, tài liệu lưu trữ nhân dân có thể gồm ba nhóm:

- Tài liệu lưu trữ có ý nghĩa Quốc gia - Dân tộc: gồm những tài liệu về chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia; các nhân vật và sự kiện tiêu biểu của Quốc gia, Dân tộc; những đặc trưng, yếu tố bản sắc văn hóa tộc người trên lãnh thổ Việt Nam;... Đây là đối tượng chính của Đề án Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm để tiến hành sao chụp, mua lại hoặc thuyết phục hiến tặng cho các lưu trữ lịch sử quốc gia.

- Tài liệu lưu trữ có ý nghĩa Địa phương: gồm những tài liệu của các dòng họ tiêu biểu, cá nhân lịch sử tiêu biểu của địa phương; tài liệu về các hoạt động, lễ hội, sinh hoạt cộng đồng thể hiện bản sắc văn hóa của địa phương; các sự kiện và giai đoạn lịch sử tiêu biểu của địa phương;... Những tài liệu này đang được giao quyền quản lý cho các lưu trữ lịch sử địa phương.

- Tài liệu lưu trữ có ý nghĩa đối với cá nhân, gia đình, dòng họ: gồm tài liệu do các cá nhân, gia đình, dòng họ tự bảo quản và sử dụng theo nhu cầu và phục vụ lợi ích của họ. Tài liệu này không thuộc sự quan tâm của các lưu trữ lịch sử nhưng các lưu trữ lịch sử được phép tiếp nhận ký gửi, bảo quản có thu phí.

Cách phân loại để quản lý như trên đã có tác dụng trong một thời gian dài nhưng bộc lộ những điểm bất cập là: 1/Sự phân loại này không gắn liền với không gian văn hóa của tài liệu lưu trữ nhân dân, làm mất đi đặc tính lưu truyền văn hóa của tài liệu khi cố ý tách rời việc bảo quản tài liệu khỏi bối cảnh mà ở đó giá trị của tài liệu được phát huy; 2/ Tài liệu có ý nghĩa Quốc gia bị tập trung bảo quản tại các lưu trữ quốc gia nhưng do bối cảnh lịch sử của tài liệu liên quan chặt chẽ đến địa phương nên việc bảo quản và phát huy giá trị tài liệu tại địa phương đem lại nhiều ý nghĩa hơn, nhất là trong định hướng phát nâng cao năng lực triển kinh tế - xã hội địa phương hiện nay; 3/ Chồng chéo, thiếu nhất quán do rất hiếm khi tìm thấy tài liệu lưu trữ nào chỉ đơn thuần có ý nghĩa Quốc gia hoặc ý nghĩa địa phương vì dù tài liệu có thông tin về sự kiện lịch sử tiêu biểu của quốc gia thì sự kiện đó chắc chắn vẫn diễn ra ở thời điểm xác định tại một địa phương cụ thể, liên quan tới những cá nhân cụ thể.

Trong khi đó, vấn đề sở hữu và những thay đổi trong quy định của pháp luật liên quan đến sự tôn trọng quyền sở hữu tài liệu lưu trữ đã làm phát sinh quan hệ dân sự giữa các lưu trữ lịch sử nhà nước với công dân⁴³. Cho nên, để quản lý tốt hơn tài liệu lưu trữ nhân dân theo hướng bảo quản an toàn và phát huy giá trị có hiệu quả, việc phân hạng tài liệu nên xét thêm nhu cầu sử dụng của chủ sở hữu và của cộng đồng nơi tài liệu được hình thành. Với cách tiếp cận này, các lưu trữ nhà nước sẽ quan tâm tới những tài liệu phục vụ tốt cho cả nhà nước và nhiều độc giả khác nhau trong xã hội, còn chủ sở hữu chú ý nhiều hơn tới tài liệu phục vụ nhu cầu của chính họ. Giữa những nhu cầu này sẽ có sự giao thoa nên đánh giá hợp lý nhu cầu sử dụng tài liệu để thỏa thuận biện pháp quản lý là hết sức quan trọng.

⁴³ Xem thêm nội dung bài viết của tác giả có tựa đề “Khuyh hướng dân chủ trong luật pháp lưu trữ giai đoạn 1982 - 2012” trên Tạp chí Văn thư Lưu trữ số 12 / 2015.

Bảng 4.1. Phân hạng tài liệu theo nhu cầu sử dụng

Nhà nước Chủ sở hữu	Cần sử dụng	Không cần sử dụng
Cần sử dụng	A	C
Không cần sử dụng	B	/ / / / / / / / / /

Để xác định được nhu cầu sử dụng tài liệu lưu trữ nhân dân và phân hạng như bảng trên, không nhất thiết phải tiến hành một cuộc điều tra quy mô và tốn kém. Kết quả đã có từ Đề án Sơ tư tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm nên được sử dụng tiếp cho nhiệm vụ này và việc áp dụng các thủ tục song song với phân cấp quản lý, xếp hạng tài liệu lưu trữ tương tự như cách phân cấp quản lý, xếp hạng di tích lịch sử sẽ phát huy tác dụng tích cực. Trong các nhóm tài liệu được phân hạng theo nhu cầu ở trên, các lưu trữ lịch sử có thể tiến hành các thỏa thuận để chuyển đổi sở hữu sang nhà nước với tài liệu nhóm B; giữ nguyên quyền quản lý, sử dụng của chủ sở hữu và hỗ trợ bảo quản (nếu cần) với tài liệu nhóm C; và tiến hành thương thảo, đánh giá và lựa chọn phương án quản lý phù hợp với những trường hợp cụ thể ở nhóm A theo hướng chuyển đổi sở hữu hoặc cho phép chủ sở hữu quản lý dưới sự giám sát và hỗ trợ của lưu trữ lịch sử. Cách giải quyết tốt nhất là chính quyền cùng các lưu trữ lịch sử địa phương nên được ủy quyền quản lý, bảo quản và phục vụ sử dụng tài liệu lưu trữ nhân dân có ý nghĩa Quốc gia - Dân tộc nhưng được hình thành tại địa phương tương tự như cách phân cấp quản lý các công trình di sản văn hóa cấp quốc gia. Bằng cách đó, tùy theo trường hợp cụ thể, lưu trữ lịch sử địa phương có thể trao đổi với chủ sở hữu để lựa chọn phương án bảo quản tại cơ quan lưu trữ hoặc tại tư gia nhưng vẫn được áp dụng các biện pháp cần thiết để nâng cao tuổi thọ của tài liệu và phát huy hơn nữa giá trị của tài liệu. Với cách giải quyết này, vai trò của các cơ quan quản lý ngành là cùng với lưu trữ lịch sử địa phương, phối hợp với các nhóm chuyên gia, các nhà quản lý, nhà sử học, nhà nghiên cứu văn hóa khác để xây dựng tiêu chuẩn tài liệu theo từng nhóm phân hạng song song với xác định nhu cầu sử dụng tài liệu của cộng đồng xã hội và nhà nước.

* Song song với phân hạng tài liệu lưu trữ nhân dân, việc phân loại các lưu trữ nhân dân cũng có tác dụng thiết thực trong việc lựa chọn công cụ và biện pháp quản lý. Kết quả khảo sát sơ bộ các loại hình cơ quan, tổ chức lưu trữ trong nhân dân cho phép phân loại các lưu trữ này thành các dạng như sau:

- Phân loại theo chủ thể tạo ra và lưu giữ tài liệu, lưu trữ nhân dân gồm lưu trữ cá nhân, lưu trữ gia đình - dòng họ và lưu trữ cộng đồng. Cách phân loại này không những giúp nhà quản lý và nhà lưu trữ xác định được cơ bản tính chất của tài liệu đang được lưu giữ, mà còn dự đoán được hình thức sở hữu tài liệu và đối tượng cần trao đổi, làm việc để hỗ trợ, giúp đỡ bảo quản tài liệu và áp dụng các biện pháp quản lý khác như đăng ký, phân hạng tài liệu.

- Phân loại theo mục tiêu của tổ chức lưu trữ, lưu trữ nhân dân gồm lưu trữ có lợi nhuận và lưu trữ phi lợi nhuận. Cách phân loại này giúp cơ quan lưu trữ xây dựng cơ chế pháp lý phù hợp để hỗ trợ các lưu trữ, đồng thời sử dụng công cụ thuế để quản lý hiệu quả hơn.

- Phân loại theo tính chuyên nghiệp của nghiệp vụ, lưu trữ nhân dân gồm các lưu trữ chuyên nghiệp và lưu trữ tự phát. Các lưu trữ chuyên nghiệp gồm các cơ quan chuyên môn như các lưu trữ lịch sử, các thư viện và bảo tàng với đội ngũ nhân sự được đào tạo bài bản, trang thiết bị tương đối đầy đủ, quy trình nghiệp vụ rõ ràng và khoa học. Với các lưu trữ này cần quản lý thông qua hệ thống các quy trình, tiêu chuẩn, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ chuyên nghiệp, thông qua chứng chỉ hành nghề và hàng loạt các công cụ nghiệp vụ khác. Các lưu trữ tự phát gồm các lưu trữ của người dân tại gia đình, dòng họ, được thực hiện dựa trên kinh nghiệm là chính. Những lưu trữ này cần được nhà nước hỗ trợ bằng các tài liệu hướng dẫn bảo quản tài liệu với kỹ thuật thông dụng, không quá tốn kém, và hướng dẫn công dân đăng ký, ký gửi, hiến tặng, bán tài liệu cho nhà nước,...

- Phân loại theo lĩnh vực của nội dung thông tin trong tài liệu lưu trữ được bảo quản, lưu trữ nhân dân gồm lưu trữ chuyên ngành và lưu trữ liên ngành. Cách phân loại này liên quan mật thiết đến tài liệu của các cá nhân và hội nghề nghiệp vì tính chất chuyên môn của tài liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới các nghiệp vụ lưu trữ cần áp

dụng và biện pháp quản lý theo ngành dọc cũng như sự tham gia của nhóm chuyên gia theo ngành, lĩnh vực để đánh giá, thẩm định tài liệu⁴⁴.

- Phân loại theo tính chất mở của lưu trữ, lưu trữ nhân dân có lưu trữ nội bộ và lưu trữ công cộng. Những lưu trữ nội bộ do cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng tự quản lý và chỉ phục vụ khai thác cho nội bộ gia đình, dòng họ, cộng đồng. Còn các lưu trữ công cộng phục vụ đối tượng tiếp cận tài liệu rộng hơn. Các lưu trữ công cộng nên là đối tượng quan tâm của chính sách nhằm khuyến khích người dân tham gia và mở rộng các lưu trữ công cộng.

4.4.2.2. Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyển hướng sưu tầm đến “lịch sử của nhân dân”, “lịch sử của tương lai”

Hiện nay, các Viện nghiên cứu, các thư viện trường đại học và thư viện công cộng đều đẩy mạnh số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu Hán Nôm và các loại tài liệu ghi âm, ghi hình khác. Ưu thế chuyên ngành và sự đầu tư có hiệu quả của các cơ quan này đã đưa tới nguồn dữ liệu dồi dào về tài liệu lưu trữ nhân dân. Do đó, thay vì tiến hành sưu tầm thiếu mục tiêu tổng thể như hiện nay, các cơ quan lưu trữ nhà nước nên hợp tác với các thư viện, viện nghiên cứu và các bảo tàng để xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ để cùng bổ sung nguồn tài liệu cho nhau, vừa hạn chế trùng thừa, lãng phí.

Thay đổi mục tiêu sưu tầm để tránh chồng chéo, tăng tính độc đáo về nguồn tài liệu lưu trữ nhân dân là việc làm hữu dụng hơn bao giờ hết. Với sự góp ý và đồng hành của các chuyên gia sử học, các cơ quan lưu trữ nên chú trọng tới những khoảng trống lịch sử do chưa đủ tư liệu nghiên cứu. Lịch sử này không chỉ là lịch sử của nhà nước và các phong trào được định hướng theo mục tiêu chính trị mà còn là lịch sử lao động, sáng tạo của nhân dân để sống và gìn giữ các giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc qua các thời kỳ lịch sử với nhiều cuộc chiến khốc liệt. Và đó còn là lịch sử của tương lai, tức là những phong trào, những thành tựu của nhân dân đang tạo dựng trong hiện tại nhưng sẽ thành lịch sử trong tương lai. Động lực nào và bằng cách nào các cộng đồng diễn xướng truyền thống đang được khôi phục và duy

⁴⁴ Xem thêm bài viết “Tính chuyên ngành của tài liệu lưu trữ cá nhân: Trường hợp tài liệu của nghệ sĩ Vũ Nhật Tân” do tác giả Phạm Thị Diệu Linh viết để tham dự Tọa đàm Khoa học “Quản lý tài liệu lưu trữ chuyên môn, kỹ thuật, đặc thù” do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức năm 2014.

trì? Hàng loạt những sáng kiến của nhà nông để thích nghi với khí hậu và tăng năng suất lao động như các loại máy cày, máy ép dầu tự chế, các loại phân bón và thuốc trừ sâu hữu cơ thân thiện với môi trường, hay máy rải phân được cấp bằng sáng chế và mua bản quyền để sản xuất hàng loạt có tạo nên phong trào đầy cảm hứng cho nông dân và cả các kỹ sư Việt Nam về những sáng chế rẻ tiền nhưng hiệu quả cao? Sự xuất hiện và hoạt động ngày càng nhiều của các nhóm thiện nguyện hoạt động để thay đổi nhận thức của người Việt Nam về bảo vệ môi trường, về bình đẳng giới, về quyền trẻ em có phải là một hiện tượng cho thấy những thay đổi trong cách hành xử của người Việt Nam đối với các vấn đề xã hội và cộng đồng? Những ví dụ vừa kể ra chỉ là một số trong rất nhiều những hiện tượng xã hội sẽ trở thành lịch sử trong tương lai mà không ít tài liệu phản ánh về chúng đều do những cá nhân chưa đủ tiêu chuẩn “cá nhân tiêu biểu” hoặc những nhóm nghiên cứu, nhóm dự án, các tổ chức phi chính phủ không thuộc quyền quản lý trực tiếp của nhà nước tạo ra và chưa có cơ quan lưu trữ nào quan tâm tới việc sưu tầm chúng. Nói cách khác, tiếp cận “lịch sử của tương lai” đặt ra yêu cầu cho các cơ quan lưu trữ cần tham gia cùng các chuyên gia xã hội học - lịch sử để đánh giá và tìm kiếm, sưu tầm những “tài liệu hiện hành” về “lịch sử của nhân dân”.

4.4.2.3. Điều chỉnh Luật Lưu trữ và tăng cường đối thoại với nhân dân

Thực hiện phương án chính sách này, Luật Lưu trữ vẫn cần điều chỉnh theo hướng bổ sung các khái niệm và nguyên tắc như phương án thứ nhất nhưng không giới hạn chức năng và khu biệt hóa đối tượng làm việc của các lưu trữ nhà nước trong phạm vi tài liệu lưu trữ nhà nước. Nguyên tắc tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, trách nhiệm của chủ sở hữu và các cơ quan khác trong bảo vệ tài liệu lưu trữ vẫn cần được tuyên bố rõ ràng. Vấn đề pháp lý quan trọng trong phương án chính sách thứ hai là xác định vị trí và vai trò của các cơ quan lưu trữ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động lưu trữ trong bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nói chung bất kể chúng đang được coi là tài liệu của các thư viện hay hiện vật bảo tàng. Thiết lập một cơ chế pháp lý để cơ quan quản lý ngành về lưu trữ và các chuyên gia lưu trữ, cơ quan lưu trữ lịch sử được phép tham dự và thể hiện quan điểm chuyên môn trong quản lý những tư liệu kép vừa là tài liệu lưu trữ, vừa là di sản văn hóa có ý nghĩa hết sức cần thiết. Cơ chế này nên tập trung vào chế độ thông

tin về tài liệu và tình trạng bảo quản, sử dụng tài liệu, về thẩm quyền tham gia kiểm tra, giám sát đối với việc quản lý tài liệu, về thẩm quyền tham gia ý kiến trong các trường hợp chuyển đổi sở hữu, tu bổ, phục chế, thay đổi tình trạng tài liệu,... nhất là với những tài liệu được phân hạng ở nhóm A như phân tích ở trên. Đồng thời, phân cấp quản lý cùng với phân hạng tài liệu cũng nên được đề cập trong Luật Lưu trữ để giao quyền nhiều hơn cho chính quyền và lưu trữ lịch sử địa phương.

Để cơ quan quản lý ngành thực hiện được nhiệm vụ trên, mở rộng và tái lập các kênh tương tác, các diễn đàn trao đổi với các nhóm công dân, trước hết là các hội nghề nghiệp, các viện nghiên cứu có vai trò quan trọng. Được thành lập với chức năng quy tụ các cá nhân cùng ngành nghề, các hội nghề nghiệp được tổ chức và có phạm vi ảnh hưởng từ trung ương tới các địa phương. Tính chất phi chính phủ, phi lợi nhuận và hoạt động có tính chuyên môn sâu của các hội khiến cho lãnh đạo những hội này sẽ hiểu rõ nhất đặc thù hoạt động sáng tạo và những tài liệu hình thành của các cá nhân trong đó. Vì thế, ngoài tiếp cận trực tiếp với cá nhân như hiện nay, đối thoại với các hội sẽ giúp cơ quan quản lý có thêm thông tin để tìm ra giải pháp tiếp cận tài liệu cá nhân. Đối với các nhóm nhân dân khác, website, email, số điện thoại của bộ phận tiếp nhận thông tin bạn đọc hoặc chủ sở hữu nên được công khai và hoạt động thường xuyên. Cùng với đội ngũ những người làm sưu tầm và các đơn vị truyền thông khác của cơ quan lưu trữ, bộ phận này nên được thành lập và đào tạo đầy đủ cả về hoạt động lưu trữ và kỹ năng truyền thông, các kỹ năng hỗ trợ khách hàng để không chỉ tiếp nhận và trả lời thông tin thụ động qua điện thoại, email,..., họ còn chủ động tham gia biên soạn các tài liệu, ấn phẩm truyền thông giới thiệu và hướng dẫn cho chủ sở hữu và bạn đọc tiếp cận các lưu trữ lịch sử theo nhiều nhu cầu đa dạng.

4.4.3. Dự kiến tác động chính sách

4.4.3.1. Tác động xã hội lên các cơ quan nhà nước

Nếu ở phương án thứ nhất, chính sách làm thay đổi chủ yếu đến các cơ quan lưu trữ thì ở phương án này, các giải pháp chính sách đều cần sự nhập cuộc của nhiều cơ quan liên quan như đã phân tích ở trên. Tổng hợp vai trò của các nhóm cơ quan cụ thể là:

Bảng 4.2. Vai trò của các cơ quan trong ban hành và thực thi chính sách

Cơ quan	Hoạt động
Chính phủ	Điều phối hoạt động liên kết, phối hợp giữa các bộ để xây dựng văn bản chính sách mới, chương trình, dự án mới
Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa và các bộ liên quan	Thảo luận, hợp tác chương trình, chính sách mới, ban hành văn bản liên tịch
Cục Văn thư - Lưu trữ, Cục Di sản văn hóa và các đơn vị liên quan	Thảo luận, hợp tác chương trình, chính sách mới, phối hợp chỉ đạo xây dựng tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ chung, chủ trì và chỉ đạo xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung, chủ trì và tạo điều kiện cho các hội nghề nghiệp đối thoại và bày tỏ ý kiến với nhà nước
Các lưu trữ lịch sử, bảo tàng, thư viện	Trực tiếp thực hiện và phối hợp triển khai sưu tầm, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân có mục tiêu cụ thể, xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung
Hội Lưu trữ, Hội Di sản văn hóa, Hội Sử học, các viện nghiên cứu,...	Hợp tác trao đổi, vận động chính sách, tham gia thực thi và phản biện chính sách, tạo dựng các diễn đàn, các chương trình, dự án hợp tác giữa các hội với nhau và các hội với nhà nước để bảo tồn, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân

Như thế, nếu theo đuổi phương án chính sách này, cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ sẽ phải tiến hành nhiều cuộc vận động chính trị, tổ chức và tham gia nhiều diễn đàn, nhiều cuộc tiếp xúc công khai hoặc tiếp xúc riêng để thúc đẩy cơ chế hợp tác giữa nhiều bên. Thực hiện được điều đó sẽ tạo nên thành công đáng kể nhưng quá trình này chắc chắn sẽ tạo ra nhiều chi phí về thời gian, công sức và cả những căng thẳng trong quá trình làm việc giữa các cơ quan. Trong hoàn cảnh Chính phủ đang tập trung nhiệm vụ điều hành để thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội như hiện nay thì việc vận động để tạo ra sự chú ý cho nhiệm vụ này sẽ là khó khăn không nhỏ. Ngoài ra, việc triển khai nhiều chương trình, dự án

hợp tác quy mô lớn dễ gây hao tổn thêm nguồn lực tài chính, thiết bị, nhân sự cùng với nguy cơ mất kiểm soát trong quản lý dự án có thể dẫn tới thất thoát, lãng phí thêm.

4.4.3.2. Tác động xã hội lên chủ sở hữu

Tương tự phương án chính sách thứ nhất, các chủ sở hữu vẫn được tôn trọng quyền sở hữu đối với tài liệu lưu trữ nhưng phải nâng cao trách nhiệm bảo vệ tài liệu và chia sẻ những tài liệu này với cộng đồng, với nhà nước nếu tài liệu được xác định ở nhóm A.

4.4.3.3. Tác động đến các cơ quan tương đồng chức năng với cơ quan lưu trữ

Với những giải pháp chính sách trên, các cơ quan tương đồng chức năng với cơ quan lưu trữ vẫn được thực hiện các nhiệm vụ đối với tài liệu lưu trữ nhân dân như hiện nay nhưng thực hiện thêm trách nhiệm phối hợp và chia sẻ thông tin tài liệu với cơ quan lưu trữ. Điều này là thách thức với họ khi phải đảm nhận thêm công việc, chia sẻ tài nguyên mà chưa rõ lợi ích cụ thể cho cơ quan, cá nhân thực hiện nhiệm vụ đó. Hơn nữa, sự tham gia của cơ quan lưu trữ sẽ làm tăng tính cạnh tranh trong việc làm giàu nguồn tài liệu và dịch vụ cung cấp thông tin tài liệu giữa các cơ quan tương đồng chức năng. Vấn đề bản quyền giữa các cơ quan sưu tầm tài liệu và tạo lập cơ sở dữ liệu cũng như chia sẻ lợi ích từ bản quyền khi xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung cần phải được giải quyết thấu đáo để tránh tranh chấp gây tổn kém. Cho nên, cơ chế phù hợp theo các chương trình, dự án cụ thể có ý nghĩa hết sức quan trọng để đảm bảo cơ hội hợp tác với cơ quan lưu trữ.

4.4.3.4. Tác động lên hệ thống pháp luật

Với hệ thống pháp luật hiện hành như đã phân tích ở Chương 3, khả năng áp dụng và thực thi pháp luật với các giải pháp chính sách bị hạn chế. Nói cách khác, những quy định pháp lý hiện hành đã nhiều nhưng chưa đủ, thiếu những định nghĩa bao quát và cập nhật, thiếu cơ chế pháp lý cho sự tham gia của ngành lưu trữ vào lĩnh vực văn hóa, thiếu quy định về trách nhiệm của nhiều bên liên quan từ chủ sở hữu đến cơ quan lưu trữ và các cơ quan tương đồng chức năng khác. Cho nên, để thực hiện được giải pháp chính sách đã đề ra, hệ thống văn bản pháp luật mà trước hết là Luật Lưu trữ phải thay đổi nhiều điều khoản để thiết lập những nguyên tắc cơ

bản để quản lý, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân tốt hơn. Tùy theo khả năng triển khai những giải pháp cụ thể, cơ quan quản lý ngành về lưu trữ sẽ lựa chọn để tham mưu xây dựng, ban hành văn bản chính sách dưới Luật phù hợp với giải pháp.

Đồng thời, sự gia tăng các quan hệ phối hợp trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân có thể dẫn đến gia tăng số lượng các văn bản quản lý liên tịch, các văn bản dạng cam kết, ghi nhớ, thỏa thuận, ... Điều đó không chỉ khiến cho việc rà soát văn bản hiện thời trở nên cần thiết hơn mà áp lực lên đội ngũ tham mưu và những bộ phận tham gia xây dựng dự thảo cũng sẽ nhiều hơn. Công việc này sẽ lại đòi hỏi nhiều thời gian, công sức và nguồn lực khác.

KẾT LUẬN

Trong bốn chương của luận án, giả thuyết nghiên cứu đã lần lượt được chứng minh. Sự cần thiết phải quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân xuất phát từ giá trị của tài liệu và nguy cơ bị hủy hoại tài liệu trong thực tế, từ những bất đồng trong ý kiến của người dân và cán bộ quản lý, và từ những mâu thuẫn trong các quy định và chính sách của nhà nước. Sự công nhận quyền làm chủ của nhân dân trong rất nhiều các tuyên bố và kịch bản phát triển của Việt Nam đòi hỏi các cơ quan lưu trữ bên cạnh mục tiêu bảo vệ tài liệu, còn phải hài hòa với lợi ích của người dân. Ngoài các cơ quan lưu trữ, nhiều cơ quan khác như bảo tàng, các thư viện nhà nước và tư nhân đều đang tích cực tham gia quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân với tư cách là di sản dân tộc. Việc độc quyền quản lý tài liệu lưu trữ không còn phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Hợp tác cùng hướng đến mục tiêu chung trở thành điều kiện tất yếu để cùng tồn tại, phát triển và thực hiện mục tiêu chung.

Đối mặt với hàng loạt những thách thức, các cơ quan lưu trữ có hai lựa chọn để xây dựng và thực thi chính sách. Họ, hoặc là phải thay đổi toàn bộ cục diện, từ luật pháp tới hoạt động, từ hệ thống tổ chức đến từng cá nhân làm lưu trữ để tạo nền tảng vượt qua thách thức; hoặc phải chấp nhận cạnh tranh và tự thu mình lại trong những nhiệm vụ vốn có với tài liệu lưu trữ nhà nước, đồng thời tham gia góp phần tuyên truyền, hỗ trợ các cơ quan khác tiến hành sưu tầm, quản lý và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ nhân dân. Dù lựa chọn phương án nào, những giải pháp nêu ra đều hướng tới mục tiêu thống nhất của ngành lưu trữ trong mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa dân tộc nói chung, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh đất nước phải đối mặt với hàng loạt khó khăn về kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, để thực hiện được những mục tiêu trong từng lựa chọn nói trên, hàng loạt các nghiên cứu mới về tài liệu lưu trữ nhân dân cần được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Đó là những nghiên cứu để phân loại và phân hạng tài liệu lưu trữ nhân dân, đặt cơ sở cho việc phân cấp, phân quyền quản lý. Đó là nghiên cứu về các nghiệp vụ áp dụng đặc thù cho tài liệu lưu trữ nhân dân làm nền tảng để xây dựng tài liệu hướng dẫn và hỗ trợ người dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân cùng bảo vệ di sản. Đó cũng có thể là những nghiên cứu về phân loại tài liệu lưu trữ nhân

dân theo đặc thù sử dụng hoặc đặc điểm chuyên ngành để cung cấp dữ liệu cho những chính sách phối hợp cụ thể với từng cơ quan, tổ chức, các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực để vừa quản lý, vừa góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành, lĩnh vực qua việc sử dụng tài liệu lưu trữ. Và tất nhiên, những nghiên cứu ứng dụng để xây dựng các mô hình quản lý tài liệu lưu trữ tại cộng đồng dưới sự bảo trợ của lưu trữ nhà nước sẽ rất có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Do vậy, luận án này và những kết quả của nó mới là nghiên cứu khởi đầu nhằm hướng đến sự hình thành các nhóm chuyên gia liên ngành có cùng mối quan tâm đối với một loại hình di sản đặc biệt - tài liệu lưu trữ nhân dân.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phạm Thị Diệu Linh (2014), “Tài liệu lưu trữ nhân dân thời kỳ Việt Nam Cộng hòa”, Kỷ yếu hội thảo khoa học *Lưu trữ Việt Nam Cộng hòa (1955 - 1975) từ góc nhìn lịch sử và Lưu trữ học*, tr.241-249.

2. Phạm Thị Diệu Linh (2015), “Tiếp cận giá trị đối với tài liệu lưu trữ nhân dân: Một tổng luận về những quan điểm lý thuyết cơ bản”, Kỷ yếu Hội nghị khoa học *Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn - Tiếp cận từ góc độ lý thuyết và thực tiễn* (Hội nghị khoa học cán bộ trẻ và học viên sau đại học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn), ĐHQG HN, tr.696-708.

3. Phạm Thị Diệu Linh (2015), “Khuyh hướng dân chủ trong pháp luật lưu trữ Việt Nam: Sự tiến bộ và những thách”, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam* (12), tr.20-26.

4. Phạm Thị Diệu Linh (2017), “Những thách thức trong sưu tầm tài liệu lưu trữ: Kết quả khảo sát ý kiến từ nhân dân”, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ* (4), tr.14-21.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đào Xuân Chúc, Nguyễn Văn Hàm, Vương Đình Quyền, Nguyễn Văn Thâm (1990), *Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ*, NXB Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
2. Nguyễn Diệu Cơ, Đinh Ngọc Vượng, Nguyễn Quốc Việt (1987), *Quản lý nhà nước xã hội chủ nghĩa (lược dịch từ tiếng Nga)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lê Văn Danh (2001), *Chính sách công của Hoa Kỳ*, NXB Thống kê, Hà Nội.
4. Phan Đại Doãn (2005), “Làng Việt Nam - cộng đồng đa chức năng và liên kết chặt chẽ.” Trong *Làng Việt Nam: Đa nguyên và chặt*, của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Khoa Lịch sử, 8-25, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Vũ Cao Đàm (2011), *Khoa học chính sách (giáo trình)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Vũ Cao Đàm (2009), *Tuyển tập các công trình đã công bố (tập 2)*, NXB Thế giới, Hà Nội.
7. Gaston Bouthoul (2011), *Các cấu trúc xã hội học (Đoàn Văn Chúc dịch)*, NXB Văn hóa - Thông tin và Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật, Hà Nội.
8. Nguyễn Duy Gia (1996), *Giáo trình quản lý hành chính nhà nước*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Phạm Thị Bích Hải (2007), Một số nét về công tác lưu trữ tài liệu xuất xứ cá nhân trong thời gian qua, *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ số 9*, Hà Nội, trang 13-15.
10. Nguyễn Hữu Hải, ThS. Lê Văn Hòa (đồng chủ biên) (2013), *Đại cương về chính sách công*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
11. Nguyễn Hữu Hải, ThS. Phạm Thu Lan (2013) *Giáo trình Hoạch định và phân tích chính sách công*, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội.

12. Trần Văn Hải, Hoàng Lan Phương, Hoàng Thị Hải Yến (2007), “Khai thác tài liệu gốc trong việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ”, Kỷ yếu hội thảo khoa học *Khai thác và Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn*, NXB ĐHQG HN, 262-274, Hà Nội.
13. Đoàn Thị Hòa (2011), Một số nét đặc thù và riêng biệt của tài liệu có xuất xứ cá nhân, *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ số 2*, trang 14-16.
14. Hội đồng biên soạn từ điển bách khoa (2003), Từ điển bách khoa Việt Nam, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
15. David Held (2006, 2013), *Các mô hình quản lý nhà nước hiện đại (Phạm Nguyên Trường dịch)*, Polity Press Ltd, NXB Tri Thức, Cambridge, Hà Nội.
16. Trần Hoàng (2003), “Đã đến lúc cần có các kho lưu trữ nhân dân”, *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ số 5*, trang 13 - 14.
17. Dương Văn Khảm, nhóm tác giả (2001), *Cơ sở khoa học để tổ chức quản lý nhà nước về công tác lưu trữ*, Tổng thuật đề tài, Cục Lưu trữ Nhà nước, Hà Nội.
18. Dương Văn Khảm (2015), *Từ điển tra cứu nghiệp vụ quản trị văn phòng, văn thư - lưu trữ Việt Nam*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
19. V. P. Kozlov và cộng sự (2002), *Lưu trữ học*, NXB Giáo dục chuyên nghiệp Nga, Moscow.
20. Phạm Thị Diệu Linh (2012), "Lưu trữ và công bố tài liệu của cố họa sĩ Bùi Xuân Phái," *Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân*, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn ĐHQG HN, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
21. Phạm Thị Diệu Linh (2014), “Tài liệu lưu trữ nhân dân thời kỳ Việt Nam Cộng hòa”, Kỷ yếu hội thảo khoa học *Lưu trữ Việt Nam Cộng hòa (1955 - 1975) từ góc nhìn lịch sử và Lưu trữ học*, tr.241-249.
22. Phạm Thị Diệu Linh (2015), *Quan điểm quản lý nhà nước công tác lưu trữ giai đoạn 1986 - 2012*. Tổng thuật đề tài, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG HN, Hà Nội.

23. Nguyễn Ứng Long (1972), *Cắm - nang - văn - khố*, Tủ sách Văn khố, Sài Gòn.
24. Ngân hàng thế giới (2014), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2014*. Báo cáo tổng quan, Hà Nội.
25. Ngân hàng Thế Giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016), *Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*. Báo cáo tổng quan, Hà Nội.
26. Vương Đình Quyền (2013), “Từ nhu cầu bảo quản và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân, bàn về trách nhiệm của cơ quan lưu trữ.” *Tổ chức và Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 199 - 212, Hà Nội.
27. Hoàng Phê (2001), *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển học - Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội - Đà Nẵng.
28. Hà Văn Tấn (1987). “Làng, liên làng và siêu làng (mấy suy nghĩ về phương pháp)” *Tạp chí Khoa học số 1*, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.
29. Nguyễn Văn Thâm (2005), “Lưu trữ nhân dân - Tiềm năng vô tận”, *Tạp chí Dấu ấn thời gian*, tr 24-26, Hà Nội.
30. Hoàng Bá Thịnh (2007), "Giá trị và phương pháp khai thác tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu gia đình ở Việt Nam." *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Khai thác và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn*, tr 275-281, NXB ĐHQG HN, Hà Nội.
31. Văn Tất Thu (2016), “Bản chất, vai trò của chính sách công”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước số 1*, trang 24-27.
32. Việt Trí (1988), “Những nguyên tắc cơ bản của Lê-nin về công tác lưu trữ còn sống mãi.” *Tạp chí Văn thư - Lưu trữ số 6*, tr1-3.
33. Phùng Đức Tùng, Nguyễn Việt Cường, Nguyễn Cao Thịnh, Nguyễn Thị Nhung, Tạ Thị Khánh Vân (2017), *Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số*. Tổng thuật đề tài, Ủy ban Dân tộc- UNDP, Hà Nội.
34. Bộ Tư pháp, USAID (2018), *Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động chính sách*, Hà Nội.

35. Minh Văn (1989), “Kho Lưu trữ trung ương với công tác sưu tầm, thu thập tài liệu xuất xứ cá nhân.” *Tạp chí Lưu trữ*, tr 23-25.
36. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*. NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

Tiếng Anh

37. Yuichi Aoki (2012), “Private archives in Japanese communities: Past, present and future challenges.” *Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, p.22-32, Hà Nội.
38. Tony Bovaird, Elke Louffler (2003), *Public management and Governance*. London, New York, Taylor and Francis Group.
39. Robert L. Brubaker (1966), "Archival Principles and the Curator of Manuscripts." *American Archivist* 29, pp.505-514.
40. Lester J. Cappon (1956), "Historical manuscripts as archives: Some definitions and their application." *American Archivists* 19, pp.101-110.
41. Michelle Caswell (2014) "Defining human rights archives: Introduction to the special double issue on archives and human rights." *Archival science*, pp.207-213.
42. Michelle Caswell (2016), “To Suddenly Discover Yourself Existing’: Uncovering the Impact of Community Archives.” *American Archivist* 79, p18.
43. Yeon-Kyoung Chung (2012), “Becoming modern in Korea through women’s oral life history.” *Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 96-113, Hà Nội.
44. Committee of Archival Legal Matters of ICA (2006), *Report of Study 19 (1996-2004)*. International Council of Archives.
45. Michael Crawford (1983), "Copyright, unpublished manuscript records, and the archivist." *American Archivists* 46, pp.135-147.
46. Diana K.Wakimoto, Debra L. Hansen, Christine Bruce (2013), "The Case of LLACE: Challenges, Triumphs, and Lessons of a Community Archives," *American Archivist* 46, pp.438-457.

47. Judith E. Endelman (1987), "Looking backward for plan to the future: Collection analysis for manuscript repository." *American Archivists* 50, pp.134-155.
48. Rob Fisher (2009), In search of a theory of private archives: The Foundational writings of Jekinson and Schellenberg revisited, *Archivaria*, pp.1-24.
49. Andrew Flinn, Mary Stevens, Elizabeth Shepherd (2009), "Whose memories, whose archives? Independent community archives, autonomy and the mainstream." *Archival Science*, p.71.
50. Tracy B. Grimm, Chon A. Noriega (2013), "Documenting regional latino arts and culture: case studies for a collaborative, community - oriented approach." *American Archivist* 76, pp.95-112.
51. Verne Harris (2001), On the back of a tiger: Deconstructive possibilities in "Evidence... of me", *Archives and Manuscripts*,
52. Yo Hashimoto (2012), "Saved from destruction: The path to utilization of wartime village records kept in private custody." *Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, pp.279-286.
53. Toru Hashimoto, Stefan Hell, Sang - Woo Nam (2005), *Nghiên cứu và đào tạo chính sách công ở Việt Nam* (song ngữ Việt - Anh), Ngân hàng Phát triển Châu Á, Hà Nội.
54. Owen E. Hughes (2003), *Public management and Administration - An introduction (third edition)*. Palgrave Macmillan, New York.
55. Human rights working group of ICA (2014), *Basic principles on the role of archivists in support humang rights (draft)*. International Council on Archives.
56. Catherin Hobbs (2001), The Character of Personal Archives: Reflections on the Value of Records of Individuals, *Arhivaria* 52, Toronto Canada, pp. 126-135.
57. Hilary Jenkinson (1922), *Manual of Archive Administration*, Clarendon Press, Oxford.

58. Ikhan KIM (2012), "Community archives and Everyday life archives Movement in Korea: Expansion of archival concerns and making of people' memory", *Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân*, pp. 33-48, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
59. Kwak Kun-Hong (2012), "A study on the archives of everyday life in Korea", *Tổ chức và quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 287-297.
60. Lydia Lucas (1981), "Efficient finding aids: Developing a system for control of archives and manuscripts ." *American Archivist* 44, pp. 21-26.
61. Richard H. Lytle (1980), "A national information system for archives and manuscripts collections." *American Archivists* 43, pp.423-426.
62. Sue McKemmish (1996), "Evidence of me..." *Archives and Manuscripts*.
63. Sue McKemmish, Michael Piggott (2013), "Toward the archival multiverse: Challenging the binary opposition of the personal and corporate archive in modern archival theory and practice." *Archivaria* 76, pp.111-114.
64. Laura Millar (1998), "Discharging our debt: The evolution of the total archives concept in English Canada." *Archivaria* 46, pp.103-106.
65. Myron Momrik (2001), "National Significance": The Evolution and Development of Acquisition Strategies in the Manuscript Division, National Archives of Canada, *Archivaria* 52, pp.153-174.
66. Cristine N.Paschild (2012), "Community archives and limitations indentity: Considering Discursive Impact on Material." *American Archivists* 75.
67. Gary M. Peterson, Trudy Huskamp Peterson (1985), *Archives and Manuscripts: Law*. Society of American Archivists, Chicago .
68. David Sutton. "International perspective on Archives copyright" (2004), *International perspective on Archives copyright*. Wien: ICA, pp.1-8.
69. Jonathan R.Tomkins (2005), *Organization and Public Management*, Tomson Wadsworth.
70. Jin-Hee Yim (2012), "Building a personal archives in digital age." *Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân*, pp.67-78, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội , Hà Nội

71. Josie Wales (2014), *Community archives and archival community*. MA Thesis, Leiden University,.
72. Maria de Lurdes Rosa, Randolph C. Head (eds.) (2015), *Rethinking the Archive in Pre-Modern Europe: Family Archives and their inventories from the 15th to the 19th Century*, Lisbon: InPrintout.
73. Faye Phillips (1984), "Developing collection policies for manuscript collections." *American Archivists* 47, pp.30-42.
74. Richard Pearce-Moses (2005), *A Glossary of Archival and Records Terminology*, Society of American Archivists, Chicago.
75. Riva A. Pollard (2003), The appraisal of personal paper: A critical literature review, *Archivaria* 52, Toronto Canada, pp.137-150.
76. Sarah Ramsden (2016), *Defining 'Community' in Models of Community Archives: Navigating the Politics of Representation as Archival Professionals*. MA thesis, Manitoba, University of Manitoba.
77. T. R. Schallenberg (1965), "A nationwide system of controlling historical manuscripts in the United State." *American Archivist* 28, pp.409-412.
78. Jonathan R. Tomkins (2005), *Organization theory and Public management*. Tomson Wadsworth.
79. UNESCO, ICA (1984), *The Preservation and Administration of private archives: a RAMP study*. Paris, UNESCO.

Website

80. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam. *Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*. 23 7 2012.
http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=28340692&cn_id=534147 (đã truy cập 5 15, 2015).
81. Đại hội toàn quốc Đảng cộng sản Việt Nam khóa XI. "Tập chí xây dựng Đảng." *xaydungdang*. 20 03 2011.
<http://www.xaydungdang.org.vn/Home/vankientulieu/Van-kien-Dang-Nha-nuoc/2011/3511/CHIEN-LUOC-PHAT-TRIEN-KINH-TEXA-HOI-20112020.aspx> (đã truy cập 7 30, 2016).

82. Oxford University.
<http://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/community?q=community> (accessed 10 03, 2015).
83. SCDI. <http://www.scdi.org.vn/tuyen-dung/tuyen-tinh-nguyen-vien-truyen-thong-cho-mang-luoi.html> (đã truy cập 5 18, 2015).
84. The World Bank.
<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/COUNTRIES/EASTASIA/PACIFICEXT/VIETNAMINVIETNAMESEEXTN/0,,contentMDK:23161954~pagePK:1497618~piPK:217854~theSitePK:486752,00.html> (accessed 5 18, 2015).
85. Tổng cục thống kê. <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=714> (đã truy cập 16 19, 2015).
86. VAN. <https://www.facebook.com/mangluoinguoitukyvietnam> (đã truy cập 5 18, 2015).
87. VNPLUS. <http://www.vnplus.com/> (đã truy cập 5 18, 2015).
88. VNPT. <http://xahoithongtin.com.vn/2014--internet-viet-nam-phat-trien-ngoan-muc-d23040.html> (đã truy cập 5.18, 2015).
89. <http://www.phm.org.uk/archive-study-centre/june-2013/>, truy cập năm 2013 và 2014,
90. <https://www.marx-memorial-library.org/about-us/history-of-the-marx-memorial-library>, truy cập năm 2018.
91. <http://cahjp.huji.ac.il/> , truy cập năm 2013 và 2014
92. <http://www.kansanarkisto.fi/people.htm> , truy cập năm 2013 và 2014

PHỤ LỤC 1

Phiếu xin ý kiến (dùng cho cán bộ quản lý)

Phiếu xin ý kiến (dùng cho công dân là chủ sở hữu tài liệu)

PHIẾU XIN Ý KIẾN
(dùng cho cán bộ quản lý)

Kính gửi Anh, Chị,

Tôi là Phạm Thị Diệu Linh, giảng viên, nghiên cứu sinh Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trong thời gian vừa qua, nhiều công dân đã trao tặng tài liệu lưu trữ có giá trị, giúp Nhà nước tạo dựng bằng chứng lịch sử - pháp lý để bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc và nhiều tài liệu khác phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển đất nước. Nhận thấy vai trò quan trọng của người dân và giá trị của tài liệu đang được họ lưu giữ, tôi thực hiện luận án tiến sĩ có chủ đề "*Chính sách quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam*". Ý kiến của Anh/Chị có ý nghĩa rất quan trọng đối với tôi để hiểu và đồng thuận hơn với các nhà quản lý, đồng thời có cơ sở đề xuất kiến nghị giúp tài liệu lưu trữ nhân dân được giới thiệu rộng rãi nhưng vẫn đảm bảo lợi ích cho công dân. Chúng tôi cam kết nội dung khảo sát hoàn toàn được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Anh/Chị đưa ý kiến bằng cách đánh dấu X vào ô có câu trả lời tương ứng hoặc ghi thêm ý kiến khác.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị !

A - THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Cơ quan Anh/Chị đang công tác:
2. Chức vụ Anh/Chị đang đảm nhận:
3. Thâm niên ở vị trí quản lý của Anh/Chị:

B - THÔNG TIN VỀ QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN

Câu 1: Theo Anh/Chị, tài liệu lưu trữ nhân dân gồm những loại nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

- | | |
|---|--------------------------|
| Gia tộc, gia phả | <input type="checkbox"/> |
| Thần tích, thần sắc, hương ước, lệ làng | <input type="checkbox"/> |
| Tài liệu của các cá nhân | <input type="checkbox"/> |
| Tài liệu của các nhóm xã hội | <input type="checkbox"/> |
| Tài liệu của các hội nghề nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Tài liệu của doanh nghiệp tư nhân | <input type="checkbox"/> |
| Tài liệu của các tổ chức phi chính phủ | <input type="checkbox"/> |
| Tài liệu của các cộng đồng dân tộc thiểu số | <input type="checkbox"/> |
- Ý kiến khác:

Câu 2: Cơ quan Anh/Chị công tác đang lưu giữ loại tài liệu lưu trữ nhân dân nào? (có thể chọn nhiều phương án)

- Gia tộc, gia phả
- Thần tích, thần sắc, hương ước, lệ làng
- Tài liệu của các cá nhân
- Tài liệu của các nhóm xã hội
- Tài liệu của các hội nghề nghiệp
- Tài liệu của những cộng đồng dân tộc thiểu số
- Tài liệu về Việt Nam do cá nhân nước ngoài tạo ra hoặc lưu giữ
- Không lưu giữ tài liệu nào

Câu 3: Theo Anh/Chị, việc thu thập, lưu giữ tài liệu lưu trữ nhân dân có những thuận lợi và khó khăn như thế nào?

3a. Thuận lợi:

3b. Khó khăn:

Câu 4: Theo Anh/Chị, tại sao việc thu thập tài liệu lưu trữ nhân dân gặp khó khăn như vậy? (có thể chọn nhiều phương án)

- Vì đó là tài sản thuộc sở hữu của người dân
- Vì người dân chưa hiểu rõ giá trị của tài liệu
- Vì người dân chưa hiểu rõ về cơ quan lưu trữ
- Vì hệ thống văn bản pháp lý và hướng dẫn chưa đầy đủ nên không có cơ sở để thực hiện
- Vì cán bộ lưu trữ chưa đủ năng lực xác định giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân
- Vì cơ quan lưu trữ chưa đủ tài chính, cơ sở vật chất để thực hiện
- Ý kiến khác:

Câu 5: Khi gặp khó khăn trong quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân, cơ quan Anh/Chị đã thực hiện những gì? (có thể chọn nhiều phương án)

- Đội ý kiến chỉ đạo của cấp trên
- Mời chuyên gia Lưu trữ học tư vấn
- Mời chuyên gia chuyên ngành khác như Sử học, Xã hội học,... tư vấn
- Liên hệ và phối hợp làm việc với các cơ quan quản lý chuyên môn như Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch, Sở Khoa học - Công nghệ,...
- Tổ chức hội nghị để lắng nghe ý kiến người dân
- Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền đến người dân
- Không làm gì cả
- Ý kiến khác:

Câu 6: Nếu cơ quan đã tiến hành quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân, Anh/Chị vui lòng cho biết tóm tắt kết quả thu thập, bảo quản và phục vụ khai thác tài liệu đó.

Câu 7: Anh/Chị đồng ý với ý kiến nào sau đây? Tại sao?

- Các cơ quan lưu trữ nên là cơ quan duy nhất được quyền thu thập và quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân
- Các cơ quan lưu trữ nên chia sẻ thẩm quyền thu thập, sưu tầm và quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân với các tổ chức chuyên môn, hội nghề nghiệp như Hội sử học, Hội Nhà văn, Hội Nhà báo, các bảo tàng, các cộng đồng cổ truyền như làng - xã, các nhóm xã hội, các trường đại học,... để quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân
- Ý kiến khác:

Lý do:

Câu 8: Theo Anh/Chị, mục tiêu lớn nhất của quản lý tài liệu lưu trữ nhân dân là (chọn TỐI ĐA 2 phương án)

Nhân dân hiến tặng càng nhiều tài liệu cho lưu trữ lịch sử càng tốt

Nhân dân giữ được càng nhiều tài liệu có giá trị càng tốt

Nhân dân lưu giữ và công bố được càng nhiều tài liệu có giá trị càng tốt

Nhân dân chủ động lưu giữ được nhiều tài liệu có giá trị và tin tưởng phối

hợp với cơ quan lưu trữ để bảo quản, phát huy giá trị tài liệu

Ý kiến khác:

Lý do:

Một lần nữa, Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị !

PHIẾU XIN Ý KIẾN

(dùng cho công dân là chủ sở hữu tài liệu)

Kính gửi Anh, Chị,

Tôi là Phạm Thị Diệu Linh, giảng viên, nghiên cứu sinh Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trong thời gian vừa qua, nhiều công dân đã trao tặng tài liệu lưu trữ có giá trị, giúp Nhà nước tạo dựng bằng chứng lịch sử - pháp lý để bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc và nhiều tài liệu khác phục vụ nghiên cứu lịch sử, khoa học, phát triển đất nước. Nhận thấy vai trò quan trọng của người dân và giá trị của tài liệu đang được họ lưu giữ, tôi thực hiện luận án tiến sĩ nghiên cứu xây dựng chính sách cho tài liệu lưu trữ nhân dân ở Việt Nam. Ý kiến của Anh/Chị không chỉ giúp tôi thực hiện luận án, mà còn là cơ sở để các nhà khoa học tham khảo, kiến nghị với Nhà nước thực hiện biện pháp giới thiệu tài liệu lưu trữ nhân dân rộng rãi trong xã hội nhưng vẫn đảm bảo lợi ích cho công dân. Chúng tôi cam kết nội dung khảo sát hoàn toàn được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Anh/Chị đưa ý kiến bằng cách đánh dấu X vào ô có câu trả lời tương ứng hoặc ghi thêm ý kiến khác.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị !

A - THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Năm sinh: _____ Giới tính: _____
2. Nghề nghiệp: _____
3. Trình độ học vấn: _____ Trình độ chuyên môn: _____
4. Nơi cư trú hiện tại (ghi tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương): _____

B - THÔNG TIN VỀ TÀI LIỆU VÀ VIỆC LƯU GIỮ TÀI LIỆU

Câu 1: Anh/Chị đang tạo ra hoặc lưu giữ tài liệu lưu trữ dạng nào? (có thể chọn nhiều phương án)

Tài liệu ngôn từ trên giấy	<input type="checkbox"/>
Tài liệu bản vẽ, hình ảnh trên giấy	<input type="checkbox"/>
Tài liệu bản vẽ, ngôn từ, hình ảnh, âm thanh trên file điện tử	<input type="checkbox"/>
Xuất bản phẩm trên giấy	<input type="checkbox"/>
Xuất bản phẩm điện tử	<input type="checkbox"/>

Dạng khác: _____

Câu 2: Từ đâu Anh/Chị có được những tài liệu đó? (có thể chọn nhiều phương án)

- Do bản thân tạo ra
- Do được thừa kế
- Do được biếu, tặng, cho
- Do mua được
- Do người khác gửi, nhờ giữ hộ
- Ý kiến khác:

Câu 3: Tài liệu nào đối với Anh/Chị là quan trọng nhất?(đánh số 1-6 theo mức độ quan trọng giảm dần)

Tài liệu về nhân thân như chứng minh thư, hộ chiếu,...	<input type="checkbox"/>
Tài liệu về sở hữu tài sản như sổ đỏ, sổ tiết kiệm,...	<input type="checkbox"/>
Tài liệu là kết quả lao động, sáng tạo như bản thảo tác phẩm, báo cáo công trình nghiên cứu, bản vẽ thiết kế, bằng khen, giấy khen, cơ sở dữ liệu phục vụ công việc,...	<input type="checkbox"/>
Tài liệu của gia đình, dòng họ trao lại như gia phả, tộc phả, nhật ký, hồi ký của người thân,...	<input type="checkbox"/>
Tài liệu là vật kỷ niệm như nhật ký của bản thân, ảnh chụp gia đình, video sự kiện gia đình, cá nhân,...	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:

Câu 4: Anh/Chị lưu giữ tài liệu qua hình thức nào? (có thể chọn nhiều phương án)

Tự lưu giữ tại nhà	<input type="checkbox"/>
Tự lưu giữ tại cơ quan/công ty	<input type="checkbox"/>
Nhờ người thân sống cùng giữ hộ	<input type="checkbox"/>
Nhờ người thân sống ở nơi khác giữ hộ	<input type="checkbox"/>
Gửi vào cơ quan lưu trữ	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:

Câu 5: Anh/Chị quản lý giúp tài liệu của những đối tượng nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

Tài liệu của cha, mẹ, chồng, vợ hoặc con	<input type="checkbox"/>
Tài liệu của anh, chị, em ruột	<input type="checkbox"/>
Tài liệu của dòng họ	<input type="checkbox"/>
Tài liệu của họ hàng xa, bạn bè, người quen	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:

Câu 6: Anh/Chị có cần được trợ giúp, hướng dẫn để bảo quản tài liệu khỏi hư hại không?

Rất cần Có cần Không cần lắm Hoàn toàn không cần

Câu 7: Nếu cần được trợ giúp để bảo quản tài liệu, Anh/Chị muốn được trợ giúp hoặc hướng dẫn theo hình thức nào?

Cung cấp tài liệu hướng dẫn để đọc hoặc cung cấp video hướng dẫn	<input type="checkbox"/>
Được hướng dẫn trực tiếp tại gia đình	<input type="checkbox"/>
Được hướng dẫn trực tiếp và hỗ trợ phương tiện bảo quản tại gia đình	<input type="checkbox"/>
Được hướng dẫn qua hoạt động tham quan ngoại khóa	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:

C - THÔNG TIN VỀ QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN

Câu 8: Anh/Chị có ý định ký gửi, hiến tặng, hoặc bán tài liệu cho cơ quan lưu trữ không? (chọn 8a HOẶC 8b và trả lời tiếp những phần sau)

8a. Có. Vì:

Nhà hoặc cơ quan, công ty chật chội, thiếu chỗ chứa	<input type="checkbox"/>
Muốn chia sẻ tài liệu để mọi người cùng sử dụng	<input type="checkbox"/>
Để lưu danh gia đình, dòng họ	<input type="checkbox"/>
Thông qua cơ quan lưu trữ để công bố tài liệu có nội dung nhạy cảm	<input type="checkbox"/>
Nếu cần thêm tài chính thì bán	<input type="checkbox"/>
Nếu Nhà nước hỗ trợ phát triển sự nghiệp thì tặng hoặc bán với giá ưu đãi	<input type="checkbox"/>
Cơ quan lưu trữ có đủ thiết bị, kho tàng và kỹ thuật để bảo quản và phục vụ sử dụng tài liệu	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:

8b. Không. Vì:

Bảo mật thông tin cá nhân, gia đình	<input type="checkbox"/>
Bảo vệ gia đình, người thân khỏi liên lụy khi công bố tài liệu nội dung nhạy cảm	<input type="checkbox"/>
Giữ bản quyền đối với tài liệu	<input type="checkbox"/>
Chưa hiểu rõ cơ sở pháp lý bảo vệ quyền lợi của người có tài liệu	<input type="checkbox"/>
Không tin tưởng vào cơ quan, cán bộ lưu trữ	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:

Câu 9: Anh/Chị quan tâm tới vấn đề gì khi ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu? (có thể chọn nhiều phương án)

Việc bảo mật thông tin của người có tài liệu	<input type="checkbox"/>
Sự an toàn của người thân, gia đình	<input type="checkbox"/>
Cách thức bảo quản, lưu giữ tài liệu của cơ quan và cán bộ lưu trữ	<input type="checkbox"/>
Sự ghi nhận của Nhà nước đối với hành động ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu	<input type="checkbox"/>
Bản quyền của tài liệu	<input type="checkbox"/>
Chi phí ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu	<input type="checkbox"/>
Giá trị bằng tiền của tài liệu	<input type="checkbox"/>
Sự công khai, minh bạch của cơ quan nhà nước về những vấn đề trên	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:

Câu 10: Theo Anh/Chị, các cơ quan lưu trữ nên làm gì để người dân chia sẻ tài liệu lưu trữ? (ghi số từ 1 đến 4 theo mức độ quan trọng giảm dần)

Tăng cường thông tin về giá trị của tài liệu và lợi ích của công dân khi ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu	<input type="checkbox"/>
Công khai, minh bạch về thủ tục, chi phí, các điều kiện để người dân ký gửi, hiến tặng hoặc bán	<input type="checkbox"/>
Tuyên bố rõ ràng về trách nhiệm của cơ quan lưu trữ đối với tài liệu và chủ sở hữu tài liệu	<input type="checkbox"/>
Thiết lập các giao dịch dân sự dạng hợp đồng để tiếp nhận tài liệu hiến tặng, ký gửi hoặc bán	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:

Câu 11: Anh/Chị muốn vấn đề nào sau đây cần được làm rõ trong văn bản xác nhận việc hiến tặng, ký gửi, hoặc bán tài liệu giữa cá nhân với cơ quan lưu trữ? (có thể chọn nhiều phương án)

Trách nhiệm bảo quản tài liệu và bảo mật thông tin của cơ quan lưu trữ	<input type="checkbox"/>
Trách nhiệm trả phí của công dân (nếu ký gửi)	<input type="checkbox"/>
Thỏa thuận về thủ tục, thời điểm công bố hoặc cho phép sử dụng tài liệu	<input type="checkbox"/>
Thỏa thuận về sử dụng phí khai thác tài liệu giữa cơ quan lưu trữ và chủ sở hữu	<input type="checkbox"/>
Thỏa thuận về bản quyền đối với tài liệu	<input type="checkbox"/>
Thỏa thuận về giá bán tài liệu (nếu tài liệu được bán cho cơ quan lưu trữ)	<input type="checkbox"/>
Thỏa thuận về hình thức giải quyết khi có tranh chấp xảy ra giữa chủ sở hữu và cơ quan lưu trữ	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:

Câu 12: Hiện nay, ngoài các bảo tàng, các cơ quan lưu trữ được giao chức năng tiếp nhận, sưu tầm, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu từ nhân dân. Các cơ quan lưu trữ ở Việt Nam đều do Nhà nước trực tiếp quản lý. Có ý kiến cho rằng nên cho phép thành lập các cơ quan lưu trữ tư nhân để người dân được tự do lựa chọn NỘI ký gửi, hiến tặng hoặc bán tài liệu. Xin Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến về quan điểm này:

Rất đồng ý Đồng ý Không đồng ý lắm Hoàn toàn không đồng ý

Lý do:

Trân trọng cảm ơn Anh/Chị !

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN

A - Nghệ sĩ Vũ Nhật Tân

B - Cán bộ sưu tầm trung tâm lưu trữ quốc gia

C - Đại diện lãnh đạo Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam

A - VŨ NHẬT TÂN

Vũ Nhật Tân: Nghệ sĩ, giảng viên Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

Lý lịch

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Email: vunhattan@yahoo.com

website: <https://vunhattangroup.wordpress.com/>



Sinh ngày 8.8.1970 tại Hà Nội, định cư tại Hà Nội

1987: Sơ cấp piano tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

1991: Trung cấp sáng tác và lý luận âm nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

1995: Cử nhân sáng tác và lý luận âm nhạc, giảng viên chuyên ngành sáng tác và lý luận âm nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

1996: Hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam

2000: Học bổng nghiên cứu âm nhạc đương đại và nhạc điện tử tại CHLB Đức do Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức (DAAD) tài trợ

2015: Trưởng Bộ môn Sáng tác tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

Giải thưởng:

Giải ba cuộc thi sáng tác cho nhạc cụ dân tộc tại Hà Nội với tác phẩm hòa tấu soạn cho nhạc cụ truyền thống Việt Nam năm 1992

Giải nhất cuộc thi sáng tác Saint-Germain-en-Laye tại Pháp cho tác phẩm “Ký ức” năm 1995

Bốn giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam năm 2001-2003: tác phẩm Ngũ đôi đặng đàn - 1998, Phác thảo - 2000, Nhịp đơn Nhịp kép - 2001 và Áo đơn Áo kép - 2003

Giải thưởng của Hội đồng Văn hóa Châu Á năm 2002 tương đương 1 chuyến khảo sát tại Hoa Kỳ

Biệt danh báo chí gọi: Gã phù thủy âm thanh, Judas của nhạc cổ điển,...

Tác phẩm, Dự án nghệ thuật và Nghiên cứu:

2000: Roaring Hoof - Lễ hội âm nhạc mới tại Ulanbataar_Mongolia

2001: Liên hoan âm nhạc SEIDE, tổ chức bởi "Internationale Gesellschaft fuer Neue Music_IGMN" basel, switzerland

2002: Nghiên cứu âm nhạc đương đại và âm nhạc dân tộc tại Hoa Kỳ do Hội đồng Văn hóa châu Á (ACC) tài trợ; tham gia Liên hoan LSU lần thứ 57 về âm nhạc đương đại tại Baton Rouge, bang Louisiana, Hoa Kỳ; chương trình trao đổi sinh viên tại Khoa Âm Nhạc, Đại học California UCSD, thành phố San Diego, Hoa Kỳ; Hội thảo mạng lưới âm nhạc Châu Á tại Hà Nội;

2003 - 2013: sáng tác và trình diễn âm nhạc

2014: "Mặt trời lạnh", trình diễn âm nhạc, Hà Nội, tháng 9.2014

Liên hoan âm nhạc Sonic Moon, trình diễn âm nhạc, Hà Nội, tháng 9.2014

YCAM, trình diễn âm nhạc điện tử, Yamguchi - Nhật Bản, tháng 3.2014

"unPublic" - Digital Album with Nguyen Ngoc Kim Hang (voice), Emilie Mouchous (Korg X-911 guitar synth, electronics, voice), Marina Goussina (voice), FlexRex (Korg 770), Jean Bordé (double bass) & Har\$ (i-apps, dictaphone, voice). tháng 2.2014

2015: "Những thế hệ" - chuỗi chương trình biểu diễn âm nhạc hiện đại tháng 10.2015: tổ chức và trình diễn

"Chuyện nhạc phố cổ" - Chuỗi chương trình âm nhạc hàng tháng tái hiện âm nhạc dân tộc: tổ chức

Liên hoan âm nhạc PUNKT tại Na Uy tháng 9.2015: trình diễn cùng Lương Huệ Trinh và Nguyễn Xuân Sơn

Hòa nhạc của nhóm Truyền thống mới Hà Nội tháng 5.2015: trình diễn

Phỏng vấn Vũ Nhật Tân ngày 02.10.2015

1. Tại sao Anh nhất quyết không tặng tài liệu của Anh cho các lưu trữ Nhà nước?

Vì Anh không tin các cơ quan nhà nước và người làm trong Nhà nước. Hiện nay vẫn có cơ chế quốc hữu hóa tài sản tư dù không được thực hiện công khai, các lợi ích của chủ sở hữu không được tôn trọng. Không ít trường hợp người làm lưu trữ chiếm tài liệu trong kho làm của riêng và bán để thu lợi riêng. Anh không tin họ.

2. Anh có bao nhiêu tác phẩm? Các tư liệu về tác phẩm còn lại gì?

Rất nhiều, chưa thống kê được. Khán giả có thể cập nhật trên website cá nhân của Anh. Hiện nay các đơn vị nghệ thuật và các Quỹ tài trợ nghệ thuật nước ngoài không quan tâm tới CV của nghệ sĩ nữa vì nhiều nghệ sĩ liệt kê CV rất dài nhưng không hoạt động thực tế, nên họ chuyển sang cập nhật thông tin hoạt động từ website của nghệ sĩ.

3. Anh đã viết, viết bằng gì, viết như thế nào? Có bao giờ Anh nghĩ đến việc xuất bản những gì chép đó không?

Anh viết nhiều thứ, chủ yếu là những suy nghĩ về những gì Anh thấy và Anh đọc được trong quá trình đi. Những phần viết này nằm tản mạn trong dữ liệu của Anh, có cả ghi chép trên giấy và file trong máy tính. Anh chưa tổng hợp lại hết, nhưng khoảng 10 % trong số đó đã công bố trên website cá nhân và 50% trong các bài viết báo, bài trả lời phỏng vấn.

4. Nguyên liệu cho sự sáng tác của Anh?

Khoảng 1000Gb âm thanh đang được lưu giữ trong ổ cứng, ngoài ra còn những ghi chép về các ý tưởng, những trải nghiệm

5. Anh có chụp ảnh phải không? Những bức ảnh nào Anh giữ lại?

Không trả lời

6. Nếu đề nghị Anh tặng bản tổng phổ tác phẩm "Hà Nội, Hà Nội,.. " cho lưu trữ nhà nước thì Anh nghĩ sao?

Không, vì sao thì đã trả lời rồi

7. *Nếu bán tác phẩm "Hà Nội, Hà Nội..", Anh sẽ bán với giá bao nhiêu? Có điều kiện nào kèm theo không?*

Nhiều nghệ sĩ, bao gồm cả Anh, không bao giờ bán bản gốc. Nếu bán sẽ rất đắt, có thể lên tới vài trăm ngàn USD nếu đã từng được công bố ở nước ngoài. Nếu bán bản sao thì tùy thuộc vào số lượng bản sao và thỏa thuận chuyển nhượng bản quyền để tính giá. Nếu là CD đã phát hành sẽ phải liên hệ với nhà xuất bản. Nếu mua tác phẩm trực tiếp từ Anh thì vẫn phải có sự tham gia của Trung tâm tác quyền (Hội nhạc sĩ Việt Nam) để họ đại diện cho Anh và thỏa thuận về bản quyền.

Ngoài vấn đề kinh phí, Anh cần sự tôn trọng của nhà nước và người làm lưu trữ với cá nhân nghệ sĩ và với tác phẩm trong tất cả các vấn đề, từ giao dịch mua bán đến bảo quản và sử dụng. Nếu cụ thể hóa bằng các hợp đồng giao dịch dân sự là tốt nhất.

Anh coi các lưu trữ VN là con số 0 vì Anh chẳng hề biết đến họ. Những cơ quan lưu giữ tài liệu, băng, đĩa và sách về âm nhạc để Anh có thể tham khảo đều hoạt động không tốt. Sách tốt đều bị ăn cắp và bán ra ngoài, băng, đĩa bị hỏng, mốc và không sử dụng được tiếp, cơ sở dữ liệu bị sự cố mà không được khắc phục,... Anh không thể tin được các cơ quan nhà nước Việt Nam. Anh ủng hộ việc thành lập các lưu trữ tư nhân và các giao dịch dân sự công bằng.

8. *Ngoài tư cách là nghệ sĩ, Anh cũng là một nhà nghiên cứu. Theo Anh, để nghiên cứu về phong cách Vũ Nhật Tân, người nghiên cứu có thể tiếp cận được tài liệu nào từ Anh ?*

Các tác phẩm của Anh, đã có 30 % được xuất bản, 70% còn lại trong cơ sở dữ liệu của Anh. Tiểu sử và các bài phỏng vấn về Anh đã công khai online, các di cáo và bài báo đã công bố. Anh chưa muốn cho tiếp cận những bài viết chưa công bố.

9. *Có tác phẩm nào của Anh được mua bởi đơn vị nước ngoài chưa?*

Có, năm 1992, tác phẩm "Ký ức" đã được Trung tâm văn hóa Goerge Polidom của Pháp mua lại quyền sử dụng và bản sao bản thu âm và ghi hình trong 100 năm.

Kết quả nghe tác phẩm, đọc bài viết của V.N.T và các bài phỏng vấn V.N.T: (từ 2011 và giai đoạn tập trung 02-20.10)

Vì người nghiên cứu không phải là chuyên gia về âm nhạc và không có nền tảng kiến thức đầy đủ về âm nhạc, nhưng việc nghe 1 số tác phẩm của V.N.T, bao gồm bản giao hưởng "Hà Nội, Hà Nội, Hà Nội...", các tác phẩm nhạc đương đại "Khoảnh khắc bê tông", Noise Machine, và một số chương trình trình diễn nhạc điện tử khác dẫn đến một số suy nghĩ. V.N.T cố gắng và đã tạo ra một sự bứt phá so với những khuôn khổ của nhạc cổ điển, nhưng trong nhạc của V.N.T vẫn có dấu ấn của nhạc cổ điển và cả ảnh hưởng của âm nhạc dân tộc. Sự pha trộn giữa nhạc cổ điển, nhạc dân tộc, âm thanh và nhạc điện tử làm cho âm nhạc này vừa có 1 sắc thái dường như được định hình một cách cố ý, vừa chẳng rõ sắc thái gì. Có những bản nhạc hỗn loạn, nhưng hỗn loạn một cách có trình tự, có sắp đặt, và có lý trí, thậm chí một số đoạn chấp vá. Trong các bài phỏng vấn được đăng tải ở mục blog trên website, V.N.T tự nhận là người thuộc thế hệ đầu tiên khai mở âm nhạc thể nghiệm tại Việt Nam (1991-2000).

Các bài viết của V.N.T trên website không nhiều (16 bài) nhưng 8/16 bài trong số đó nói về phụ nữ và chuyện tình cảm nam nữ, 3/8 bài còn lại về trải nghiệm từ những chuyến đi và chỉ có 5 bài về nghệ thuật. Trong lần phỏng vấn ngày 02.10, V.N.T khẳng định những bài viết của Anh nói về những trải nghiệm trong các chuyến đi. Trả lời của V.N.T về vấn đề này là những bài viết trên được đặt hàng với giá cao của những tạp chí hàng đầu Việt Nam, và vì hầu hết các tổng biên tập đó là phụ nữ nên họ thường đặt bài viết về phụ nữ.

Tổng kết các bài viết về V.N.T, về cơ bản thông tin không nhiều. Các bài phỏng vấn chỉ góp phần làm rõ một nhân cách V.N.T đúng kiểu nghệ sĩ mà công chúng thường muốn hình dung, đam mê nghệ thuật, yêu thích thử nghiệm và thực hành cái mới trong âm nhạc tới mức cực đoan, ngoài ra là những bài tập trung vào những câu chuyện cá nhân quanh cuộc hôn nhân của V.N.T với nhà thơ Khương Hà Bùi.

Phỏng vấn Vũ Nhật Tân ngày 22.10.2015

1. Theo thống kê, anh có 16 bài viết trên website. Trong đó 8/16 bài trong số đó nói về phụ nữ và chuyện tình cảm nam nữ, 3/8 bài còn lại về trải nghiệm từ những chuyến đi và chỉ có 5 bài về nghệ thuật. Tại sao anh đăng những bài viết như vậy trên website cá nhân?

Đó là những bài viết được các tạp chí hàng đầu ở Việt Nam trả giá cao (hơn 10 triệu đồng/bài) và cũng là những bài Anh tâm đắc nhất. Hiện nay Anh không viết theo đặt hàng của họ nữa vì nhuận bút quá thấp.

2. Anh thường viết về chủ đề gì? Anh có định xuất bản chúng không?

Những ghi chép về cuộc sống, những suy nghĩ. Chắc chắn Anh sẽ xuất bản chúng, nhưng không phải bây giờ.

3. Ý định xuất bản những bài viết đó xuất hiện từ khi nào?

Ngay từ khi Anh bắt đầu viết. Anh thường ghi chép từ khi 20 tuổi, từ 1986-1987 bắt đầu tìm hiểu về nhạc đương đại và bắt đầu dùng email từ 1996. Tất cả chúng đều được sắp xếp và lưu giữ để sau này xuất bản.

4. Nếu định xuất bản ngay từ khi viết, Anh có nghĩ là thông tin trong đó sẽ khác so với việc Anh chỉ viết cho mình và viết một cách tự nhiên không?

Anh định xuất bản nhưng Anh vẫn viết thật với chính mình.

5. Tại sao Anh không xuất bản hoặc công bố chúng vào thời điểm này?

Vì có nhiều vấn đề mà người Việt Nam hiện nay chưa chịu chấp nhận hoặc tiếp cận. Nhiều thành tựu nghệ thuật của thế giới và của các nghệ sĩ ở Việt Nam nhưng chưa được cộng đồng nghệ thuật và công chúng thừa nhận. Việc xuất bản bây giờ sẽ không có ý nghĩa.

6. Anh xuất hiện trên truyền thông với tư cách của một nhà soạn nhạc, một nhà báo, một người chồng, người tình với cá tính đặc biệt, có sở thích,... Có điều gì mà truyền thông chưa biết không?

Có rất nhiều, nhưng em không nên biết làm gì.

7. Truyền thông viết nhiều về Anh nhưng chưa có bài viết thật sự nào sâu sắc về âm nhạc của Anh. Tại sao vậy?

Vì các cô gái nhà báo, những người đến phỏng vấn thiếu kiến thức và sự hiểu biết về âm nhạc, thậm chí họ còn lầm tưởng âm nhạc của Anh là nhạc cổ điển cho đến khi gặp Anh. Anh có để họ nghe nhạc của Anh, nhưng họ không thể tiếp nhận được nó. Hạn chế chính ở đó.

8. Anh quan niệm thế nào về ký ức? Ký ức còn lại của Anh đang ở dạng nào?

Ký ức là những thứ còn lại của cuộc sống. Anh quan niệm ở mỗi người đều phải cùng lúc nhận thức được về quá khứ, hiện tại và tương lai. Là con người, anh ta phải trân trọng quá khứ, phải thương thức hiện tại và chuẩn bị cho tương lai, không nhận thức được điều này thì không còn là con người nữa. Ký ức của Anh còn trong trí nhớ, trong những thứ anh viết ra, ghi âm lại, trong máy tính, trong email,...

9. Anh tự coi mình là một trong những người thuộc thế hệ đầu của âm nhạc thế nghiệm ở Việt Nam phải không, như bài phỏng vấn trên blog của Anh có viết?

Đúng thế

10. Tuyên ngôn nghệ thuật của Anh là gì?

Sáng tạo, sáng tạo, sáng tạo...

Làm gì cũng phải có sáng tạo. Ăn cũng phải sáng tạo nữa là nghệ thuật.

11. Nếu chọn 5 tính từ để mô tả về bản thân, Anh sẽ dùng từ nào?

Chỉ duy nhất 1 từ: SÁNG TẠO.

* *Thông tin thêm từ cuộc phỏng vấn:* Về cơ bản, V.N.T có xu hướng tuyệt đối hóa những nhận định của anh ta. Từ những trải nghiệm, những trường hợp, những thông tin V.N.T được biết đều trở thành chân lý và chính xác đến mức mọi thông tin khác, chỉ cần khác đi mà chưa cần trái ngược đều bị coi là sai. Ngoài ra, tâm lý tự đề cao bản thân có thể khiến câu trả lời thiếu chính xác, thậm chí thiếu cân nhắc đến mức sơ hở, như câu trả lời về thời điểm xuất hiện ý tưởng xuất bản các ghi chép.

B - TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA

Phỏng vấn cán bộ sưu tầm Trung tâm Lưu trữ Quốc gia ngày 12/8/2016

1. Năm nay Trung tâm sưu tầm thêm được tài liệu của cá nhân nào không?

Có, tài liệu của nhạc sĩ Cát Vân và nhạc sĩ Thanh Phúc.

2. Trung tâm căn cứ vào cơ sở nào để lựa chọn cá nhân nhằm sưu tầm tài liệu?

Có hai căn cứ chính: những cá nhân được giải thưởng Hồ Chí Minh và cá nhân được giải thưởng quốc tế.

3. Trung tâm có biết tới nghệ sĩ Vũ Nhật Tân không? Anh này có giải thưởng âm nhạc quốc tế nhưng chưa được giải thưởng Hồ Chí Minh.

Chưa biết

4. Nếu nghệ sĩ Vũ Nhật Tân muốn tặng những tác phẩm đã đạt giải thưởng quốc tế cho lưu trữ quốc gia để đổi lấy quyền khai thác, sử dụng thường xuyên, không giới hạn tài liệu lưu trữ đang được bảo quản tại Trung tâm thì có khả thi không?

Chưa thể trả lời được vì việc này thuộc thẩm quyền của Giám đốc, có thể ở cấp cao hơn và chưa có tiền lệ trao đổi nào như vậy.

5. Quy trình sưu tầm tài liệu lưu trữ cá nhân, gia đình, dòng họ tại Trung tâm như thế nào?

Bước 1: liên hệ khảo sát. Ví dụ với nhạc sĩ Cát Vân hoặc Thanh Phúc, Trung tâm phải liên hệ qua Hội nhạc sĩ Việt Nam hoặc qua sự giới thiệu của nhạc sĩ khác, qua thông tin từ internet, từ danh sách khen thưởng của Chủ tịch nước từ văn phòng Chủ tịch nước,...

Bước 2: Tiếp cận qua người giới thiệu hoặc qua tổng đài bưu điện 116

Ví dụ: với nghệ sĩ La Văn Cầu phải tiếp cận qua Mặt trận tổ quốc Việt Nam

Tuy nhiên, rất nhiều trường hợp không tiếp cận được. Tính từ 2007 - 2011, có khoảng 15-20 trường hợp chỉ tiếp cận được gia đình nhưng không được tiếp cận tài liệu như trường hợp GS. Phan Huy Lê, nghệ sĩ Trần Dần.

Bước 3: Khảo sát

Cán bộ sưu tầm đến xem tài liệu, lựa chọn bản chính, bản gốc. Việc lựa chọn này chỉ bắt đầu từ 2012, trước đó không đòi hỏi như vậy. Tuy việc lựa chọn giúp tài liệu được phân loại có giá trị ngay từ khi sưu tầm nhưng lại làm hạn chế thành phần tài liệu sưu tầm được, nhất là khi chủ sở hữu không còn giữ được bản gốc hoặc bản chính. Điều này làm hạn chế so với các đơn vị tư nhân vì họ không bị giới hạn bởi yêu cầu bản chính, bản gốc, họ sưu tầm cả tài liệu và hiện vật. Trước 2012, các mẫu biên bản, giấy giao - nhận tài liệu của Trung tâm với chủ sở hữu cũng không chặt chẽ, thậm chí không có nên sau khi thu về, muốn đưa tài liệu để phục vụ sử dụng cũng bị phụ thuộc nhiều yếu tố, độc giả phải tự xin phép chủ sở hữu. Hơn nữa, những hạn chế về kinh phí của nhà nước so với đơn vị tư nhân làm cho sự quan tâm, thăm hỏi của Trung tâm với chủ sở hữu

không tốt bằng (chỉ tiến hành từ 2007 - 2014, từ 2015 phải dừng). Thủ tục bàn giao tài liệu không phức tạp, chỉ có biên bản thỏa thuận do Trung tâm tự soạn, chủ sở hữu cũng không đòi hỏi văn bản gì.

Bước 4: Thẩm định

Cục lưu trữ cử chuyên gia thẩm định về vai trò, đóng góp của cá nhân và giá trị tài liệu. Điều này không chỉ giúp lựa chọn được tài liệu tốt để sưu tầm mà còn tránh bảo quản những tài liệu có giá trị thấp, ảnh hưởng đến uy tín của người tạo ra tài liệu. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, các chuyên gia thẩm định cũng có tâm lý nể nang với chủ sở hữu nên chưa thực sự khách quan trọng đánh giá.

Bước 5: Xác định thành phần tài liệu để sưu tầm

Nhìn chung, tài liệu được sưu tầm tập trung vào tài liệu phản ảnh tiểu sử, các sáng tác hoặc công trình nghiên cứu, tài liệu về hoạt động công vụ, tài liệu do cá nhân viết, tài liệu do người khác viết về cá nhân, ...

6. Trung tâm có bảo quản tài liệu của các dòng họ không?

Có nhưng rất ít, chỉ khoảng 3 hộp gồm tài liệu của dòng họ Đỗ Việt Nam, họ Ngô Việt Nam, họ Trần Việt Nam với một số gia phả, tộc phả bằng chữ quốc ngữ, CD về hoạt động của dòng họ.

7. Trung tâm có định sưu tầm tài liệu của các hội nghề nghiệp không?

Chưa sưu tầm được, nếu có sẽ tập trung vào các hội do nhà nước cấp kinh phí hoạt động và thuộc danh mục nguồn nộp lưu. Với các hội tư nhân, trung tâm chưa có chính sách sưu tầm.

8. Đối với các nhóm xã hội, các hội tự nguyện hoạt động theo các phong trào xã hội như các nhóm thiện nguyện có được quan tâm để sưu tầm tài liệu không?

Trung tâm chưa nghĩ tới các đơn vị này. Hơn nữa, sự hạn chế về kinh phí và chặt chẽ về thủ tục thẩm định buộc phải có sự lựa chọn, không quan tâm hết được.

C- TRUNG TÂM DI SẢN CÁC NHÀ KHOA HỌC VIỆT NAM

Phỏng vấn Lãnh đạo Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam

ngày 26/8/2016

1. Trung tâm có tiêu chí lựa chọn cá nhân và lựa chọn tài liệu để sưu tầm không?

Chưa có tiêu chí rõ ràng, chủ yếu tập trung vào những nhà khoa học cao tuổi, già yếu, sắp qua đời và có uy tín khoa học được ưu tiên sưu tầm. Trong 4-5 năm đầu mới hoạt động, Trung tâm không phân biệt và thường sưu tầm tất cả tài liệu được hiến tặng. Nhưng nay bắt đầu có lựa chọn thông qua việc tìm hiểu tiểu sử, đóng góp của cá nhân và dự kiến tài liệu cần sưu tầm như tài liệu tiểu sử, nhật ký, hồi ký, các bản viết tay, sổ ghi chép, những tài liệu là độc bản.

2. Các bước tiến hành sưu tầm của Trung tâm như thế nào?

Tiếp cận, khảo sát, sưu tầm, sắp xếp, bảo quản. Thường thì cán bộ sưu tầm sẽ điện thoại trước để giới thiệu và đặt vấn đề, sau đó tiến hành phỏng vấn và sưu tầm tài liệu.

3. Tình hình tài liệu được sưu tầm hiện nay ra sao?

Tính đến 2015, Trung tâm đang lưu giữ được khoảng 300 nghìn tài liệu và hiện vật của gần 1000 cá nhân nhà khoa học, bao gồm cả bản chính, bản gốc, bản photo và sao, in, các CD.

4. Trung tâm thỏa thuận và thuyết phục chủ sở hữu như thế nào? Có văn bản thỏa thuận không? Mua hay vận động hiến tặng? Có thỏa thuận về sở hữu và bản quyền không?

Chưa mua tài liệu bao giờ. Trung tâm sưu tầm được chủ yếu trên cơ sở tự nguyện hiến tặng. Vẫn có khoảng 5% - 10% từ chối. Khi nhà khoa học tặng tài liệu, Trung tâm có biên bản giao - nhận tài liệu, có nêu rõ mục đích lưu giữ tài liệu và cung cấp bản sao cho những người sử dụng.

Việc tiếp cận chủ sở hữu và nhà khoa học được thực hiện lâu dài, từ đến thăm hỏi, nói chuyện, lắng nghe chia sẻ, quan tâm đến đời sống của nhà khoa học, tặng quà các dịp kỷ niệm, lễ tết. Vì Trung tâm được Melatech bảo trợ nên thực hiện chương trình Chăm sóc nhà khoa học bằng thẻ khám bệnh miễn phí hoặc giảm giá trong 1 năm,...

5. Số lượng nhân viên chuyên trách tại Trung tâm?

Có 12 cán bộ sưu tầm và thử việc. Có 15 nhân viên kiểm kê, bảo quản và thường xuyên tiếp nhận khoảng 40 sinh viên, cộng tác viên thực tập và làm việc với tài liệu.

6. Nếu được đề nghị Nhà nước hỗ trợ, Trung tâm muốn được hỗ trợ vấn đề gì?

Hiện nay Trung tâm là thành viên của Hội Di sản Việt Nam. Mong muốn của Trung tâm là được đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ như kỹ thuật thu thập, xử lý thông tin, thuyết trình, đánh giá tài liệu, tham gia cộng tác từ các chuyên gia để cùng thẩm định, đánh giá tài liệu.

PHỤ LỤC 3

KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÀI LIỆU CỦA MỘT SỐ CÁ NHÂN

(khảo sát tháng 4.2014 cùng nhóm sinh viên K55)

- A- Tài liệu của nhà giáo thuộc trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
- B- Tài liệu của nhà giáo thuộc tỉnh Bắc Giang

A - TÀI LIỆU CỦA NHÀ GIÁO THUỘC TỔNG HỢP HÀ NỘI

1. Họ và tên: **HOÀNG VĂN KHOÁN** năm sinh: 1935

1.1. Sơ lược tiêu sử hoặc lý lịch trích ngang:

- Nghề nghiệp: Nhà giáo
- Quê quán: tại xã Hương Thủy, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- Nơi ở hiện nay: số nhà 40, ngõ 160 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội.
- Thâm niên công tác ở vị trí nghề nghiệp trên: 43 năm
- Thành phần gia đình (nếu có). Ví dụ: nhà nho yêu nước, nông dân, trí thức,...
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1952 - 1954: Học viên trường Trung cấp Sư phạm Khoa học Xã hội Trung ương (Nam Ninh, Trung Quốc).
 - + Năm 1956: ông làm giáo viên cấp II ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh, Ủy viên chấp hành huyện đoàn.
 - + Năm 1959 - 1961: Giáo viên trường Sư phạm Sơ cấp Hà Tĩnh, bí thư Đoàn trường, Tổ trưởng các Bộ môn Khoa học xã hội.
 - + Từ năm 1962- 1967: Sinh viên trường Đại học Tổng hợp Khắc - cốp, nước Cộng hòa Ucraina - Liên Xô.
 - + Từ năm 1967 - 1970: ông là thầy giáo của bộ môn Khảo cổ học, Khoa Lịch sử, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội); Bí thư chi bộ Khoa Sử.
 - + Từ năm 1971-1974: Nghiên cứu sinh tại Viện Khảo cổ, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.
 - + Từ năm 1974 - 1985: Giảng viên trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Phó chủ nhiệm Khoa Sử, Bí thư Đảng ủy Đảng bộ Khoa Sử.
 - + Năm 1986: Thực tập sinh cao cấp tại trường cũ Khai - cốp, Ucraina, Liên Xô.
 - + Năm 1987 - 2000: Giảng viên cao cấp, Trưởng phòng tổ chức, Phó Bí thư Đảng ủy Đảng bộ Đại học Tổng hợp Hà Nội. (Theo cuốn “Những người con Hà Tĩnh trên mọi miền tổ quốc (1945 - 2012) và “Bí ẩn của lòng đất”)

1.2. Về tài liệu cá nhân đang lưu giữ:

1.2.1. Tài liệu về nhân thân: chứng minh thư, giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn,

Qua khảo sát tôi chỉ tiếp cận được những tài liệu sau:

- Chứng minh thư: 01 bản hiện đang dùng
- Giấy khai sinh: 01
- Thông báo về việc nâng bậc lương năm 1980: 01
- Bằng tốt nghiệp phó tiến sĩ bên Nga: 01
- Quyết định số 763/ QĐ ngày 24 tháng 7 năm 1986 về việc cử cán bộ đi thực tập ở Liên Xô: 01

- Thẻ hội thảo quốc tế về Việt Nam học: 01
 - Thẻ Đảng viên: 01
 - Bằng tốt nghiệp đại học: 01,
 - Báo cáo tình hình và kết quả công tác trong thời gian ở nước ngoài: 01
- 1.2.2. Tài liệu về tài sản và tài chính: sổ hộ khẩu, sổ tiết kiệm, sổ đỏ, công trái chính phủ chưa đến hạn thanh toán, cổ phiếu, các loại hợp đồng, giấy vay nợ hoặc cho vay, các loại hóa đơn đã thanh toán như điện, nước sạch,...
- Không được tiếp cận do không được sự đồng ý của thầy Hoàng Văn Khoán
- 1.2.3. Tài liệu về quá trình công tác:
- Tài liệu do chính cá nhân tạo ra: bài giảng, giáo án, đề thi, hướng dẫn ôn tập, bản thảo sách, báo cáo tổng thuật đề tài nghiên cứu, tác phẩm (thơ ca hò vè, tranh vẽ)....
 - Bản thảo tiêu biểu của PGS. Hoàng Văn Khoán chủ yếu là những công trình nghiên cứu, các bài viết liên quan đến lĩnh vực mà thầy nghiên cứu là khảo cổ học đó là:
 - 1, Lịch sử kiến trúc và điêu khắc cổ đại Việt Nam
 - 2, Phân biệt tiền nguyên phong thông bảo của Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản
 - 3, Môi trường kiến trúc thành Thăng Long
 - 4, Phát hiện các di vật tiền cổ tại cuộc khai quật khảo cổ khu vực 18 Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội trung tâm Hoàng thành Thăng Long xưa
 - 5, Báo cáo khai quật di chỉ thành nội Luy Lâu tháng 12 năm 2000
 - 6, Một số sưu tập tiền cổ bằng kim loại có niên hiệu Việt Nam và Trung Quốc được phát hiện ở Việt Nam (Đề tài khoa học cấp Bộ)
 - 7, Sơ kì thời đại đồ sắt thế giới và Việt Nam (Bài giảng)
 - 8, Cổ tiền học và tiền cổ Việt Nam
 - 9, Địa điểm khảo cổ học Đình Tràng, Đông Anh, Hà Nội.
 - 10, Sổ tay (cẩm nang) tiền cổ kim loại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp lưu hành ở Việt Nam từ đầu công nguyên đến năm 1975
 - 11, Cơ sở khảo cổ học
 - Tới thời điểm hiện tại PGS. Hoàng Văn Khoán có khoảng trên 80 tác phẩm. Bao gồm sách, giáo trình, các bài viết, công trình nghiên cứu. PGS. Hoàng Văn Khoán đã viết sách và hiện tại có 06 cuốn đã được xuất bản:
 - Cổ Loa - Trung tâm hội nghị văn minh sông Hồng, chủ biên, Nxb. Văn hóa - Thông tin. Viện Văn hóa Thông tin.
 - Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc chùa tháp thời Lý - Trần, Nxb. Văn hóa - Thông tin. Viện Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1996.
 - Bí ẩn của lòng đất, chủ biên, Nxb. Trung tâm UNESCO- Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, Hà Nội, 1999.

- Lịch sử Hà Tĩnh, tập I và tập II, đồng tác giả, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
 - Cơ sở khảo cổ học, đồng tác giả, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.
 - Địa chỉ Cổ Loa, đồng tác giả, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2007.
- Một số đề tài khoa học cấp Bộ như: - Địa điểm khảo cổ học Đình Tràng (Đông Anh, Hà Nội). Đã nghiệm thu.
- Một số sưu tập tiền cổ bằng kim loại có niên hiệu Việt Nam và Trung Quốc được phát hiện ở Việt Nam. Đề tài này do thầy đã nghỉ hưu nên nhờ Cục phó cục di sản Bộ Văn hóa đăng ký làm chủ nhiệm và đã được nghiệm thu. Có giải thưởng trị giá 278 triệu đồng.
 - Sổ tay (cẩm nang) tiền cổ kim loại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp lưu hành ở Việt Nam từ đầu Công nguyên đến năm 1975. Vì thầy đã nghỉ hưu nên nhờ Nguyễn Quốc Hùng Cục phó cục di sản đăng ký làm chủ nhiệm. Tất cả có 2 tập là tập 1 và tập 2. Đã nghiệm thu, có giải thưởng và đang chuẩn bị in thành sách dạng từ điển làm công cụ tra cứu.
 - Trên cơ sở 2 đề tài ở trên đã xây dựng được bộ phim “Tiền tệ trong lịch sử Việt Nam”, gồm 4 tập và được chiếu nhiều lần trên truyền hình.
 - Phó giáo sư Hoàng Văn Khoán tính đến thời điểm hiện tại đã có khoảng gần 70 bài viết cho các tạp chí nổi tiếng như: Tạp chí Khoa học, tạp chí Thông báo Khoa học, tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, tạp chí khảo cổ học, ...
- Một số bài viết tiêu biểu của thầy trên các tạp chí như: - Khái quát về tiền cổ Việt Nam. Thông báo Khoa học - Sử học. Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Năm 1971.
- Luyện kim và chế tác kim loại thời Hùng Vương. Tạp chí Khảo cổ học. Hà Nội. Năm 1971
 - Tìm hiểu kỹ thuật chế tạo công cụ lao động bằng sắt thép ở miền Nam xibiari từ thế kỷ VII TCN đến thế kỷ XII sau CN. Tạp chí Khảo cổ học Xô Viết. Số 4 năm 1974.
 - Kim tướng học trong khảo cổ học. Tạp chí khảo cổ học số 5, Hà Nội. Năm 1974.
 - Nước ta có gang tự bao giờ. Tạp chí khảo cổ học, số 2. Năm 1978.
 - Nông nghiệp trong lịch sử. Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 12, Hà Nội. Năm 1981.
 - Lưỡi cày đồng loại hình Cổ Loa. Tạp chí khảo cổ học. Năm 1982
 - Bàn về kỹ thuật đúc trống Đông Sơn. Thông báo khoa học. Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam, số 3. Năm 1985.
 - Chùa Phúc Khánh và vấn đề niên đại. Thông báo khoa học. Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam. Năm 1994.

- Đồi điều về sự phát sinh và phát triển tiền cổ Việt Nam. Tạp chí Khoa học, số 3. Năm 1996.
- Mấy ý kiến nói về bài viết của Bùi Thiết “Thử bàn về sự xuất hiện đồ sắt trong lịch sử Việt Nam” thực chất của đối thoại sử học. Nxb. Thế giới. Năm 2000.
- Khu mộ thuyền ở Thiên Lộc (Hà Tĩnh). Tạp chí khảo cổ học, số 5. Năm 2007.
- Con rồng thời Lý. Hội thảo khoa học 1000 năm vương triều Lý và kinh đô Thăng Long. Kỉ yếu. Năm 2009.
- Phát hiện các di vật tiền cổ tại cuộc khai quật khảo cổ khu vực 18 Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội, trung tâm hoàng thành Thăng Long. Kỉ yếu hội thảo khoa học năm 2009.
- Phân biệt tiền nguyên phong của Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản. Tạp chí khảo cổ học. Năm 2009.
- Về Hương Khê, Hương Khê 135 năm (1867 - 2002). Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội. Năm 2003.
- Vài nét về kiến trúc Phật giáo thời Lý. Kỉ yếu hội thảo khoa học Lý Công Uẩn và Vương triều Lý. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm 2001.
- Tiền cổ kim loại Nhật Bản phát hiện ở Việt Nam. Kỉ yếu hội thảo quốc tế IPA. Năm 2009.
- Vài nét về nghệ thuật điêu khắc đình làng ở Bắc Bộ
Phó giáo sư Lê Mậu Hãn đã có các bài viết tiêu biểu trên các tạp chí như: Tạp chí lịch sử Đảng, tạp chí Báo cáo viên, tạp chí Lịch sử Quân sự,....
- Tài liệu do cá nhân khác tạo ra có sự tham gia của cá nhân: báo cáo khoa học, khóa luận, niên luận,... do cá nhân hướng dẫn
PGS. Hoàng Văn Khoán đã hướng dẫn sinh viên làm một số đề tài như: - Vất si sa kệt (chùa si sa kệt) Viêng Chăn - CHDCND Lào (nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc) (Luận văn thạc sĩ của Thoong My - Duan Sak Da. Đề hướng dẫn được thầy đã sang Lào một tháng để tìm hiểu về chùa Si sa kệt và hướng dẫn sinh viên
- Vật liệu kiến trúc thời Đinh - Tiền Lê ở khu trung tâm di tích cổ đô Hoa Lư (Luận văn thạc sĩ khoa học lịch sử của Nguyễn Cao Tấn)
- Các di tích đồng thau và sắt sớm khu vực Cổ Loa trong bối cảnh thời đại kim khí đồng bằng Bắc Bộ (Luận án tiến sĩ khoa học lịch sử của Lại Văn Tới)
- Lịch sử Nghệ Tĩnh thời kỳ nguyên thủy (Luận văn thạc sĩ khoa học lịch sử của Hoàng Quốc Tuấn)
- Cụm di tích đình - chùa làng Hữu Bằng (Hà Tây) Kiến trúc và Điêu khắc (Luận văn thạc sĩ khoa học của Phạm Đức Hân)....
- Tài liệu cá nhân dùng để tham khảo: hệ thống tư liệu (sách, đề tài, tạp chí,...)

- Tài liệu của các cơ quan, cá nhân khác viết về cá nhân hoặc ban hành để ghi nhận quá trình công tác: bài báo ca ngợi, thư cảm ơn, các quyết định trao tặng giấy khen/huân chương/huy chương/huy hiệu...

• Đánh giá cao công lao của nhà giáo Hoàng Văn Khoán, Đảng, Nhà nước đã khen thưởng:

+ Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba: 01

+ Huân chương Lao động hạng Nhì: 01

+ huy chương Vì sự nghiệp giáo dục: 01

+ Huy chương vì sự nghiệp khoa học và công nghệ: 01

+ Huy chương vì thế hệ trẻ: 01

+ Danh hiệu nhà giáo ưu tú: 01

+ Danh hiệu nhà giáo nhân dân: 01

+ Huy hiệu 40, 50 năm tuổi Đảng: 02

• Tại Phần II của cuốn sách “Bí ẩn của lòng đất”: Tình cảm của bạn bè, đồng nghiệp và học sinh, sinh viên dành cho thầy Hoàng Văn Khoán. Một số bài tiêu biểu như:

+ Nguyễn Quang Ngọc “Nghĩ về thầy từ những ngày gian khổ”

+ Nguyễn Hải Kế “chuyện cũ nhắc lại”

+ Nguyễn Văn Kim “thầy Hoàng Văn Khoán”

+ Nguyễn Đình Lê “người thầy giáo tâm huyết”

+ Ngô Đăng Tri “nhà giáo ưu tú Hoàng Văn Khoán, người thầy gần gũi của tôi”

+ Hán Văn Khẩn “36 năm tình sâu nghĩa nặng”

+ Đinh Xuân Lâm “từ cuộc gặp gỡ đầu tiên trên núi rừng Việt Bắc”

+ Trần Quốc Vượng “tặng Hoàng Văn Khoán tiên sinh”.

• PGS. Hoàng Văn Khoán còn nhận được nhiều quà tặng của các cơ quan, tổ chức như: Quỹ trái tim vàng, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Viện khảo cổ học,

→ Những tài liệu này hiện vẫn được lưu giữ tại nơi ở của thầy.

1.2.4. Tài liệu về sở thích, thói quen hay các mối quan hệ cá nhân:

- Các loại thư từ, trao đổi cá nhân ngoài công việc.

• Việc trao đổi thư từ đối với thầy là rất quen thuộc bởi các thầy sinh ra trong điều kiện công nghệ thông tin chưa phát triển. Thầy cũng chia sẻ, do điều kiện và hoàn cảnh không ủng hộ nên đến giờ các lá thư viết tay không còn được giữ đầy đủ và nguyên vẹn. Được sự chia sẻ của PGS. Hoàng Văn Khoán hiện nay thầy còn giữ lại được bức thư tay của cô học trò người Lào viết hỏi thăm thầy. Bức thư này được viết ngày 26/9/1988 với nội dung bày tỏ tình cảm của chị với thầy; hỏi thăm sức khỏe, tình hình công tác của thầy với một số thầy khoa Lịch sử. Cuối bức thư chị để lại địa chỉ nơi chị sinh sống và mời thầy có dịp sẽ sang Lào chơi.

- Nhật ký, hồi ký, ghi chép cá nhân khác

Ngày ký chính là một loại văn xuôi ghi chép những sinh hoạt thường ngày bao giờ cũng chỉ ghi lại những vấn đề đã diễn ra, đã nếm trải và đã thử nghiệm của chính người viết nhật ký. Nhưng theo sự chia sẻ của PGS. Hoàng Văn Khoán thì thầy không có thói quen viết nhật ký.

Song thầy Hoàng Văn Khoán cho biết thêm trong cuốn sách “Bí ẩn của lòng đất”. Có bài hồi ký “Con đường đi học” do thầy viết. Kể lại một cách chân thật hành trình, những khó khăn bắt đầu con đường học tập của thầy từ khi còn nhỏ cho đến khi xuất dương du học, trở về Hà Nội nhận công tác.

- Ảnh chụp từng thời kỳ và sự kiện: chưa khảo sát được

- Băng hình, ghi âm (nếu có): Thầy Hoàng Văn Khoán có tham gia đóng góp để làm nên bộ phim “Tiền tệ trong lịch sử Việt Nam” gồm 4 phần được chiếu trong chương trình Những mảnh ghép của cuộc sống trên kênh truyền hình VTV2.

- Các tài liệu cho thấy sở thích giải trí cá nhân khác: tiểu thuyết/truyện thích đọc, phim thích xem, đĩa nhạc hay nghe,....:

Chưa khảo sát được

1.3. Tình hình lưu giữ:

- Thái độ/ý thức của cá nhân về việc lưu giữ: thể hiện qua số lượng tài liệu còn giữ, việc sắp xếp, bảo quản tài liệu và qua phỏng vấn (ngày 16, tháng 02 năm 2014)

Qua việc khảo sát tài liệu và qua việc phỏng vấn trực tiếp tại nơi ở của thầy thì nhìn chung tôi thấy rằng thầy đã có ý thức lưu trữ những tài liệu cá nhân của mình. Song qua nhiều lần chuyển nhà thì một số tài liệu đã bị mất mát.

- Phương tiện lưu giữ: tủ, hộp, hòm,...

Những tài liệu lưu trữ cá nhân của thầy được để trên hệ thống các giá sách, tủ đựng tài liệu, một số được treo trên tường và để trong hòm có khóa.

- Cá nhân tự lưu giữ hay người khác trong gia đình lưu giữ giúp???? (rất quan trọng)

Những tài liệu lưu trữ cá nhân đó do thầy tự lưu giữ và bảo quản.

2. Họ và tên: **LÊ MẬU HÃN** năm sinh: 1935

2.1. Sơ lược tiểu sử hoặc lý lịch trích ngang:

- Nghề nghiệp: Nhà giáo

- Quê quán: tại Bích La Thượng, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Nơi ở hiện nay: số 305 nhà D10, ngõ 63 phố Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

- Thâm niên công tác ở vị trí nghề nghiệp trên: gần 50 năm

- Thành phần gia đình (nếu có). Ví dụ: nhà nho yêu nước, nông dân, trí thức,...

- Quá trình công tác:

+ Năm 1953, thầy rời Quảng Trị ra bắc học tập. Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, thầy vào học Khoa Lịch sử - trường Đại học Tổng hợp Hà Nội khóa đầu tiên. Tháng 8 năm 1959, sau một quá trình phấn đấu học tập không mệt mỏi cũng như GS. Phan Đại Doãn, GS. Vũ Dương Ninh, PGS. Vũ Văn Bản... PGS. Lê Mậu Hãn là một trong số 17 sinh viên khoá 1 của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội được giữ lại để bổ sung cho đội ngũ cán bộ giảng dạy khoa học Lịch sử. Dưới sự dìu dắt của các học giả Trần Văn Giàu, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo và sự giúp đỡ nhiệt tình của các đồng nghiệp đàn anh, qua một quá trình rèn luyện gian khổ, thầy đã trở thành một nhà giáo, nhà sử học, một chuyên gia về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và lịch sử Việt Nam hiện đại.

+ Từ năm 1959 đến năm 2000 là giảng viên Khoa Lịch sử - Đại học Tổng Hợp Hà Nội

+ Từ năm 2000 đến nay là giảng viên bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

+ Từ năm 1976 đến năm 1990 Thầy là chủ nhiệm Khoa Lịch sử - Đại học Tổng hợp

+ Từ năm 1991 đến năm 2000 là chủ nhiệm môn Lịch sử Đảng Khoa Lịch sử - Đại học Tổng hợp

+ Tổ trưởng tổ Hồ Chí Minh học Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

+ Ngoài ra thầy còn tham gia nhiều hội đồng chấm luận án tiến sĩ, thạc sĩ, hội đồng nghiệm thu các công trình khoa học cấp Nhà nước.

+ Liên tục tham gia công tác Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Chi ủy, Liên chi ủy đảng Khoa Lịch sử. (Theo cuốn “Hành trình đến chân lý lịch sử”)

2.2. Về tài liệu cá nhân đang lưu giữ:

2.2.1. Tài liệu về nhân thân: chứng minh thư, giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn,

→ Không tiếp cận được do một số giấy tờ thầy để ở quê và do không được sự đồng ý của thầy Lê Mậu Hãn.

2.2.2. Tài liệu về tài sản và tài chính: sổ hộ khẩu, sổ tiết kiệm, sổ đỏ, công trái chính phủ chưa đến hạn thanh toán, cổ phiếu, các loại hợp đồng, giấy vay nợ hoặc cho vay, các loại hóa đơn đã thanh toán như điện, nước sạch,...

→ Không tiếp cận được

2.2.3. Tài liệu về quá trình công tác:

- Tài liệu do chính cá nhân tạo ra: bài giảng, giáo án, đề thi, hướng dẫn ôn tập, bản thảo sách, báo cáo tổng thuật đề tài nghiên cứu, tác phẩm (thơ ca hò vè, tranh vẽ)....

• Bản thảo: PGS. Lê Mậu Hãn đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, đề tài, các bài viết.

Tuy nhiên, bản thảo về các công trình nghiên cứu, các bài viết của PGS. Lê Mậu Hãn gần như không còn. Theo PGS. Lê Mậu Hãn cho biết những công trình nghiên cứu, các bài viết khi đã hoàn thành, được xuất bản thì bản thảo tiến hành loại bỏ và không tiến hành lưu giữ. Một bản thảo mà thầy còn giữ là: Thắng lợi của Hồ Chí Minh về việc kiến lập cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bài viết này sau khi hoàn thành được đăng trên tạp chí Lịch sử Quân sự

- Sách: Cho tới thời điểm hiện nay PGS. Lê Mậu Hãn đã có khoảng trên 30 tác phẩm đã được xuất bản. Ví dụ như: - Việt Nam đất nước anh hùng, đồng tác giả, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975
- 35 năm chiến đấu và xây dựng, đồng tác giả, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980
- Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng tác giả, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982
- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tập I và II, chủ biên, Nxb. Đại học và Giáo dục, Hà Nội, 1988
- Góp phần tìm hiểu tư tưởng độc lập tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng tác giả, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994
- Cách mạng tháng Tám - Một số vấn đề lịch sử, đồng tác giả, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995
- Đảng Cộng sản Việt Nam - Các đại hội và hội nghị Trung ương, đồng tác giả, chủ biên, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 1995.
- Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng trong các trường đại học và cao đẳng, đồng tác giả, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005
- Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dùng trong các trường đại học và cao đẳng, đồng tác giả, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005
- Lịch sử Chính phủ Việt Nam tập I, 1945-1955, đồng tác giả, chủ biên, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
- Sức mạnh của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng tác giả, chủ biên, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003
- Lịch sử Việt Nam tập IV, 1945- 2000, đồng tác giả, chủ biên, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013
 - Lịch sử Quốc hội Việt Nam, 3 tập (1946-1960, 1960 - 1976, 1976 - 1992), đồng tác giả, chủ biên, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
 - Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập III, đồng tác giả, chủ biên, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam 80 năm xây dựng và phát triển. Nxb. Chính trị - Hành chính.
- Đảng Cộng sản Việt Nam trong trong tiến trình giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. NXb. Chính trị - Hành chính.

- Phát huy những giá trị lịch sử, chính trị, pháp lý của hiến pháp 1946 trong sự nghiệp đổi mới hiện nay (sách tham khảo). Nxb. Chính trị Quốc gia.
 - Bài viết tiêu biểu trên tạp chí: Một số bài viết tiêu biểu của PGS. Lê Mậu Hãn trên các tạp chí như: - Hồ Chí Minh với ngọn cờ độc lập dân tộc trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Tạp chí Lịch sử Đảng, số 5. Năm 1990.
 - Chiến công lịch sử rực rỡ tên vàng thời đại Hồ Chí Minh. Tạp chí Báo cáo viên, số 4. Năm 2013
 - Hồ Chí Minh trọng dụng nhân tài. Tạp chí Lịch sử Đảng, số 6. Năm 2013.
 - Đảng Cộng sản Việt Nam với ngọn cờ giải phóng và phát triển dân tộc vì độc lập, tự do. Tạp chí lịch sử Đảng, số 1. Năm 2014.
 - Tài liệu do cá nhân khác tạo ra có sự tham gia của cá nhân: báo cáo khoa học, khóa luận, niên luận,... do cá nhân hướng dẫn
- PGS. Lê Mậu Hãn cũng đã hướng dẫn nhiều sinh viên, nghiên cứu sinh; trong đó có một số đề tài tiêu biểu như:
- + Sự chỉ đạo đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp của Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phú từ năm 1968 đến năm 1986 (Luận văn thạc sĩ khoa học lịch sử của Nguyễn Quỳnh Phương)
 - + Đảng bộ huyện Từ Liêm lãnh đạo phát triển nông nghiệp trong những năm 1986 - 2005 (Luận văn thạc sĩ khoa học lịch sử của Nguyễn Thị Bình)
 - + Hồ Chí Minh với cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946 - 1969) (Luận án tiến sĩ lịch sử của Văn Thị Thanh Mai)
 - Tài liệu cá nhân dùng để tham khảo: hệ thống tư liệu (sách, đề tài, tạp chí,...)
 - Tài liệu của các cơ quan, cá nhân khác viết về cá nhân hoặc ban hành để ghi nhận quá trình công tác: bài báo ca ngợi, thư cảm ơn, các quyết định trao tặng giấy khen/huân chương/huy chương/huy hiệu...
 - Với những đóng góp lớn lao cho sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học, thầy đã vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu:
 - + Nhà giáo ưu tú (1990): 01
 - + Nhà giáo nhân dân (2002): 01
 - + Huân chương Lao động hạng hai: 01
 - + Bằng khen của chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1992): 01
 - + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (1995): 01
 - + Bằng khen của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp ba lần: 03
 - + Huân chương chống Mỹ, cứu nước hạng hai: 01
 - + Nhiều huân chương khác về giáo dục, văn hóa về thế hệ trẻ, về lưu trữ Việt Nam: 04.
 - Phó giáo sư Lê Mậu Hãn có một số bức ảnh về “Sưu tập chữ ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tài liệu Lưu trữ thời kỳ từ 1945 - 1969, Sắc lệnh số 45

thành lập Ban Đại học Văn khoa tại Hà Nội do Chủ tịch Hồ Chí Minh kí ngày 10/10/1945, một bức ảnh gặp gỡ với Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

→ Tất cả vẫn còn được lưu giữ tại nơi ở của thầy

2.2.4. Tài liệu về sở thích, thói quen hay các mối quan hệ cá nhân:

- Các loại thư từ, trao đổi cá nhân ngoài công việc

Thầy chia sẻ là có thói quen viết thư nhưng do điều kiện và hoàn cảnh không ủng hộ nên đến giờ các lá thư viết tay không còn được giữ đầy đủ và nguyên vẹn.

- Nhật ký, hồi ký, ghi chép cá nhân khác

Thầy không có thói quen viết nhật ký

- Ảnh chụp từng thời kỳ và sự kiện: không khảo sát được.

- Bảng hình, ghi âm (nếu có): không có

- Các tài liệu cho thấy sở thích giải trí cá nhân khác: tiểu thuyết/truyện thích đọc, phim thích xem, đĩa nhạc hay nghe,...: không khảo sát được

2.3. Tình hình lưu giữ:

- Thái độ/ý thức của cá nhân về việc lưu giữ: thể hiện qua số lượng tài liệu còn giữ, việc sắp xếp, bảo quản tài liệu và qua phỏng vấn (ngày 26 tháng 02 năm 2014)

Qua việc khảo sát tài liệu và qua việc phỏng vấn trực tiếp tại nơi ở của thầy thì nhìn chung tôi thấy rằng thầy đã có ý thức lưu trữ những tài liệu cá nhân của mình. Song việc lưu trữ đó chưa thực sự được tốt.

- Phương tiện lưu giữ: tủ, hộp, hòm,...

Những tài liệu lưu trữ cá nhân của thầy được để trên hệ thống các giá sách, tủ đựng tài liệu, một số được treo trên tường và để trong hòm có khóa.

- Cá nhân tự lưu giữ hay người khác trong gia đình lưu giữ giúp???? (rất quan trọng)

Những tài liệu lưu trữ cá nhân đó do thầy tự lưu giữ và bảo quản.

3. Họ và tên: **VƯƠNG ĐÌNH QUYỀN** năm sinh: 1935

3.1. Sơ lược tiểu sử hoặc lý lịch trích ngang:

- Nghề nghiệp: Nhà giáo

- Quê quán: Nghệ An

- Nơi ở hiện nay: Số 2, ngõ 27 Vạn Bảo, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội.

- Thâm niên công tác ở vị trí nghề nghiệp trên: 33 năm

- Thành phần gia đình (nếu có). Ví dụ: nhà nho yêu nước, nông dân, trí thức,...

- Quá trình công tác:

+ PGS.Vương Đình Quyền tham gia học tập tại Trường Đại học Tổng hợp từ năm 1964.

+ Thầy đã công tác tại trường từ năm 1968- 2001. Hướng nghiên cứu chính của thầy là: văn bản học, lịch sử văn bản, lịch sử lưu trữ, lưu trữ các cơ quan Đảng...

+ Đến năm 1967, PGS.Vương Đình Quyền cũng được phân công nghiên cứu về lưu trữ học. Để chuẩn bị xây dựng Bộ môn Lưu trữ học thuộc Khoa Lịch sử (Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội), "...từ năm học 1966-1967, Khoa Lịch sử cử 3 sinh viên năm thứ 4 là Nguyễn Văn Hàm, Nguyễn Văn Thâm và Lê Văn In và năm học 1967-1968 Khoa tiếp tục cử 3 sinh viên năm thứ tư là Vương Đình Quyền, Nguyễn Minh Phương, Phan Đình Nham sang Cục Lưu trữ Phủ thủ tướng lúc bấy giờ sơ tán tại ATK (Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang) học tập, nghiên cứu và được phân công về sinh hoạt tại Phòng chế độ nghiệp vụ của Cục. Nhiệm vụ nghiên cứu của các sinh viên là nghe các cán bộ của Cục thuyết trình về lí luận và thực tiễn công tác lưu trữ, sau đó thảo luận và nghiên cứu tài liệu lý luận, khảo sát thực tế ở một vài địa phương..." (PGS.Nguyễn Văn Hàm, Nhìn lại bốn mươi năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo đại học lưu trữ ở Việt Nam, kỷ yếu hội thảo Bốn mươi năm nghiên cứu và đào tạo đại học lưu trữ ở Việt Nam, ĐHQGHN, 2007)

+ Từ năm 1969, thầy công tác và tham gia công tác và nghiên cứu khoa học Trường.

+ Từ năm 1970-1992, PGS.Vương Đình Quyền được cử làm tổ trưởng Bộ môn.

+ Từ năm 1988-1996, thầy Vương Đình Quyền được cử làm phó chủ nhiệm Khoa Lịch sử.

+ Từ năm 1996-2001, PGS.Vương Đình Quyền làm Chủ tịch Hội đồng Khoa học và đào tạo, chủ nhiệm Bộ môn Văn bản và Hành chính học, Bí thư chi bộ.

+ Đến đầu năm 2002, thầy nghỉ hưu. (Thông tin từ phỏng vấn trực tiếp PGS.Vương Đình Quyền ngày 11/3/2014 tại nhà riêng thầy: số 2 - ngõ 27 - Vạn Bảo - Liễu Giai - Ba Đình - Hà Nội).

3.2. Về tài liệu cá nhân đang lưu giữ:

3.2.1. Tài liệu về nhân thân: chứng minh thư, giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn,

+ Chứng minh thư: Số lượng 01

+ Giấy khai sinh: 01

3.2.2. Tài liệu về tài sản và tài chính: sổ hộ khẩu, sổ tiết kiệm, sổ đỏ, công trái chính phủ chưa đến hạn thanh toán, cổ phiếu, các loại hợp đồng, giấy vay nợ hoặc cho vay, các loại hóa đơn đã thanh toán như điện, nước sạch,...

3.2.3. Tài liệu về quá trình công tác:

- Tài liệu do chính cá nhân tạo ra: bài giảng, giáo án, đề thi, hướng dẫn ôn tập, bản thảo sách, báo cáo tổng thuật đề tài nghiên cứu, tác phẩm (thơ ca hò vè, tranh vẽ)....

• Bản thảo tiêu biểu của PGS. Vương Đình Quyền chủ yếu là những công trình, bài viết liên quan đến lĩnh vực mà thầy nghiên cứu là văn bản học, lịch sử văn bản, lịch sử lưu trữ, lưu trữ các cơ quan Đảng đó là:

1. Quản lý và sử dụng con dấu của các hoàng đế triều Nguyễn
2. Vấn đề thu thập và nghiên cứu các nguồn tài liệu tham khảo trong nghiên cứu đề tài về lưu trữ
3. Tập trung bảo quản tài liệu lưu trữ của các cơ quan đoàn thể cấp tỉnh, một nhiệm vụ cấp thiết của các trung tâm lưu trữ tỉnh
4. Lưu trữ cấp xã và những vấn đề đặt ra
5. Một số vấn đề lý luận về tổ chức mạng lưới các kho lưu trữ ở nước ta
6. Nhìn lại chặng đường 20 năm qua của lưu trữ học Việt Nam
7. Vận dụng cơ sở phương pháp luận lưu trữ học trong phân loại tài liệu phong lưu trữ Quốc gia Việt Nam
8. Từ nhu cầu bảo quản và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân, bàn về trách nhiệm của các cơ quan lưu trữ
9. Công tác lưu trữ của chính quyền trung ương triều Nguyễn
10. Minh Mệnh - Vị hoàng đế khai sáng nền văn khố triều Nguyễn
11. Lịch sử lưu trữ Việt Nam, Chương I + Chương II (bản thảo chưa công bố).
12. Đề cương về “Lịch sử Lưu trữ Việt Nam” và “Công tác văn thư lưu trữ của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam” (Đề cương giảng dạy chưa công bố).
13. Bản thảo “Thể chế về văn bản quản lý nhà nước của các triều đại phong kiến Việt Nam” và “Thể chế về văn bản quản lý nhà nước, sổ sách, giấy tờ hành chính thời phong kiến Việt Nam” (Đề tài khoa học cấp Đại học Quốc gia). Từ 2 bản thảo này sau một thời gian ra cuốn sách “Văn bản quản lý nhà nước về công tác công văn, giấy tờ thời phong kiến Việt Nam”
14. Lịch sử lưu trữ Việt Nam (Đề tài cấp Đại học Quốc gia).

Hai bản thảo: “Thể chế về văn bản quản lý nhà nước của các triều đại phong kiến Việt Nam” và “Thể chế về văn bản quản lý nhà nước, sổ sách, giấy tờ hành chính thời phong kiến Việt Nam” (Đề tài khoa học cấp Đại học Quốc gia). Từ 2 bản thảo này sau một thời gian ra cuốn sách “Văn bản quản lý nhà nước về công tác công văn, giấy tờ thời phong kiến Việt Nam”.

• PGS. Vương Đình Quyền cũng có một số lượng sách khá lớn tiêu biểu như sau:

- “Công tác lưu trữ Việt Nam”, tác giả Vũ Dương Hoan, Trần Văn Hùng, Phạm Đình Nham, Đỗ Ngọc Thác, Vương Đình Quyền, Nguyễn Văn Thâm, năm 1987; NXB Khoa học Xã Hội;
- “Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ”, tác giả Đào Xuân Chúc, Nguyễn Văn Thâm, Vương Đình Quyền, Nguyễn Văn Thâm, năm 1990;

- “Lý luận và phương pháp công tác văn thư”, NXB Đại học quốc gia, cuốn sách đã được tái bản 3 lần;
- “Lịch sử lưu trữ Việt Nam”, tác giả Nguyễn Văn Thâm, Vương Đình Quyền, Đào Thị Diễm, Nghiêm Kỳ Hồng, tháng 7 năm 2010;
- “Văn bản và lưu trữ học đại cương”, Vương Đình Quyền và Nguyễn Văn Hàm, NXB Giáo dục, 1996. Có thể nói đây là cuốn sách mà thầy tâm đắc nhất vì chính thầy đề xuất môn này và chính Bộ giáo dục mời thầy viết;
- “Văn bản quản lý nhà nước và công tác công văn giấy tờ thời phong kiến Việt Nam”, tác giả Vương Đình Quyền, NXB Chính trị quốc gia.
- Ngoài ra, còn có một số cuốn sách viết cho Cục Lưu trữ mà chưa xuất bản đó là: “Lịch sử lưu trữ nhà nước Việt Nam.” .
- Hiện nay PGS. Vương Đình Quyền có khoảng trên 50 bài viết trên các tạp chí như: Tạp chí Văn thư - Lưu trữ Việt Nam, tạp chí Dấu ấn thời gian, tạp chí Xưa và Nay, tạp chí Lưu trữ Việt Nam, tạp chí Khoa học, ...
- Một số bài viết tiêu biểu của PGS. Vương Đình Quyền trên các tạp chí như:
 - Ý nghĩa, mục đích công tác xác định giá trị tài liệu trong xử lí. Công tác lưu trữ, số 4, 1968.
 - Về “Nguyên tắc xuất xứ” trong lưu trữ học tư sản. Tạp chí Văn thư - Lưu trữ, số 2, 1982.
 - Trao đổi ý kiến về thuật ngữ phân loại tài liệu và hệ thống hoá tài liệu. Tạp chí Văn thư - Lưu trữ, số 1, 1982.
 - Nhìn lại chặng đường 25 năm của lưu trữ học Việt Nam. Văn thư - Lưu trữ, số 1, 1983.
 - Vận dụng cơ sở phương pháp luận của Lưu trữ học trong phân loại tài liệu thông chữ quốc gia Việt Nam. Văn thư - Lưu trữ, số 1, 1984.
 - Máy vấn đề lí luận về tổ chức mạng lưới ở nước ta. Tạp chí Văn thư - Lưu trữ, số 1 và 2-1987, 1990.
 - Vấn đề tổ chức bảo quản tài liệu hình thành ở cấp xã. Tạp chí Lưu trữ Việt Nam, số 1, 1990.
 - 45 năm Lưu trữ Việt Nam - Những chặng đường xây dựng và phát triển. Tạp chí khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, số 6-7, 1990.
 - Một tiềm năng sử liệu quan trọng - Tài liệu lưu trữ. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5, 1991.
 - Thể chế văn bản quản lí giấy tờ trong nền hành chính dưới triều Lê Thánh Tông. Tạp chí Lưu trữ Việt Nam, số 3, 1993.
 - Thể chế về soạn thảo và ban hành văn bản của nhà nước phong kiến triều Nguyễn. Tạp chí Lưu trữ Việt Nam, số 3, 1994.

- Minh Mệnh - Vị hoàng đế khai sáng nền văn khố triều Nguyễn. Tạp chí Xưa và Nay, số 7, 1995.
- Thông tin liên lạc hành chính dưới triều vua Minh Mệnh. Tạp chí Lưu trữ Việt Nam, số 4, 1995.
- Tài liệu do cá nhân khác tạo ra có sự tham gia của cá nhân: báo cáo khoa học, khóa luận, niên luận,... do cá nhân hướng dẫn PGS. Vương Đình Quyền có đặc thù là phần lớn thầy hướng dẫn sinh viên từ khi làm tiểu luận, đến khóa luận tốt nghiệp, thạc sĩ và tiến sĩ. Thầy cũng chia sẻ rằng phải nắm vững kiến thức cơ bản, các phương pháp làm nghiên cứu, những cái người học chưa nắm vững thì thầy sẽ bổ sung thêm và thầy rất quan tâm đến việc sửa chữa bản thảo. Cho tới hiện nay thầy hướng dẫn được một luận án tiến sĩ (đã bảo vệ), thạc sĩ là trên 20 người, khóa luận tốt nghiệp là trên 100 người,... Tiêu biểu là: - Văn bản quản lý nhà nước thời Nguyễn (Giai đoạn 1802 - 1884) (Luận án tiến sĩ sử học của Vũ Thị Phụng)
- Văn bản quản lý nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 - 1975) (Luận văn thạc sĩ khoa học Lưu trữ học và Tư liệu học của Lê Thị Nguyệt Lưu)
- Sưu tầm, thu thập tài liệu Phong Lưu trữ Chủ tịch Hồ Chí Minh của kho lưu trữ Trung ương Đảng - Thực trạng và giải pháp (Luận văn thạc sĩ ngành Lưu trữ và Quản trị văn phòng của Nguyễn Quốc Dũng)
- Công tác lập hồ sơ hiện hành ở văn phòng Trung ương Đảng - Thực trạng và giải pháp (Luận văn thạc sĩ khoa học chuyên ngành lịch sử của Nguyễn Văn Tâm)
- Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác lưu trữ cấp huyện của thành phố Hà Nội (Luận văn thạc sĩ Lưu trữ học và Quản trị văn phòng của Phạm Thị Diệu Linh).
- Tài liệu cá nhân dùng để tham khảo: hệ thống tư liệu (sách, đề tài, tạp chí,...)
- Tài liệu của các cơ quan, cá nhân khác viết về cá nhân hoặc ban hành để ghi nhận quá trình công tác: bài báo ca ngợi, thư cảm ơn, các quyết định trao tặng giấy khen/huân chương/huy chương/huy hiệu...
- Với những đóng góp lớn lao cho sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học, thầy đã vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu:
 - + Nhà giáo ưu tú: 01
 - + Huy chương lao động hạng Ba: 01
 - + Huy chương kháng chiến hạng Hai: 01
 - + Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ: 01
 - + Bằng khen của bộ giáo dục Đại Học Quốc Gia Hà Nội: 01
 - + Huy hiệu 40, 50 năm tuổi Đảng: 02
 - + Huy chương vì sự nghiệp giáo dục: 01

- + Huy chương vì sự nghiệp khoa học công nghệ 01
 - + Huy chương vì sự nghiệp lưu trữ Việt Nam: 01
 - + Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển của Đại học Quốc Gia Hà Nội: 01
- Những tài liệu này vẫn hiện đang được lưu giữ tại nơi ở của thầy.

3.2.4. Tài liệu về sở thích, thói quen hay các mối quan hệ cá nhân:

- Các loại thư từ, trao đổi cá nhân ngoài công việc.

Việc trao đổi thư từ đối với các thầy là rất quen thuộc bởi các thầy sinh ra trong điều kiện công nghệ thông tin chưa phát triển. Các thầy cũng chia sẻ, do điều kiện và hoàn cảnh không ủng hộ nên đến giờ các lá thư viết tay không còn được giữ đầy đủ và nguyên vẹn.

- Nhật ký, hồi ký, ghi chép cá nhân khác

+ Thầy Vương Đình Quyền không có thói quen viết nhật ký.

+ PGS. Vương Đình Quyền thầy có sổ ghi chép, hiện tại thầy có 5 cuốn sổ ghi chép. Nội dung chủ yếu trong các cuốn sổ ghi chép này là những vấn đề phục vụ việc giảng dạy, nghiên cứu của thầy. Thầy chia sẻ: Khi đi đọc tài liệu ở thư viện Quân đội, ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I hay đọc tài liệu ở Phòng Cục Lưu trữ nhà nước có những vấn đề nào hay, phục vụ cho chuyên đề, các công trình nghiên cứu của thầy. Thầy thường đọc rồi ghi chép lại (ghi các thư tịch). Có khi ngồi hàng tháng trong thư viện để làm công việc đó

- Ảnh chụp từng thời kỳ và sự kiện:

Trong quá trình sinh sống và hoạt động khoa học, thầy thường xuyên chụp và lưu lại hình ảnh về hoạt động thường ngày hoặc những mốc những thời gian quan trọng trong cuộc đời của mình (ảnh sinh nhật, mừng thọ; ảnh nhận bằng tốt nghiệp, ảnh chụp với sinh viên, với bạn bè và đồng nghiệp, chụp ở nước ngoài...).

Mặc dù đã có nhiều lần phải chuyển nhà nhưng số tài liệu tranh ảnh của thầy vẫn nguyên vẹn trong các quyển sổ album lớn, nhỏ, trong cả những chiếc phong bì cũ. Đằng sau mỗi bức ảnh thường ghi tên sự kiện liên quan đến bức ảnh đó. Đây là cách bảo quản tài liệu tại nhà khá tốt đối với khối tài liệu ảnh của thầy.

- Bảng hình, ghi âm (nếu có): không có

- Các tài liệu cho thấy sở thích giải trí cá nhân khác: tiểu thuyết/truyện thích đọc, phim thích xem, đĩa nhạc hay nghe,...: Không khảo sát được

3.3. Tình hình lưu giữ:

- Thái độ/ý thức của cá nhân về việc lưu giữ: thể hiện qua số lượng tài liệu còn giữ, việc sắp xếp, bảo quản tài liệu và qua phỏng vấn (ngày 11 tháng 3 năm 2014) Qua việc khảo sát tài liệu và qua việc phỏng vấn trực tiếp tại nơi ở của thầy thì nhìn chung tôi thấy rằng thầy đã có ý thức lưu trữ những tài liệu cá nhân của mình. Và cách lưu trữ tài liệu tại nhà khá tốt nên nhiều tài liệu hình thành khá lâu vẫn còn cho tới ngày nay.

- Phương tiện lưu giữ: tủ, hộp, hòm,...

Những tài liệu lưu trữ cá nhân của thầy được để trên hệ thống các giá sách, tủ đựng tài liệu, một số được treo trên tường và để trong hòm có khóa.

- Cá nhân tự lưu giữ hay người khác trong gia đình lưu giữ giúp???? (rất quan trọng)

Những tài liệu lưu trữ cá nhân đó do thầy tự lưu giữ và bảo quản.

B- TÀI LIỆU CỦA NHÀ GIÁO TẠI TỈNH BẮC GIANG

1. **Họ và tên: NGUYỄN THỊ TÂM**

Năm sinh: 10/7/1962.

1.1. Sơ lược tiểu sử.

- Nghề nghiệp: Hiệu trưởng trường mầm non An Dương số 1 - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.
- Quê quán: Thôn Bãi Đình, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Nơi ở hiện nay: Thôn Giữa, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Thâm niên công tác ở vị trí nghề nghiệp trên: 36 năm. (từ tháng 03 năm 1978).
- Thành phần gia đình:
- Quá trình công tác:

<i>Từ tháng, năm đến tháng, năm</i>	<i>Chức vụ (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể)</i>	<i>Đơn vị công tác</i>	<i>Số năm, tháng giữ chức vụ.</i>
03/1978 - 8/1985	Giáo viên mẫu giáo.	Tổ mẫu giáo Dương Lâm, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.	7 năm
9/1985 - 8/1995	Giáo viên mẫu giáo kiêm tổ trưởng	Tổ mẫu giáo Dương Lâm, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.	9 năm
9/1995 - 8/2013	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Trường mẫu giáo An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.	7 năm
9/2003 - 8/2010	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Trường mầm non An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.	7 năm
9/2010 - nay	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Trường mầm non An Dương số 1, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.	4 năm

1.2. Tài liệu về cá nhân đang giữ.

1.2.1. Tài liệu về nhân thân.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng tài liệu	Lý do hư hại, thất lạc
Chứng minh thư nhân dân	02	Tài liệu nguyên vẹn, được ép lụa, không rách nát.	
Giấy khai sinh	01 bản gốc và nhiều bản photo công chứng.	Bản gốc đã cũ nhưng không rách nát. Bản photo công chứng hầu như còn mới, nguyên vẹn, rõ chữ.	

Lý lịch Đảng viên	01 bản	Tài liệu là bản photo, đã cũ và một số trang bị mờ chữ.	
Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	01 bản	Tài liệu là bản photo công chứng, còn nguyên vẹn, có sửa chữa.	
Hồ sơ Hội đồng đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú năm 2008”	01 hồ sơ	-Không phải là hồ sơ gốc. -Hồ sơ bao gồm nhiều loại giấy tờ khác liên quan đến việc xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú năm 2008”. -Bìa ngoài hồ sơ bị rách, nát. Tài liệu bên trong hồ sơ còn nguyên vẹn.	
Tóm tắt hồ sơ cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu là bản gốc, còn mới, không bị rách nát.	
Học bạ Bổ túc trung học.	01 bản	Tài liệu cũ, ố vàng	
Sổ bảo hiểm xã hội	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Giấy đăng ký kết hôn			Không tiếp cận được

1.2.2. Tài liệu về tài sản và tài chính.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do bị hư hỏng, thất lạc
Giấy đăng ký mô tô, xe máy	01	Được ép lựa, không rách nát hư hỏng.	
Thẻ bảo hiểm y tế	02	Một chiếc còn mới, không rách nát. Một chiếc đã bị thất lạc.	Tài liệu bị mất do quá trình bảo quản, không nhớ được đã cất giữ hay làm rơi ở đâu.
Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy.	01	Còn mới, không rách nát.	

Hóa đơn thu tiền điện	12	Ba trong số 12 tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát. Số tài liệu còn lại đã bị thất lạc.	Tài liệu bị mất do quá trình bảo quản và suy nghĩ không cần giữ lại tài liệu đã có giá trị quá lâu.
“Bản kê khai sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới đề nghị xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu là bản sao, còn nguyên vẹn, không rách nát.	

1.2.3. Tài liệu về quá trình công tác.

- Tài liệu do chính cá nhân tạo ra.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc
Sổ ghi chép các cuộc họp tại Trường mầm non An Dương số 1 trong nhiều năm công tác.	12 quyển	08 trên 12 quyển còn nguyên vẹn, không bị ố hay rách nát. Số còn lại bị rách nát, ố vàng, một số trang bị bay chữ, khó đọc.	
Tập thơ “Xuân quê hương” chào mừng Đại hội Đảng bộ xã An Dương lần thứ 19 - tháng 10 năm 2000	01	Tài liệu đã cũ, còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Sáng kiến “Kinh nghiệm vận động trẻ ra lớp mẫu giáo” năm 1983	01	Tài liệu đã cũ, bị ố vàng một số trang, không rách nát.	
“Kinh nghiệm rèn trẻ phát âm đúng” năm 1989	01	Tài liệu đã cũ, bị ố vàng một số trang, không rách nát.	
“Một số giải pháp rèn nề nếp học tập cho trẻ” năm 1995	02	Tài liệu đã cũ, không rách nát.	
“Kinh nghiệm tổ chức ăn bán trú cho trẻ mẫu giáo” năm 1997	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, đã cũ.	
“Kinh nghiệm chỉ đạo nuôi dưỡng trẻ tốt” năm 1998	03	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát.	

“Một số giải pháp chỉ đạo thực hiện chăm sóc sức khỏe trẻ nhằm giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong trường mầm non” năm 2005	01	Tài liệu được đóng bìa bằng giấy bóng kính, còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Bài phát viết tay nhân kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam năm 1997.	01	Tài liệu đã cũ, bị rách nát, một số chữ bị ố, mờ, không rõ nét, khó đọc.	

- Tài liệu do cá nhân khác tạo ra có sự tham gia của cá nhân.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất, thất lạc
“Một số giải pháp bồi dưỡng đội ngũ giáo viên” năm 2000	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát.	
“Kinh nghiệm huy động trẻ ra nhóm trẻ, tập thể” năm 2003	02	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát. Một trong số 2 bản bị thất lạc.	Tài liệu bị thất lạc trong quá trình trao đổi tài liệu, cho mượn tài liệu.

- Tài liệu cá nhân dùng để tham khảo:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
“Tài liệu kỳ học thứ 8 HĐND xã An Dương, khóa XVIII nhiệm kỳ 2004 - 2009”, tháng 06 năm 2007	01	Tài liệu đóng quyển, còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Kết quả tổng điều tra từ 0 - 6 tuổi (năm 1998 - 2003)	01	Tài liệu đã cũ, bị ố vàng, mực chữ trong tài liệu bị nhòe màu.	

- Tài liệu của các cơ quan, cá nhân khác viết về cá nhân hoặc ban hành để ghi nhận về quá trình công tác.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Bằng tú tài (hệ bổ túc) trường Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tân Yên ngày 22/12/1998	01	Tài liệu đã cũ, còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Bằng tốt nghiệp cao đẳng trường Cao Đẳng sư phạm Ngô Gia Tự Bắc Giang	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát.	
Bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị của Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang cấp ngày 18/01/2006	01	Tài liệu đã cũ, còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Quyết định nâng lương của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ngày 06/4/1989	02	Tài liệu đã cũ, bị rách nát, nhiều chỗ mực bị bay, không đọc được. Bản gốc bị thất lạc, chỉ còn lại bản sao công chứng	Tài liệu bị thất lạc do quá trình bảo quản, sắp xếp tài liệu chưa tốt.
Quyết định của Trưởng ban tổ chức chính quyền tỉnh Bắc Giang về việc nâng lương cán bộ, công chức, ngày 07/4/1997	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát	
Nghị quyết công nhận Đảng viên chính thức ngày 25/12/1983	01	Tài liệu đã cũ, bị rách nát, nhiều chỗ mực bị bay khó đọc.	
Quyết định Đổi thẻ Đảng viên của Ban thường vụ Huyện ủy huyện Tân Yên ngày 23/4/2004	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát	
Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ quản lý các trường học của UBND huyện Tân Yên ngày 27/8/2003	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Giấy chứng nhận của Sở nội vụ tỉnh Bắc Giang cho bà Nguyễn Thị Tâm, đã qua	01	Tài liệu còn mới, nguyên vẹn, không rách nát	

chương trình bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã nhiệm kỳ 2004 - 2009			
Giấy chứng nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” của UBND huyện Tân Yên.	19 bản	08 trên tổng số 19 bản đã cũ, bị ố vàng, rách nát. Số còn lại nguyên vẹn, không rách nát.	
Giấy chứng nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” của UBND tỉnh Bắc Giang.	09 bản	02 trên tổng số 09 bản đã cũ, bị ố vàng. Số còn lại còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Huân chương lao động hạng ba của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, năm 2010	01	Tài liệu còn mới, không rách nát.	
Băng khen của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vì có nhiều thành tích trong giáo dục và đào tạo.	01	Tài liệu bị nhàu và bị ố do nước.	
Huy hiệu “30 năm tuổi Đảng”	01	Tài liệu còn mới, không rách nát.	
Huy chương “vì sự nghiệp giáo dục”	01	Huy chương còn mới, bảo quản trong hộp kính.	

1.2.4. Tài liệu về sở thích, thói quen hay các mối quan hệ cá nhân.

- Các loại thư từ, trao đổi cá nhân ngoài công việc:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Thư tay viết gửi con trai	03	Tài liệu cũ và rách. 02 trong số 03 lá thư bị thất lạc.	Tài liệu này do con trai nhà giáo giữ và bị thất lạc sau nhiều lần chuyển nơi ở.
Sổ ghi chép cá nhân ngoài công việc.	02	Tài liệu cũ, rách, nhiều chỗ bị ố vàng.	

- Nhật ký, hồi ký, ghi chép cá nhân khác: Không tiếp cận được.
- Ảnh chụp từng thời kỳ và sự kiện.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Ảnh gia đình trong ngày cưới con gái.	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại rõ nét, nguyên vẹn. Một số ảnh bị thất lạc.	Tài liệu bị thất lạc do bảo quản không tốt, do các thành viên trong gia đình tự ý mang đi tặng, cho.
Ảnh chụp nhân dịp kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam và trao danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” lần thứ XI ngày 18/11/2010.	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại nguyên vẹn, rõ nét.	
Ảnh chụp nhân dịp dự “Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Bắc Giang” và đón nhận “Huân chương lao động”	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị ố, mờ. Số còn lại nguyên vẹn, rõ nét.	

- Băng hình, ghi âm: không tiếp cận được.
- Tài liệu cho thấy sở thích cá nhân khác:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Tập thơ “Xuân quê hương” viết vào tháng 10/2000	01	Tài liệu cũ, còn nguyên vẹn.	

1.3. Tình hình lưu giữ.

- Thái độ, ý thức của cá nhân về việc lưu giữ:

Thời gian tiến hành phỏng vấn: 16h30’ ngày 28/12/2014, tại nhà riêng.

Kết quả khảo sát cho thấy, nhà giáo Nguyễn Thị Tâm đã có ý thức lưu giữ, bảo quản tài liệu cá nhân. Thể hiện ở:

+/ Số lượng tài liệu mà nhà giáo lưu giữ được còn lại rất lớn, phong phú đa dạng, bao gồm các loại hình tài liệu như: tài liệu về nhân thân, tài liệu tài chính và sở hữu tài sản, tài liệu về sự nghiệp, tài liệu về sở thích cá nhân...những tài liệu này thậm chí có thời gian hình thành từ rất lâu (năm 1989) đến thời điểm hiện tại.

+/- Tuy nhiên, cách sắp xếp tài liệu chưa khoa học và hiệu quả. Nhà giáo sắp xếp tài liệu chủ yếu dựa trên tiêu chí “chỉ cần lưu giữ tài liệu để khi nào cần thì dùng đến chứ không quan tâm nhiều đến chất lượng khi bảo quản tài liệu”. Vì thế tài liệu của nhà giáo chủ yếu không được sắp xếp theo một trình tự nhất định nào. Tài liệu chủ yếu được cuộn tròn, bó gói, không chia theo loại hình tài liệu.

- Về phương tiện lưu giữ: nhà giáo thường lưu giữ tài liệu bằng cách cất giữ trong tủ gỗ, hoặc lồng khung kính treo trên tường (đối với những tài liệu là bằng khen, huy chương, tài liệu ảnh)
- Những tài liệu này, bên cạnh nhà giáo, còn có người trong gia đình (chồng nhà giáo) cùng giúp lưu giữ. Theo như nhà giáo cho biết, chồng nhà giáo có thiết kế một phòng làm việc riêng và có thể bố trí lưu giữ, trưng bày những tài liệu có giá trị đặc biệt đối với gia đình nói chung và các tài liệu của nhà giáo nói riêng.

2. Họ và tên: LÊ THỊ VINH

Năm sinh: 17/4/1957

2.1. Sơ lược tiểu sử.

- Nghề nghiệp: Giáo viên - Hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Quê quán: Xóm Thượng, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Nơi ở hiện nay: Thôn Chung 2, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Thâm niên công tác tại vị trí nghề nghiệp trên: 34 năm (trong đó: 18 năm trực tiếp giảng dạy, 18 năm làm công tác quản lý).
- Thành phần gia đình: gia đình tri thức.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, nơi công tác
Từ năm 1978 đến năm 1979	Giáo viên trường cấp 1, 2 xã Mỹ Thái - huyện Lạng Giang - tỉnh Bắc Giang
Từ năm 1979 đến năm 1999	Giáo viên, tổ trưởng tổ 4,5, Ủy viên BCH Công đoàn trường Tiểu học Liên Sơn - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.
Từ năm 1993 đến năm 1999	Hiệu trưởng trường tiểu học An Dương 2 - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.
Từ năm 1999 đến năm 2008	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng trường tiểu học Cao Thượng - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.
Từ năm 2008 đến năm 2012	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng trường tiểu học thị trấn Cao Thượng - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.

2.2. Về tài liệu cá nhân đang giữ.

2.2.1. Tài liệu về nhân thân.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng tài liệu	Lý do hư hại, thất lạc
Chứng minh thư nhân dân	01	Tài liệu nguyên vẹn, được ép lụa, không rách nát.	
Giấy khai sinh	01 bản gốc và nhiều bản photo công chứng.	Bản gốc đã cũ nhưng không rách nát. Bản photo công chứng hầu như còn mới, nguyên vẹn, rõ chữ.	
Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	02 bản	Tài liệu là bản photo công chứng, còn nguyên vẹn, có sửa chữa. 01 trên tổng số 02 bản bị thất lạc.	Tài liệu thất lạc trong quá trình cho mượn, trao đổi tài liệu.
Hồ sơ Hội đồng đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	01 hồ sơ	-Không phải là hồ sơ gốc. -Hồ sơ bao gồm nhiều loại giấy tờ khác liên quan đến việc xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú năm 2008”. -Bìa ngoài hồ sơ bị rách, nát. Tài liệu bên trong hồ sơ còn nguyên vẹn.	
Tóm tắt hồ sơ cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu là bản gốc, còn mới, không bị rách nát.	
Báo cáo thành tích năm học 2008 - 2009 đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính Phủ, tháng 5 năm 2009.	01	Tài liệu còn mới, nguyên vẹn.	
Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu Huân chương lao động hạng 2, ngày 30/05/2004	01	Tài liệu cũ, còn nguyên vẹn.	
Giấy đăng ký kết hôn			Không tiếp cận được

2.2.2. Tài liệu về tài sản và tài chính

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do bị hư hỏng, thất lạc.
Giấy đăng ký mô tô, xe máy	01	Được ép lụa, không rách nát hư hỏng.	
Thẻ bảo hiểm y tế	03	Một chiếc còn mới, không rách nát. Một chiếc từ năm 1995 đã cũ, bị nhàu nát Một chiếc đã bị thất lạc	Tài liệu bị mất do quá trình bảo quản, không nhớ được đã cất giữ hay làm rơi ở đâu.
Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy.	01	Còn mới, không rách nát.	
Hóa đơn thu tiền điện	06	02 trong số 06 tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát. Số tài liệu còn lại đã bị thất lạc.	Tài liệu bị mất do quá trình bảo quản và suy nghĩ không cần giữ lại tài liệu đã có giá trị quá lâu.
“Bản kê khai sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới đề nghị xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu là bản sao, còn nguyên vẹn, không rách nát.	

2.2.3. Tài liệu về quá trình công tác.

- Tài liệu do chính cá nhân tạo ra.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất, thất lạc.
Đề tài NCKH “ Giáo dục đạo đức, rèn luyện nề nếp tự quản cho học sinh tiểu học”	01	Tài liệu đóng quyển, còn nguyên vẹn, không rách nát	
Sáng kiến “bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 4, 5”	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	
“Bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ”	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	

“Phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”	01	Tài liệu còn mới, không rách nát.	
Tập chuyên đề ôn thi cho học sinh giỏi	12	Tài liệu viết tay, rời lẻ, đã cũ. 02 trong tổng số 12 tài liệu bị thất lạc	Tài liệu bị thất lạc do quá trình bảo quản chưa tốt. Đồng thời tài liệu bị thất lạc trong quá trình trao đổi, tham khảo tài liệu.
Đơn xin gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam	01	Bản viết tay, đã cũ, rách nát, một số chỗ không còn rõ chữ.	
Bài phát biểu nhân dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	01	Bản viết tay đã cũ, không rách nát.	
Bản phác thảo đề tài “Nhà trường với công tác xã hội hóa giáo dục”	01	Bản viết tay, đã cũ, tài liệu bị ố vàng, khó đọc.	
Giáo án bài giảng	07	02 trên tổng số 05 tài liệu đã cũ, nhàu nát. Số còn lại còn nguyên vẹn, không rách nát. 01 quyển giáo án bị thất lạc	Tài liệu bị thất lạc trong quá trình cho mượn.
Sổ ghi chép các cuộc họp giao ban, họp tổ chuyên môn	03	Tài liệu đã cũ, có 01 quyển bị mối ăn.	
Sổ lưu bút thời đi học	01	Tài liệu cũ, rách nát, rời lẻ. Màu tài liệu bị ố màu, một số trang không rõ chữ. Một số trang bị mất.	Một số trong trong tài liệu bị mất do tài liệu quá cũ, không còn nguyên vẹn. Đồng thời do quá trình bảo quản tài liệu chưa tốt.

- Tài liệu do cá nhân khác tạo ra có sự tham gia của cá nhân.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất, thất lạc
“Nâng cao chất lượng toàn diện ở trường tiểu học” năm 2005	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát.	
“Nâng cao chất lượng giảng dạy văn hóa ở trường tiểu học”	02	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát. Một trong số 2 bản bị thất lạc.	Tài liệu bị thất lạc trong quá trình trao đổi tài liệu, cho mượn tài liệu.

- Tài liệu cá nhân dùng để tham khảo:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất, thất lạc
Báo cáo tại Hội nghị biểu dương gia đình hiếu học - dòng họ khuyến học xuất sắc tỉnh lần thứ III, tháng 5/2011	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát.	
Tập Báo cáo tham luận của gia đình hiếu học, dòng học khuyến học tại Hội nghị biểu dương tỉnh Bắc Giang lần thứ III năm 2011	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát.	
Tài liệu hướng dẫn học sinh giỏi lớp 4	01	Tài liệu cũ, bị ngả màu.	

- Tài liệu của các cơ quan, cá nhân khác viết về cá nhân hoặc ban hành để ghi nhận về quá trình công tác.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Bằng tốt nghiệp Trung học sư phạm	01	Tài liệu đã cũ, ố vàng.	
Quyết định của Chủ tịch nước về việc tặng thưởng Huân chương lao động, ngày 12/11/2004	01	Tài liệu cũ, nhàu nát.	
Quyết định nâng lương của Ban tổ chức chính quyền tỉnh Bắc Giang	02	Tài liệu cũ, còn nguyên vẹn, không nhàu nát.	

Quyết định Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của UBND huyện Tân Yên	01	Tài liệu cũ, nát.	
Giấy chứng nhận “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”	07	03 trong tổng số 07 tài liệu bị nhàu nát, ố màu. Số còn lại nguyên vẹn.	
Danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” ngày 06/11/2012 của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang	01	Tài liệu bị rách nát, bị ố do nước.	
Huy chương “Vì sự nghiệp giáo dục”	01	Còn mới, được bảo quản trong hộp kính	
Bài viết về nhà giáo trong cuốn “Thông báo nội bộ”	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Bài viết “Thăm một ngôi trường” đăng trên tạp chí “Sông thương”, số 66.	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	

2.2.4. Tài liệu về sở thích, thói quen hay các mối quan hệ cá nhân.

- Các loại thư từ, trao đổi cá nhân ngoài công việc:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Thư tay gửi đồng nghiệp	01	Tài liệu cũ và rách, ố vàng, không rõ chữ.	

- Nhật ký, hồi ký, ghi chép cá nhân khác

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Sổ lưu bút thời học sinh	01	Tài liệu cũ và rách, rời lẻ, ố vàng, không rõ chữ. Một số trang trong cuốn sổ lưu bút bị mất.	Tài liệu bị mất do đã quá cũ, thời gian quá lâu. Đồng thời do quá trình bảo quản chưa hợp lý.

- Ảnh chụp từng thời kỳ và sự kiện.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Ảnh gia đình trong ngày cưới con trai, con gái.	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại rõ nét, nguyên vẹn. Một số ảnh bị thất lạc.	Tài liệu bị thất lạc do bảo quản không tốt, do các thành viên trong gia đình tự ý mang đi tặng, cho.
Ảnh chụp nhân dịp kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam và trao danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”.	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại nguyên vẹn, rõ nét.	
Ảnh trên tạp chí “Sông thương” tỉnh Bắc Giang	03	Một số ảnh bị mờ, số còn lại nguyên vẹn, rõ nét	

- Băng hình, ghi âm: không tiếp cận được.
- Tài liệu cho thấy sở thích cá nhân khác:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Cuốn sổ tay ghi lại những câu danh ngôn yêu thích	01	Tài liệu cũ, rách nát, một số chỗ không rõ chữ	

2.3. Tình hình lưu giữ.

- Thái độ, ý thức của cá nhân về việc lưu giữ:

Thời gian tiến hành phỏng vấn: Phỏng vấn vào 09h30’ ngày 01/03/2014 tại nhà riêng (thôn Chung 2, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang)

Kết quả khảo sát cho thấy, nhà giáo Lê Thị Vinh đã có ý thức lưu giữ, bảo quản tài liệu cá nhân. Thể hiện ở:

+/ Số lượng tài liệu mà nhà giáo lưu giữ được còn tương đối lớn, phong phú đa dạng, bao gồm các loại hình tài liệu như: tài liệu về nhân thân, tài liệu tài chính và sở hữu tài sản, tài liệu về sự nghiệp, tài liệu về sở thích cá nhân...những tài liệu này thậm chí có thời gian hình thành từ rất lâu đến thời điểm hiện tại, như: Sổ lưu bút từ thời học sinh, Thẻ bảo hiểm y tế từ năm 1995, ...

+/ Tuy nhiên, cách sắp xếp tài liệu chưa khoa học và hiệu quả. Nhà giáo lưu giữ tài liệu không sắp xếp theo một trật tự cụ thể, thống nhất nào. Tài liệu được lưu giữ chủ yếu được bó thành gói, để trong các túi linong hoặc cặp nhựa, không chia theo thể loại, hình thức. Ví dụ: tài liệu giấy để chung với tài liệu là các hiện vật như: huy hiệu, huy chương...

- Về phương tiện lưu giữ: nhà giáo thường lưu giữ tài liệu bằng cách cất giữ trong tủ gỗ, hoặc lồng khung kính treo trên tường (đối với những tài liệu là bằng khen, huy chương, tài liệu ảnh). Tuy nhiên, theo chia sẻ của nhà giáo, những ngày thời tiết nồm, ẩm ướt, tài liệu trong các tủ gỗ bị ẩm, mùi hôi; các tài liệu như bằng khen, giấy khen đóng khung treo tường cũng bị thấm nước khiến cho tài liệu bị hư hỏng nặng.
- Những tài liệu này, chủ yếu do cá nhân nhà giáo tự lưu giữ. Bên cạnh việc lưu giữ tài liệu cá nhân, nhà giáo còn là người lưu giữ những tài liệu quan trọng cho cả gia đình.

3. Họ và tên: **THÂN ĐỨC THẢO**

Năm sinh: 04/3/1943.

3.1. *Sơ lược tiểu sử.*

- Nghề nghiệp: Hiệu trưởng - Giáo viên bộ môn Toán trường THCS Cao Xá - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.
- Quê quán: xã Việt Lập - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.
- Nơi ở hiện nay: Phố Ngô Xá - thị trấn Cao Thượng - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.
- Thâm niên công tác tại vị trí nghề nghiệp trên: 41 năm (trong đó: 34 năm làm công tác giảng dạy, 7 năm làm công tác quản lý).
- Thành phần gia đình:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, nơi công tác
Từ tháng 9/1961 - tháng 9/1967	Giáo viên trường tiểu học Phương Sơn - huyện Lục Nam - tỉnh Hà Bắc
Từ tháng 9/1967 - tháng 9/1968	Hiệu trưởng trường tiểu học Phương Sơn - huyện Lục Nam - tỉnh Hà Bắc
Từ tháng 9/1968 - tháng 9/1971	Học sinh trường sư phạm 7+3 Hà Bắc
Từ tháng 9/1971 - tháng 9/1976	Hiệu trưởng trường Kim Đồng - Thị xã Bắc Giang.
Từ tháng 9/1976 - tháng 9/1978	Cán bộ Phòng giáo dục đào tạo thường xuyên huyện Tân Yên - tỉnh Hà Bắc.
Từ tháng 9/1978 - tháng 9/1980	Học sinh trường Cao đẳng Sư phạm Ngô Gia Tự Hà Bắc
Từ tháng 9/1980 - tháng 9/2002	Hiệu trưởng trường THCS Cao Xá - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.

3.2. Về tài liệu cá nhân đang lưu giữ.

3.2.1. Tài liệu về nhân thân:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng tài liệu	Lý do hư hại, thất lạc
Chứng minh thư nhân dân	01	Tài liệu nguyên vẹn, được ép lụa, không rách nát.	
Giấy khai sinh	01 bản gốc và nhiều bản photo công chứng.	Bản gốc đã cũ nhưng không rách nát. Bản photo công chứng hầu như còn mới, nguyên vẹn, rõ chữ.	
Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	02 bản	Tài liệu là bản viết tay, đã cũ, màu ố	
Tóm tắt hồ sơ cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu là bản gốc, còn mới, không bị rách nát.	
Giấy đăng ký kết hôn			Không tiếp cận được

3.2.2. Tài liệu về tài sản và tài chính.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do bị hư hỏng, thất lạc.
Thẻ bảo hiểm y tế	01	Một chiếc còn mới, không rách nát.	
Hóa đơn thu tiền điện	03	02 trong số 03 tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát. Số tài liệu còn lại đã bị thất lạc.	Tài liệu bị mất do quá trình bảo quản và suy nghĩ không cần giữ lại tài liệu đã có giá trị quá lâu.
“Bản kê khai sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới đề nghị xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu là bản viết tay, đã cũ, còn nguyên vẹn, không rách nát.	

3.2.3. Tài liệu về quá trình công tác.

- Tài liệu do chính cá nhân tạo ra.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Sổ ghi chép các cuộc họp tại Trường THCS Cao Xá - huyện Tân Yên - tỉnh Bắc Giang.	02 quyển	Tài liệu bị rách nát, ố vàng, một số trang bị bay chữ, khó đọc.	Một số quyển bị mất do quá trình bảo quản tài liệu chưa tốt..
Kinh nghiệm chỉ đạo “Vở sạch chữ đẹp” năm 1966	01	Tài liệu bị rách nát, ố vàng, một số trang bị bay chữ, khó đọc	
Kinh nghiệm chỉ đạo “Nề nếp học tập của học sinh trong trường” năm 1974	02	Tài liệu bị rách nát, ố vàng, một số trang bị bay chữ, khó đọc. 01 bản bị mất.	Tài liệu bị mất do quá trình bảo quản tài liệu chưa tốt và quá trình trao đổi tài liệu.
Kinh nghiệm chỉ đạo “Công tác Trần Quốc Toàn” (Giúp đỡ gia đình liệt sĩ thương binh, học sinh nghèo vượt khó, học sinh hoạn nạn) năm 1994	01	Tài liệu bị rách nát, ố vàng, một số trang bị bay chữ, khó đọc	

- Tài liệu do cá nhân khác tạo ra có sự tham gia của cá nhân: nhà giáo không giữ được tài liệu nào.
- Tài liệu cá nhân dùng để tham khảo: không tiếp cận được.
- Tài liệu của các cơ quan, cá nhân khác viết về cá nhân hoặc ban hành để ghi nhận về quá trình công tác.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Vinh danh nghề nghiệp của Hội cựu giáo chức tỉnh Bắc Giang	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Huy chương “Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam” của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát	
Danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” năm 2002 của Chủ tịch nước Trần Đức Lương trao tặng	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát	
Bảng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	

3.2.4. Tài liệu về sở thích, thói quen hay các mối quan hệ cá nhân.

- Các loại thư từ trao đổi cá nhân ngoài công việc: nhà giáo không giữ được.
- Ảnh chụp từng thời kỳ và sự kiện

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Ảnh chụp gia đình ngày tết	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại rõ nét, nguyên vẹn. Một số ảnh bị thất lạc.	Tài liệu bị thất lạc do bảo quản không tốt, do các thành viên trong gia đình tự ý mang đi tặng, cho.
Ảnh chụp nhân dịp kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam và trao danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại nguyên vẹn, rõ nét.	
Ảnh chụp cùng đồng nghiệp và học sinh tại Trường THCS Cao Xá	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị ố, mờ. Số còn lại nguyên vẹn, rõ nét.	

- Tài liệu cho thấy sở thích cá nhân khác

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Tập thơ viết tay của nhà giáo	01	Tài liệu cũ, nhàu nát, giấy bị ố vàng, nhiều chỗ mực bị bay, khó đọc. Một số trang trong tập thơ viết tay của nhà giáo bị rơi, thất lạc do thời gian lưu giữ khá lâu.	Tài liệu bị thất lạc do bảo quản không tốt, do thời gian hình thành của tài liệu khá lâu, phương tiện bảo quản không đáp ứng được yêu cầu.

3.3. Tình hình lưu giữ tài liệu.

- Thái độ, ý thức của cá nhân về việc lưu giữ:

Thời gian tiến hành phỏng vấn: Phỏng vấn vào 14h30’ ngày 28/02/2014 tại nhà riêng (Ngã tư Ngô Xá, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang)

Kết quả khảo sát cho thấy, nhận thức về tầm quan trọng của tài liệu lưu trữ của nhà giáo chưa đúng đắn nên ý thức, chủ trương lưu giữ tài liệu chưa cao. Thể hiện ở:

+/ Quá trình công tác của nhà giáo tương đối lớn (41 năm) , bên cạnh công tác giảng dạy, nhà giáo còn làm công tác quản lý (Hiệu trưởng), số lượng tài liệu hình thành trong thời gian này chắc chắn không nhỏ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, số lượng tài liệu mà nhà giáo lưu giữ được không nhiều, nhiều tài liệu bị thất lạc, mất, bên cạnh đó là nhiều tài liệu cũ, bị rách nát, ố vàng, chỉ có một số ít tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát. Những tài liệu lưu giữ được chủ yếu là tài liệu về nhân thân, tài liệu về tài chính, quản lý tài sản, tài liệu là các bằng khen, giấy chứng nhận...

+/ Cách sắp xếp tài liệu chưa thật sự khoa học và hiệu quả. Các tài liệu được lưu giữ không được phân chia theo từng vật mang tin khác nhau, tài liệu cuộn tròn, bó gói. Một số ít tài liệu thường sử dụng được nhà giáo sắp xếp trên kệ hoặc giá sách.

- Về phương tiện lưu giữ: nhà giáo thường lưu giữ tài liệu bằng cách để trong tủ gỗ, hoặc lồng khung kính treo trên tường (đối với những tài liệu là bằng khen, huy chương, tài liệu ảnh). Những tài liệu thường xuyên sử dụng, nhà giáo để trên kệ hoặc giá sách.
- Những tài liệu này, hầu như chỉ có nhà giáo tự bảo quản, không có sự tham gia của thành viên khác. Những tài liệu quan trọng khác của gia đình do con trai (con dâu) nhà giáo lưu giữ.

4. Họ và tên: NGUYỄN THỊ HIỆP

Năm sinh: 25/9/1956

4.1. Sơ lược tiểu sử.

- Nghề nghiệp: Giáo viên bộ môn Hóa học, trường THCS Thị trấn Neo - huyện Yên Dũng - tỉnh Bắc Giang.
- Quê quán: Nhân Bình - Lý Nhân - Hà Nam.
- Nơi ở hiện nay: Thị trấn Neo - huyện Yên Dũng - tỉnh Bắc Giang.
- Thâm niên công tác tại vị trí nghề nghiệp trên: 30 năm (từ ngày 30/8/1978 đến năm 2008)
- Thành phần gia đình: nông dân.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nhiệm vụ được giao, chức vụ, nơi công tác.
Từ tháng 9/1978 đến tháng 8/1980	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ: giảng dạy và chủ nhiệm lớp - Chức vụ : Giáo viên. - Nơi công tác: Trường PTCS Xuân Phú - huyện Yên Dũng - tỉnh Bắc Giang.

<p>Từ tháng 9/1980 đến tháng 8/1994</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ: Giảng dạy và chủ nhiệm lớp. - Chức vụ: +/- Giáo viên <ul style="list-style-type: none"> +/- Ban chấp hành chi đoàn giáo viên trường. +/- Ủy viên Ban chấp hành công đoàn trường. +/- Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên. - Nơi công tác: Trường THCS Tiến Dũng - huyện Yên Dũng - tỉnh Bắc Giang.
<p>Từ tháng 10/1994 đến tháng 9 năm 2008.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ: +/- Giảng dạy và chủ nhiệm lớp. <ul style="list-style-type: none"> +/- Bồi dưỡng học sinh giỏi. +/- Thanh tra viên kiêm nhiệm. - Chức vụ: +/- Giáo viên. <ul style="list-style-type: none"> +/- Ủy viên Ban chấp hành công đoàn trường +/- Thành viên Hội đồng bộ môn của huyện. +/- Tổ trưởng môn Hóa của huyện. - Nơi công tác: Trường THCS Thị trấn Neo - huyện Yên Dũng - tỉnh Bắc Giang.

4.2. Về tài liệu cá nhân đang lưu giữ.

4.2.1. Tài liệu về nhân thân.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng tài liệu	Lý do hư hại, thất lạc
Chứng minh thư nhân dân	01	Tài liệu nguyên vẹn, được ép lụa, không rách nát.	
Giấy khai sinh	01 bản gốc và nhiều bản photo công chứng.	Bản gốc đã cũ nhưng không rách nát. Bản photo công chứng hầu như còn mới, nguyên vẹn, rõ chữ.	
Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	02 bản	Tài liệu là bản viết tay, đã cũ, còn nguyên vẹn, có sửa chữa.	

Hồ sơ Hội đồng đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	01	-Không phải là hồ sơ gốc. -Bìa ngoài hồ sơ bị rách, nát. Tài liệu bên trong hồ sơ còn nguyên vẹn.	
Tóm tắt hồ sơ cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu là bản viết tay, đã cũ, không bị rách nát.	
Giấy đăng ký kết hôn			Không tiếp cận được

4.2.2. Tài liệu về tài sản và tài chính.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do bị hư hỏng, thất lạc.
Giấy đăng ký mô tô, xe máy	01	Được ép lựa, không rách nát hư hỏng.	
Thẻ bảo hiểm y tế	01	Tài liệu còn mới, không bị rách nát.	
Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy.	01	Còn mới, không rách nát.	
Hóa đơn thu tiền điện	09	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát.	
“Bản kê khai sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới đề nghị xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu là bản viết tay, đã cũ, còn nguyên vẹn, không rách nát.	

4.2.3. Tài liệu về quá trình công tác.

- Tài liệu do chính cá nhân tạo ra.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Sổ ghi chép các cuộc họp tổ chuyên môn.	03 quyển	02 trong tổng số 03 quyển còn nguyên vẹn, không bị ố hay rách nát. Số còn lại bị rách nát, ố vàng, một số trang bị bay chữ, khó đọc.	

Giáo án các bài giảng	06 quyển	Tài liệu đã cũ, bị nhàu nát, một số trang bị ố vàng. 02 trong số 06 quyển bị thất lạc	Tài liệu bị thất lạc do quá trình bảo quản chưa tốt. Đồng thời bị mất trong quá trình trao đổi thông tin, cho mượn tài liệu.
Sáng kiến “tìm lời giải cho một bài toán hóa học” , tháng 5/2000	01	Tài liệu đã cũ, rách nát.	
Sáng kiến “Biến đổi phương pháp dạy bài thực hành hóa học trong chương trình Hóa học THCS”	01	Tài liệu đã cũ, không bị rách nát.	
Sáng kiến “đổi mới phương pháp dạy Chương dung dịch trong chương trình Hóa học THCS”	01	Tài liệu còn mới, không bị hư hại.	
Cải tiến và làm mới bộ lọ đựng hóa chất thực hành phục vụ trực tiếp cho giảng dạy, tham dự Hội thi Sáng tạo thiết bị dạy học tỉnh Bắc Giang lần thứ I.	01	Tài liệu còn mới, không bị rách nát.	
Nghiên cứu và áp dụng kinh nghiệm “Sử dụng có hiệu quả đồ dùng thiết bị hóa chất trong giảng dạy”	01	Tài liệu bị ố, rách nát, một số trang bị mối mọt ăn.	

- Tài liệu do cá nhân khác tạo ra có sự tham gia của cá nhân.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất, thất lạc
Đề tài “Xây dựng và sử dụng hệ thống đề kiểm tra trắc nghiệm thanh ngang trong quá trình dạy học môn Hóa học”	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không bị rách nát.	

- Tài liệu cá nhân dùng để tham khảo:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Tài liệu “Phương pháp học giảng dạy môn Hóa học trong trường THCS”	01	Tài liệu đóng quyển, còn nguyên vẹn, không rách nát.	

- Tài liệu của các cơ quan, cá nhân khác viết về cá nhân hoặc ban hành để ghi nhận về quá trình công tác.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Giấy khen của Công đoàn Giáo dục tỉnh Bắc Giang vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn, năm học 1999 - 2000.	01	Tài liệu còn mới, không bị rách nát.	
Giấy chứng nhận giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở	17	Một số tài liệu đã cũ, rách nát, bị ố màu. Số tài liệu còn lại còn nguyên vẹn, không bị hư hại.	
Huy chương “Vì sự nghiệp giáo dục” ngày 07/10/1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Trần Hồng Quân trao tặng.	01	Tài liệu đã cũ, bị ố màu	
Giấy khen của Ban chấp hành lao động huyện Yên Dũng tặng vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2003	01	Tài liệu còn mới, không bị rách nát.	
Giấy công nhận “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”	09	03 trong tổng số 09 tài liệu bị rách, ố vàng. Số còn lại còn nguyên vẹn, không bị rách nát.	
Giấy khen của Câu lạc bộ thơ tỉnh Bắc Giang.	01	Tài liệu còn mới, không bị rách nát.	

4.2.4. Tài liệu về sở thích, thói quen hay các mối quan hệ cá nhân.

- Các loại thư từ, trao đổi cá nhân ngoài công việc:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Thiệp chúc mừng năm mới của Chủ tịch nước.	06	Còn giữ được 01 trong tổng số 06 thư. Số còn lại bị thất lạc. Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	Tài liệu bị thất lạc do quá trình bảo quản tài liệu chưa tốt.
Sổ ghi chép cá nhân ngoài công việc.	02	Tài liệu cũ, rách, nhiều chỗ bị ố vàng.	

- Nhật ký, hồi ký, ghi chép cá nhân khác: Không tiếp cận được.
- Ảnh chụp từng thời kỳ và sự kiện.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Ảnh gia đình trong ngày mừng thọ của cha, mẹ nhà giáo.	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại rõ nét, nguyên vẹn. Một số ảnh bị thất lạc.	Tài liệu bị thất lạc do bảo quản không tốt, do các thành viên trong gia đình tự ý mang đi tặng, cho.
Ảnh chụp nhân dịp kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam và trao danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại nguyên vẹn, rõ nét.	
Ảnh chụp cùng học sinh cũ trường THCS Thị trấn Neo - huyện Yên Dũng	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị ố, mờ. Số còn lại nguyên vẹn, rõ nét. Tài liệu bị thất lạc tương đối lớn.	Tài liệu bị thất lạc do quá trình bảo quản chưa tốt. Đồng thời do trẻ nhỏ trong nhà tự ý đem ra nghịch dẫn đến thất lạc.

- Băng hình, ghi âm: nhà giáo không giữ được.
- Tài liệu cho thấy sở thích cá nhân khác:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Tập thơ “Mừng xuân mới”	01	Tài liệu cũ, còn nguyên vẹn.	

4.3. Tình hình lưu giữ.

- Thái độ, ý thức của cá nhân về việc lưu giữ:
Thời gian tiến hành phỏng vấn: Phỏng vấn vào 10h30' ngày 29/02/2014 tại nhà riêng (số nhà 21, Tiểu khu 2, Thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang)
Kết quả khảo sát cho thấy, nhà giáo Nguyễn Thị Hiệp đã có ý thức lưu giữ, bảo quản tài liệu cá nhân. Thể hiện ở:
+/- Số lượng tài liệu mà nhà giáo lưu giữ được còn lại khá lớn, phong phú đa dạng, bao gồm các loại hình tài liệu như: tài liệu về nhân thân, tài liệu tài chính và sở hữu tài sản, tài liệu về sự nghiệp, tài liệu về sở thích cá nhân...những tài liệu này thậm chí có thời gian hình thành từ rất lâu đến thời điểm hiện tại.
+/- Nhà giáo đã có cách sắp xếp tài liệu riêng. Chia tài liệu ra theo hình thức và loại hình tài liệu. Ví dụ như: Đối với tài liệu là các bằng khen, giấy chứng nhận, giấy khen, huy hiệu... nhà giáo sắp xếp lại, tất cả ép lựa và đóng thành một cặp lổ. Với những tài liệu khác cũng tương tự.
- Về phương tiện lưu giữ: nhà giáo thường lưu giữ tài liệu bằng cách cất giữ trong tủ gỗ, hoặc lồng khung kính treo trên tường (đối với một số tài liệu về thành tích, khen thưởng cá nhân). Những tài liệu như: hồ sơ, quyết định, các sáng kiến khoa học được lưu giữ và bảo quản trong tủ gỗ. Toàn bộ tài liệu là các giấy chứng nhận, bằng khen, giấy khen...được nhà giáo ép lựa, đóng thành cặp lổ.
- Những tài liệu này, bên cạnh nhà giáo, còn có người trong gia đình (chồng nhà giáo) cùng giúp lưu giữ. Theo như nhà giáo cho biết, chồng nhà giáo là cựu chiến binh, hiện đang mở một hiệu ảnh nhỏ. Chính vì vậy, những tài liệu cần thiết, có giá trị, chồng của nhà giáo đều giúp ép lựa nhằm bảo quản tài liệu tránh bị hư hại.

5. Họ và tên: NGUYỄN VĂN TIẾN

Năm sinh: 20/05/1954.

5.1. Sơ lược tiểu sử.

- Nghề nghiệp: Tổ trưởng tổ Toán - Tin, trường THPT chuyên Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Quê quán: xã Dương Đức - huyện Lạng Giang - tỉnh Bắc Giang.
- Nơi ở hiện nay: Phường Ngô Quyền - thành phố Bắc Giang - tỉnh Bắc Giang.
- Đơn vị công tác: Trường THPT chuyên Bắc Giang, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Giang.
- Thâm niên công tác tại vị trí nghề nghiệp trên: 36 năm (từ tháng 02/1978 đến 2014. Trong đó có 20 năm là Tổ trưởng tổ chuyên môn - từ 1994 đến 2014))
- Thành phần gia đình: gia đình trí thức.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nhiệm vụ, chức vụ, nơi công tác
Từ tháng 02/1978 đến tháng 8/1984	- Giảng viên bộ môn Toán, Khoa học cơ bản tại trường Đại học Mỏ Địa chất Hà Nội.
Từ tháng 9/1984 đến tháng 10/1987.	- Giáo viên Toán, Phòng giáo dục huyện Việt Yên, tỉnh Hà Bắc (cũ).
Từ tháng 11/1987 đến năm 2004	- Giáo viên Toán, khối Chuyên, trường THPT Ngô Sĩ Liên, tỉnh Hà Bắc (cũ), trường THPT Năng khiếu Ngô Sĩ Liên, tỉnh Bắc Giang.
Từ năm 2004 đến nay	- Giáo viên Toán, Tổ trưởng tổ Toán - Tin trường THPT chuyên Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

5.2. Tài liệu về cá nhân đang giữ.

5.2.1. Tài liệu về nhân thân.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng tài liệu	Lý do hư hại, thất lạc
Chứng minh thư nhân dân	01	Tài liệu nguyên vẹn, được ép lụa, không rách nát.	
Giấy khai sinh	01 bản gốc và nhiều bản photo công chứng.	Bản gốc đã cũ nhưng không rách nát. Bản photo công chứng hầu như còn mới, nguyên vẹn, rõ chữ.	
Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	01 bản	Tài liệu là bản photo công chứng, còn nguyên vẹn, có sửa chữa.	
Bản khai thành tích đề nghị tặng “Huân chương lao động hạng Ba”	02	Tài liệu gồm 1 file mềm và một bản tài liệu giấy còn mới, nguyên vẹn, không rách nát.	

Hồ sơ Hội đồng đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	02 hồ sơ	-Không phải là hồ sơ gốc. -Hồ sơ bao gồm nhiều loại giấy tờ khác liên quan đến việc xét tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” -Bìa ngoài hồ sơ bị rách, nát. Tài liệu bên trong hồ sơ còn nguyên vẹn.	
Giấy đăng ký kết hôn			Không tiếp cận được

5.2.2. Tài liệu về tài sản và tài chính.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do bị hư hỏng, thất lạc.
Giấy đăng ký mô tô, xe máy	01	Được ép lựa, không rách nát hư hỏng.	
Thẻ bảo hiểm y tế	02	Một chiếc còn mới, không rách nát. Một chiếc đã bị thất lạc.	Tài liệu bị mất do quá trình bảo quản, không nhớ được đã cất giữ hay làm rơi ở đâu.
Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy.	01	Còn mới, không rách nát.	
“Bản kê khai sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới đề nghị xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu là bản sao, còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ)	01	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	
Trái phiếu Chính phủ chưa thanh toán	05	Tài liệu còn nguyên vẹn, không rách nát.	

5.2.3. Tài liệu về quá trình công tác.

- Tài liệu do chính cá nhân tạo ra.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Giáo án bài giảng	06	02 trên tổng số 06 tài liệu bị nhàu nát. Số tài liệu còn lại còn nguyên vẹn, không rách nát.	
“Mấy ý kiến phát biểu” trong cuộc họp chuẩn bị cho việc bồi dưỡng em Hoàng Thế Anh (Nhất cuộc thi Đường lên đỉnh Olimpia năm 2014) tham dự cuộc thi.	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
Sáng kiến “Giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất” năm 2005	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
“Một số vấn đề của Toán rời rạc” năm 2006	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
“Các phương pháp đặc biệt giải phương trình, bất phương trình và hệ phương trình”, năm 2007	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
“Một số dạng toán về dãy số và giới hạn” năm 2008	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
“Phương trình hàm”, năm 2009	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
“Hệ thức lượng trong các hình phẳng”, năm 2010.	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
“Lời giải đẹp cho các bài toán hay”, năm 2011	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	

“Xây dựng tài liệu giảng dạy môn toán bằng tiếng Anh cho học sinh lớp 10 trường THPT chuyên”, năm 2012	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
“Sự tương giao giữa đường thẳng với đường tròn và các đường conic”	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
“Về nghiệm bội của đa thức và ứng dụng”	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, còn mới, không bị rách nát.	
“Biểu diễn tọa độ của các phép biến hình phẳng”	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, đã cũ, không bị rách nát.	
Viết sách tham khảo "Phương pháp giải các dạng toán cơ bản Trung học phổ thông, tập I - Phương trình, bất phương trình và hệ phương trình"	03	01 bản gốc là bản mềm được lưu tại máy tính và tài liệu được in thành nhiều bản giấy.	

- Tài liệu do cá nhân khác tạo ra có sự tham gia của cá nhân.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất, thất lạc
“Xây dựng giáo án điện tử bằng phần mềm PowerPoint và khai thác phần mềm toán học”	02	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, đã cũ, không bị rách nát.	
"Biên soạn tài liệu và thực hành giảng dạy môn Toán bằng tiếng Anh trong trường Trung học phổ thông chuyên".	03	01 tài liệu là bản mềm, 01 tài liệu là bản giấy, đã cũ, bị rách nát. 01 trong số 03 bản trên bị thất lạc	Tài liệu bị thất lạc do quá trình bảo quản tài liệu chưa tốt. Đồng thời do quá trình trao đổi thông tin, cho mượn tài liệu.

Bản thiết kế và thuyết minh logo trường THPT chuyên Bắc Giang.	02	Tài liệu là bản mềm, được lưu giữ trong ổ cứng máy tính.	
Bản thuyết minh giới thiệu tác phẩm “Hoàng tử bé”	01	Tài liệu là bản photo, còn nguyên vẹn, không rách nát.	

- Tài liệu cá nhân dùng để tham khảo:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
“Hướng dẫn giải toán học sinh giỏi”	01	Tài liệu đóng quyển, còn nguyên vẹn, không rách nát.	

- Tài liệu của các cơ quan, cá nhân khác viết về cá nhân hoặc ban hành để ghi nhận về quá trình công tác.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
“Một số bài toán về phương trình hàm dạng phân tuyến tính”, Kỉ yếu HNKH) Trường ĐHKHTN-ĐHQG Hà Nội, 11/2009	01	Tài liệu còn mới, không bị rách nát.	
“Biểu diễn tọa độ của các phép biến hình phẳng”, Trường ĐHKHTN-ĐHQG Hà Nội, tháng 8/2008	01	Tài liệu đã cũ, còn nguyên vẹn, không rách nát.	
“Sự tương giao giữa đường thẳng với đường tròn và các đường conic” bài viết của Trường ĐHKHTN-ĐHQG Hà Nội, tháng 8/2006	01	Tài liệu đã cũ, ố vàng.	

Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, ngày 22/12/2011	01	Tài liệu còn mới, không bị rách nát.	
Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc và tỉnh Bắc Giang.	06	02 trên tổng số 06 tài liệu bị rách, ố vàng. Số còn lại nguyên vẹn.	
Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt Nam	01	Tài liệu không bị rách nát.	
Bằng khen của Bộ trưởng bộ giáo dục Việt Nam	01	Tài liệu còn mới, không bị rách nát.	
Huân chương lao động hạng ba của Chủ tịch nước	01	Tài liệu còn mới, được đóng khung kính, không rách nát.	
Danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	01	Tài liệu còn mới, được đóng khung kính, không rách nát.	
Huy hiệu “Vì sự nghiệp giáo dục”	01	Tài liệu còn mới, được đóng khung kính, không rách nát.	

- Nhật ký, hồi ký, ghi chép cá nhân khác: Không tiếp cận được.
- Ảnh chụp từng thời kỳ và sự kiện.

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Ảnh gia đình trong ngày tết và những dịp sum họp	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại rõ nét, nguyên vẹn. Một số ảnh bị thất lạc.	Tài liệu bị thất lạc do bảo quản không tốt, do các thành viên trong gia đình tự ý mang đi tặng, cho.
Ảnh chụp nhân dịp kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam và trao danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị gãy, nước ảnh bị ố, mờ. Số còn lại nguyên vẹn, rõ nét.	

Ảnh chụp nhân dịp dự “Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Bắc Giang” và đón nhận “Huân chương lao động”	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Một số ảnh bị ố, mờ. Số còn lại nguyên vẹn, rõ nét.	
Ảnh chụp cùng học trò Nguyễn Thế Anh trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olimpia” năm 2014.	08 ảnh	Ảnh còn mới, rõ nét.	

- Băng hình, ghi âm: không tiếp cận được.
- Tài liệu cho thấy sở thích cá nhân khác:

Tên tài liệu	Số lượng	Tình trạng vật lý của tài liệu	Lý do tài liệu bị mất hoặc thất lạc.
Các bài thơ tự sáng tác đăng trên mạng xã hội Facebook.	Nhiều (không liệt kê được cụ thể số lượng)	Tài liệu là bản điện tử, được lưu giữ trong máy tính, tài khoản mạng xã hội Facebook	

5.3. Tình hình lưu giữ.

- Thái độ, ý thức của cá nhân về việc lưu giữ:

Thời gian tiến hành phỏng vấn: Phỏng vấn vào 14h30’ ngày 29/02/2014 tại nhà riêng (Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang)

Kết quả khảo sát cho thấy, nhà giáo Nguyễn Văn Tiến đã có ý thức lưu giữ, bảo quản tài liệu cá nhân. Thể hiện ở:

+/ Số lượng tài liệu mà nhà giáo lưu giữ được còn lại rất lớn, phong phú đa dạng, bao gồm các loại hình tài liệu như: tài liệu về nhân thân, tài liệu tài chính và sở hữu tài sản, tài liệu về sự nghiệp, tài liệu về sở thích cá nhân...

+/ Cách sắp xếp tài liệu của nhà giáo tương đối khoa học và hiệu quả. Nhà giáo sắp xếp tài liệu dựa trên việc phân chia theo loại hình, hình thức tài liệu. Đối với mỗi loại hình tài liệu, nhà giáo sử dụng biện pháp lưu giữ, bảo quản khác nhau. Cụ thể: Đối với tài liệu là các sách, các bài viết, các đề tài sáng kiến, và một số tài liệu giấy quan trọng khác, bảo quản trong tủ gỗ. Tài liệu là các giấy chứng nhận, bằng khen, giấy khen... được lồng khung kính. Một số tài liệu thường xuyên sử dụng, nhà giáo sắp xếp theo từng chủ đề, theo mục đích sử dụng trên các giá sách tại phòng làm việc.

- Về phương tiện lưu giữ: nhà giáo thường lưu giữ tài liệu bằng cách cất giữ trong tủ gỗ, hoặc lồng khung kính treo trên tường (đối với những tài liệu là bằng khen, huy chương, tài liệu ảnh). Đặc biệt, để lưu giữ tài liệu, nhà giáo thường xuyên sử dụng các trang thiết bị như máy tính, máy scan văn bản, USB

để bảo quản các file văn bản mềm. Thêm vào đó, các hộp thư điện tử hay tài khoản mạng xã hội như: Gmail, Facebook được nhà giáo sử dụng triệt để. Nhờ vậy mà tài liệu không bị hư hại và rất hiếm khi bị thất lạc.

- Những tài liệu này, bên cạnh nhà giáo, còn có người trong gia đình (vợ nhà giáo) cùng giúp lưu giữ, cụ thể là trong việc giúp đỡ sắp xếp các tài liệu theo sự hướng dẫn của nhà giáo. Tuy nhiên, đối với một khối lượng tài liệu giấy lớn được hình thành cũng bị thất lạc, mất mát một phần lớn. Nguyên nhân được nhà giáo chia sẻ đó là: do một vài thành viên trong gia đình tự ý lấy sử dụng hoặc mang cho, mượn khi chưa có sự cho phép của nhà giáo, dẫn đến sự thất lạc của tài liệu.